

Hồi ký Trần Độ

Tác Giả: Trần Độ

Giới Thiệu Tác Giả Trần Độ



Trần Độ (1923-2002)

Ông tên thật là **Tạ Ngọc Phách**, sinh trưởng trong một gia đình công chức ở xã [Tây Giang](#) huyện [Tiền Hải](#), tỉnh [Thái Bình](#). Bố ông là thư ký ở toà thông sứ tại [Hà Nội](#), thường gọi là quan phán.

Năm [1939](#), ông tham gia làm báo *Người Mới* cùng với Nguyễn Thường Khanh, tức [Trần Mai Ninh](#) ở Hà Nội. Trong cuộc ruồng bỏ năm đó, ông bị Pháp bắt giữ nhưng không có chứng cứ để buộc tội nên ông lại được thả.

Trần Độ gia nhập [Đảng Công sản Đông Dương](#) năm [1940](#). Cuối năm [1941](#), ông lại bị bắt^[1]. Tòa án tại Thái Bình xử án 15 năm tù [giam](#). Cuối năm 1941, từ Hoả Lò (Hà Nội), Trần Độ bị đẩy lên [Sơn La](#). Tại đây, ở tù cùng thời gian này có [Nguyễn Lương Bằng](#), [Lê Đức Thọ](#), [Xuân Thủy](#)... Năm [1943](#), trên đường giải từ Sơn La ra [Côn Đảo](#), Trần Độ đã trốn thoát để ra ngoài tiếp tục hoạt động cách mạng. Ông lãnh đạo giành chính quyền ở [Đông Anh](#), Hà Nội rồi bước vào cuộc đời binh nghiệp.

Năm [1946](#), ở tuổi 23, ông làm Chính ủy Mặt trận Hà Nội. Năm [1950](#), ông làm chính ủy Trung

đoàn Sông Lô mà [Lê Trọng Tấn](#) làm Trung đoàn trưởng, rồi làm Chính ủy Đại đoàn 312. Năm 32 tuổi ([1955](#)), Trần Độ là Chính ủy Quân [khu 3](#) (Quân khu Tả ngạn) và đến năm [1958](#) được phong hàm [Thiếu tướng](#).

Cuối năm [1964](#), ông vào [miền Nam Việt Nam](#) với bí danh **Chín Vinh**, cùng với các tướng [Nguyễn Chí Thanh](#), Lê Trọng Tấn, Nguyễn Hòa, [Hoàng Cầm](#) để gây dựng lực lượng vũ trang chống chính quyền [Việt Nam Cộng hòa](#) và giữ chức Phó Chính ủy và Phó Bí thư Quân ủy [Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam](#).

Tháng 3 năm [1974](#), ông được phong hàm Trung tướng cùng đợt với [Lê Đức Anh](#), Lê Trọng Tấn, [Đàm Quang Trung](#), [Đồng Sĩ Nguyên](#).

Từ năm 1974 đến năm [1976](#), ông giữ chức vụ Phó Chủ nhiệm [Tổng cục Chính trị](#).

Chuyển sang ngạch dân sự, ông giữ chức vụ Thứ trưởng [Bộ Văn hóa](#) kiêm Phó Ban Tuyên huấn Trung ương phụ trách văn hóa văn nghệ. [Khi Ban](#) Văn hóa văn nghệ Trung ương được thành lập ([1981](#)), ông giữ chức Trưởng Ban kiêm Thứ trưởng Bộ Văn hóa. Ở chức vụ này ông đã soạn nghị quyết số 5, củng cố tiến trình [Cởi Mở](#) văn hóa trong thời kỳ [Đổi Mới](#).

Ông còn làm Phó Chủ tịch [Quốc hội](#) khóa 7, Chủ nhiệm Ủy ban văn hóa và giáo dục của Quốc hội, ủy viên Hội đồng Nhà nước (1989-1992).

Ông cũng là ủy viên [Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam](#) các khóa 3 (dự khuyết từ năm 1960 đến năm 1972), 4, 5, 6 (1960-1991).

Ông đã được tặng thưởng Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Quân công (hạng nhất và hạng ba),...

Do bất đồng chính kiến với một số lãnh đạo cao cấp khác của Đảng Cộng Sản Việt Nam, ông bị khai trừ khỏi Đảng ngày [4 tháng 1](#) năm [1999](#) khi đã 58 tuổi đảng.

Ông mất ngày 9 tháng 8 năm 2002 sau một thời gian dài lâm bệnh nặng, tuổi cao, sức yếu. Đám tang ông có sự tham dự đông đảo mọi tầng lớp quần chúng và trí thức, văn nghệ sĩ. Đại tướng [Võ Nguyên Giáp](#) gửi vòng hoa đến viếng và gia đình Đại tướng [Lê Trọng Tấn](#) đã có mặt đông đủ.

Trong đôi câu đối tặng Trần Độ, [Hà Sĩ Phu](#) viết:

*Văn võ tung hoành, trung tướng phong **trần**, thế sự song kiên song trọng đảm
Bắc Nam xuất nhập, đại quân tể **độ**, hùng binh nhất trượng, nhất đan tâm.*

Quan điểm đổi mới của Trần Độ

Ở cương vị thay mặt Đảng lãnh đạo văn nghệ, ông có ý thức "cởi trói" cho văn nghệ. Ông nhận thức rằng: "**Văn hóa mà không có tự do là văn hóa chết. Văn hóa mà chỉ còn có văn hóa tuyên truyền cũng là văn hóa chết. Càng tăng cường lãnh đạo bao nhiêu, càng bóp chết văn hóa bấy nhiêu, càng hiếm có những giá trị văn hóa và những nhà văn hóa cao đẹp**".

- ❑ Không có khả năng và phương pháp để phát hiện tài năng
- ❑ Không có khả năng và không biết sử dụng tài năng, vì nó cho rằng tài năng thường có hại, tài

- năng không chịu ngoan ngoãn phục tùng
- Nó lại càng không có khả năng phân biệt tài năng thật và tài năng giả, trí thức thật và trí thức giả. Nó chỉ thích nghe những điều xuôi chiều và xu nịnh, Nó không thể chịu được những cái độc đáo và không dung tha sự độc lập".

Về vấn đề Đảng lãnh đạo, Trần Độ phát biểu: **"Tôi vẫn tán thành và ủng hộ vai trò lãnh đạo chính trị của Đảng. Nhưng lãnh đạo không có nghĩa là thống trị. Đảng lãnh đạo không có nghĩa là đảng trị. Kinh nghiệm lịch sử trong nước và thế giới đã chứng minh rằng mọi sự độc quyền, độc tôn đều đưa tới thoái hoá, ruỗng nát, tắc tị không những của cơ thể xã hội mà cả cơ thể Đảng nữa".**

Theo Trần Độ "nguyên nhân sâu xa của các hiện tượng tiêu cực trong Đảng và phần nào trong xã hội là ở cơ chế lãnh đạo toàn diện tuyệt đối của Đảng".

Ông kêu gọi: "Đảng Cộng sản phải tự mình từ bỏ chế độ độc đảng, toàn trị, khôi phục vai trò, vị trí vốn có của Quốc hội, Chính phủ. Phải thực hiện đúng Hiến pháp, tức là sửa chữa các đạo luật chưa đúng tinh thần Hiến pháp. Đó là phải có những đạo luật ban bố quyền tự do lập hội, lập đảng, tự do ngôn luận, luật báo chí, xuất bản. Sửa chữa các luật bầu cử ứng cử tự do, từ bỏ quyền quyết định của cơ quan tổ chức Đảng, trừ bỏ "hiệp thương" mà thực chất là gò ép".

Trần Độ có 4 câu thơ giải bày tâm sự thật ngao ngán (và được một số tài liệu đăng lại khác nhau):

Bản 1	Bản 2
Những mơ xoá ác ở trên đời	Những mơ xoá ác ở trên đời
Ta phó thân ta với đất trời	Ta phó thân ta với đất trời
Ác xóa đi, thay bằng cực thiện	Ngỡ ác xóa rồi thay cực thiện
Tháng ngày biến hoá, ác luân hồi.	Ai hay, biến đổi, ác luân hồi.

Chính vì các quan điểm trên mà ông bị khai trừ khỏi đảng Cộng sản Việt Nam. [\[cần dẫn nguồn\]](#)

[\[sửa\]](#) Ấn phẩm viết về cuộc đời ông sau khi ông mất

Tháng 10 năm 2007, [Nhà xuất bản Quân đội Nhân dân](#) phát hành cuốn **Chuyện tướng Độ**. Cuốn sách dày 318 trang đã vẽ lại chân dung của Trần Độ, là một vị tướng nổi tiếng tài ba đồng thời là [nhà văn](#) đã gắn chặt đời mình vào cây súng và cây bút đi cùng dân tộc suốt hai cuộc kháng chiến vĩ đại. Giúp bạn đọc tìm hiểu về một Trần Độ có nhiều công trạng, có cá tính, thuộc dạng "công thần" của cách mạng Việt Nam: 16 tuổi đã đi hoạt động; 17 tuổi bị địch bắt, bị giam cầm qua nhiều nhà tù... rồi trốn thoát tiếp tục hoạt động.

Có đoạn đại ý: sau 1974 ông được đi công tác nước ngoài ([Cộng hòa Dân chủ Đức](#)), ông đã nhận ra rất nhiều điều chưa ổn và không ổn trong nguyên lý cũng như thực tiễn xây dựng [chủ nghĩa xã hội](#), ông nghiên cứu và viết một bức "Thư tâm huyết", dài 14 trang, trình bày tất cả những gì ông thấy, ông nghĩ, ông muốn về xây dựng chủ nghĩa xã hội, gửi tới lãnh đạo đảng

Cộng sản. Ông viết vào kiến nghị phát hiện của ông về sự nhầm lẫn khái niệm trong lý luận của Stalin và dự báo những hậu quả của nó, ông hiến những giải pháp, ông không hề né tránh cả những điều mà ngày ấy nói ra rất khó nghe, chấp nhận gặp nguy hiểm.

Giải pháp đáng chú ý nhất là ông đề nghị mời những nước có nền kinh tế phát triển vào trong nước hợp tác đầu tư, không kể đó là nước xã hội chủ nghĩa hay tư bản chủ nghĩa^[2].

Nhà văn Võ Bá Cường đã công bố nguyên vẹn bức thư ấy ở phần cuối cuốn sách. Bây giờ Trần Độ đã mất, cuốn sách này viết về những công trạng của ông, những việc ông đã làm, đã viết dù rằng ông là người bị khai trừ ra khỏi Đảng Cộng sản.^[2]

Nguồn: http://vi.wikipedia.org/wiki/Tr%E1%BA%A7n_%C4%90%E1%BB%99

Trước cách mạng tháng Tám, ở chiến khu, quân đội ta còn lấy tên là Quân giải phóng, lúc đó báo quân giải phóng cũng đã ra được hai số rồi. Cách mạng tháng Tám thành công, đồng chí Võ Nguyên Giáp gọi tôi đến giao nhiệm vụ tiếp tục ra tờ Quân giải phóng, và phải tiếp tục ngay số 3. May mà trong những năm 39, 40 tôi đã hoạt động như người giúp việc cho đồng chí Nguyễn Thường Khanh (tức nhà văn, nhà báo Trần Mai Ninh) nên không đến nỗi lúng túng, đầu công việc làm báo quả là mới mẻ đối với tôi. Báo ra bốn trang. Tên báo in chữ đỏ chói, giống như tờ báo Cờ giải phóng của Đảng. Nhờ lực lượng tuyên truyền giỏi, nhờ những mẫu tin viết rõ ràng, ngắn gọn, kịp thời, nhờ sự lanh lẹ và linh hoạt của các chú thiếu nhi bán báo, nên tờ Quân giải phóng bán rất chạy. Tôi rất phấn khởi. Nhưng đến số 5 thì báo phải đổi tên. Vì sao phải đổi tên! Bác Hồ cho gọi tôi lên giải thích. Bọn Tàu Tưởng sắp bắm gót quân đồng minh vào nước ta. Chúng đòi tước vũ khí quân đội. Chính phủ ta giải thích cho chúng rõ, ta chưa có quân đội, chỉ có quân khởi nghĩa, do đó quân đội ta cần phải đổi tên lại là Vệ quốc đoàn. Chừ đoàn có nghĩa là đoàn thể, chứ không phải là quân đội. Vì vậy tờ báo không thể mang tên Quân giải phóng.

Việc đổi tên báo quả là một vấn đề! Cầm chắc số lượng in sẽ bị hạ. Tên báo lại không được in màu đỏ như Cờ giải phóng, tờ báo của Đảng mà nhân dân tin cậy và háo hức đọc. Chúng tôi lấy tên báo là chiến thắng. Đúng như tốt dự đoán số lượng báo hạ hẳn, ít người mua. Dù vậy tờ báo vẫn phải ra. Mỗi tuần một kỳ, mỗi số 8 trang, có khi mười trang.

Thời kỳ này, có sự lục đục giữa bọn Quốc dân đảng và Đại Việt trong sự tranh chấp Bộ quốc phòng. Ta dùng chính sách mềm mỏng. Bên cạnh bộ quốc phòng ta thành lập Quân sự ủy viên hội gọi tắt là Qnân ủy hội thuộc của Chính phủ liên hiệp, có Vũ Hồng Khanh tham gia, cũng có cục chính trị do đồng chí Trần Huy Liệu làm cục trưởng, tôi làm phụ tá. Còn Bộ quốc phòng cũng có cục chính trị do trung ương đảng ta trực tiếp chỉ đạo.

Lúc đó trong quân đội ta có hai tờ báo: tờ Sao vàng và tờ Chiến thắng. Đồng chí Trần Huy Liệu phụ trách tờ Sao Vàng.

Kháng chiến bùng nổ tôi vẫn phải làm chính ủy khu II là Nội. Cục chính trị chuyển lên Việt Bắc, Bộ tham mưu lúc này gồm có nhiều cục như Cục quân giới, Cục chính trị... Cục chính trị do đồng chí Văn Tiến Dũng phụ trách.

Đến lúc này tờ báo của quân đội xuất hiện lại và lấy tên là Vệ quốc quân. Số I ra ngày 22-3-1947.

Trên tờ báo ghi rõ: Tờ báo của Quân đội Việt Nam Đến số 5, báo ra mỗi tuần hai kỳ, đến số 9 lại ra mỗi tuần một kỳ. Trên đầu tờ báo ghi thêm: Chính trị Cục, bộ tổng chỉ huy phát hành Khi báo ra đến số 8 (19-6-1947) tôi được chính thức giao nhiệm vụ phụ trách.

Nhưng đến số 21, mới đề rõ chủ nhiệm là Trần Độ.

Lúc ấy ngoài Trung ương có tờ Quân du kích, Vui sống, Vệ quốc quân, các quân khu khác cũng đều có báo..

Việt Bắc: Báo Quyết Thắng

Khu II: Báo Chiến Đấu

Khu III: Báo Quân Bạch Đằng..

Khu IV: Báo Chiến sĩ

Khu X: Báo Vệ quốc.

Khu XI: Báo Thủ đô

Khu XII: Báo Xông pha,

ít lâu sau, tất cả các khu đều nhất loạt đổi tên thành báo Vệ Quốc Quân như Vệ Quốc quân khu II, Vệ quốc quân khu IX...

Công tác ở toà soạn Vệ quốc quân có: Trần Độ, Tân Sắc (Thôi Hữu), Thâm Tâm, Từ Bích Hoàng, Trúc Kỳ và các họa sĩ Mai Văn Hiến, Dương Bích Liên. Anh Vũ Cao cùng tham gia ban biên tập, nhưng không ghi tên. Ngoài ra, một số đồng chí cán bộ quân đội cũng tham gia vào bộ biên tập mở rộng. Về nội dung, mấy số đầu Vệ quốc quân mới chỉ có mấy chuyên mục chiến tranh. Các bút danh mang rõ dấu ấn quân sự như: Nguyễn Văn Bơm, Liên Thanh, Ba-dô-ca...

Từ số 8 trở đi, báo hứng thú dần lên với thơ, truyện ngắn, bút ký, phóng sự. Có cả mục Những chuyện vui buồn điểm bích báo các đơn vị của các khu. Tôi nhớ nhất số 12 có truyện ngắn Nhập vào hàng ngũ của Tuấn Vinh: số 13 có Nhx mẫu chuyện vui buồn của Trần Độ: số 21 (ngày 15-8-1948) có bài Lên Cẩm Sơn của Tân Sắc: số 23 có bài bút ký Chiến sự Hà Nội của Tô Hoài, số 24 có Bức thư chính trị của Nguyễn Tuân.

Trần Đăng viết bút ký, phóng sự như Thất Khê, Lũng phầy, Trận phục kích Lũng Phầy, Vũ Tú Nam cũng đăng truyện ngắn Người lính miền Tây. Có một lần báo tổ chức cuộc thi viết truyện. Truyện Vết xe hằn trên đường của Hoàng Điệp được giải khuyến khích. Không có giải nhất.

Ngoài truyện ngắn, Vệ Quốc quân cũng đăng khá nhiều thơ. Những bài Lên Côn Sơn, Viếng bạn có tiếng vang rộng rãi. Có chiến sĩ chỉ viết và đăng được một bài thơ đã hy sinh như Phạm Lương với bài thơ Chiến sĩ Lũng Vài. Thời gian này tôi cũng viết và viết khá nhiều loại như phóng sự, bút ký, truyện ngắn, bình luận, xã luận. Tôi rất hay viết và say viết.

Đặc biệt có hai số báo liên tiếp đăng tin buồn, làm mọi người bàng hoàng, xúc động.

Số 48-49 đăng tin mất Hoàng Lộc, số Xuân 50 đăng tin Trần Đăng hy sinh vào ngày 26-12-1949. Nhớ lại Trần Đăng những ngày đầu về toà soạn báo, khoảng 1948 (trước đây anh làm thư ký trong Tổng bộ tham mưu). Toà soạn của chúng tôi đóng ở gần bộ tham mưu, nên anh thường hay qua chơi. Anh thường kể cho chúng tôi nghe những chuyện hay ở mặt trận. Chúng tôi rất quý mến anh. Anh đề nghị xin về làm phóng viên cho báo. Chúng tôi đồng ý ngay và xin với Bộ tổng tham mưu. Bài báo đầu tiên của anh in vào số 21 ngày 15/8/1948 Vài suy nghĩ về văn nghệ trong giai đoạn chiến lược lần thứ mười hai.

Thâm Tâm làm thư ký toà soạn. Anh có biệt tài bao sắn. Báo thiếu mục nào là anh lập tức có bài ngay để lấp chỗ trống. Làm nhiều, nhưng anh không hề kêu ca. Còn anh Từ Bích Hoàng thì hiền như con gái. Từ Bích Hoàng là sinh viên y khoa. Nếu tôi nhớ không nhầm thì tên thật anh là Trần Hồng. Tôi vẫn nhớ như in có lần gặp anh trong bộ com-lê bằng đùi đứng gác trước doanh trại ở Hà Nội. Mai Văn Hiến làm họa sĩ cho báo. Người to lớn như Tây. Rất say mê vẽ cảnh. Nhiều lần lạc đơn vị. Do mũi giống như Tây nên hay bị du kích bắt giữ lại, chúng tôi phải đến xin anh về.

Dương Bích Liên thì thâm trầm. Có lần để trình bày cho số báo kỷ niệm 19-8, anh vẽ hình một anh vệ quốc rất gầy. Chúng tôi có ý băn khoăn. Anh tranh luận với chúng tôi: Bộ đội chúng ta từ nông dân mà ra, gầy là tất nhiên. Có thể từ tranh mới toát lên tinh thần vùng lên của những người nghèo khổ. Chúng tôi phải chiều anh. Có một chuyện khá vui. Tình hình kháng chiến đòi hỏi các cơ quan phải quân sự hóa, nghĩa là phải luôn luôn sẵn sàng di chuyển và chiến đấu.. Tôi thường báo động tập hợp anh em để kiểm tra tác phong quân sự. Cái lệnh báo động bất ngờ. Anh em toà soạn khẩn trương chạy ra địa điểm tập hợp với ba lô, hành trang đầy đủ. Mai Văn Hiến vào Dương Bích Liên cũng có mặt kịp thời nhưng ba lô lép vế. Hai anh tỏ ra rất lúng túng. Tôi nghi ngờ, cho kiểm tra ngay nơi các anh ở. Chị chủ nhà tươi cười ngăn tôi lại không cho vào nhà. Tôi cứ vào. Trên chiếc trống tre, chỗ các anh làm việc thấy lùm lùm một chiếc chiếu. Hóa ra các anh Hiến và Liên đang làm việc, đồ đạc còn lung tung. Nghe tiếng còi tập hợp, các anh cuống quá, chưa biết làm thế nào thì chị chủ nhà hiền kế, các anh không kịp đắn đo, theo ngay. Tôi vừa buồn cười vừa cảm động trước tình quân dân thấm thiết và ngây thơ đó.

Phải nói rằng trong những năm kháng chiến chống Pháp gian khổ, tình quân dân rất khăng khít. Cơ quan chúng tôi cùng với cơ quan tuyên truyền đóng chung một bản. Chúng tôi đóng ở bản Vệ, chợ Chu, huyện Định Hóa, Thái Nguyên. Ngoài làm báo chúng tôi còn có nhiệm vụ tuyên truyền. Thường hình thức tuyên truyền chính là mỗi chiều phát tin bằng loa giấy. Nhờ đó mà chính sách của Đảng và tin chiến thắng ở chiến trường được thông báo kịp thời xuống tận dân bản. Ngoài việc phát tin chiến sự và các chủ trương chính sách, chúng tôi còn phát những bài viết về tình hình trong bản, nên được dân bản rất hoan nghênh. Dân thường ngóng đợi chúng tôi đến để được nghe phát thanh của Bộ đội. ở bản Vệ ngày mùa có sinh hoạt giã cối rất vui. Bộ đội chúng tôi cũng tham gia giã cối cùng với anh em thanh niên. Nhất là những đêm trăng sáng. Tôi cũng rất thích tham gia. Dân làng rất quý

trọng cán bộ. Anh Tân Sắc có làm bài thơ Mùa cốm mới. Bài thơ này anh làm để cho vui nội bộ, không có ý đăng báo. Xin trích lại đây hai đoạn:.

Rồi cốm lên tàn, xanh rười rượi.

Lửa hồng củi đượm., chảo rang thơm

Đêm trắng, chày đập vang thôn bản

Phấn cốm bay bay phủ lá ngàn.

Đàn trẻ nô đùa quanh cối trắng.

Tiếng ca lay động cả đêm rừng,...

Vài anh đồng chí ngừng tay giặt.

Hương cốm tình dân, thấm dạ vàng.

Bài thơ này chỉ còn tìm thấy được hai đoạn này thôi. Toàn bài có lẽ có đến sáu hay tám đoạn.

Xin nói về hội nghị văn nghệ toàn quân. Hay có thể gọi là hội nghị văn nghệ quân đội. Hội nghị tổ chức ngày 9-4-1949. Người tham dự không phải chỉ có anh em văn nghệ sĩ trong quân đội mà còn có các anh em văn nghệ sĩ quen biết khác. Lúc ấy các văn nghệ sĩ kháng chiến có thể chia ra làm ba nhóm:

- Nhóm thứ nhất gồm anh em, công tác trong phòng tuyên truyền bộ đội và báo Vệ quốc quân như các anh Thâm Tâm, Nguyễn Xuân Khoát, Mai Văn Hiến, Thế Lữ, Phạm Văn Khoa, Tân Sắc, Nguyễn Công Hoan (lúc ấy đang làm giám đốc trường văn hóa quân đội).

- Nhóm thứ hai gồm các văn nghệ sĩ đi với các đơn vị, làm công tác chính trị ở các trung đoàn như Nam Cao, Nguyễn Huy Tưởng...

- Nhóm thứ ba gồm các anh em văn nghệ sĩ ở cơ quan văn nghệ, nhưng thường xuyên tham gia chiến dịch như, Tô Hoài, Nguyễn Tuân. Các anh ấy tuy không trong quân đội nhưng sinh hoạt như anh em bộ đội. Đại đoàn 308 là đơn vị kết nghĩa của các anh.

Anh Thế Lữ, Lưu Hữu Phước, Phạm Văn Khoa tổ chức những đội văn nghệ phục vụ hội nghị. Anh Thế Lữ chính thức tham gia đội kịch. Anh Phạm Văn Khoa cũng tham gia, nhưng không có chức danh. Anh viết kịch bản, đóng vai, lại có khi làm cả quản lý... Hội nghị tiến hành trong bảy ngày. Có tổ chức triển lãm. Anh Võ Nguyên Giáp, anh Tố Hữu cũng đến dự (ngày 16-4- 1949). Nội dung hội nghị xoay quanh những vấn đề chính sau đây:

- Văn nghệ phục vụ quân đội để chiến thắng. Phải xây dựng một nền văn nghệ mới, tiêu biểu cho thời đại mới, xứng đáng với cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc. Trong nhiệm vụ phục vụ quân đội chiến đấu gom lại có mấy vấn đề chính:

- + Phong trào đầu quân...

- + Phong trào rèn luyện cán bộ và huấn luyện bộ đội..

- + Chuẩn bị các chiến dịch và vận động dân chủ.

- + công tác địch hậu.

- + Tình đoàn kết quân dân.

+ Sự phát triển của các binh chủng: Bộ binh, pháo binh, công binh...

+ Công tác địch vận.

Qua nội dung những đề tài trên có thể hình dung được sự phát triển của cuộc kháng chiến. Năm 1949 quân đội ta mới ở thời kỳ thường xuyên phải chuẩn bị đối phó, đề phòng địch tấn công, nên năm nào hết ủa hè cũng có công tác chuẩn bị thu đông. Đến năm 1950, đã có chiến dịch biên giới, rồi đến chiến dịch Điện Biên phủ. Nội dung chuẩn bị thu đông lúc này lại là chuẩn bị tấn công địch ở các chiến dịch. Bên cạnh bộ binh đã có pháo binh, công binh, cao xạ...

Tôi còn nhớ như in những ngày chuẩn bị đi chiến dịch sao mà náo nức lạ lùng! Ai cũng phấn khởi. Anh em hăm hở viết bích báo, làm thơ ca, hò vè. Cơ quan tòa soạn chúng tôi cũng có tờ bích báo, lấy tên Cù. Anh em phong cho tôi là thừa tướng của nước Cù và có một Feuilleton 1[6] do Thâm Tâm là tác giả lấy tên là Cù Quốc chí diễn nghĩa. Rất nhiều bài có nội dung vui nhộn được đăng trên bích báo. Cũng có những bài có nội dung phê bình nhẹ nhàng nhưng thấm thía. Mỗi tờ bích báo của đơn vị có thể xem là linh hồn của đơn vị ấy.

Trong kháng chiến chống Pháp các văn nghệ sĩ được nhân dân hết sức quý trọng. Lý do chính là anh em rất gần gũi, đi sát quần chúng. Tôi càng thấy rõ điều đó khi rời tờ báo về công tác tại các đơn vị. Trong những buổi mít tinh hoặc hội họp, anh em văn nghệ sĩ thường ngâm thơ, hát hò, kể chuyện cho dân nghe. Tôi còn nhớ, mỗi lần anh Nguyễn Xuân Khoát hát hài Thăng Bờm hoặc Con Voi đều được quần chúng hoan hô nhiệt liệt. Trong những buổi sinh hoạt với anh em, tôi cũng hay kể những mẫu chuyện tôi được xem trong các sách văn học nước ngoài như Cơn bão táp, Suối thép, Đội thanh niên cận vệ... anh em rất thích.

Tuy trong thời gian ấy, hình thức văn nghệ còn quá đơn sơ, nhưng vẫn có sức hấp dẫn và có tác dụng giáo dục.

Xin nêu một ví dụ cụ thể là vở kịch Thúng thóc, lấy từ câu chuyện kể khổ của một chiến sĩ. Câu chuyện làm xúc động mọi người. Chúng tôi lấy câu chuyện đó, sáng tác tập thể thành vở kịch Thúng thóc. Vở kịch này có sức kích động rất mạnh. ở địa điểm diễn vở, chúng tôi phải đào sẵn giao thông hào. Vì mỗi lần vở diễn đến đoạn địa chủ cướp bóc thì thế nào diễn viên đóng vai địa chủ cũng bị quần chúng ném đá tới tấp, anh ta phải vội nhảy vào giao thông hào mới khỏi bị tai nạn. Có chiến sĩ xem xong vở này, đi lang thang như người mất hồn. Có những trạm quân y phải chuẩn bị sẵn thuốc men đề phòng khi có chiến sĩ nào xúc động bị ngất hoặc có ai bị ném đá.

Tôi cũng bị một lần hú vía. Do là chính ủy, nên tôi ngồi hàng ghế đầu. Có anh rí tai bảo tôi nên lui vào phía sau để tránh bị đá ném. Tôi không nghe. Đang lúc say sưa xem, đến đoạn địa chủ hắt nước sôi vào anh cố nông, thì vèo vèo, hàng loạt đá bay đến. Tôi vội ngồi thụp xuống. Sân khấu bỗng vắng tanh. Anh em diễn viên chạy trốn hết. Nhưng một lúc sau, vở kịch lại được diễn tiếp, nhưng phải tiếp ngay màn thắng lợi là màn cuối cùng. Kết thúc là những tràng pháo tay nổ ran. Khi kịch diễn cảnh

nông dân vùng lên đánh đổ địa chủ, nòi người hủ hê ra về. Thật vui vẻ, sôi nổi. Chẳng ai còn nhớ chuyện ném đá vừa xảy ra. Bài học quan trọng rút ra ở đây là văn nghệ sĩ phải khơi đúng nguyện vọng, tâm trạng của quần chúng. Quần chúng sẽ ủng hộ nhiệt liệt.

*

* *

Thế mà đã hơn 30 năm qua. Nhớ lại những ngày kháng chiến rất gian khổ, ăn uống sơ sài, quần áo chẳng có gì, đồ đạc cũng không, nhưng sao ấm cúng thế. Tòa soạn báo chúng tôi như một gia đình, chia sẻ với nhau từng niềm vui nỗi buồn, từng mẩu khoai, củ sắn, nhường nhịn nhau từng bát cơm, manh áo.

Đầu năm 1950, tôi được giao phụ trách Chính ủy Trung đoàn Sông Lô mà anh Lê Trọng Tấn đang làm Trung đoàn trưởng. Tôi không theo dõi được tờ báo nữa. Sau này Trung đoàn Sông Lô phát triển thành Đại đoàn 312. Tôi được chỉ định làm phó Chính ủy rồi Chính ủy Đại đoàn. Tôi lại tiếp tục chỉ đạo cơ quan chính trị của Đại đoàn, ra tờ báo riêng của Đại đoàn (in đá) lấy tên là Anh dũng. Trong khoảng 3-4 năm, tờ báo ra được khoảng trên dưới 20 số khá đều. Tôi tiếp tục viết nhiều bài xã luận cho các số báo Anh dũng. Tôi còn tiếp tục viết bút ký, truyện ngắn, bình luận, đặc biệt là hay dịch và lược dịch các truyện chiến đấu của nhân dân Liên Xô, in và phát cho bộ đội đọc trong lúc hành quân vào chiến dịch.

Ngoài những tác phẩm văn học đáng chú ý của các nhà văn chuyên nghiệp, những hoạt động văn học nghệ thuật của bộ đội cũng tạo nên một mạng lưới rộng rãi, góp phần đáng kể vào bức tranh chung của văn học trong kháng chiến chống Pháp. Trên đây tôi xin cung cấp ít kỷ niệm riêng để chứng minh sự kiện đó.

Lời Đầu

Trong những lúc sum họp với các con cháu trong nhà, hoặc những khi gặp gỡ bạn bè cũ và mới, tôi thường hay kể chuyện ngày xưa. Chuyện ngày xưa của tôi thường là những mẩu chuyện đời thường vui hoặc buồn, sâu sắc hoặc thú vị, có cái phong vị khác lạ mà trong cuộc sống ngày nay không hay có. Những người nghe câu chuyện đó của tôi thường bảo tôi là nên ghi lại, nên viết hồi ký.

Để không phụ những lời thúc dục đó, tôi làm việc viết hồi ký bằng cách kể lại các mẩu chuyện đó. Những mẩu chuyện thường không có hệ thống, không theo biên niên sử, không có và không theo các sự kiện lịch sử, không có gì bổ sung cho lịch sử.

Dẫu rằng tôi cũng có trải qua cuộc sống trong các sự kiện lịch sử. Nhưng hoặc là lúc đó tôi còn nhỏ tuổi quá, hoặc tôi cũng không có vai trò gì quan trọng trong các sự kiện đó. Vả lại về những sự kiện lịch sử, thì đã có nhiều người viết, có nhiều sách đã được in. Tôi chỉ kể chuyện những kỷ niệm, vì thế tên sách của tôi là Chuyện ngày xưa. Những kỷ niệm này có hai giai đoạn (làm thành hai tập). Tập thứ nhất là từ trước 1945 đến 1975. Tập thứ hai là chung quanh công cuộc đổi mới, những niềm vui và

niềm vui chưa trọn. Khi tôi kể chuyện, tôi cố gắng thực hiện lời khuyên của đồng chí Trường Chinh, một người anh lớn của tôi: Cần phải khách quan và không được tự đề cao mình.

Tôi mong rằng kỷ niệm đời tôi cũng giúp mọi người mua vui được một vài tiếng đồng hồ cho ai đọc nó. Xin thân ái, chào mừng người mở sách.

1955 - 1996

Trần Độ

Chương 1

Tôi sinh ra trong một gia đình công chức. Hồi năm sáu tuổi, tôi nghe người làng gọi bố tôi là quan phán.

Thời ấy các công chức đều là quan, quan Thông phán tức thư ký các toà, quan tham tá thuộc bậc cao hơn. Bố tôi là quan phán vì ông làm thư ký ở toà Thông sứ tại Hà Nội.

Bố tôi xuất thân từ một gia đình nho giáo ở quê Thái Bình. Khác với Bác tôi đã nổi nghiệp nhà trở thành là một nhà nho. Bố tôi lớn lên giữa buổi chữ Hán không còn được trọng dụng, ông đã chuyển sang học quốc ngữ để mưu cầu việc kiếm sống.

Nghe bạn bố bảo phải biết cả tiếng Pháp mới hòng có cơ may, ông đã tìm học tiếng Pháp đến mức viết và nói được. Rồi ông nhờ cậy chạy được một chân thư ký ở toà Thống sứ Bắc kỳ. Từ đó mỗi lần về quê, dân làng cứ trọng vọng gọi ông là quan Phán.

Với bà con tỉnh lẻ thì cứ là dân Hà Nội, hoặc là người từ Hà Nội về đã là điều đáng nể lắm rồi huống hồ là quan phán toà Thống sứ, biết tiếng Tây là điều rất oai đến mức cả làng cũng tự hào lây. Tôi là con cái trong nhà, thâm tâm cũng lấy làm oai lắm, lại vừa nể sợ bố. Tôi không dám sẵn đón quần quít bố như con nhà khác. Phần các cụ cũng rất xem trọng phép nhà, thương yêu con cái bao nhiêu để trong lòng, còn trong tiếp xúc hàng ngày thì giữ vẻ nghiêm nghị theo phép tắc. Cho đến ngày nay tâm khảm tôi vẫn còn lưu lại đậm nét về bố tôi thời ông ngoài ba mươi với dung nhan phương phị, dáng vẻ bệ vệ. Gia cảnh bố mẹ tôi chẳng lấy gì làm sung túc. Đến nỗi số tiền bố tôi vay ngày lên Hà Nội tìm việc làm cũng không trả nổi. Đến ngày ông qua đời, mẹ tôi phải thế nợ bằng một đám đất hương hỏa của nhà.

Mẹ tôi trước sau vẫn sống ở quê. Hai cụ sinh được 4 con. Trước tôi là hai chị gái. Chị đầu tên là Thi, lấy chồng làm y tá, ở góa từ ngoài ba mươi tuổi, nay đã ngoài bảy mươi vẫn sống tại quê nhà. Bà chị hai tên là Câu (Tạ Thị Câu), nhỏ hơn hai tuổi, tôi là con thứ ba. Sau khi sinh tôi, mẹ tôi đi hỏi và cưới vợ hai cho bố tôi. Bà di sống ở Hà Nội với bố tôi. Thời này, tôi cũng được lên Hà Nội sống với bố và di để đi học. Đời sống công chức của bố tôi tuy không được phong lưu nhưng cũng có thể mưu người giúp việc và nuôi con ăn học.

Còn ở quê mẹ tôi khá lam lũ. bà vừa lo cày cấy, nuôi lợn gà lại còn phải chạy hàng xáo. Bà lặn lội đi mua thóc về tự xay giã làm gạo bán ở các chợ quê, lấy trấu để đun nấu và cám nuôi lợn gà. Thời này

cứ hai hào làm một thùng thóc, tức là mười ký. Vậy là hai xu mua được ký thóc. Và lãi là tính từng xu chênh giữa giá bán gạo và tiền mua thóc. Tuy còn bé, tôi cũng nhiệt tình phụ mẹ một tay. Đứng cối giã gạo. Xuống ao lặn hụp vớt bèo. Song không vì thế mà mẹ tôi chịu ngại tay. Bà lại đan cối làm các mặt hàng gia dụng đến tận khuya. Tinh mơ bà đã dậy đồ lửa lo nồi cám lợn nấu cùng bèo ủ chua. Để thức khuya dậy sớm bà dùng thuốc Lào, đến nghiện. Có lần bà say thuốc Lào gục cả đầu vào bếp, thật thương tâm.

Bà chị thứ hai tôi bán hàng xén để kiếm sống, cũng là cái vỏ bọc thích hợp để bà hoạt động cách mạng. Khó mà biết bà làm việc gì là chính. Bà tham gia từ năm nào cũng không rõ. Với tôi, tuổi thiếu niên tôi đã được chị dìu dắt đi hoạt động. Nếu như mẹ tôi thăm lặng ủng hộ, kín đáo che chở cho tôi thì chị lại nhiệt thành kèm cặp trong hoạt động thực tế, từng bước rèn luyện thử thách cho đến khi tôi được kết nạp Đảng. Sau đó cả hai chị em đều thoát ly địa phương.

Hồi sau này vào khoảng 1942- 1943, chị tôi bị Pháp bắt và bị ở tù ở Hỏa Lò (Hà Nội). Còn tôi thì bị đi đày ở Sơn La. Nghe tin thực dân Pháp chuyển tù Sơn La đi Côn Đảo, các tù nữ ở Hỏa Lò Hà Nội đã xé quần áo tốt lấy vải thuê tặng anh em trên đường ra đảo. Chị tôi ngày đó hẳn đã đau lòng vì không thấy thằng em để tặng khăn dành cho nó. Chị đâu có hay là tôi đã được phép trốn và đã trốn thoát. Vợ tôi là người ngồi tù cùng lúc với chị biết rằng chị đã mất 1943: thế là chị không được biết rằng thằng em còn sống, còn tiếp bước chị hoạt động đến ngày thắng lợi. Hôm nay, ghi lại những dòng này em lại thấy hiển hiện trước mặt người chị gái cao lớn, nhiệt tình và sôi nổi. Lại nhớ đến nỗi lo sợ ngày chị trả lễ cầu hôn. Hồi chị tôi 21-22 tuổi, có nhà mang lễ đến xin cưới giữa lúc chị vắng nhà. Mẹ tôi có vẻ ưng thuận và bà lấy mấy quả hồng cho thằng con trai cưng là tôi. Giữa câu chuyện thì chị tôi đi chợ về nói: lấy chồng là việc của con sao mẹ tự đảm đương lấy! Chị về, bê cả mâm lễ đặt ra ngoài sân. Tôi cuống quýt níu áo chị, xin Em lỡ ăn mấy quả hồng rồi. Chị nói ráo hoảnh Thì đi mua về trả người ta.

Chuyện tình duyên của chị tôi cũng như việc hoạt động cách mạng của chị, cả nhà chẳng ai biết rõ. Có lần chị đi về khuya khác thường, tôi hỏi thì chị nói: Tối qua tao đi lũng!. Tôi có biết trong làng có anh tên là Lũng, chị đi gặp anh này sao? Thế rồi tình thế buộc cả hai chị em phải đi thoát ly, rồi cùng bị bắt. Nghe phong phanh ngày trong tù chị có yêu, nhưng cũng chẳng lưu lại tung tích gì. Hồi tôi lên Hà Nội ở với bố thì di tôi, rồi mẹ tôi đều có mang. Di tôi sinh con trai. Nó mồ côi bố lúc ba tháng tuổi và mất khi được sáu tháng tuổi. Mẹ tôi sinh con gái được 3 ngày thì bố tôi qua đời. Thế là mọi công chuyện nhà dồn lên đôi vai mẹ tôi vốn đã quá tải.

Mẹ! Ký ức tôi cứ khắc sâu hình ảnh một phụ nữ nông thôn chân chất, lam lũ quanh năm vì chồng, vì đàn con. Có lẽ chẳng có lấy một lần bà nghĩ đến bản thân.

Tôi chẳng bao giờ quên được cảnh nằm ổ rơm cùng mẹ, nó thần tiên như chuyện cổ tích. Về mùa đông, ổ rơm là thứ sang trọng của người nghèo. Mẹ tôi cũng quây một ổ ở bếp. Sau một ngày lam lũ, bà lại ổ rơm nằm nghỉ, kéo chiếu chắn chiếu phủ lên người. Tôi chui vào nằm gọn trong lòng mẹ sức mùi rơm, lắng nghe bà rủ rỉ kể truyện Kiều, truyện Lục Vân Tiên, Phạm Công Cúc Hoa, cảnh gà mẹ

ấp con nầy trong hương lúa lan tỏa đưa tôi tới những giấc mơ thần tiên ngày ấy và cả đến bây giờ. Tình mẫu tử ấp ủ tôi suốt đời.

Khi bố tôi mất, mẹ tôi vẫn bắt tôi phải tiếp tục đi học. Bà gởi tôi nhờ một anh lớn dẫn đi, từ nhà đến trường hơn một cây số. Đi học về tôi lo học bài thầy cho về nhà. Cứ xong bài tôi lại vui sướng reo lên khoe với mẹ tôi

- Mẹ ơi! Con thuộc bài rồi.

- Con mẹ giỏi quá...

- Con thương mẹ lắm!

Tôi tận hưởng sự dịu dàng âu yếm trong ánh mắt, trong âm sắc mẹ dành cho.

Đó là thứ không thể thiếu để tôi khôn lớn, là điều an ủi, khích lệ tôi trước những tình huống gian nan nguy hiểm của cuộc đời: một chân trời của tôi luôn có mẹ.

Những kỷ niệm về mẹ làm phong phú đời tôi. Mẹ tôi hàng năm cũng tranh thủ lên thăm chồng con.

Tôi Inôn hằng hái đưa mẹ đi thăm phố phường để khoe Hà Nội với mẹ và cũng không bỏ lỡ dịp để được cùng mẹ thưởng thức của ngon vật lạ theo túi tiền. Chuyến tôi mời mẹ món tê cổ cứ làm tôi nhớ hoài tê cổ là món nước giải khát ngọt có đá. Vì sao gọi như vậy, đến nay tôi vẫn không rõ.

Những cốc tê cổ đầy đá đập vụn pha mấy thìa nước đường, với tiếng rao lạnh lạnh đã thành một thứ giải khát mà ngày đó tuổi chúng tôi mơ ước nhất. Khi mẹ tôi thấy lạ không dám mua thì tôi nài ép bà lấy được. Thương con, rồi bà cũng thuận tình. Tôi sượng như mở cờ trong bụng, đành lấy một cốc ăn ngon lành trong khi thành cốc thứ hai đã đắm nước, mẹ tôi vẫn nghi ngại. Tôi khích lệ và mẹ tôi cầm lấy, rồi hốt hoảng buông tay xuýt xoa như phải bỏng. Thế là ngon chẳng thấy đâu mà phải bỏ tiền đền chiếc cốc vỡ.

Làm hàng xáo nên thức ăn chính của mẹ tôi là cơm tấm muối vừng mặn chát. Ngoài ra, thứ gì đối với bà cũng lạ, cũng là phí tiền. Khi đã lớn, tôi đi đâu về vẫn không quên mua quà biếu mẹ, dù biết chắc chắn là sẽ bị bà chửi: Cha tổ bố mày, mua phí tiền. Cứ mỗi lần mắng yêu con là cụ lại chửi như vậy. Ngày nay dù mẹ tôi không còn nhưng cái lệ ấy đã truyền lại cho bà chị và cô em gái tôi. Kỳ vừa rồi tôi đưa đưa cháu nội về thăm quê có nhắc lại chuyện này cho cháu nó biết và quả nhiên nó đã được chửi yêu như thế khi vừa tới nhà. Khoảng năm 1940 tôi vẫn hoạt động loanh quanh gần nhà. Đến 1941 mới thoát ly hẳn. Đến 1947-1948, giữa lúc cuộc kháng chiến chống Pháp đang mở rộng và quyết liệt thì tôi gặp mẹ rất bất ngờ.

Do Pháp tấn công lên Việt Bắc, nên quân ủy có ý định sơ tán cơ quan. Tôi được trao nhiệm vụ cầm đầu một đoàn văn nghệ sĩ đi vào khu 4 vừa đi khảo sát tình hình vừa là sơ tán. Đoàn của tôi có các ông Nguyễn Công Hoan, Nguyễn Xuân Khoát, Mai Văn Hiến. Cùng đi còn một cán bộ chính trị và một cần vụ kiêm bảo vệ cho tôi. Cuộc càn của Pháp kết thúc, tôi đi từ khu 4 trở ra theo lối qua huyện Nghĩa Hưng, vượt sông Hồng rồi sang Thư Trì về Thái Bình mong để tranh thủ ghé thăm mẹ. Đến đoạn đường cái quan mà người làng tôi vẫn đi chợ, tôi lần xuống men thêm bờ ruộng để tránh gặp phải người quen. Được một đoạn thì tôi nhìn thấy mẹ tôi đang đi trên đường cái, đầu đội thúng hai

tay vung vẩy, bước thong dong, có lẽ bà từ chợ về. Nhìn thấy mẹ, tôi bối rối quá. Bụng dạ thúc tôi chạy lên với mẹ, nhưng gặp giữa đường lại đột ngột thế này thì cụ xúc động quá làm sao giữ được bình tĩnh, cụ khóc lóc thì rầy rà to. Đang suy tính thì cụ cũng nhận ra tôi. Cụ giơ tay vẩy, tôi vẩy lại. Cụ biết, từ từ rẽ xuống ruộng đi tới gặp tôi. Hai mẹ con chỉ nói với nhau trong chốc lát. Tôi xin phép: Thôi con xin phép đi, vì công việc vội lắm, và lại nói chuyện ở đây lâu không tiện. Để hóa trang tôi đã phải bôi đen răng và đội nón cời sùm sụp làm dân quê đi làm ruộng, nhưng không thể mất cảnh giác. Nét mặt mẹ tôi rất bịn rịn cứ nhìn tôi như muốn giữ chặt lấy đứa con trai, song miệng lại thốt lên:

- Thôi! con đi đi!

Đi được một quãng, tôi quay lại nhìn, mẹ tôi vẫn đứng nguyên đó, im lìm. Tôi nhớ lại thấy mẹ tôi tay lần bao thất lưng, tôi hiểu ý bà muốn cho tiền nên đã xua tay lắc đầu, liền đó mẹ tôi đưa giải yếm lên chấm mắt. Dù gặp chốc lát tôi đã được yên tâm về mẹ, về gia đình. Như đã kể trên, mẹ tôi đã cưới vợ hai cho bố tôi. Tuy như chị em một nhà. Sau khi mất chồng, mất con trai, dì tôi đi bước nữa. Vẫn không quên lui tới thăm hỏi mẹ con tôi. Đời chồng sau, bà có năm con đều là gái, làm bà càng thương tiếc đứa con trai đầu. Sau này, mỗi lần ghé quê, tôi đều tới thăm dì. Thấy tôi là bà lại dấm dứt khóc. Bà bảo tôi:

- Nếu nó còn thì chắc chắn em nó sẽ theo anh, theo anh thì bây giờ nó cũng khá...

Tôi xót xa an ủi bà:

Dì ơi, dì đừng khóc thêm đau khổ. Đàng nào em nó cũng đã yên phận. Bây giờ con là con dì, con về thăm dì cũng là em nó vẫn nhớ dì đó. Trong số con gái của bà, có đứa út, kém tôi chừng mười tuổi và thân với tôi nhất. Tôi cũng quý nó và mấy đứa con nó. Hiện nó là cán bộ thương nghiệp ở Thái Bình...

Lại nói về mẹ tôi. Ngày tôi vào chiến trường miền Nam, nhất là năm 1968, địch tung tin tôi bị chết. Các anh ở Tổng Cục Chính trị và Trung ương, có về thăm và xác định lại với cụ về sự thất thiệt. Khi được nghe cái băng cassette có tiếng nói của tôi thì cụ yên tâm ngay. Ngày trở ra miền Bắc, tôi trở về nhà. Gặp cụ tôi thưa:

- Đây con trở về với mẹ nguyên vẹn đây.

Bà nhìn tôi về bằng lòng và nói:

- Thôi! được rồi. Nhưng bây giờ mẹ lại mong muốn điều này. Cái thằng Thắng (con trai đầu của tôi) phải lấy vợ đi chứ, gần ba mươi tuổi chứ nhỏ dại gì nữa. Có chất nội thì mẹ nhắm mắt mới vui lòng. Tiếc là sau đó ít lâu mẹ tôi mất (năm 1975). Cháu Thắng chưa kịp lấy vợ. Mẹ tôi đổ bệnh giữa lúc tôi đang dồn sức sửa sang gian nhà tử tế hơn đền bù lại cả cuộc đời cụ sống lam lũ, ăn ở nhếch nhác quá. Chả là suốt thời kỳ tôi được phái vào chiến trường miền Nam thì lương của tôi vẫn để lại nhà. Vợ tôi nhận một phần nuôi các con ăn học, số còn lại đồng chí thư ký riêng của tôi cất giữ. Sau 1975, tôi trở ra Hà Nội, số tiền dành dụm đó khoảng mười mấy ngàn, tương đương mấy chục triệu bây giờ. Tôi trích ra khoảng năm ngàn, bàn với cô em gái là sửa cái nhà bằng tiền của mình có thì chẳng có gì phải e ngại. Về sau mới hay sự việc đâu có đơn giản như thế. Chỉ vì tôi là ông tướng, lại vừa vừa

chiến trường ra. Trong dư luận thời đó đang đồn thổi câu: tướng tấn, tá tạ, úy kilo. Vậy là vấn đề của tôi trở thành vấn đề rất tế nhị. Đồng chí thư ký đã cùng chính quyền địa phương trao đổi kỹ hoàn cảnh của tôi. Các đồng chí ấy rất hiểu tôi cũng như hoàn cảnh gia đình mẹ tôi cho nên việc sửa nhà được thực hiện suôn sẻ. Giữa lúc công việc đang bộn bề thì mẹ tôi đổ bệnh và cũng chỉ kịp ở trong ngôi nhà mới được có hơn chục ngày. Lần sau cùng khi em gái tôi báo tin cụ ốm nặng, tôi về thăm. Thấy tôi cụ bảo:

- Thôi con cứ về đi. Công việc của chúng mày còn nhiều. ở lâu không tiện. Mẹ thì không biết lúc nào. Con chờ đợi thì ai lo công việc cho. Con ạ, con về lần này nữa là mẹ thỏa mãn lắm rồi. Con cứ yên tâm mà đi. Có thể nào em nó báo tin rồi con trở về cũng được.

Một tuần sau, bà cụ qua đời. Lời nói hôm nào trở thành lời trời trắng của cụ với tôi nhắc nhủ tôi suốt đời. Ngày tổ chức ma chay cho mẹ tôi, anh chị em chúng tôi đều thỏa thuận lo cho chu tất, trang trọng. Cô em - Cô Xuyên, sống với mẹ tôi lâu ngày nhất. Mỗi lúc về thăm mẹ, tôi vẫn nói đùa: Mày thay tao làm trưởng nam rồi đấy! Hôm làm tang lễ nó rụt rè thưa: Xưa nay anh bảo gì em đều nghe theo. Còn hôm nay em xin anh để em mời đội bát âm cho thỏa vong linh mẹ. Các cụ van bảo: *Sống dầu đèn, chết kèn trống*. Em cũng hiểu như vậy có nệ cỡ một tí, nhưng mong anh cho em lo. Để thỏa vong linh mẹ, để em gái báo hiếu với mẹ, tôi sốt sắng tán thành, lòng tôi nhớ thương mẹ vô hạn, nhưng không hiểu sao tôi không khóc được. Ký ức về cuộc sống của mẹ tôi cứ như một cuốn phim choán lấy tâm trí tôi. Cho tới đêm khuya tôi ngồi soạn bài điệu văn, lòng thất lại khi viết dòng chữ: Suốt đời mẹ là những thử thách đợi chờ: chờ đợi chồng, chờ đợi con, rồi chờ đợi cháu. Đến đây tôi bật khóc vì thương mẹ quá. Lời điệu của tôi đã làm họ hàng và bà con thân quen xúc động sâu sắc và họ đồng tình cất bản văn đó vào hòm gia phả. Sau lễ tang, chị em tôi thỏa thuận giao mảnh vườn và ngôi nhà mẹ tôi ở cho cô Xuyên, là người từng sống lâu ngày với mẹ để lo việc nhang khói cúng mẹ, cũng là cách ghi công cô đã săn sóc mẹ bao lâu nay thay các anh chị.

Chương 2

Tôi bắt đầu đi học vào khoảng 7, 8 tuổi, tức là vào những năm đầu của thập kỷ 30 (1931 - 32). ở vùng tôi lúc đó, trong các làng có trường hương sư do thầy giáo, làng dạy và một số trường tiểu học Pháp-Việt. Các trường tiểu học hình như tiếng pháp gọi là Ecole Primaire plein exercice, có hệ thống lớp từ thấp đến cao như sau:

Lớp thấp nhất: lớp Đồng ấu. (Tiếng Pháp: *Enfantine*)

Lớp dự bị. (Tiếng Pháp: *preparatoire*)

Lớp cơ bản (Tiếng Pháp: *Elementaire*)

Sau đó đến

Lớp nhì năm thứ nhất (*Moyen un*)

Lớp nhì năm thứ nhì (*Moyen deux*)

Lớp nhất (Superieur)

Học hết lớp élémentaire thì thi lấy bằng sơ học yếu lược, học xong lớp Supérieur thì thi lấy bằng Certificat, (bằng cao đẳng tiểu học) có lẽ tương đương với trình độ cấp 2 của ta hiện nay. Sau khi có bằng Certificat thì có 2 đường học tiếp trung học.

- Học theo hệ thành trung từ năm thứ nhất lên đến năm thứ tư sẽ thi lấy bằng trung học (tiếng Pháp: Diplome)

- Học theo một hệ khác năm năm thì thi lấy bằng tú tài, baccalauréat. Có tú tài văn chương, triết học (Bắc philo) và tú tài toán học (Bắc math) và có tú tài toàn phần.

Có tú tài bản xứ (Bắc local) và tú tài Tây. Tú tài toàn phần và tú tài Tây thì có giá trị hơn. Thái Bình lúc ấy có 12 phủ Huyện. Đơn vị lớn hơn được gọi là phủ, nhỏ hơn là huyện hình như lúc ấy chỉ có 2 nơi gọi là phủ: Kiến Xương (nay là huyện Kiến Xương) và Tiên Hưng (nay nhập với huyện Đông Quan, thành huyện Đông Hưng). Làng tôi lúc đó tên là làng Thư Điền (nay là xã Tây Giang) ở bên cạnh làng Trình phố (nay là xã An Ninh). Cả hai làng lúc ấy đều thuộc phủ Kiến Xương. Nay cả 2 xã đều đã thuộc về huyện Tiền Hải.

*

* *

Tôi không hiểu vì sao lúc ấy ở vùng tôi có mấy trường khác nhau. ở làng tôi (làng Thư Điền) có một trường hương sư hình như chỉ có lớp Đồng ấu, dự bị, cơ bản, do một hương sư (thầy giáo làng) phụ trách, ở Trình Phố có một trường sơ học Pháp Việt cũng chỉ có đến lớp cơ bản (élémentaire). Còn ở huyện lỵ Tiền Hải trong làng Ngoại đề. Địa điểm đó cách địa điểm huyện lỵ Tiền Hải hiện nay độ hơn một cây số. Huyện lỵ Tiền Hải hiện nay ở địa phận đầu xã tôi (xã Tây Giang). ở huyện lỵ Tiền Hải cũng như phủ lỵ Kiến Xương có trường có lẽ là cao đẳng tiểu học, có đến lớp nhất (supérieur). Tôi bắt đầu đi học ở lớp Đồng ấu (Enfautin) tứ lớp I hiện nay ở trường Trình Phố. Trường này có nhiều trẻ em của các xã Thư Điền, Trình Phố và cả xã ở xa hơn I chút như Vũ Lăng, Răng Thông, An Khang, Cao Mại, An Bồi... cũng về học. Cho nên tôi có rất nhiều bạn quen. Học sinh phần lớn là con trai mỗi lớp chỉ có 2-3 bạn gái, các bạn gái đều con cái nhà giàu có, có thể lực (con quan chức, địa chủ, phú nông) vì chỉ những nhà đó mới có điều kiện cho con gái đi học. Còn các bạn gái khác nói chung là không đi học và phải lao động kiếm sống rất sớm. Tuy vậy cũng có một số không nhỏ các bạn gái. biết đọc, biết viết và tham gia hoạt động cách mạng rất nhiều. Tuy vậy, tôi chỉ nhớ được một số kỷ niệm với các bạn trong làng tôi (Thư Điền). Vì chúng tôi cùng làng, nhà ở gần nhau cùng đi học, cùng chơi với nhau thân thiết nên có nhiều quan hệ chặt chẽ, gặp gỡ và hoạt động với nhau rất nhiều. Các bạn học của tôi hồi đó rất nhiều và cũng nhiều người trưởng thành sau trở thành cán bộ cách mạng quan trọng (như Nguyễn Đức Tâm, Trần Xuân Trú, Ngô Duy Cảo, Vũ Trọng Kiên...). Tôi cũng không biết được tin tức của hết các bạn, ai còn sống, ai đã mất rồi, chỉ biết là số đã mất cũng khá nhiều. Những người còn sống thì phần lớn đã ngoài 70 và đã nghỉ hưu từ lâu..

*

Vừa rồi, đầu năm 1997, có một dịp một nhóm 4 người lúc đó thân thiết nhất gặp nhau một bữa ôn lại chuyện cũ. Nhóm 4 người này có:

- Tôi là Tạ Ngọc Phách tức Trần Độ, người làng Thư Điền
- Ông Tạ Ngọc Giản tức vũ Trọng Kiên là chú họ tôi, theo quan hệ họ hàng.
- Ông Tô Hữu Hạnh, người làng Thư Điền.
- Ông Đặng Ngọc Trác tức Võ Quang Anh người gốc ở Hành Thiện (Nam Định) nhưng cư trú ở làng Trình Phố. Ông Trác hiện nay đang sống trong Thành phố Hồ Chí Minh vì lúc kháng chiến ông hoạt động nhiều ở Nam Bộ đã có lúc Tham mưu trưởng ở khu 9.

Trong 4 người: ông Tô Hữu Hạnh lớn tuổi hơn cả. Ông sinh năm 1920 hay 21. Còn 3 chúng tôi đều sinh năm 1923.

Các bạn hè chơi thân với nhau thì cũng còn khá nhiều, khoảng hơn chục người. Nhưng gần bó gần gũi và thường xuyên thân thiết với nhau nhiều, gần như là nhóm nòng cốt của lớp, thanh niên làng tôi lúc ấy chỉ là 4 chúng tôi. Ngoài ra chúng tôi còn nhớ đến nhưng ông Tạ Ngọc Lam, Lê Ngọc Chữ, Lê Ngọc Nam... cùng đều còn sống cả.

*

* *

Tình bạn chúng tôi thuở đó có những nét đặc sắc và thú vị. Chúng tôi đều là con của các gia đình nghèo. Chúng tôi không nghèo đến nỗi, không có gì ăn, mà chỉ là cha mẹ chúng tôi phải kiếm miếng ăn một cách vất vả cực nhọc. Chúng tôi thường đến nhà nhau, và do có nhiều điều tâm đầu ý hợp, nên chúng tôi đều coi nhà của mỗi người đều là nhà chung của cả nhóm. Chúng tôi lấy tên hiệu đều bắt đầu bằng chữ Hồng, chỉ vì thấy nó hay, chứ không phải vì nó là màu đỏ Cộng sản. Tôi còn nhớ: Anh Hạnh lớn tuổi nhất tên là Hồng Minh, anh Trác cao kều tên là Hồng Nhật, tôi tên là Hồng Anh và rất nhiều Hồng nữa, tôi không nhớ hết khi chúng tôi tụ tập ở nhà ai, thì lập tức nhà ấy thành là của chung của chúng tôi. Chúng tôi học, ăn, chơi, đùa nghịch tự do như ở nhà mình. Những bậc ba mẹ chúng tôi cũng tự nhiên chấp nhận tình trạng đó, và mắng mỗ, khuyên dạy chúng tôi một cách cũng rất bình đẳng không:.. phân biệt. Chúng tôi hay tụ tập ở: nhà tôi, nhà anh Hạnh, nhà anh Giản chứ ít khi đến nhà anh Trác vì anh Trác ở làng khác (làng Trình Phố). Chúng tôi gọi nhà nhà chúng ta (notre maison) chứ không nói nhà anh, nhà tôi. Đặc biệt đối với mẹ chúng tôi, chúng tôi đều gọi là Mẹ chúng ta (notre mère) khi nào cần chỉ rõ mẹ nào thì chúng tôi nói Notre mère kèm theo tên anh con vào: Ví dụ nortre mère Hạnh. Hình như chúng tôi ít khi nói đến bố, vì đa số chúng tôi đều mồ côi bố, và thông thường chúng tôi hay tiếp xúc với các mẹ và thường được các mẹ che chở, chu cấp cho nhiều. Suốt thời gian dài trong tuổi thiếu niên chúng tôi sống trong một tình cảm cộng đồng thân thiết như vậy ít nhất là cho đến lúc chúng tôi 13, 14 tuổi đã phân tán mỗi đứa đi một cuộc sống khác và xa nhau, nhưng lúc đó luôn luôn chúng tôi vẫn hỏi thăm nhau và hướng về những notre mère. Trong những

dịp gặp nhau, hình như nội dung công việc học tập, chúng tôi ít quan tâm và cũng ít trao đổi bàn bạc, không có cảnh tổ học tập hay nhóm học tập như bây giờ. Hoàn cảnh xã hội lúc ấy có nhiều yếu tố tác động vào suy nghĩ chúng tôi. Vùng chúng tôi, phong trào cộng sản có từ sớm, từ những năm 30. Sau những trận khủng bố các năm đầu của 30, thì mỗi làng lại xuất hiện một thứ nhân vật hơi thần bí, mà dân làng thường nói là những người tình nghi. Dù là những người có quan hệ thế nào đó với các hoạt động cách mạng, mà bị các chức sắc ở làng và ở huyện tình nghi, họ bị liệt vào loại người phải coi chừng theo dõi. Có người còn gọi đầy đủ là người tình nghi cộng sản. Chúng tôi đều biết những người này. Họ thường là vào bậc cha chú và anh lớn của chúng tôi. Tự nhiên chúng tôi thấy rất thích và kính trọng các người tình nghi. Mà quả thật trong đời thường, đối với dân làng, họ là những người hiểu biết đứng đắn, đôi khi họ là tác giả các bài về phê phán một chuyện xấu xa nào đó của cánh hương chức quan lại, mà nhân dân rất thích đọc và truyền lại cho nhau nghe. Khi trong xóm có việc gì khó xử, dân làng thường chờ đợi ý kiến của những người đó.

Lúc ấy ở tỉnh tôi (Thái Bình) quan đầu tỉnh người Việt Nam là một quan tổng đốc tên là Vi Văn Định. Ông này bị coi là một tay sai đắc lực của Pháp và có một người cách mạng ở làng tôi tên là Tô Thúc Dịch. Ông này có kế hoạch ám sát để trừng trị Vi Văn Định, nhưng ông bị thất bại, bị bắt tra tấn dã dượi và bị đầy đi Côn Đảo. Ông Dịch là người lấy một bà cô họ của tôi nên cũng là có họ hàng. Sau việc đấy chúng tôi nghiễm nhiên trở thành người ngưỡng mộ và ủng hộ ông Tô Thúc Dịch và căm ghét cánh quan lại như Vi Văn Định, con ông Thúc Dịch tên là Tô Ngọc Thiếp cũng là một trong nhóm thiếu niên của tôi. Trong không khí như thế, chúng tôi, số thiếu niên học sinh khi gặp nhau thường bị hấp dẫn với thời cuộc, hay quan tâm tới chuyện đời, chúng tôi thấy như đường đi chúng tôi đã chọn sẵn rồi: chúng tôi thuộc về những người cách mạng, thuộc về những người tình nghi cộng sản và chúng tôi yên chí nòng lớn lên, chúng tôi nhất định sẽ làm những công việc như đánh Tây dành độc lập cho nước nhà. Chúng tôi mê mải đọc các chuyện cổ của Tàu vánh, những truyện nghĩa hiệp, tôn thờ những người trung quân, ái quốc, những người nghĩa khí, cương trực, những người hy sinh cho dân cho nước, những người nghĩa hiệp, hay làm việc hào hiệp cứu dân độ thế.

Những cụm từ lay động tâm hồn chúng tôi rất sâu sắc là nhục mất nước vong quốc nô, giặc Pháp-giặc Tây... chúng tôi chưa biết nhiều đến những từ như cách mạng, cộng sản... Nhưng chúng tôi cũng đã trao đổi với nhau những ký hiệu bí mật: Congsan, CS... và chúng tôi đã loáng thoáng nghe thấy một tên người Nguyên ái Quốc. và chúng tôi nghe tên đó, như người: trong đêm tối nhìn thấy một ngôi sao sáng và gần gũi. Và chúng tôi bàn với nhau rất nhiều và không mệt mỏi về việc đánh Tây và phục quốc. Nhưng với đầu óc non nớt ngây thơ chỉ có thể cùng nhau tạo nên những chuyện đơn giản và ngây thơ. Chúng tôi tôn anh Tô Hữu Hạnh, người lớn tuổi nhất như huynh trưởng của chúng tôi và dự kiến rằng sau này chúng tôi sẽ một nhóm tướng lĩnh tổ chức đánh Tây để phục quốc. Thành công rồi, thì anh Hạnh sẽ làm vua, các anh khác là tể tướng, nguyên soái, riêng tôi, tôi xin đến lúc đó sẽ đi tu, không phải tu phật, mà tu Tiên (trên núi để được ẩn dật, lánh đời, sống cuộc sống ở nơi hoang vắng như các vị tiên ông).

Thế rồi chúng tôi biết có một số anh tình nghi có võ, chúng tôi liền tổ chức xin các anh dạy võ cho. Chúng tôi tập thể thao theo kiểu ở trường, lại học võ Tàu các anh dạy và học cả đánh bốc để nâng cao bản lĩnh. Chúng tôi còn tổ chức một đội bóng đá ở trong làng và lấy một bãi tha ma ở đầu làng gần một cái cầu, tên là cầu Các già làm nơi tập luyện và thi đấu với các đội bạn. Đội bóng cũng là nơi chúng tôi tập hợp để bàn chuyện và kể chuyện cho nhau nghe. Nói chung, chúng tôi đều mê truyện Trung quốc, như Tam quốc chí, Thủy hử, Song phượng kỳ duyên, Hán Sở tranh hùng... chúng tôi thường trao đổi với nhau về các nhân vật anh hùng trong các tiểu thuyết đó. rất thích thú với những hành vi ứng xử, những bản lĩnh cao cường, và tính cách đặc biệt của Gia cát Lượng, Quan vũ, Triệu Tử Long, Võ Tòng, Hoàng phủ Thiếu Hoa, Hạng Võ... và... và các loại tiểu thuyết khi học đến Supcrieux, chúng tôi đã có thể đọc các tiểu thuyết ngắn và đơn giản bằng tiếng pháp. Chúng tôi đã biết đến Guy de Maupassant, Molière, Lamatin. Đặc biệt là tôi, tôi mê mãi và say sưa đọc và tìm sách đọc... Khi tôi bắt đầu học Trung học tôi đã thuộc rất nhiều thơ Tố Hữu và đóng 2 cuốn sách bìa cứng rất đẹp, để chép thơ của Xuân Diệu và Huy Cận.

Những tình cảm và tư tưởng của chúng tôi cứ theo chiều hướng ấy mà phát triển.

Trong thời gian ấy, chúng tôi còn có một mối quan tâm và một niềm hào hứng khác cũng rất say sưa: hoạt động xã hội.

Chúng tôi hết sức chú ý đến một tình hình là ở một số xóm có nạn đói khủng khiếp diễn ra. Chúng tôi rủ nhau ngoài giờ học kéo đến thăm các gia đình nghèo ở những xóm này. Có một hình ảnh mà tôi còn nhớ đến bây giờ: chúng tôi vào một nhà, nhà vắng hết người lớn chỉ có 2 chị em còn bé. Đứa chị độ 10 tuổi bế đứa bé độ 3 -4 tuổi, hai đứa đều rách rưới gầy gò, chân tay khẳng khiu như cây sậy, 2 cái đầu thì to quá cỡ, 4 con mắt thô lỗ trong rất kinh hãi. Con chị thấy chúng tôi vội bế em chạy ra, nhưng khi nó bước qua ngưỡng cửa không cao lắm thì nó không đủ sức đỡ được 2 cái đầu to và nặng, nó và em nó bị ngã lăn kềnh ra, chúng tôi chạy đến đỡ vì, nghe tiếng kêu: cháu đói quá! Được thấy như vậy chúng tôi về vận động các học sinh bạn chúng tôi trong lớp quyên tiền và gạo, rồi chúng tôi mua gạo và tổ chức nấu cháo hết giờ học kéo đến từng nhà phân phát cho những người đó. Việc làm rất có tiếng vang, chúng tôi đi đến đâu, đều được các em bé và cả người lớn người già đón tiếp và đi theo chúng tôi để mong được nhận bố thí. Chúng tôi rất thương những người đói, nhưng việc làm chúng tôi nhỏ bé quá không thấm thía vào đâu. Trong khi ấy có một xóm ở gần trường là xóm của những địa chủ lớn. Các địa chủ phần lớn họ Đình và con cái họ cùng học với chúng tôi và là bạn chúng tôi. Chúng tôi liền bàn bạc và thuyết phục các bạn ấy đưa chúng tôi về nhà để chúng tôi trực tiếp quyên góp các địa chủ, chỉ có họ mới có thể có một số lớn lương thực để cứu giúp dân được. Tôi nhớ, có một cuộc tôi đi vào nhà một địa chủ. Hình như ông ta tên là Huyện Tô. Ông ấy tên là Tô, còn chữ Huyện là chức danh mua bằng tiền, chứ không phải ông ấy là quan huyện. Con ông từng học với tôi và cũng là một người tương đối thân với tôi, nên tôi mới vào nhà ông.

Không ngờ, tôi được ông này trả lời như sau: Các cậu còn bé thế, tôi làm sao tin các cậu mà quyên

với góp! Việc giúp người nghèo là việc tốt. Các cậu làm thế cũng là tốt nhưng chúng tôi người lớn, có làm việc cứu giúp gì chúng tôi tự đứng ra làm thì còn có tiếng tăm danh dự, chứ chúng tôi đại gì lại đưa tiền cho những trẻ con như các cậu.

Thế là chúng tôi thất bại. Những việc đó hình như cũng có tác động, một số địa chủ sau đó có đứng lên tổ chức phát chẩn cứu giúp một số dân nghèo qua cơn nguy kịch và chúng tôi cũng được dân làng yêu mến hơn.

*

*

Chúng tôi còn thích thú một loại hoạt động khác, mà chúng tôi mơ hồ cảm thấy như có được những hành vi nghĩa hiệp, cứu khốn phò nguy. Đó là chúng tôi tự vận động tổ chức trang bị cho mình mỗi người một cây gậy dùng gỗ chè già lấy từ trong các vườn chè một số gia đình thải ra, gậy dài độ 1,2m đến 1,5m, to bằng cổ tay. Tối tối, chúng tôi phân công nhau thành từng tốp, mỗi tốp 2 -3 người, đi tuần quanh xóm làng cho đến khuya để cảnh cáo và phòng bị các tên trộm hay đi ăn trộm ở các nhà. Tôi cũng nhớ là chúng tôi không có can thiệp được vụ nào có kết quả rõ rệt. Nhưng chúng tôi cũng tin rằng hoạt động đó của chúng tôi có góp phần bảo đảm an ninh cho dân làng. Chúng tôi cứ phải đi với nhau 2-3 người là vì dù sao chúng tôi cũng còn bé và còn sợ... ma.

Những hoạt động này kéo dài cho đến về sau này, khi hoạt động bí mật, thì chúng tôi là những đội viên thiếu niên bảo đảm an toàn và đưa đón cán bộ cấp trên về sống và hoạt động trong xã. Chúng tôi đón cán bộ đưa về chỗ ở, bố trí người canh gác và tiếp tế lương thực, đưa tin tức cho các cán bộ cấp trên về hoạt động trong xã. Đó là vào những năm 1940, chúng tôi bắt đầu bước vào tuổi thanh niên.

Ngày 21/4/1997 chúng tôi có dịp họp mặt nhau 4 người. ở Hà Nội có tôi, ông Vũ Trọng Kiên, ông Tô Hữu Hạnh vào, ở Thành phố Hồ Chí Minh ra có vợ chồng ông Võ Quang Anh. Chúng tôi họp mặt ở nhà ông Vũ Trọng Kiên, có ông Hạnh đã 78 tuổi và 3 chúng tôi bằng tuổi nhau (đều 74-75). Anh Hạnh còn rất khỏe và đi tập đều ở Câu lạc bộ. Chúng tôi gặp nhau một buổi, ôn lại những kỷ niệm cũ và bảo nhau ghi lại như trên đây, tôi ghi.

Cuộc gặp nhau xúc động và rất vui vẻ. Tôi còn có một nhóm bạn khác, khi tôi đã học Trung học. Sau 1938 tôi đỗ bằng Certificat (Cao đẳng tiểu học), mẹ tôi lại chăm lo và khuyến khích tôi đi học nữa và tôi phải đi Hà Nội để học tiếp Trung học. Nhà tôi nghèo không có tiền ăn và tiền học. Mẹ tôi phải đi gặp gỡ các bạn của bố tôi trước, nhờ các cụ giúp đỡ. Và mẹ tôi gửi tôi ở nhà chị cả lấy chồng ở Hà Nội. Mẹ tôi chỉ lo được một tháng 3 đồng bạc đưa cho chị tôi, gọi là trả tiền ăn. Còn tiền học thì nhờ ông bạn bố tôi có người quen mở trường tư giúp đỡ cho tôi được học không phải nộp học phí.

Trường đó lúc đó gọi trường Hàng Đẩy (tiếng pháp là Duvillier) ở phố Hàng Đẩy nay gọi là phố Nguyễn Thái Học - Hà Nội. Tôi học được hết năm thứ nhất (Thành chung) và nửa năm thứ hai. Rồi vì tôi cũng chán học và vì không có tiền, nên tôi bỏ học để về quê tham gia hoạt động cách mạng, lúc đó là cuối năm 1939 đầu năm 1940. Trong 2 năm học ở trường Anh P.L và anh K. Đ. thành một

nhóm chơi thân với nhau: Anh P.L chơi đàn ghita havaian, anh K.Đ làm thơ, tôi thì thích văn chương. Cả 3 người đều thuộc loại nhà nghèo nên gần bó bênh vực nhau chống lại sự khinh bỉ và bắt nạt của cánh con nhà giàu.

Sau năm 1940, thì mỗi người một số phận đi theo một ngã đời, cho đến năm 1975, không gặp mặt nhau, tuy vẫn hỏi thăm tin tức về nhau.

Anh P.L. sau đó đi học nông nghiệp ở Pháp và Anh, rồi thành một chuyên gia nông nghiệp tầm cỡ dưới chính quyền của Diệm và Thiệu. Anh chỉ thích làm chuyên môn mà không quan tâm chính trị và không màng quan chức. Sau năm 1975 vì hoàn cảnh gia đình, anh sang Mỹ và sống với gia đình (Vợ anh và 3 con anh). Anh sống ở mức sống trung lưu vì chị ấy và các con anh đều làm việc và có lương. Anh không phải dựa chấu nào. vào trợ cấp xã hội của Mỹ. Anh có trang trại nhỏ vì anh vẫn thực hiện chuyên môn của anh, trong trại anh. Tôi nhận thấy anh là một người yêu nước, cương trực và trọng nghĩa khí, có kiến thức và kinh nghiệm chuyên môn cao. Nhưng rất tiếc anh ít gặp điều kiện thuận lợi để sống được như ý mình.

Còn anh K. Đ thì do nhận một nhiệm vụ của cách mạng, anh phải sống suốt từ năm 1945 đến 1975 ở Sài Gòn và cũng có 4 người con trai, hiện các cháu của anh đều làm ăn và sống ở nước ngoài. Chị vợ anh đã mất từ lâu (khoảng những năm 80). Anh đã tái hôn với một bà khác và có nhiều cháu nội. Sau 1975, tôi liên lạc ngay được với anh K.Đ ở Sài Gòn, và chúng tôi lại khôi phục tình bạn xưa kia. Sau đó ít lâu tôi liên hệ được với anh P.L trong một dịp anh về thăm lại Tổ Quốc (hình như vào khoảng 90 hay 91). Từ đó chúng tôi cũng hay gặp nhau nhất là trong các dịp anh P.L về nước. Anh đã đưa 2 con trai của anh ở Mỹ về cưới vợ trong nước, một cô ở Sài Gòn và một cô ở Đà Nẵng. Cũng đôi khi 3 chúng tôi gặp nhau, cùng ngồi ôn lại những kỷ niệm xưa, và rất lấy làm vui sướng. Ba chúng tôi bằng tuổi nhau hoặc có chênh lệch thì chỉ một tuổi. Tuy 3 cuộc đời cách biệt và xa lạ nhau nhiều nhưng chúng tôi gặp lại nhau thì những tình cảm và kỷ niệm thời niên thiếu lại quện chặt với chúng tôi. Kể ra cả 3 chúng tôi đều còn sống và gặp nhau vào lúc tuổi đã ngoài 70, trong hoàn cảnh đất nước đã hòa bình và đang phát triển. Chúng tôi đều thấy quãng đời hơn 50 năm của mỗi người đều có những ý nghĩ và ý vị rất lý thú.

Chương 3

Sau khi bố tôi mất, mẹ tôi ở vậy nuôi con, lặn lội và bao dung như bản chất bà vẫn có.

Vào khoảng 1940, tôi được tham gia một cuộc mit tinh bí mật tại địa phương. Cái cơ để tổ chức cuộc họp là kỷ niệm danh nhân Lý Thường Kiệt hay Phạm Ngũ Lão, lâu ngày tôi không còn nhớ rõ, nhưng chỉ là một trong hai nhân vật lịch sử nổi tiếng đó. Lần đó, tôi thấy -vai trò của bà chị tôi cực oai. Bà là người sắp đặt công việc, điều động nhân lực lại còn là đại diện cho Đảng Cộng sản đứng lên diễn thuyết trước thiên hạ. Trong khi chuẩn bị, bà giao nhiệm vụ cho tôi là huy động thanh niên đi bảo vệ cuộc mít-tinh, vì rất có khả năng bị khủng bố. Đám trai trẻ chúng tôi được thể thì khoái trá hẹn nhau

mỗi thằng sắm một cái gậy tre gộc để nếu xảy ra bất trắc thì dùng làm vũ khí chống trả. Quần áo thì cứ đồ nâu sẫm để kiếm và cũng tiện cho việc đi đêm. Cả nhóm chúng tôi hào hứng sôi nổi, bí mật thì thảo, trao đổi, kín kín, hờ hờ ở nhà tôi. Mẹ tôi cứ lặng thinh như không hay biết gì cả.

Gần đến ngày tổ chức, bỗng cụ hỏi thật tự nhiên:

- Này, chúng mày cho mẹ đi với chứ? Điền chắc chắn là cụ chưa biết các con mình làm gì. Song lòng cụ có niềm tin vững chắc là bọn con mà tham gia thì việc đó là cần và cụ muốn cùng có mặt bên các con và khăn khăn:

- Cho mẹ đi với.

Chị tôi khéo léo khước từ.

- Mẹ ạ, nhà chỉ ba mẹ con. Em nó và con đã nhận phần việc, không thể không có mặt. Mẹ cũng đi nữa thì đêm hôm nhà bỏ không ai trông sao? Bọn con đinh ninh có mẹ ở nhà mới dám nhận việc đấy chứ.

Nghe con gái trình bày như một sự phân công thỏa đáng, bà cụ lặng lẽ thu dọn nhà cửa. Nhìn vẻ nhẩn nhẩn của bà thật đến rầu lòng. Chúng tôi ra đi với ánh mắt mẹ thỏa thuận và khuyến khích.

Trước nay vẫn vậy, cụ như hiểu công việc của các con là quan trọng và tự nguyện giữ kín cho con cái. Cảnh chúng tôi đi đêm đi hôm thất thường cụ chẳng cất vấn, phàn nàn lấy một lần. ánh mắt bao dung của bà làm hai mẹ con thành đồng hội đồng thuyền.

Cuộc mít tinh đêm ấy tập hợp ngót ngàn người tham dự. Thật là hùng vĩ! Quang cảnh chưa hề có. Bọn tuần phiên ở địa phương cũng đã đánh hơi được nên chúng ập tới xua đuổi và tìm cách bắt giữ những người chủ mưu.

Cũng nhờ có bố trí các trạm gác ở mỗi ngã đường nên có báo động là bà con cứ theo lối đã được phân định mà thoát, chỉ một hai người lơ ngơ bị bắt giữ nhưng không bị lộ vì họ chỉ là phần tử thấy là thì đi theo. Tôi chạy thoát sang thôn bên, đến nhà một người bạn thân, tính xin trú qua đêm.

Trong phút chộn rộn qua, lòng tôi cứ nóng như lửa đốt vì lo cho mẹ. Bên thôn tôi tiếng chó sủa dữ quá về phía khu vực nh à tôi. Bạn tôi bàn tính hay dt v khuyên tôi ở lại đến sáng hãy tính. Tôi không thể dằn lòng được nên quyết xin bạn ra về. Sự băn khoăn về mẹ làm tôi lao đi quên hết ngại ngùng.

Đến cổng nhà, tay vừa đụng vào cánh cửa, tôi chưa kịp lên tiếng gọi thì lập tức cánh cửa mở và trước mắt là mẹ. Bà kéo ngay tôi vào nhà và giục:

- Thay quần áo đi! Lấy đồ trắng mặc vào rồi lên giường nằm đó.

Tôi xúc động líu ríu làm theo, lòng thấm đậm niềm vui sướng được mẹ chăm chút như vậy. Hẳn là khi xảy ra chuyện, nghe chộn rộn bà đã lo lắng lắm, đã đứng sau cánh cửa chờ con từ lúc ấy đến giờ, đã đánh thức, bảo vệ con cái. Khi tôi vừa cởi bộ quần áo nâu, bà liền lấy đệm giũ xuống ao bên nhà để phi tang ngay. Đêm ấy, chị tôi không về. Chốc chốc mẹ tôi lại hỏi:

- Thế chị con đâu?

- Con không biết, hai chị em mỗi người chạy một ngã.

Càng về khuya mẹ tôi càng lộ vẻ bồn chồn lo lắng. Tôi phải trấn an:

- Mẹ ơi, chị con thành thạo mọi việc. Chính chị đã bày vẽ cho bọn con cách tuần phiên. Vì vậy con tin là chị ấy thoát yên lành, mẹ đi nghỉ đi, sáng sẽ hay. Mẹ như thế làm chị con lo lắm đây!

Sáng tinh mơ đã có một người gõ cửa hỏi mua giò. Trước nay chưa bao giờ có ai hỏi sớm như thế.

- Nhà có giò đấy, mời chị vào.

Chị là người mua giò thật hay là kẻ dò la! Tôi đang băn khoăn suy tính để đối phó, thì người đi mua hàng sà tới nhét vào bàn tay tôi mảnh giấy. Đó là tin chị tôi nhắn về. Chị đang ở điểm X, mẹ và em hãy yên tâm. Chiều chị về

Mãi hai ngày sau, tri huyện mới đi ô tô về làng lũng sục đê nẹt. Ngày ấy, cứ ô tô về làng là có chuyện nghiêm trọng. Hai chị em tôi cũng lo thất ruột, bàn tính mọi việc nếu xảy ra điều chẳng lành! Song cả hai chúng tôi còn có ý định bám một thời gian nữa mới thoát ly.

ở làng có một người bạn gái nhỏ hơn chị tôi mấy tuổi cùng hoạt động. Chị này đến nhà tôi, về hót hải, hối thúc:

- Thôi chết, tại sao giờ này chị Thư còn ở nhà. Tụi nó đến bắt bây giờ đi ngay đi chớ. (Thư là bí danh của chị tôi thời ấy)

Miệng nói, chân bước, chị đã xông ngay vào buồng rút hết quần áo của hai chị em tôi nhét vào chiếc thúng mang theo. Hai chị em tôi chỉ còn kịp xin phép mẹ:

- Chúng con đi ít lâu, mẹ nhé!

Mẹ tôi bình thản đáp:

- Ừ các con đi đi, yên tâm mà làm việc. Nhớ giữ gìn sức khỏe, đừng để thua chị kém em. ở nhà mẹ tự lo liệu được. Không phải bận tâm gì về mẹ cả.

Miệng an ủi chúng tôi, bà cụ tranh thủ xếp gọn lại quần áo của hai chị em tôi vào trong thúng. Tôi nhìn mẹ, lòng xót xa như xát muối:

- Thôi mẹ ơi, cứ xem như ngày nào con lên Hà Nội đi học. Đi rồi lại về với mẹ thôi mà.

Song, chuyển báo động đó không do địch lũng sục. Đúng như chị tôi đã cãi lại rằng tình hình đang yên tĩnh, chưa có dấu hiệu gì tỏ ra bị lộ, cứ lưu lại ít ngày nữa xem sao! Mà có tình hình gì nữa thì cũng không thể phó mặc quần chúng mà đi như thế. Chị kia cứ khẳng khẳng phải tránh đi mà tính toán đối phó nắm phần chắc hơn là để bị động với chúng. Về sau mới vỡ nhẽ là vì tình yêu mà chị ta đã bày ra chuyện như thế. Tôi cũng mới hay là được chị ấy yêu nồng nhiệt đến thế.

Lúc này và cả một thời gian dài sau này, chính chị tôi giao công việc cho tôi. Chị đã là Đảng viên và trực tiếp diu dắt tôi. Tôi thấy chị thỉnh thoảng lại đi vắng lâu, có khi đến hàng tuần lễ nhưng không rõ chị làm gì. Sau mới hay lúc đó, chị ấy đã là Tỉnh ủy viên. Những chuyến đi vắng nhà qua đêm là chị lên xứ ủy nhận chỉ thị. Trở về chị lại giao nhiệm vụ mới cho tôi và tôi dốc sức hoàn thành trách nhiệm, quên cả nguy hiểm.

Đơn vị hành chánh thời đó trên xã có tổng - trên tổng là phủ. Tôi được giao nhiệm vụ tổ chức thanh niên ở xã, rồi thống nhất tổ chức, thanh niên các xã lại thành đơn vị tổng và tôi được anh chị em bầu làm bí thư tổng. Đó là thời kỳ của tổ chức thanh niên Dân chủ lan chuyển thành Thanh niên phản đế.

Tôi lại đứng ra liên hệ với các tổng khác, lập ra tổ chức thanh niên của phủ. Lúc hoạt động ở xã, tôi được chị gái giao nhiệm vụ lên nói chuyện ở nhiều buổi mít tinh, quanh các chủ đề truyền thống đấu tranh dành và bảo vệ độc lập dân tộc, tình hình thế giới và cảnh nước nhà lúc đó. Các cuộc nói chuyện của tôi gây được ấn tượng mạnh đồng thời tôi lại mở rộng được việc kết nạp hội viên mới.

Rồi một hôm bỗng chị tôi hỏi:

- Thế chú có muốn tham gia một tổ chức cao hơn không? Tôi liền thắc mắc hỏi lại: Thế em chẳng tham gia tổ chức là gì?

Chị bảo:

- Tổ chức cao hơn kia.

- Cao hơn là tổ chức gì?

Tôi cứ cật vấn chị như vậy. Sở dĩ tôi hỏi là vì bấy lâu vẫn tưởng mình là cộng sản rồi, còn gọi tên này tên khác chẳng qua là cách gọi do yêu cầu giữ bí mật. Chị tôi liền bảo: đó là Đảng cộng sản, em có muốn tham gia tổ chức Đảng không? Thế thì em mong quá.. Thâm tâm tôi có chút bị hẫng vì bấy lâu vẫn tưởng mình là cộng sản. Song nỗi mừng thì vô hạn. Nghe thế, chị chẳng nói chẳng rằng trao tôi cuốn điều lệ Đảng. Mấy hôm sau, chị tôi bảo:

- Đi họp với chị!

Tôi băn khoăn hỏi:

- Họp gì thế chị.

- Đi rồi khác biết.

Đến nơi, mới vỡ lẽ ra là họp chi bộ. Có khoảng năm sáu người, trong số đó có: chị Trương Thị Mỹ. Buổi họp đã tuyên bố kết nạp tôi là Đảng viên dự bị (lúc này vào khoảng đầu năm 1941). Thế là thoát ly vừa được hai tháng rồi đã được vinh dự đứng trong hàng ngũ tiên phong. Hai đồng chí phụ trách vùng tôi thời ấy là các anh Đào Năng An và Nguyễn Thượng Mẫn. Cả hai tỏ ra quan tâm đến lớp trẻ, đặc biệt là thanh niên có học hành ít nhiều. Tôi thuộc thành phần học sinh đáng lẽ phải dự bị trong sáu tháng, nhưng hai anh đã xét công nhận chính thức, đặc cách cho tôi trước thời hạn. Trở thành Đảng viên chính thức, tôi được phân công phụ trách một vùng với các chi bộ các xã ở trong phủ. Thời đó phủ Kiến Xương có một phủ ủy tức là ủy ban chấp hành Đảng trong phủ. Tôi được bầu vào phủ ủy và được chỉ định làm phó bí thư. Sau đó anh bí thư bị bắt, tôi trở thành bí thư phủ ủy. Đến cuộc họp toàn tỉnh là sau này lịch sử đảng bộ Thái Bình gọi là Đại hội, chủ tọa cuộc họp có đưa ra một danh sách đề cử vào ban chấp hành mà chân tình ủy viên dự khuyết là Tạ Ngọc Phách (tức là tôi: Trần Độ). Danh sách đề cử đó được hội nghị tán thành. Rồi sau đó được phân công phụ trách thanh niên của tỉnh Thái Bình và là người bí thư tỉnh ủy đầu tiên ở địa phương. Với danh nghĩa là tỉnh ủy viên dự khuyết, phụ trách thanh vận, tôi tự tin lắm và cũng dám hoạt động mạnh hơn. Tôi phát triển nhiều cơ sở thanh niên, đặc biệt là dám xông vào vận động số thanh niên trung học ở thị xã. Tôi ra được tờ báo của Thanh niên. Tiếp theo là tổ chức Đại hội Đoàn thanh niên toàn tỉnh. Chưa kể việc tôi đi vận động nhiều cuộc đấu tranh khác. Chỉ trong vòng hai tháng mà tôi làm được như vậy kể

cũng nhiều. Để phát triển thanh niên thị xã, nhất là số trung học tôi thích dùng cách kỳ bí ảnh hưởng của tiểu thuyết trinh thám. Tìm đối tượng thân quen mà tôi tin tưởng bồi dưỡng kỹ càng rồi sắp xếp cho họ bắt mối rộng ra. Cùng nhiệt huyết như nhau, nên công việc nhân mỗi cứ tăng theo cấp số nhân. Trong số này có con trai nhà văn nổi tiếng Nguyễn Công Hoan tức Nguyễn Tài Khoái. Tiếp xúc với Khoái, tôi giao trách nhiệm nhân mỗi thêm. Khoái vui vẻ nhận lời. Chính từ đây mà tôi với bà Lê Minh gián tiếp biết nhau, nói cho đúng là qua Khoái tôi biết bà ấy, chứ bà không biết tôi. Được hơn một tháng, mấy vị làm hăng quá gần như công khai nên công việc bại lộ và bị bắt giữ. Trông số bị bắt này có cậu con trai ông Nguyễn Công Hoan - lúc này ông đang dạy học ở Thái Bình. Một số cậu khác cũng thuộc các gia đình công chức trong tỉnh. Điều đó đã làm tay công sứ Pháp ở Thái Bình phải suy tính và hẳn đã ra lệnh thả hết.

Có thể nói hoạt động cách mạng của tôi bắt đầu năm 1938 là năm phong trào dân chủ lên cao, báo chí ra nhiều, cùng với việc ra đời mặt trận Bình dân. Từ thoái trào cách mạng sau Xô Viết Nghệ An 1930, đến lúc này lại nổi lên cao trào đòi dân chủ khá mạnh và khá rộng.

Năm 1939, tôi làm báo Người mới cùng ông Nguyễn Thượng Khanh tức Trần mai Ninh ở Hà Nội. Trong cuộc ruồng bỏ của thực dân Pháp năm đó, tôi bị chúng bắt giữ. Nhưng không có chứng cứ gì để buộc tội, chúng phải thả tôi ra. Tôi lại đi học tiếp.

Cuối 1939 đầu 1940, những người tôi thân quen bị bắt nhiều. Cảm thấy mình bơ vơ trợ giúp nơi đô hội này, tôi sinh chán học, bỏ học về quê hoạt động và được kết nạp Đảng năm 1941. Cho đến cuối 1941 đầu 1942, tôi lại bị bắt bị khảo tra ác liệt và chúng đưa ra tòa án Thái Bình xử tôi 15 năm tù. Trước tòa tôi đã mạnh dạn vạch trần tội ác kẻ đi đô hộ và Chính phủ Nam triều và tôi chống án. Chúng phải gọi hồ sơ của tôi về tòa Thượng thẩm Hà Nội để xử lại. Đó là vào mùa thu 1942. Khởi đầu quãng đời hoạt động của tôi đã diễn ra như vậy. Giữa lúc phong trào bình dân đang lên cao cuốn hút lớp trẻ vốn sẵn sự quan tâm đến thời thế và tương lai đất nước. Chúng tôi, lớp trẻ được học hành ít nhiều, đến với cách mạng như một lẽ sống, tự nhiên, thoải mái, phần nào còn hứng thú vì tính lý kỳ, cái mạo hiểm của công việc cách mạng. Người ta bảo thanh niên đồng nghĩa với cách mạng, kẻ cũng có cơ sở.

Chương 4

Là một học sinh thôn quê đang độ tuổi 17-18, tôi hoạt động với ít nhiều chất mạo hiểm, phưu lưu, ảnh hưởng của các nhân vật trong các truyện Tàu và truyện trinh thám nước ngoài mà tôi đọc bằng tiếng Pháp. Đứng vào hàng ngũ của tổ chức, tôi cũng chỉ hiểu một cách đại khái đấu tranh giai cấp là quyết liệt gay go. Trong hoạt động hàng ngày, tôi vẫn cảm thấy cái sức lực bẻ gãy sừng trâu của tuổi mới lớn chưa được ứng dụng và nhìn kẻ địch cũng tầm thường thôi. Việc qua mặt chúng, tôi tự thấy thừa sức. Hôm bị bắt - tôi bị bắt lần thứ hai vào cuối năm 1940 đầu 1941 tại Thái Bình, tôi đã nung nấu tìm cách thoát để tiếp tục hoạt động. Vì chúng cho tôi là nhân vật quan trọng nên để tôi ngồi cùng ô tô với

chánh mật thám (hồi ấy là tên Lanec -em)²[1]. Tôi đã tính cách chồm lên giàng tay tài xế cho xe lao xuống ruộng, tôi sẽ có cơ hội thoát. Nhưng lại nghĩ hai tay mình đã bị cùm, mà chúng nó thì đông làm sao thoát được.

Xe chạy đến sở mật thám tỉnh, ý định đó của tôi chỉ còn giữ trong đầu. Đêm đầu tiên ở nơi giam giữ ẩm thấp, tối tăm, đầy rệp, sặc mùi gỗ mục, hắc ín. Tôi nằm nghe tiếng muỗi bay như trấu, cùng tiếng rú ghê rợn từ một nơi đang tra tấn vọng tới. Rồi tình huống này cũng không làm tôi quan tâm nữa. Tôi chỉ thấy tiếc đến bần chồn ruột gan, như là một nỗi đau khổ, tiếc đến đứt một những chương trình kế hoạch đang mở đầu hoạt động của tôi.

Những trận tra tấn mà tôi biết mình sắp phải trải qua vẫn chưa làm tôi bận tâm. Tôi nghĩ tới cuộc đấu tranh của Lê nin, của Đmitrốp trước kẻ thù, tôi nhớ lại những chuyện được nghe về tinh thần bất khuất của các chiến sĩ Việt Nam khi bị bắt, rồi tôi tự xác định một cách gọn nhẹ, đơn giản là Không biết! Không biết! chỉ có thể cho đến chết...

Thế rồi cuộc chiến đấu diễn ra..

Tại sở mật thám Thái Bình, tôi đã qua gần một tháng trời thử thách, trực diện đương đầu với sự tàn bạo của kẻ thù giai cấp. Chúng giam tôi qua ba nơi và ở mỗi nơi tôi lại có phát hiện mới mà trước nay chưa hề nghĩ tới. Khi bị giam một mình ở một nơi riêng biệt (là cửa một chuồng xí) tôi luôn luôn căng thẳng chờ đợi, thoảng hơi thuốc thơm, tiếng chìa khóa tra ổ, một tiếng giấy, tôi đều chuẩn bị nhận một trận đòn thù. Rồi nhận ra quy luật hành sự của chúng, tôi lại chú ý tranh thủ những phút yên tĩnh. San khi tra tấn chúng vớt tôi và đóng cửa lại, bỏ mặc. Tối thiểu, tôi có mười phút yên tĩnh: Hoặc trong những bữa ăn hàng ngày, hoặc lúc chúng kéo nhau đi chơi bờ hay lung sục đầu đó. Những lúc như vậy tôi lại thả hồn vào một cuộc trốn tảo tợn, phác một hoạt động cho chi bộ tôi phụ trách. Tôi hình dung ra một cuộc họp mặt sôi nổi, thăm thiết với mấy đứa bạn thân. Có lúc ước làm một Triệu Tử Long hay Tiết Nhân Quý để đảo lộn tình thế.

Thằng chánh mật thám trực tiếp hỏi cung tôi. Tôi vốn tự xem mình là con người bình thường. Trong buổi hỏi cung, tôi có được trạng thái bình thường và trả lời như thường. Chỉ đến những câu hỏi lục lợi của hắn thì tôi nói không biết. Xoay mãi, thằng Lanée-em lộ vẻ tức giận, đe dọa. Tôi vẫn đáp là: đã nói cả rồi còn các việc khác thì tôi không biết. Hắn lại giao tôi cho thằng Tây lai tên là Talông tra khảo. Thằng này có vóc người to khỏe, chân tay thân mình đầy bắp thịt trông như một vận động viên có hạng, giữa lúc đó mà tôi cứ ao ước thầm là tập tành cho được như nó. Hắn biết tiếng Việt nhưng nói ngọng dấu. Xem ra hắn cũng lành nghề đồ tề lắm, thẳng tay đánh đập và chọn chỗ đích đáng trên người tôi để quất roi. Hắn xoay hỏi vận vẹo, thì tôi bảo: tôi đã nói rồi, còn thì tôi không biết làm sao mà nói. Chiếc roi cặc bò trong tay hắn lại vung vun vút. Mỗi nhát roi quất xiết lên da thịt rất bông như có lửa tấp dao cắt nhưng chẳng mấy chốc chỗ đó tê đi. Thằng Talông đổi chỗ quất, khai thác cho hết sự đau đớn của cơ thể con người. Người tôi đầm đìa mồ hôi và máu, quần quai dưới làn mưa roi...

đến mức vãi phân vãi đái lênh láng. Bần thiêu hôi thối quá. Thằng Talông không chịu nổi phải ra lệnh đưa tôi đi.

Một dạo, chúng giam tôi chung với các đồng chí khác ở nhà giam lớn. Tôi sống qua những giờ phút tràn ngập tình yêu thương cách mạng. Sau buổi tra tấn trở về tôi được các đồng chí hết lòng nâng đỡ săn sóc như ruột thịt. Anh em nhẹ nhàng ôm ấp tôi, đỡ tôi nằm lên đùi để xoa bóp. Có lúc hết dầu xoa, anh em gom từng xu gửi mua ngoài về, tiếp tục xoa bóp cho tôi. Đồng chí T. già ôm tôi trong lòng vỗ về: Khổ thân thằng con tôi. Nó đẹp thế này! Tôi đâu có nỡ đánh nó lấy một roi. Tiên sư đế quốc! Nó hành hạ con tôi... Sung sướng và kiêu hãnh, tôi nằm im trên bắp đùi xương xẩu của đồng chí già, lặng ngẫm khuôn mặt nhăn nheo như khắc họa những ngày sóng gió của cách mạng thời kỳ 1930-1931 mà đồng chí từng trải qua và thường kể lại với lớp trẻ chúng tôi. Trong tôi, lắng đọng cái chất của cuộc đời đấu tranh, tình cảm bao la của con người chiến sĩ. Cùng lúc chúng bắt được chị cơ sở từng có cảm tình với tôi như tôi đã nói. Chúng dò la thế nào mà biết được chuyện đó. Thế là chúng đưa cả hai ra tra khảo cùng một lúc ở một chỗ. Đánh đập chán vẫn chẳng moi được gì chúng bày trò gọi ra cho chúng tôi cái viễn cảnh được tự do và vợ chồng sống với nhau cho thỏa. Cả hai chúng tôi chỉ im lặng nghe và rón sức chịu đau đớn. Tôi bắt đầu cảm giác người mình như cái bị vải, không còn cảm giác nhột, mà chỉ ê ẩm thôi. Thằng Talông thẳng tay quát đến vã mồ hôi mà tôi không còn cảm giác bị đốt bị cắt nữa.

Sức tôi cũng kiệt đi rõ rệt. Đến một hôm, chúng điệu tôi đi tra khảo. Vẫn những câu hỏi ấy và roi cặc hò vung vãi lên thân thể tàn tạ của tôi. Rồi chúng mang ra một bát cơm trắng cùng một bát cứt và đôi đũa

- Mày muốn ăn gì hả? Cơm đó, nói đi thì ăn. Không thì ăn cứt đi!

Tôi giận sôi lên buồn nôn nhưng quyết không để chúng kéo dài trò tra khảo này. Tôi bảo:

- Tôi không biết, làm sao mà nói! Rồi tôi thản nhiên bưng lấy bát cứt, cầm đôi đũa ghém lại như sắp và vào miệng.

Hắng, thằng Lanec thấy thế ngoảnh mặt đi. Tôi tiếp tục vun vén bát cứt. Lòng căm tức cũng giúp tôi bớt kinh tởm, càng nung nấu ý chí làm thất bại sự điều cang của chúng. Bữa đó mồm mép mặt mũi tôi đầy cứt và tôi cố tình làm vung vãi bál cứt, buộc chúng phải bỏ ra khỏi phòng. Chúng giờ đến đòn tra điện. Tôi có nghe tả về đòn tra điện. Cái ma-nê-to quay tay rít lên và dòng điện giật khắp cơ thể, buốt tận óc, buốt từng lỗ chân lông, cường độ giật tăng giảm theo tay quay mau hay thư thả. Ngày đó, bọn mật thám ở Thái Bình không có ma-nê-to để tra. Chúng dùng dòng điện thấp sáng với các que sắt và lấy que đó quệt lên người tôi. Điện mạnh hơn nhiều, giật cũng kinh khủng hơn, để lại những vết cháy da thịt. Đau đớn lộng óc, buốt không thể tả nổi, phần do điện giật, phần do da thịt bị đốt cháy. Tôi ngất đi khi nào không hay. Những giờ phút yên tĩnh - tức là không bị gọi đi tra tấn - tôi thường ngồi giữa các anh, các chị. Các anh bôi dầu, bắt chấy, các chị vạch từng tà áo bắt rận cho. Tất cả như đã quên hẳn tình huống của bản thân mà chỉ chăm lo cho tôi. Các chị trẻ tuổi cùng lứa kín đáo nhìn tôi lộ vẻ lo lắng pha sự khâm phục. Những ánh mắt đưa nhanh nhưng rất xao xuyến bám

chặt lấy tâm tư tôi. Có lần chị S mạnh dạn đón tôi ở cửa chuồng xí để đưa tôi hai miếng kẹo lạc. Chị nói trong hơi thở gấp như cầu xin mà cũng như ra lệnh: ăn đi, cố giữ cho khỏe! Đến thời kỳ gay gắt nhất của đợt tra khảo, cứ đánh đập như đòn, chú dùng xích chặt chân tay tôi lại, vút nằm còng queo tại dãy nhà để ô tô. Suốt ngày tôi chỉ rời nơi nằm khi chúng mang đi tra tấn hay khi tôi báo đi ỉa. Qua lại nơi này tôi chỉ thấy có người lái xe đến ngồi ở cửa đọc truyện kiếm hiệp và mấy đứa con lão đội L gác nhà giam. Đến bữa ăn, một tù nhân mang cơm lại cho tôi. Người lái xe trạc tuổi ba mươi, trông mặt trái xoan trắng xanh với bộ tóc dày, mái tóc gọng kính vắt tai. Thoáng trông với cặp môi sắc nét và cằm vuông cũng có tướng lắm, nhưng nhìn kỹ thì rõ nét là một con người hơi hợt thiển cận. Sáng sáng, anh tìm gặp lão L lấy chìa khóa mở gara, miệng huýt sáo huyền ảo. Sau khi lau qua chiếc xe, thử máy nổ ròn là lẹ làng đi rửa tay rồi và nằm ngửa lên capô xe đọc truyện kiếm hiệp. Khi hứng chí cũng rên rĩ đôi câu vọng cổ, láy đi láy lại: Đời em nổi trôi như chiếc thuyền không lá. Hễ nghe chủ gọi, anh dạ vừa to vừa đầm và trình diện tức thời. Bất chợt chúng xuống thì anh như bị điện giật vừa đứng lập nghiêm kiểu cách nhà binh vừa chào to: Bông dưa, xếp, theo sau là tiếng cười khặc khặc tăng nịnh ra mặt. Cứ như không có tôi đang co quắp trên nền gara. Nằm im, lặng ngắm anh, tôi không biết nên nói gì đưa chuyện. Sự tồn tại như vậy đã đến mấy ngày..

Đến hôm tôi hỏi mượn anh cuốn truyện thì anh nhìn tôi ra vẻ lạ lùng: Người anh em buồn à? Cũng thích đọc truyện sao? Anh đưa tôi cuốn truyện, không quên quảng cáo hết lời cho nó. Từ đó, cứ sáng tới mở cửa gara, anh không quên chào tôi Thế nào? Xa-va 3[2] chứ. Dù sao, giữa chúng tôi không còn bằng giá. Nhưng rồi qua một sự kiện thì anh lại tránh mặt tôi. Hôm đó, như mọi lần, sau khi anh bông dưa, xếp và cười nịnh thì tên chánh mật thám lại chỗ tôi nằm. Nó hỏi:

Thế nào? Mày có muốn chết không? Tao sẽ cho bắn mày!

- Tôi bình thản trả lời: Tôi không muốn chết. Nhưng bắn hay không là tùy ở các ông.
- Mày muốn sống thì phải nói!
- Tôi nói rồi và không có gì để nói nữa
- Mày dối trá!
- Tùy các ông nghĩ.

Thằng chánh mật thám hầm hầm bỏ ra. Anh lái xe bàng hoàng nhìn tôi sau khi lấm lét nhìn tên chánh mật thám. Tên mật thám đã đi xa. Anh ngoảnh lại bảo tôi với một vẻ quan tâm mới:

- Chịu các bố thật! Cộng sản...

Từ đó anh không nằm ở đầu xe, không ca vọng cổ. Chủ gọi, anh chạy ra ngoài đáp dợ chứ không dạ dòn tan như trước. Khi chủ xuống, anh cũng không nịnh thành bông dưa xếp. Và cái cười nịnh của anh cũng héo hắt trên đôi môi gượng gạo. Tôi bắt gặp những cái nhìn trộm đầy thiện ý của anh và tiếng hỏi người anh em đã thay bằng lời chào cậu mỗi sáng hai chúng tôi gặp mặt nhau.

Hôm tôi chịu một trận đòn kịch liệt, đến nỗi không lê bước được nữa. Đội L. phải dìu tôi về gara.

Người tôi bê bết máu, dơ dáy, hắt cho tôi đi tắm ở gần nhà đang lúc vợ con nó chuẩn bị ăn cơm. Vợ chồng đội L có hai con gái là Thủy và Ngọc, đứa 10, đứa 8 tuổi. Hôm đó vợ đội L đã mời tôi một bát cơm và bảo em Thủy mang đến cho tôi. Hai em đã xúm lại bên tôi hỏi chuyện:

- Cậu có đau không, cậu?
- Cậu là cậu giáo có phải không, cậu?
- Tại sao cận 1ại thế này hở cậu?

Tôi chỉ biết cười và nói:

- Lớn lên lên các em sẽ hiểu.

Từ đó, các em gọi tôi là cậu giáo và nhiệt thành giới thiệu cậu giáo với bạn bè đồng lứa. Hàng ngày các em qua lại chỗ giam tôi và không quên vút vào cho tôi lúc miếng đường, lúc cái kẹo, quả ổi...

Chính đội L. cũng thay đổi cách đối xử với tôi bớt thô bạo đi.

Một buổi chiều, chỗ tôi thêm một người tù. Đội L bảo nhỏ với tôi rằng đó là tên tướng cướp mới sa cơ. Thế là bên tên tù cực kỳ nguy hiểm về chính trị, chúng nhét thêm tên tù nguy hiểm về an ninh. Có thể chúng cho hai bên không dính dáng đến nhau nên nhốt chung cho tiện canh giữ.

Đây là một con người to con vạm vỡ, mái tóc đen dày, còm cộp lút tai và gáy, dơ dáy, đôi mày rậm, trán ngắn và hẹp. Khi đến chỗ tôi, anh co rúm người, chân thất thểu bước, vẻ sợ hãi chưa tan, miệng hừ hừ liên hồi. Khi chỉ còn anh và tôi, anh ta cất tiếng hỏi:

- Cậu ơi! cậu... tội gì đấy?

Là tướng cướp phải là kẻ bản lĩnh cao cường, xem thường cái chết. Nhưng ở anh này tôi lại thấy đáng vẻ người nông dân bình thường, nhu nhược, sợ đòn tra tấn. Tôi cười hỏi lại:

- Tội tôi thì khó nói lắm! Bác là tướng cướp phải không?
- Ấy nghề đời đời ăn vụng, túng làm liều. Mới mắc tội mắc nợ thế này!
- Sao bảo có gan ăn cướp, có gan chịu đòn kia mà...
- á chà, thịt da nào không là thịt da. Mình đồng da sắt gì cho cam. Hôm nay, tôi phải chịu đòn xăng tan! ôi, chết! chết! Chịu sao nổi chứ! Cậu thư sinh thế này hẳn chưa phải ném mùi xăng tan nhỉ.
- Vô phép bác, một tháng nay tôi đã qua chừng 50 trận rồi.
- ủa! Cậu nói thật hay nói đùa vậy?
- Thế ban chiều bác không trông thấy lúc ăn cơm, tay tôi không cầm nổi đĩa bát đấy à?
- à, à, phải. Nay cậu ơi, thế cậu có biết đau không?
- Sao lại không đau! Nhưng bác bảo thế này đã là khổ lắm rồi à?
- Thế còn khổ đến đâu nữa? Cậu nhìn tôi đây này, chân xích tay xích, đánh cho vãi đá vãi cúrt ra, cơm hôi, rau bã, ngủ vật vã khắp nơi thế này. Sống chết vợ con không hay! Vậy mà còn khổ thế nào hơn nữa, cậu? Xem ra cậu là người không biết đau đớn, không biết sướng khổ là thế nào hay sao ấy?
- Không đâu, bác ạ. Tôi cũng đau, cũng biết khổ, nhưng tôi nghĩ có khác bác.

- Cậu nghĩ thế nào?

- Tôi là cộng sản (hình như anh ta giết mình trong bóng tối). Tôi làm cách mạng là để thay đổi cả cuộc sống bất công này. Tôi biết trước thế nào cũng sẽ bị bắt, bị tra tấn, bị tù đầy và. cũng có thể chúng sẽ bắn chúng tôi. Nhưng chúng tôi hiểu chúng tôi làm là đúng, là vì cuộc sống tốt đẹp hơn cho gia đình và mọi người. Chúng chầy, chúng tôi sẽ thắng vì chúng tôi có đồng bào. Với chúng tôi thế này cũng là khổ và còn phải chịu vượt qua mọi khổ ải khác để cuộc sống chúng ta tốt hơn, đáng sống hơn.

Anh ta ngấm nghĩ hồi lâu rồi nói:

- Thật là bụng dạ các cậu rộng bằng biển cả, bụng dạ mệnh mông thật...

Sau đó, ông tướng cướp trở thành một học trò ngoan của cậu thư sinh. Nhân xin được thuốc lao ở dưới nhà giam đưa, tôi tặng anh ta. Và cái bụng dạ cộng sản mệnh mông như biển cả lại càng được khẳng định.

Cuộc sống nào cũng để lại những chuỗi kỷ niệm vui buồn. Còn đây là những kỷ niệm một lần trải qua thì không bao giờ phai nhạt, là những kỷ niệm đã làm tôi hiểu rõ bản chất kẻ địch và cuộc chiến đấu với chúng tôi phải như thế nào. Giúp tôi nhận thức được đúng sức mạnh của mình, sức mạnh của cách mạng. ý chí của tôi được chấp cánh và những lời thơ của Tố Hữu cứ ngân vang:

Tôi chưa chết, nghĩa là chưa hết hận

Nghĩa là chưa hết nhục của muôn đời

Nghĩa là còn tranh đấu mãi không thôi

Còn trừ diệt cả một loài thú độc.

Là kỷ niệm về cách nhìn cuộc sống và sự làm người. Sự bình thường và cái khác thường chính là ở cái mục đích cuộc sống và cách sống của mỗi con người. Với tôi còn là kỷ niệm làm lòng tôi phơi phới. Sau một tháng thử thách đầu tiên sức chịu đòn tra. Trước sự hằn học, tàn bạo của kẻ thù, tôi đã trụ vững, đã bảo toàn được lực lượng cách mạng, đã giữ được trọn vẹn không để danh dự bị tì vết. Với chiến thắng đầu tiên này tôi thêm tin tưởng dần bước. Ngấm nghĩ kỹ, làm cách mạng mà vượt được đòn tra tấn của kẻ thù khi sa vào tay chúng cũng là điều hạnh phúc. Tham gia hoạt động ai cũng hiểu là rất có thể bị địch bắt và đòn chúng tra tấn thì có thể chết, ném đủ mọi cực hình mà kẻ thù có thể nghĩ ra, thế những vẫn xem thường. Cái viễn cảnh đó còn là chất men ủ tính phiêu lưu mạo hiểm, ưa chất anh hùng của tuổi trẻ. Song khi phải trực diện đương đầu thì đó là cửa ải không phải ai cũng vượt qua được. Sự dao động quyền rũ lằm trằm trước cực hình man rợ và thủ đoạn mơn trớn mua chuộc của kẻ thù, dù rằng dao động là thất bại, là chết nhục nhã.

Con đường dao động khơi ra mới đáng sợ nhất: là đầu hàng, là phản bội. Có những người đã dao động, đã trượt dài không gượng được trước sự thâm độc của kẻ thù và tuy là sống sót nhưng mỗi ngày sống là một ngày đau khổ, là sự nhục nhã ê chề trước đồng đội. Cũng là một cách thủ tiêu của kẻ thù đối với người cách mạng. Không thủ tiêu tính mạng thì thủ tiêu khí tiết, thủ tiêu danh dự và chúng biết cách tìm ra chỗ yếu của mỗi đối tượng để ra đòn. Trong số tôi quen biết, có đồng chí vốn

là chỗ cốt cán rất được anh em tin cậy. Đồng chí lấy vợ là một cán bộ nữ rất đẹp. Khi vợ có mang thì chẳng may cả hai vợ chồng bị bắt (vào khoảng năm 1944). Địch biết đồng chí rất yêu vợ, thương con, chúng cứ nhè vào chỗ đó mà ra đòn và đã đánh gục. Khi cách mạng thành công anh vẫn được sử dụng làm cán bộ địch vận trong quân đội nhưng đời sống tâm tư thì rất nặng nề. Một đồng chí khác cũng hoạt động trước tôi, từng là cán bộ phong trào liên tỉnh. Bị địch bắt, những ngày đầu anh tỏ ra thật kiên cường. Đánh nứt thịt tóe máu, hỏi gì anh cũng nói: Revolutionnaire. Hai bên đối đầu và cầm cự nhau cứ như anh là người đồng da sắt. Đến một hôm, đòn địch ác liệt quá, anh buột miệng kêu đau. Kẻ địch thành thạo tra tấn và cũng nhạy bén trong sự nắm bắt diễn biến của tâm lý, chúng càng đánh dữ dội hơn để khoét sâu nỗi đau bắt đầu hành hạ anh. Từ một lời kêu đau thốt ra anh đã ngã gục trước cơn đau mà địch khai thác đến cùng, đánh đòn và mua chuộc. Anh cố gượng chống đỡ. Chúng vui dập dũ hơn. Anh tuyệt thực chúng đợi đến lúc anh phải ăn. Địch có nghệ thuật dần lên để anh buông xuôi hơn, buông xuôi nữa. Và cuối cùng là anh dẫn chúng đi bắt đồng chí. Nhiều cơ sở anh biết đã bị vỡ. Anh ăn năn hối hận, nhưng hành động do sự yếu hèn của anh gây ra cho các đồng chí, cho cách mạng thì làm sao mà tháo gỡ được. Đây là sai lầm không có phương nào sửa chữa! Có một lần anh đã tâm sự với tôi Tớ là loại anh hùng cá nhân. Nó đánh mình đầu óc cứ như long ra, toàn thân ê ẩm tê buốt. Có lúc như tắt thở đến nơi và để buột ra tiếng kêu đau. Các trận đòn sau đẩy mình tới trạng thái buông xuôi với ý nghĩ như bài Quốc văn: Người đi đôi giày mới trên đường lầy học từ hồi còn bé. Càng gượng càng trượt dài đến chỗ mặc nó tới đâu thì tới. Cái anh hùng cá nhân của mình đã nhục nhã như vậy! Rút được bài học phải lượng sức mình thì đã chậm rồi.

Chương 5

Do tôi chống án vào mùa thu 1942 địch chuyển hồ sơ của tôi lên tòa thượng thẩm Hà Nội để xử lại. Khi từ biệt mẹ, tôi nói: Không bao giờ con ở hết 15 năm tù đâu. Mẹ cứ coi như con đi học xa, dăm năm rồi về thôi.

An ủi mẹ, tôi nói vậy nhưng thâm tâm cũng tính toán rằng: hết 15 năm tù, tôi mới 30 tuổi, còn trẻ chán để tiếp tục hoạt động.

Cảnh sống ở Hoả lò đã hút chúng tôi vào cuộc đấu tranh để sống còn. Có đến 70% tù nhân ốm đau. Có đồng chí mất máu nặng, chân tay cứ tím dần đi rồi chết. Trai tráng như tôi mà ngồi xuống đứng lên cũng lão đảo, mắt đỏ đom đóm. Cuộc đấu tranh trong nhà tù không thể không có, song quá mới mẻ với lớp trẻ chúng tôi. Tôi vốn có sức khỏe, nhanh nhẹn, lại ham hoạt động. Các đồng chí lớn tuổi, nhiều kinh nghiệm chú ý bồi dưỡng cho tôi. Đêm đêm, các đồng chí rủ rủ nói chuyện bày mưu tính kế mọi đường. Cùng với một số anh em còn trụ lại, tôi được giao làm trật tự để lo đối phó mọi mặt. Tâm trí chúng tôi lúc này là suy nghĩ tổ chức đời sống, sẵn sàng đối phó với kẻ địch. Song vẫn thấy xúc động bồi hồi khi nghe tiếng guốc đi về đêm khuya với tiếng rao bánh chưng nóng sáng tinh mơ trong thơ Tố Hữu, nhưng lúc đó tôi xem như đã bước hẳn vào giai đoạn tù. Cuộc chiến đấu trước mắt là

bảo vệ đời sống, tổ chức học tập, giữ vững lòng tin.

Thế rồi đoàn đồng chí Đ. (Tức Trần Đăng Ninh) vào, mang theo một không khí sôi sục. Anh nói chuyện Mặt trận Việt Minh, nói khí thế quần chúng đấu tranh. Tôi thấy anh Đ. không coi nhà tù là cái gì cả. Anh để lại trong tôi hình ảnh một chiến sĩ kiên cường bất khuất. Mình bận chiếc áo ngắn tay cùng chiếc quần đùi. Cánh tay bắp chân của anh gân guốc chắc nịch. Anh như quả tù túng khi rảo bước giữa hai cây bàng già cỗi trong sân nhà tù, đầu anh to, tóc cắt ngắn, cầm vuông với mấy sợi râu hung hung chĩa thẳng. Trên cặp môi dày thỉnh thoảng nở nụ cười chua chát cay đắng cho tình thế. Mắt anh hình nhai quẹt, vẻ u uất nặng nề. Người anh như tạc bằng đá hoa cương, sẵn sàng xông pha bão tố, sẵn sàng chịu đựng và vượt qua mọi thử thách gian truân. Tư thế ấy, nét mặt ấy, tôi nhớ y nguyên trên đường đi Sơn La và những ngày đày ải tại đó. Anh vẫn thế trong chiến dịch Biên giới sau này.

Với những nét độc đáo, anh Đ đã thành hình tượng hấp dẫn, khuấy động tâm hồn bọn tôi lúc ấy. Tôi còn được tham dự nhóm anh tổ chức vượt ngục và đã tham gia tích cực vào đó. Kế hoạch là đội lốt một lớp học chính trị với khoảng hai mươi ngày, do anh Đ. phụ trách, thời gian huấn luyện hơn hai mươi ngày, tập hợp vào một phòng nhỏ trong góc nhà tù chính trị. Chúng tôi phải tìm cách đào được một đường hầm để thoát ra ngoài mà địch không biết, đồng đội không hay. Hai mươi con người mới biết nhau, quen nhau từ khi mặc áo tù, những từ lúc tập trung vào lớp đã gấn bó thành một khối chặt chẽ. Cảm tưởng của chúng tôi là hồi hộp, háo hức như một đoàn quân chuẩn bị tấn công với tinh thần quyết tâm cao nhất để chọc thủng nền nhà lao Hòa Lò để mở một con đường hầm xuyên móng nhà tù mà ra.

Thực tế đã cho chúng tôi thấy mọi tính toán sai lệch quá xa. Cả nhóm đã họp lại bàn bạc, xem xét mọi mặt và quyết định thôi! Anh Đ cười cười, vỗ vai bọn trẻ chúng tôi, an ủi: Khó thật đấy! Thua keo này bày keo khác. Cần gì! Từ đó lớp học được tiến hành đúng với yêu cầu huấn luyện. Nỗi háo hức được vượt ngục chuyển thành ý chí phấn đấu mới, trầm lặng hơn nhưng vững chắc, sâu sắc hơn bao giờ hết.

Có hôm, tại nhà lao Hòa Lò, anh em vui chuyện cả vào giờ tắt đèn. Tên giám thị xuất hiện và không tiếc lời chửi bới, xúc phạm tù nhân. Là trật tự, tôi liền đứng ra phản đối lại. Hấn lập tức đi báo cáo với cấp trên. Tôi bị giám ngục Tây gọi ngay lên và phạt nằm xà lim một tháng. Vẫn hàn học, hẩn xúi bẩy phải cùm tôi cả hai chân. Thế là giữa cái giá rét mùa đông, hai chân đút vào cùm, tôi phải nằm giữa sàn xi-măng không cho chần chiếu trong hai tuần liền may mà còn mang theo được thêm một bộ quần áo tù. Tôi lấy áo trùm kín đầu, còn chiếc quần tôi đắp lên hai ống chân. Có đỡ lạnh chút ít và cũng ngăn được muỗi. Muỗi xà lim vừa nhiều, vừa dữ. Song, đến khoản rệp thì phải chịu bó tay. Đánh hơi lạ, chúng từ khe cùm kéo ra rúc vào mọi nơi mà cắn. Chỉ khi căng tròn như hạt đỗ đen thì mới chịu yên. Tình thế cứ như nằm giữa tổ kiến vàng. Tôi nhớ đến câu chuyện có tù nhân chết vì rệp cắn. Hai ống chân chỗ bị cùm rệp cắn nhiều quá thành sâu quảng không chữa khỏi mà chết. Thực hư ra sao không rõ, nhưng lúc này chỉ còn có cách cắn răng chịu đựng, lũ rệp đang châm chích khắp

người.

Các xà lim khác cũng đầy người nhưng đều là thường phạm: có số vì gây gỗ đánh nhau, phá quấy gì đó nên bị nhốt. Còn một số thì bị liệt là tù số đồ nghĩa là đã bị bắt nhiều lần, nguy hiểm, phải giam cầm cố. Lần đầu tiên nằm xà lim, tôi rất ngỡ ngàng, nhưng chỉ có một mình, chả biết hỏi ai. Cơm có anh em nhà bếp mang tới. Còn nước có sẵn cả một gáo, phần để uống, phần dành để làm vệ sinh khi đi đại tiện. Hết thì họ lại đổ vào đầy. Tôi vốn bị lòi dom. Cảnh sống này thì bệnh càng dày vò.

Cả đêm và ngày, hai chân trong cùm, nằm nghĩ miên man đủ thứ chuyện. Nhớ lại chuyện bọn phát xít Đức hại tù chính trị bằng cách nhốt mỗi tù nhân trong từng xà lim mà trần và vách vẽ chỉ chít các vòng tròn với nhiều màu sắc sặc sỡ. Cảnh tượng đó dần dần làm người tù loạn óc mà phát điên lên. Tôi tự nghĩ mình mà bị như thế thì cũng gay go đây. Nhưng điên thì chưa chắc!

Tôi lắng nghe những tiếng nói vọng tới xem có thể bắt chuyện với ai đó được không. Rồi tôi để ý đến lời nói chuyện của một anh chàng đang ba hoa bốc đồng. Hắn đang bốc phét pha tiếng Tây giả cầy đây và đắc chí. Các xà lim khác xuýt xoa ra vẻ thán phục cậu này lắm. Tôi nảy ý nghĩ chọc ngang anh chàng ba bị này, cho có chuyện làm quen. Tôi lên tiếng hỏi:

- Này, anh nói tiếng Tây ời, xà lim số mấy đấy!

- Số 6 đây, thằng nào hỏi gì đấy? 27 à!

- Anh số 6, chào anh, chuyện anh xem ra bốc láo lắm. Mà tiếng Tây của anh thì càng bốc láo đấy, học đâu ra vậy! Dân ta sẵn tiếng ta, việc gì dậm tiếng Tây giả cầy thế. Nghe chương tai làm sao!

Có lẽ tôi là người đàn tiên đã dám đụng đến uy danh một còi cho nên hắn ta giẫy lên như đĩa phải vôi:

- á chà, đ... mẹ thằng nào dám bảo ông là bốc láo, giả cầy đấy, thằng nào xưng tên xem thử.....

- Này! vừa vừa thôi. Số 2 đây.

Giọng số 6 hơi dịu:

- Số 2 hả, mới vào hả! Tên gì, tội gì, tội gì đấy? Đâu tới hả!

- Trại D đến đây.

Nói đến trại D là cả nhà tù đều biết là nơi nhốt tù chính trị. Giọng số 6 bỗng trở nên nhẹ nhàng, bắt quen:

- Chính trị à! Thế thì em xin lỗi anh nhé. Đúng anh ở trại D tới à? Sao anh kín tiếng thế, em đâu biết! Liền đó, các xà lim khác cũng nhao nhao hỏi thăm thật vui vẻ. Thế là tôi đã giao lưu được rồi. Và tại vạ cũng đến liền ngay. Sáng hôm sau số 6 lên tiếng hỏi:

- Anh số 2 ời, cho chúng em nghe một bài hát của các anh đi. Rồi dạy bọn em với Các xà lim khác đều hưởng ứng lời đề nghị đó. Nó cũng gãi đúng chỗ ngứa của tôi. Tôi bèn lấy giọng hát to bài Tam bình. Đây là bài hát tử của cán bộ thời đó

Bớ công nông, phất cờ lên

Đồng tâm chiến đấu giết loài sài lang

Theo ngọn cờ Mác Lênin

Phen ni mình quyết ra tay...

Này, hận này là hận sau cùng...

Tay đánh nhịp vào cùm, tôi hát với tất cả sự hăng say của tuổi trẻ. Lời ca vang vang trong xà lim, không khí trở thành nghiêm trang, hùng tráng. Cả dãy xà lim lắng nghe. Nhớ lại những một mặt hùng bừng hưng phấn, những ánh mắt rực sáng trong các cuộc mít tinh trước đây khi tôi hát bài này, tôi hình dung ra các khuôn mặt ở các xà lim lúc này, hẳn họ cũng đang bị lời ca thu hút khích lệ bản thân tôi cũng bốc lên, càng hát càng hăng hơn, say sưa hơn.

Bỗng miếng sắt nhỏ ở cửa xà lim tôi kêu soạch, cùng lúc một bộ mặt hiện ra rồi biến ngay. Tôi cũng kịp nhận ra thằng giám thị. Biết là sẽ có chuyện chẳng lành, song sự hăng say vẫn nâng tiếng hát bay lên, vời vời.

Ít phút sau, một tên giám thị Tây hùng hổ chạy tới. Chẳng nó chẳng rằng hấn đánh tôi túi bụi bằng dùi cui. Tôi vừa gắng đỡ vừa phản đối lại: Tại sao lại đánh tôi tôi không làm gì mất trật tự. Nó cứ nện liên hồi. Tôi hiểu ra đây cũng là đòn trả thù của tên giám thị Đ. Trợn đờn qua. Tôi tính cách đối phó lại.

Các xà lim lại tới tấp tiếng hỏi thăm:

- Anh số 2 ơi! Nó đánh anh có đau lắm không, ỉ

Đòn tù thù địch, ác liệt thật, song lại không làm người tù sợ. Nhiều anh em sau đó nài nỉ tôi dạy họ hát. Tôi đọc từng câu và họ rì rầm nhẩm lại đến thuộc lòng. Thế là chỉ ít hôm sau, cả xà lim đã thuộc bài hát. Từ đó bài hát đã thành là một sức mạnh của từng người, của cả dãy xà lim. Mấy hôm sau, tự nhiên tôi nổi máu cất tiếng hát, bởi sự thúc bách biểu lộ đồng cảm với anh em tù thường phạm, bởi như để chống lại một cái gì đó. Thằng giám thị Tây lại tới. Lần này, tôi trừng mắt nhìn thẳng vào mặt nó và to: Đả đảo khủng bố, đả đảo đánh đập! . Thật sung sướng cho tôi! từ các xà lim bên cạnh, có tiếng hô hưởng ứng ngay. Tên giám ngục tức giận, giậm chân giậm cẳng, chửi bới ầm ĩ, nhưng không ra đòn. Hấn lúng túng, tránh ánh mắt của tôi, lăm lét nhìn quanh xà lim. Nhác thấy bộ quần áo tù tôi mang theo xếp để đầu sàn, hấn giận giữ vợ lấy và không quên trị tôi: phạt cả tháng cùm hai chân!.

Thế là hình phạt cùm nửa tháng nay kéo dài ra cả tháng. Dẫu sao với tôi cũng là một trận thắng. Anh số 6 thường gọi tôi để hỏi chuyện. Anh em ở các xà lim đã hát bài hát tôi truyền lại. Tôi liền bổ sung tiết mục ngâm thơ. Nhớ được bao nhiêu thơ của Tố Hữu, tôi đã ngâm giới thiệu cả. Tôi đọc và giảng giải kỹ hai bài Tâm tư trong tù và bài Hai đứa bé. Anh em ở dãy xà lim chăm chú nghe và tán thưởng. Còn tên giám thị thì từ đó vẫn tỏ ra hấn học với tôi những khi chúng tôi sinh hoạt, hấn đều lảng tránh như không hay biết. Suốt cả một tháng nằm xà lim cùm hai chân, tôi chỉ được đi tắm và thay quần áo có một lần. Tôi bị đi lý nhưng xin thuốc tên giám thị phòng không cho. Sau một tuần đi lý người tôi mệt quá, nghĩ chỉ còn cách chữa mẹo. Tôi quyết định nhịn ăn hai ngày liền sau đó chỉ ăn cơm với muối trắng. May sao, thế mà khỏi bệnh! Rồi cả cái tháng chịu hình phạt xà lim, cùm cả hai chân ấy cũng qua đi. Với tôi không phải là thời gian vô nghĩa. Dường như tôi vừa khám phá ra một điều mới mẻ chưa hề biết. Đó là tình cảm quý mến, khâm phục của anh em tù thường phạm đối với tù chính

trị. Hết có người hết thời gian nằm xà lim, trước khi đi đều gửi tôi lời cho thân ái. Có tù mới đến thì anh em lại kín đáo giới thiệu với họ: số 2 là tù trại Đ đến... có nhiều bài hát, bài thơ nghe hay lắm! Những điều này làm tôi rất xúc động. Tôi cũng hiểu ra sức mạnh của cách mạng. Những bài hát, những lời thơ cách mạng có sức lay chuyển, thức tỉnh lòng người sâu xa đến vậy. Hôm tên giám thị Đ vào tháo cùm cho tôi, hấn vẫn hấn học đề:

- Cẩn thận! Không chừa thì còn nhiều phen được cùm!

Chẳng bận tâm! Tôi còn mãi từ giã các bạn mới của tôi, lòng xốn xang một niềm vui khó tả. Vui vì hết hạn cùm xà lim, được trở về trại D đầy vinh dự với đồng chí mình. Vui vì một tháng tôi có thêm những bạn mới mà tiếng hát lời thơ cách mạng đã gieo mầm mới biết đâu là bước ngoặt cho cuộc đời họ.

Trong năm 1942 đó, chúng nó đẩy chúng tôi lên Sơn La, chuyển đi tổ chức thành đoàn mà chúng tôi gọi là công voa tù. Từ Hỏa Lò chúng dồn tù lên ô tô hàng để đi Hòa Bình. Chúng tôi đã chuẩn bị chu đáo việc tuyên truyền, trưng thu của các anh em tất cả khăn mặt màn đờ tra vào những que ngấn làm cán. Lúc xe chạy qua các phố đông người chúng tôi giương ra làm cờ đỏ, đồng thời hát vang quốc tế ca và các bài hát cách mạng. Mọi người qua đường, sống dọc các phố xe đi qua đều bằng những cử chỉ kín đáo thể hiện với chúng tôi lòng cảm tình. Còn phía chúng tôi thì cố gắng bằng cách nói với nhân dân rằng đây là tù chính trị. Qua phố Khâm Thiên, tôi thấy có một cô gái dáng tiểu thương, mình bận áo tứ thân cứ chạy theo xe chúng tôi. Chị ta gào:

- Anh Diện, anh Diện!

Thì ra người ngồi bên tôi chính là Diện. Anh ta lộ vẻ rất xúc động. Tôi hỏi:

- Ai gọi anh đấy?.

Anh bảo nhỏ:

- Em gái tao, con ông cậu.

Sau này, khi chúng tôi trốn tù ra thì chính anh Diện đưa đến trốn ở nhà ông cậu. Chị này vốn có cảm tình cách mạng nên đã nhận đi liên lạc, bắt mối với anh Lưu Đức Hiểu, rồi nhận chỉ thị của anh Hiểu về cho chúng tôi.

áp tải đoàn tù là một thiếu úy người Pháp. Hấn còn rất trẻ, mới từ Pháp sang, vừa hung hăng vừa lộ vẻ lo ngại. Chúng tôi hát, hấn chạy lên chạy xuống quát tháo ầm ĩ. Hấn chạy tới thì đầu hàng lắng lại, nhưng ở cuối hàng giọng hát lại bốc lên cao và cứ thế ngược lại làm hấn tức tối. Từ đầu cầu phao đi vào thị xã Hòa Bình, chúng tôi vẫn hát như thế. Mặt mũi tên thiếu úy non đến thảm hại. Nó nhét đoàn tù vào trường tiểu học. Mỗi phòng học nó nhốt mấy chục người, bắt khép kín cánh cửa kính lại. Các cửa đều có chấn song. Chúng tôi tuyệt thực không ăn đòi hấn để cửa mở cho khỏi bí hơi. Trong chuyến đi này có sẵn hai người đại diện của đoàn tù là ông Đào Năng An và ông Bùi Lâm. Ông Đào Năng An tuy có khai báo nhưng vẫn được tin nhiệm giao việc, ông là một nhà trí thức, nói tiếng Pháp rất thành thạo. Ông Bùi Lâm cũng thạo tiếng pháp, từng sống lâu năm ở Pháp nên ông thạo cả tiếng lóng và phát âm như người Pháp.

Khi chúng tôi đòi để cửa mở, lúc đầu thằng thiếu úy không chịu. Cả đoàn tuyên bố tuyệt thực. Hai ông đại diện đối thoại với nó, lý lẽ sắc bén, có tình. Sau cùng hắn chịu nhượng bộ, cho mở cửa và giao hẹn:

- Mở cửa thì các anh ăn chứ?

- Đồng ý! - Chúng tôi trả lời.

Vì đấu tranh giành cơm lâu, nên trời đã tối, bữa cơm quá muộn. Anh em bụng đều đói. Được tù nhận ăn cơm, tên thiếu úy mừng rỡ, nó hối thúc gánh cơm vào. Gánh cơm năm chục người ăn mà chỉ có năm, bảy cái bát và chừng ấy đôi đũa. Các cấp trật tự liền đứng ra thu xếp số người ăn mỗi lần theo số bát đũa. ăn xong đi rửa sạch sẽ giao cho người được cử tiếp theo. Với cách đó, bữa ăn đã diễn ra trong trật tự, vệ sinh chặt chẽ, không hề chen lấn, lộn xộn. Cái kỷ cương bất ngờ này đã làm cho tên thiếu úy ngạc nhiên thật sự và bọn lính đâm ra nể tù.

Hôm sau cuộc bộ lên đường, chúng tôi vẫn hát, có bài hát bằng tiếng Pháp, lúc hùng dũng, lúc dịu dàng, đến mệt mới thôi. Đám lính tỏ ra thích thú, thấy anh em yên lặng đi, chúng lại nhắc:

- Các anh hát đi cho nó đỡ mệt,

Còn tên thiếu úy thì không lộ vẻ hung hăng nữa. Hắn đi lên đảo xuống cuối đoàn tù, ôn tồn hỏi chuyện. Nó sửng sốt thực sự khi thấy đồng tù nhân đã trả lời nó bằng tiếng Pháp, không tồi. Chuyển đi chia thành nhiều chặng nghỉ, cách nhau khoảng 20 - 25km, có chặng dài nhất là 32 km. Đi được hai ba chặng gì đó thì trời tối vừa lúc tới một cái bản. Đoàn ghé lại nghỉ đêm ở đó. Các ông đại diện đã tranh thủ nói chuyện với tên thiếu úy Pháp. Hắn bảo vừa ở Pháp sang, chưa hiểu gì về Việt Nam cũng như về Đông Dương. Hắn thú nhận rằng:

- Nhận nhiệm vụ này, với tôi là việc rất phức tạp. áp tải một lúc hơn 100 người tù chính trị đi hàng trăm cây số, lại qua vùng rừng núi, tôi lo lắm. Tôi phải tỏ ra nghiêm khắc, phải trấn áp mới giữ được kỷ luật, thế mới hoàn thành nhiệm vụ. Nhưng từ Hòa Lò lên đến đây, tiếp xúc với các anh tôi thấy hoàn toàn khác với những điều mà tôi đã được căn dặn nhiều lần với nhiều quan chức thuộc địa. Trước hết tôi thấy các anh phần đông có học, có hiểu biết. Đặc biệt là cả đoàn đã tỏ rõ sự tôn trọng kỷ luật. Bữa cơm tối ở Hòa Bình làm tôi suy nghĩ nhiều lắm. Thú thật, trong hoàn cảnh lúc đó, sự lộn xộn, chuyện dành nhau ăn trước, ăn nhiều, tôi nghĩ là điều dĩ nhiên. Thế mà các anh tỏ ra rất văn minh, rất kỷ luật, cứ như một đội quân được rèn luyện kỹ càng. Sau mấy ngày đường tôi càng hiểu các anh. Dù chưa tới nơi, tôi cũng thành thật nói là rất yên tâm và cảm ơn các anh đã giúp tôi hoàn thành trách nhiệm.

Giữa đôi bên như thỏa thuận với nhau cách thức tiếp tục chuyển đi. Tay thiếu úy tỏ ra dễ chịu nhiều. Còn bọn lính thì lộ vẻ nể anh em tù. Lên tới cửa nhà tù Sơn La thì gặp thằng giám ngục Lơ Bông. Hắn đang đứng đó. Người hắn to béo. Trái với cái tên ông tốt bụng hắn là một tên thực dân đúng bản chất, gian ác và tàn bạo. Tên thiếu úy báo cáo chuyển đi, nhiệt thành khen đoàn có kỷ luật, biết giữ trật tự và có học. Chỉ vào tôi, lúc đứng ở đầu đoàn:

- Anh này nói tiếng Pháp tốt lắm, rất tích cực.

Thằng Lơ Bông giật phắt cái dùi cui trong tay người lính đứng cạnh hắn, nện vào đầu tôi và chửi:

- Quân mất dạy! Cu soong!

Nhà tù Sơn La lúc ấy đang nhốt đến năm trăm tù nhân, trong đó tù chính trị kể cả đoàn chúng tôi có đến 300. Các anh Lê Thanh Nghị, Xuân Thủy, Trần Huy Liệu... một số đồng khác đang bị giam giữ tại đó. Số tù kinh tế chừng 200 bị nhốt riêng, cách biệt với chúng tôi. Lúc đó tù chính trị cũng có hai loại: số đông là cộng sản, một số khác là Quốc dân đảng hoặc Đại Việt, có số gọi là tù Lạng Sơn đưa về. Gọi như thế vì cơ sở của họ ở Lạng Sơn bị vỡ lở, họ bị bắt. Sự phân biệt là ở miếng vải xanh dính ở ngực. Tù cộng sản mang miếng vải hình vuông, còn số còn lại là hình quả trám. Sự phân biệt này quan trọng lắm. Lính tráng cũng như dân chúng đều nể số vuông và tỏ ra thiếu cảm tình với số chéo. Về việc quản lý nhà tù, đứng đầu là tên giám ngục, có một phụ tá già - tôi nghĩ lão chỉ là quản gia của giám ngục. Tù nhân thường gọi lão là bố già. Lão không có gì đặc sắc, cũng không hiểm ác. Khác với tên giám ngục Lơ Bông, đúng là một tên thực dân hung ác và hiểm độc. Nó lấy tù lên làm văn thư cho nó. Khi chúng tôi lên thì người làm văn thư đang là anh Đào Đình Luống tức Nguyễn Đức Quý quê ở Thuận Thành (Bắc Ninh). Sau này cách mạng thành công, anh là thứ trưởng Bộ Văn hóa và đã mất. Anh rất giỏi tiếng pháp và thạo công việc văn thư, được giao giữ sổ sách và sắp đặt công việc ở nhà tù. Cũng nhờ anh, chúng tôi có được những tin tức cần thiết.

Nhà tù ở sát trại lính. Chỉ huy lính là một giám binh hàm quan một, quan hai gì đấy. Thằng giám binh này cũng cùng thằng giám ngục cai quản tù nhân. Còn đội lính khố xanh bên đó chính là lực lượng kiểm chế tù. Vọng gác trại lính trên cao kiểm soát sân nhà tù. Nhất cử nhất động không lọt qua được mắt lính canh. Bên nhà tù có cử một người làm y tá, nói là để giúp việc cho trại, thực chất là để giúp tù nhân. Lúc đó, anh Sao Đỏ đang đảm nhiệm công việc này. Anh Sao Đỏ- tên thật là Nguyễn Lương Bằng, mọi tù nhân đều có cảm tình, tôn xưng anh là anh Sao Đỏ hay anh Cả. Đến những người lớn tuổi hơn, chức trách cao hơn như anh Trường Chinh, Hoàng Quốc Việt cũng gọi là Anh Cả, với ý nghĩ anh ấy là anh lớn trong tập thể. Từ đó cái tên Anh Cả trở thành bí danh của anh Nguyễn Lương Bằng. Anh trở thành y tá là từ chủ trương của tù nhân chính trị. Anh làm y tá nên có điều kiện huấn luyện cho một số đồng chí để anh em tù chăm sóc sức khỏe, bảo vệ nhau. Việc này không dễ. Học hỏi thì có sách chuyên môn hoặc có ai đó biết nhiều ít thì chỉ vẽ cho anh em khác. Nhưng đến việc thực hành, kể từ tập tiêm thì đáng ngại lắm. Có điều vì thương yêu nhau nên sẵn người tự nguyện đưa cơ thể mình để anh em luyện tập. Anh em đó nghĩ rằng nếu chẳng may mình có bị làm sao thì về sau đồng chí mình cũng tránh được tai họa. Đến đoàn tù chúng tôi lên cũng có tổ chức rèn cặp một số y tá mới. Chính anh Sao Đỏ đã huấn luyện nhóm tôi và anh Hoàng Minh Chính, là lớp trẻ lúc đó. Chúng tôi cũng đưa dùi, chĩa mông ra cho nhau thực hành tiêm thuốc chữa bệnh.

Anh Sao đỏ làm y tá, đã giúp được rất nhiều cho anh em tù vì y tá là có quyền liên hệ với trạm xá khai báo thuốc men, lĩnh thuốc cho anh em. Vì thế anh em cần thuốc gì thì báo với y tá chạy lo cho. Sơn La thời đó, bệnh sốt rét đái ra máu mà bây giờ gọi là sốt rét ác tính, đang hoành hành. Đã bị sốt rét ác tính đái ra máu là dễ chết lắm. Nhưng cùng căn bệnh mà ở hai trại lại có hậu quả khác nhau.

Nếu như ở bên trại tù, trung bình cứ mười người bệnh mới có một ca tử vong, ngược lại ở bên trại lính tình hình nguy kịch hơn nhiều, có tới chín người chết. Vì sao thế. Khi ngã bệnh sốt rét thì người tù được sự chăm sóc hết sức chu đáo của đồng đội. Ngoài anh Sao Đỏ y tá thì còn có đội Hồng thập tự do anh em lập ra. Và người bệnh được được chăm sóc 24 trên 24 giờ. Thường trực luôn có 4 người trông nom bệnh nhân, xoa bóp người cho đỡ tê mỏi, chăm lo vệ sinh chu đáo bất cứ lúc nào. Chế độ ăn uống cũng được quy định, chia làm ba cấp, cháo, cơm. Sốt 39 độ trở xuống thì gọi cháo đường. Ba ngày ăn như thế bệnh không đỡ thì được hưởng cháo cứu tế, tức là cháo tim gan ăn với nước mắm thượng hạng. Cháo này ăn rất ngon nhưng chẳng ai mong muốn cả. Vì đã đến thế là thập tử nhất sinh rồi! Cơm cũng chia ra các cấp như vậy Cơm cứu tế là để bồi dưỡng cho những ai qua cơn ốm quá nặng để mau lấy lại sức.

Ông Bùi Lâm được giao phụ trách bếp, nấu cơm cứu tế, vì hồi ở pháp ông làm bồi bếp nên nấu ăn rất giỏi. Sau khi lo cho các bệnh nhân ăn uống ngon lành chu đáo phần ông thu dọn nồi chảo nấu. Thứ liếm được ông dùng lưỡi, nếu không ông dùng ngón tay quẹt sạch và dâng hoàng mứt ngon lành. Anh em nhìn thấy cười nhạo. Ông thần nhiên cãi:

- Chúng mày ngu bỏ mẹ. Nói là thức ăn cao cấp thì đây mới thực là thức cao cấp vì mọi tinh chất thực phẩm đều lắng ở đáy nồi. Sao lại bỏ phí.

Ông Bùi Lâm, mà về sau có thời làm chánh án tòa án tối cao, rồi đi làm đại sứ bên Đức, là người có phong cách sống rất thực tế và cởi mở.

Nhớ lại hồi còn ở Hỏa Lò Hà Nội, một thời kỳ anh em tù nhân phần đông bị lở bìu dái, nó cứ đỏ như quả cà độc dược, sưng tấy. Cho vải quần đựng phải là đau đến dằn dụa nước mắt. Anh em có sáng kiến tháo hết đũng quần đùi làm váy thì có dễ chịu hơn. Riêng ông Bùi Lâm đơn giản, thần nhiên đánh tròng. Ông lại là đại diện tù, chẳng lẽ ra tiếp giám thị, giám ngục mà cứ tồng ngồng như thế, ông bèn dặn chúng tôi

- Hễ chúng tới tìm, thì báo tao hay, để mặc quần làm việc.

Cái bệnh đến kỳ lạ. Anh em nghe ai mách bảo cách nào cũng theo chữa đều không khỏi. Tây cấp thuốc bôi cũng chẳng hiệu quả gì. Hàng trăm con người như thế trông khủng khiếp lắm. Thế rồi một thời gian sau, tự nhiên bệnh lành, cứ như cơn dịch bay qua.

ở Sơn La, chúng tôi còn lập ra một tổ chức lo nội thương và cả ngoại thương. Mấy ông được cử ra phụ trách kinh tế ở nhà tù sau này đều thành cán bộ kinh tế cao cấp của Nhà nước cách mạng, như ông Lê Thanh Nghị, Nguyễn Văn Trân hay như ông Đặng Kim Giang làm Tổng cục Hậu cần quân đội nhân dân, ông Đồng là giám đốc nhà máy xi-măng Hải Phòng. ở nhà tù hoạt động kinh tế chủ yếu là buôn bán. Sự tháo vát, sáng tạo là tìm ra cách buôn bán ở nhà tù. Buổi đầu là bắt mối với các bà buôn có cảm tình với tù chính trị. Có bà thân mật với anh em đến nỗi người ta gán với ông Khuất Trí Tiến, ông Trần Đình Long, đùa là người tình, vì hai ông được giao trách nhiệm tiếp xúc với hai bà. Hai bà này lúc đó cũng chỉ ba, bốn mươi tuổi, là vợ công chức sống dư giả nên còn bắt mắt chán. Họ buôn hàng là: guốc Phi Mã, tức guốc cao gót, đang là thời trang của thiếu nữ Hà Nội, do tù chúng tôi

chế tác. Mỗi lần được phái vào rừng lấy củi là chúng tôi chọn gỗ. Khi số đồng anh em lao dịch thì số có tay nghề tập trung đẽo guốc. Guốc Phi Mã Sơn La rất ăn khách, làm bao nhiêu đều bán hết.

Chúng tôi khai thác nguồn hàng ở các bản quanh trại: mộc nhĩ, nấm hương, mật gấu, mật ong, rừng có gì thành hàng hóa là chúng tôi thu gom gửi bán cho khách Hà Nội. Tiền đó hai bà lại mua hàng theo đơn của chúng tôi đặt như vải vóc, kim chỉ, đồ trang sức, đồ chơi. Chúng tôi kín đáo đưa hàng ra các bản với nhiều phương thức thích hợp: bán lấy tiền ngay, trao đổi hàng cũng có, ký gửi hàng cũng có...

Hàng may đo của chúng tôi rất được tín nhiệm. Các công chức và gia đình họ rất thích đặt chúng tôi may quần áo, kể cả việc đóng bộ đại lễ bằng tít-suy hay nhung vóc đắt tiền. Chúng tôi có thợ may tay nghề cao. Chính anh em từng làm ở các tiệm nổi tiếng ở Hà Thành như Sác Mốt Tràng Tiền. Là tù tất nhiên cái khó khăn chính là không có máy may. Mọi hàng đều khâu tay, nhưng chính điều này là cái giá không tìm được ở bất cứ hiệu may nào. Cho nên các tay trưng diện lại rất ham có được bộ đồ may ở nhà tù Sơn La. Hàng cắt may kỹ và giá rẻ, giao đúng hạn. Sự tín nhiệm dày lên với năm tháng, đến mức các vị công chức đều thích mời tù thợ tới nhà đo may. Tiền công thu được khá lớn. Những hoạt động kinh tế kiểu trên đây chúng tôi đều nghĩ là ngoại thương tức khách hàng đều là người ngoài nhà tù. Giữa anh em tù cũng dần dần phát sinh nhu cầu trao đổi. Ai đó có người nhà gửi cho thứ gì mà không dùng tới, muốn trao đổi, muốn mua bán thì có nội thương chứng kiến và thu phí theo % giá trị hàng hóa. Khi bị đưa đầy Sơn La, anh em đã dự kiến cuộc sống sẽ cam go gấp bội so với lúc ở Hỏa Lò (Hà Nội). Anh em đã chủ động nghĩ cách tự cứu là làm kinh tế. Rồi cái khó chẳng bó nổi cái khôn, mà ngược lại càng làm anh em vất óc tìm ra những nguồn việc mà trước đó chẳng ai nghĩ tới.

Hết sức kỳ công là chúng tôi tổ chức cất được cả rượu bán. Nhớ lại hồi ở Hỏa Lò có chế độ mắm, mè, trâu, đậu. Đây là thực đơn hai ngày một. Ngày thứ nhất thì sáng ăn cá mắm, chiều cá mè luộc - sang ngày thứ hai: sáng thì thịt trâu luộc, chiều có món đậu phụ luộc. Thực đơn này cứ nối tiếp hết tuần, hết tháng đến hết năm. Ngày chủ nhật đặc cách có món thịt lợn luộc. Thức ăn làm cho tù cho nên không những đơn điệu về món mà còn nghèo nàn về hương vị. Sự chế biến cũng rất là lao tù. Chúng tôi có tranh biếm họa cảnh ăn thịt trâu. Hai tù nhân miệng cắn hai đầu miếng thịt bằng nửa ngón tay còn chân thì đạp vào ngực nhau để thêm sức mà giằng miếng thịt đứt ra làm hai! Còn thịt lợn thì chỉ sợ nó bay biến, phần mỗi người một miếng bằng nửa bao thuốc lá và thái mỏng tanh như tờ giấy. Cá mè luộc thì nửa sống nửa chín, đậu phụ thái ra thì có nhân thạch sùng. Rau muống luộc còn bám đầy trứng cóc, ăn phải là chết. Cơm thì chúng dùng nước sôi để nấu, nước lã pha vào sứt thịt trâu. Nhà bếp đã tiếp tay cho giám ngục hành hạ tù nhân chúng tôi như thế. ăn uống đã vậy, anh em còn bị đau ốm liên miên, ghê lở đầy người. Chẳng còn biết trông vào đâu được vì mục đích của tù ngục thực dân là hành hạ tù nhân để khuất phục họ.

Lúc đó tôi làm trật tự, bàn cách cứu tình trạng này bằng cách cải thiện bữa ăn. Chúng tôi thỏa thuận với nhau thực hiện cộng sản trong ăn uống. Ai có người nhà tới thăm nuôi thì tất cả các thứ nhận

được đều tập trung, phân phối tùy theo sức khỏe và nhu cầu của từng người, phân phối từ quả chuối đến miếng giò và cả thuốc hút nữa. Kể đến, chúng tôi tổ chức chế biến lại bữa ăn hàng ngày. Cái khó là dụng cụ để nấu nướng. Cơm tù thường được đựng trong thùng gỗ cao 30 phân. Còn thức ăn thì đựng bằng cả mèn sắt tây, hay tôn lá. Ngày đó chưa có cả mèn nhôm. Sau một thời gian chúng tôi đã giấu, lấy được mấy thùng gỗ và ít cà mèn. Cả quần áo thủ được khi nhà, tù phơi ngoài sân. Thế là tích lũy được nhiên liệu và dụng cụ cần thiết. Cả trại đồng lòng nhịn một bữa không ăn, dồn thêm các thức ăn người nhà thăm nuôi đưa cho, chế biến lại cho ngon miệng và nấu kỹ. Kết quả thật là khả quan. Ai cũng cảm thấy bữa ăn ngon hẳn. Rồi một tuần sau số người đau ốm giảm rõ rệt và mặt ai cũng tươi tỉnh. Nhưng sự yên vui của tù nhân là điều giám ngục phản đối. Việc một số thùng đựng cơm mất hút rồi số cà mèn cũng thu không đủ, chúng đã đi khám và tìm ra mưu kế của chúng tôi. Từ đó chúng tuyên bố cấm và chú ý kiểm tra hơn. Tuy việc nâng chất lượng bữa ăn chỉ tồn tại một thời gian ngắn nhưng tác dụng thì lâu bền. Anh em khỏe ra và năng động khắc phục hoàn cảnh. Tôi vốn ham làm báo. Nhân dịp Tết đến, tôi chủ trương ra tờ báo Xuân. Trước hết tôi nhả ra ngoài gửi cho mấy tập giấy học sinh, mực tàu và bút. Việc này chỉ trại chúng tôi bàn định, thế mà tin lại lọt sang cả bên tù phụ nữ. Có một bà tài hoa xinh gái được nhiều người chú ý, đã gửi thư sang tôi xin tham gia viết báo và đề nghị tờ báo Xuân nhất thiết phải có phần đề tài phụ nữ. Tôi nhớ lại bìa số báo do tôi vẽ. Trong sân nhà tù Hỏa Lò vốn có hai cây bàng lâu năm, đang mùa đông, bàng rụng hết lá, trơ những cành. Tức cảnh này tôi trang trí bìa báo Xuân bằng hai cành bàng không lá bằng mực tàu đen. Chữ xuân bằng mực đỏ nổi bật làm cho bìa rất ấn tượng và bao hàm nhiều ý tứ. Số đó bên, phụ nữ cũng góp mấy bài làm tờ báo thêm hấp dẫn, phong phú. Ngoài ra, còn có buổi diễn văn nghệ và tôi cũng thuộc lại diễn viên có hạng về đóng giả phụ nữ. Để làm tóc chúng tôi lấy quần áo gỡ ra thành sợi đem nhuộm hắc ín, khéo nhuộm, khéo chải cũng mượt và quyến rũ lắm. Lúc này đang diễn ra chiến tranh Pháp - Xiêm và thực dân Pháp bắt dân mình phải ra trận. Chúng tôi đã dàn dựng vở kịch tỏ thái độ phản đối cuộc chiến tranh đó. Phản đối việc bắt dân Việt Nam phải chịu đựng chết chóc. Trại tù là một gian nhà dài chừng hai ba chục mét với hai bệ xi măng và lối đi. Trong trại có bảy mươi tám tù nhân, mỗi người được một chiếc chiếu và một chiếc chăn chiên. Để dựng sân khấu chúng tôi khâu chặn lại, thứ dựng làm cánh gà thứ làm màn. Bố trí một người ngồi trên thành cửa sổ vắt vẻo để kéo màn, vừa canh chừng người nhà lao. Hễ chúng đi tuần thì giật dây bỏ màn xuống. Nhóm bên dưới thu dọn cất ngay. Đạo cụ trang trí sân khấu thì chúng tôi xếp các thùng đựng cơm rồi phủ chặn lên làm bàn, ghế, làm kệ... đủ thứ. Vì biểu diễn ở nhà dài nên chỉ dân nhà dài được xem. Hễ bọn tuần tra đến thì theo sự phân công, mỗi người một tay xóa ngay hiện trường. Còn diễn viên thì lủi vào góc tường nơi đặt thùng xí. Đó là hai cái thùng khá lớn, thừa sức đựng chất thải và ai đi thì cả phòng nhìn thấy. Điền đó cũng tiện cho tôi. Vì là trật tự, tôi phải quản lý bằng danh sách làm vệ sinh thùng. Có quy định như sau, mỗi đêm có nhiều người dùng tới thì theo danh sách mà điều bốn người đi đổ, còn đến chỉ hai người thì sáng hôm sau tự họ phải đưa chiếc thùng đi đổ. Ở Sơn La, hàng ngày người tù ra ngoài nhà tù làm việc. Nếu đi nhặt củi thì sáu người một xe bò. Mỗi

xe lấy vài khúc củi chở về là được. Còn việc chế củi cho nhà bếp đã có tốp khác. Như thế thì cứ tìm được một cây củi là đủ tiêu chuẩn cho cả tuần lễ. Và chúng tôi có nhiều thì giờ để tìm hiểu dân tình quanh vùng hay đi khai thác hàng. Thường là những anh em thạo tiếng địa phương làm việc này. Dần già, Chúng tôi cũng tích lũy thành quỹ cải thiện đời sống. Ngoài bữa ăn thường ngày, tù chúng tôi còn đặt ra cả chế độ mỗi tuần có tiệc nhỏ. Ngày chủ nhật thì làm phở, bánh cuốn hoặc là cà phê bánh ngọt. Còn hàng tháng có tiệc to đủ măng, miến, mộc nhĩ, có cả giò chả... chẳng thua gì tiệc quê. Phải thừa nhận trong anh em mỗi người đều, có tay nghề của mình, khéo khâu gọt, khéo tổ chức thì họ dễ dàng thay đổi cuộc sống tù đầy. Tôi nhớ có lần cả nhà ba trăm con người cùng chén một bữa thịt chó y như kiểu đặc sản thịt chó nổi tiếng bây giờ. Bữa ăn dùng đến bảy, mười con chó to. Làm sao mà kiếm đủ cho cả trại. Đội nguyên liệu đã đi thăm dò nguồn và ngã giá mua trong dân. Lựa hôm trời lất phất mưa, họ đem áo tơi đi làm như mọi ngày. Lúc trở về cũng lụng thụng áo tơi dãn ướm và bê bết bùn. Khi qua cổng thành tất có lính khám. Thế mà tốp chạy nguyên liệu vẫn đưa chó qua trót lọt. Thì ra trong số quần áo mưa các anh em được giao nhiệm vụ đã cột chặt chó vào người rất gọn gàng. Lúc qua cổng họ lại khéo léo sắp xếp thu hút lính chú ý vào các điểm đã bố trí. Thế là cả đàn chó lọt cổng êm thấm, đến nỗi những anh em không được giao trách nhiệm này cũng chẳng hay biết. Cho nên như tới khi thấy lũ chó thì đã sừng sốt thật sự, cứ như từ trên trời rơi xuống. Các thứ gia vị cũng theo chó vào đầy đủ. Việc huy động người làm không khó. Vừa đưa ra lời dạm hỏi:

- Thăng nào làm chó!

Thì đã nhao nhao lên, đến hàng chục người:

- Tao! Để tao! Có tao mới thành nhưa mặn!

Và họ thật sự lành nghề. Công việc chế biến thịt món nào ra món ấy, nấu nướng cứ êm ru. Chỉ có mùi thơm tỏa ra ngào ngạt làm ai cũng nhỏ nước giải. Đó là những tiệc trong nội bộ tù với nhau. Đến bữa tiệc tết anh em mời cả các cai ngục. Có thể thăng quản nó cũng đánh hơi được nhưng nó cứ lờ đi vì bới ra thì chúng tôi cũng sẵn sàng đối phó lại. Cả hai bên đều chưa quên những cuộc đấu tranh gay gắt trong nhà tù. Ngay trước ngày đoàn chúng tôi chuyển lên thì Sơn La vừa trải cuộc đấu tranh có tên gọi là Xếp! đờ lô . Cuộc đấu tranh nổ ra (ngày 13-5-1941) vì tên giám ngục Sơn La rất tàn bạo, khắc nghiệt. Nó cố tình đầy đọa tù nhân về mọi mặt, hòng khuất phục, cứ như để trả thù. Anh em tuyên bố tuyệt thực. Nó đều cáng hạo: Chúng mày nhịn ăn thì tao cho nhịn uống luôn! Nó nhét cả mấy trăm tù nhân xuống hầm ca-sô. Dưới đó chỉ có chục chiếc xà lim cùng một hành lang hẹp. Mỗi xà lim diện tích không quá hai mét vuông. Khi chúng tôi tới anh em thuật lại rằng, chỉ chen chân đứng, không thể nào ngồi được. Đã vậy nó lại không cung cấp nước. Nóng nực và đói khát cháy họng. May trời mưa, mọi người dơ quần áo ra hứng thấm nước rồi vắt chia nhau hớp một. Ngày bị quá phải uống cả nước tiểu. Gay go thế nên ngày đêm ca-sô sôi sục tiếng đòi hỏi:

- Đ mẹ, Xếp! đờ lô! Xếp! nước uống (Chef, de leau)^{4[3]}. Đờ lô đã thành là tiếng gọi của cuộc đấu

tranh đó. Cuộc đấu tranh này không thắng lợi hoàn toàn ngay sau đó, vì cuối cùng không chịu nổi anh em đòi nó phải đưa lên. Nhưng về sau những nguyện vọng của tù nhân từng bước nó đều thỏa mãn. Chúng tôi sau đã được hưởng thành quả của các cuộc đấu tranh trước đó. Đòi đọc báo, nó cấp báo. Đòi tự nấu lấy ăn, nó cũng thỏa thuận. Như thời ở Hòa Lò, ăn bếp nhà thầu thì khổ không tả nổi. Tù nhân tự nấu lấy còn quản ngục cung cấp thực phẩm, tính tiêu chuẩn theo đầu người rồi nhân lên theo số tù trong ngày. Căn cứ vào đó, nó giao cho tù tổng số ký thịt theo đầu lợn trâu, rau thì lấy theo số ký ở vườn do tù làm, theo mức quy định. Tất nhiên.. anh em đâu chịu bó tay vì vườn tù làm nhiều rau và ngon nhất. Anh em cũng biết cách xoay sở để ăn cho thỏa thích. Sơn La thời đó có mấy loại vườn rau: vườn tù, vườn sứ, vườn trại lính. Mỗi vườn cung cấp theo đối tượng. Còn gạo thì theo đầu người, ngày là sáu lạng hoặc năm lạng rưỡi, tính ra thành thóc, nó bắt các bản quanh vùng nộp. Chúng tôi tổ chức xay giã lấy.. Thóc các bản phần lớn là thóc nếp. Cho nên chúng tôi phải thổi xôi. Chỉ có ngày tiệc lớn mới có dịp được ăn cơm tẻ. Là thóc nếp lại được xay giã nên có số gạo dôi ra, chúng tôi dùng để cất rượu. Rút kinh nghiệm cuộc đấu tranh Xếp! đờ lô anh em chú ý đến sự tích trữ các thứ để đủ sức đương đầu với sự tàn bạo của kẻ thù. Tôi không rõ các ông ấy đã làm như thế nào, nhưng tôi phát hiện lúc tới đã thấy các đầu tường, các góc nhà đều có hiện tượng trữ nước. Đến lúc nấu ra nhiều rượu quá, anh em tìm cách trữ lại cho các ngày lễ, ngày tết bộ phận phụ trách thì tìm cách giấu, còn anh em khác không được phân công thì xem như không hay biết. Hai lần tôi ở trong số liên quan tới công việc cất giấu. Tôi phụ trách nhà xay với mấy cối xay - nếu nay thì cũng là giám đốc nhà xay kia đấy. Tôi nhận thóc với định mức: 10kg thóc ra 7 kg gạo, 100kg thóc làm ra 70kg gạo, nhưng thực tế gạo thường nhiều hơn nên xay giã có dư hơn 5 -7kg, chưa kể khi cân gạo cho mình chẳng tội gì cân đúng, thường cân dôi ra. Cho nên số dư tích lại cả nhiều. Việc khiêng gạo cũng do tù làm, khênh bằng những đòn ổng bương to, chắc, dài hai mét, (độ ba giống, mỗi giống sáu bảy chục phân). Bên trong chúng tôi thòm hết mắt thế là mỗi ổng là một kho trữ gạo. Khi tôi phụ trách nhà xay, ông Bùi Lâm làm thủ kho. Giữa hai bên đã thỏa thuận cách thức lấy cấp gạo ở kho. Khi ông Lâm gọi:

- Độ ơi đem trả tao mấy đòn ổng mày mượn hôm trước.

Theo lệnh, tôi mang hết ổng sang. Đến hôm sau tôi hét tướng lên:

- Anh Lâm ơi! Cho mượn vài đòn ổng đi khênh gạo

- Sang mà lấy!

Ông Lâm hét lại.

Thế là mấy đòn ổng tôi giao sang rồi thì nay vác về đầy gạo, cũng chục cân mỗi ổng. Nhờ vậy khi quản ngục vô cớ hạ mức ăn của tù thì chúng tôi vẫn có thể ăn no để giữ sức.

Cuộc sống ở nhà tù của địch là như vậy, là một thứ đấu tranh trực diện ở mọi lĩnh vực, cho nên người cách mạng phải biết tổ chức giỏi và có sự lãnh đạo đúng đắn, kiên định mới hạn chế được sự đầy đoạ của kẻ thù. Tôi xin kể lại cái tết nhà tù Sơn La năm 1942 sang 1943 để ta hình dung khả năng tổ chức kỳ lạ ấy. Bản thân tôi trực tiếp tham gia và đã không khỏi lác mắt. Công việc lo Tết giao

cho tiểu ban xã hội và vật chất. Và họ đã làm thế nào thì không ai rõ. Nhưng giáp tết thấy hàng tết cứ chuyển về ùn ùn, cứ như đi chợ tết bên ngoài. Tiêu chuẩn đặt mỗi người hai cái bánh chưng, một nửa hay là một phần cân giò, có cả bóng, mực, đậu xanh cùng nhiều thức khác. Suốt ba ngày Tết, bữa nào cũng là tiệc và có đủ rượu ngon. Cả ba trăm con người đều đầy đủ như thế. Ngoài ra còn đem biếu cai ngục và biếu các cơ sở cảm tình. Ba ngày Tết, chế độ ăn uống đã vậy, anh em còn tổ chức nhà tù thành một nơi vui chơi, thu hút lính tráng, cư dân quanh vùng tới: Vui xuân ở đây trở thành hấp dẫn nhất thị xã. Các sòng bài, sòng bạc thu hút mạnh số cai và lính sát phạt nhau. Muốn đánh bạc ở đây thì phải dùng tiền nhà tù, anh em được phép đứng ra đổi cho khách chơi cứ như một ngân hàng vì có chiết khấu. Ban sáng anh đưa 10 đồng ra đổi thì được chừng 8 đồng tiền nhà tù. Có tiền anh có thể đem chơi bài, đánh bạc, ngoài ra có thể mua các thứ hàng ở căn tin như rượu, bánh, mứt. Đến chiều anh muốn đổi tiền nhà tù lấy tiền lưu thông thì tỉ lệ đó ngược lại. Cách này tạo ra một nguồn thu đáng kể. Còn một tiết mục do anh Xuân Thủy phụ trách là mở nhà hàng cô đầu. Và đặc biệt là chú ý đến vai trò tiếp tân để câu khách. Máy cậu đẹp trai được chọn đóng con gái, tết tóc, má phấn môi son, mình mặc áo dài, chân đóng guốc cao gót, cũng mời chài, chúc rượu, để chúng sờ soạng, tán tỉnh y như tiếp viên bây giờ. Thế mà cũng có khách ra trò. Có điều thú vị là, có một ông tên là Nguyễn Sinh biết rõ ông Lam là tiếp viên trai giả gái mà cứ mê mẩn. Nguyễn Lam ngồi đầu là tìm cơ sán lại tỉ tê, còn đánh ghen với bất cứ ai ngồi gần Nguyễn Lam. Ông ấy là một nhà thơ, không rõ sau ông làm gì, đi đâu! Bạn ù còn vậy, hướng hồ bọn, lính tráng, quan binh càng hám gái, ham vui. Chúng tôi còn tổ chức diễn kịch bằng tiếng pháp để bọn Tây xem.

Nhà tù Sơn La cũng có trại dài khoảng 30 mét. Cách thức như trại dài ở Hòa Lò. Còn trại hai gian hình vuông rộng vài chục mét và trại ba gian rộng hơn một ít. Mấy ngày Tết, chúng tôi thi nhau trang hoàng trại thật rực rỡ. Trại dài biến thành nhà hát. Tất cả việc đó chỉ làm trong đêm ba mươi tết là phải xong. Công việc lại không dễ.. Tường nhà tù thì phân nửa phía dưới vốn sơn hắc ín, nửa trên lâu ngày không sửa sang quét dọn nên rất bẩn. Thế mà sau một đêm, toàn bộ biến thành màu hồng chạy chỉ vàng. Trại dài thành nhà hát mang biển tên pháp Palace với hai cánh hoa đào giao nhau đóng khung trang trí, những lẵng hoa treo đây đó càng làm cho mặt tiền thêm rực rỡ. Không rõ ban tổ chức xoay xở như thế nào mà sân khấu cũng có màn nhung thật sang trọng. Hồi đó tôi ở cùng phòng với anh Nguyễn Lương Bằng. Đó là phòng hai gian, trang trí thì cũng là hoa lá với câu đối Tết. Trọng điểm là làm sao để cho cái chuồng xí trong phòng đỡ chướng mắt người lui tới. Thế là nẩy ra sáng kiến sửa lại cửa màn be và treo lên đó cái biển tiêu phòng chỉ rõ mà lại lịch sự nữa. Bên trại tập trung thì cải tạo thành nhà hát cô đầu cùng sòng bạc phục vụ máu đỏ đen của giới quan chức và lính tráng. Nhà hát cô đầu với bốn hoa khôi (trai giả gái) đã làm say đắm hao nhiều khách tình, đến phải ngạc nhiên. Với tôi từ bé đến lúc ấy chưa bao giờ có cái tết no nê, ngon lành và hấp dẫn đến thế. Càng ngắm nghĩ, tôi càng phục sự tháo vát và tài tổ chức của các ông ấy. Cũng có người lừng khừng, nhưng nói chung là hào hứng với sự phấn công.

Thời chúng tôi mới lên thì thằng Cút Xô là chánh mật thám, đang làm công sứ Sơn La. Cút xô nổi

tiếng một thời là tên diệt cộng và đàn áp tù nhân không run tay. Tiếp nó là thằng Robe trẻ hơn, có vợ người Huế. Mụ này mang em gái theo để trông con cho chúng. Hàng ngày nhà tù phải đưa người sang bỏ củi, quét vườn, trồng rau và gánh nước. Chúng bắt cử cả một kíp tù để gánh nước cho các gia đình công chức, giám ngục, chọn tù chính trị làm bồi bếp cho nhà sứ, nhà giám ngục và giám binh. Với công sứ thì một bồi một bếp, còn lại là một tù nhân kiêm làm bồi bếp. Anh Nguyễn Thanh Bình lúc đó làm bồi bếp cho giám ngục rồi giám binh. (Sau này anh làm bộ trưởng bộ thủy lợi). Cứ một ngày lại phải cử bốn tù nhân, đó là những người có thể đảm đương công việc và quan trọng hơn là phải biết tiếng Pháp để giao dịch với chúng, hiểu được điều chúng sai bảo. Mặt mũi cũng cao ráo cho dễ coi. Có lần tôi cũng bị sung vào đội gánh nước, quét vườn cho nhà công sứ. Chẳng hiểu mụ vợ Việt của nó nghĩ thế nào nhưng đã tỏ ra có cảm tình với tù trong lúc chồng nó đi làm vắng. Cô em thì lấy cơm nguội bảo chúng tôi ăn cho đỡ đói. Nó bảo

- Các anh phải chịu đói. Tôi thương lắm!

Tất nhiên chúng tôi khước từ:

- Không! Chúng tôi không ăn. Cơm chúng tôi cũng đủ và thơm tắt hơn ấy chứ.

Điều chúng tôi muốn nó hiểu là lòng bất bình. Ngày ấy chúng tôi mới 17 - 18 tuổi sần sần như nhau, cô em cũng cùng lứa với chúng tôi (khoảng 15 - 16 tuổi). Điều làm chúng tôi bất bình là nó cứ như là ở lớp người trên cao sang rủ lòng thương kẻ nghèo hèn. Nó cũng biết chúng tôi là thanh niên có học nên cũng có ve ngại, nể nang. Ở lứa tuổi chúng tôi thì những chuyện lật vật như vậy cũng thành vấn đề để gán ghép chế diễu nhau, là chuyện tếu gây vui của tuổi trẻ. Còn những ông phụ trách điều hành thì nghiêm lắm và cũng chẳng lạ gì cảnh sống nhàn cư. Vì bất tiện của giới phụ nữ nhà quan chức. Các ông ấy có cách để khống chế họ và bảo vệ anh em, không bị sai phách, lợi dụng quá giới hạn.

Đại khái cuộc sống ở nhà tù Sơn La là như thế. Cũng có một cuộc tuyệt thực cải thiện tình hình sinh hoạt trong tù. Rút kinh nghiệm lần trước, cuộc đấu tranh này ta tỉnh táo đưa ra yêu sách với sự chuẩn bị điều kiện để duy trì sức đấu tranh cho đến thắng lợi. Nguồn nước cầm hơi có dự trữ đủ dùng. Chi bộ còn bố trí một số tù không tham gia để có thể hỗ trợ. Lần đó anh Xuân Thủy ở khu tập trung, đứng ngoài để lo nước nôi cho anh em, anh còn lo được cả nước đậu xanh, và nước trái cây cho số tuyệt thực.. Vì vậy tôi tham gia nhịn ăn đã năm ngày mà sức khỏe vẫn đảm bảo. Thực tế thì khó chịu nhất là ngày đầu, cái đói cứ muốn bẻ gãy ý chí đấu tranh. Sang ngày thứ hai có dụ đi chút ít nhưng cũng vẫn day dứt, phải gắng quên lãng cái đói đi. Sang ngày thứ ba thì xem như không nhịn nữa, không còn cảm giác đói và cũng chẳng có nhu cầu ăn. Tôi còn mải mê tham gia làm tờ báo đấu tranh với đầy đủ tin tức sốt dẻo, sáng tác thơ ca thật là say sưa. Hôm cuộc đấu tranh kết thúc thắng lợi. Nó tới tháo cùm, với cảm giác hoàn toàn khỏe mạnh, bình thường, tôi đứng phắt dậy và bị ngã quỵ ngay. Anh em liền mắng cho:

- Sao ngu vậy. Nằm mấy ngày nhịn đói rồi vùng dậy như vậy, có chết cũng phải.

Thế mới rõ cái cảm giác khỏe mạnh như thường là ý chí thôi, còn về sinh lực thì đã bị ảnh hưởng

nặng lắm.

Sau đó nhà bếp dọn cháo ra. Nhìn thấy cháo, cái đói bị đánh thức, thôi thúc ăn ngay. Tôi vốn có bệnh lòi dom chưa khỏi. Nhận được bát cháo tôi phù phù vài cái và húp đánh soạt gần hết bát. Vừa nuốt xong thì cháo chảy ra hậu môn nguyên xi. Đáng lý tôi phải húp dần và nuốt từ từ thì dạ dày và một mới hấp thụ được.

Thế là đời tù tội của tôi có hai lần tham dự đấu tranh, một lần ở nhà tù Hỏa Lò, tôi ở trong ban chỉ, đạo đấu tranh, chỉ độc cầm hơi bằng nước lá nên rất khó chịu. Còn lần này thì có sự chuẩn bị khá chu đáo nên có nhẹ nhàng hơn những vụ nghe kể ở Kôm-tum, Côn Đảo, và đem so với cuộc đấu tranh đờ lô ở Sơn La trước đó thì lần này bảo tồn được sức của anh em và đấu tranh đến thắng lợi.

Chương 6

Tôi lên nhà tù Sơn La được hơn một năm. Vào khoảng cuối năm 1943, bọn thực dân Pháp có chủ trương chuyển dần một số lớn tù chính trị ở Sơn La đi Côn Đảo. Cho đến trước tết âm lịch, chúng đã đưa đi hai chuyến và đang chuẩn bị chuyến thứ ba, tôi phong phanh nghe tin như vậy.

Thực tình, từ lúc bị bắt, tư tưởng vượt ngục chẳng buông tha tôi. Hễ thành thời là nó lại trỗi dậy. Có lẽ cũng là tâm trạng chung của một số đông lớp trả hiếu động. Tôi và Trần Diệp, chồng bà Lê Minh, rất tâm đầu ý hợp. Cả hai trạc tuổi nhau. Diệp tên thật là Khuê, cũng có mặt cùng tôi trong chuyến đào hầm vượt ngục ở Hỏa Lò. Chúng tôi ở gần nhau và đặc biệt là có chuyện nói với nhau không dứt.. Khuê cũng ham đọc truyện như tôi và cũng lắm tưởng tượng kiểu học sinh. Khuê con nhà giàu, họ hàng cũng giàu nên bàn với tôi và được tôi nhiệt liệt hưởng ứng một kế hoạch vượt ngục đến là tân tiến ly kỳ. Khuê có bà chị tên Thanh, ở Hà Nội, mà tôi cũng có biết. Theo kế hoạch đó, chị Thanh sẽ thuê một ô tô du lịch lên Sơn La mang theo hai khẩu súng săn, hai bộ quần áo săn với đầy đủ giấy tờ, chị tìm nghỉ lại ở khách sạn tỉnh. Đến hôm chúng tôi ra rừng lấy củi sẽ báo chị địa điểm hẹn đón chúng tôi. Hai đưa lên ô tô thay quần áo rồi cùng chị đồng thẳng về Hà Nội!

Để dự phòng, chúng tôi còn một kế hoạch ít hiện, đại hơn, như sau: Chị Thanh cùng một người nữa mang hai chiếc xe đạp lên Sơn La. Với xe đó chúng tôi sẽ phóng về xuôi. Đến Hòa Bình chúng tôi sẽ dựng dấu vết một vụ tai nạn, rồi lẩn vào rừng. Chị Thanh đợi ở một địa điểm xa đó để đưa đi tiếp. Khuê còn phần chần bần là ra ngoài rồi chưa vội bắt liên lạc với tổ chức mà dành hẳn một năm tập cưỡi ngựa, đánh bốc, đấu kiếm, tập bơi, bắn súng lục để có bản lĩnh cao cường đối phó lại mọi tình huống bất trắc. Chuyện này cũng ly kỳ nhưng tôi không bắt bằng chuyện vượt ngục và ít nhiều tôi đã trải qua hoạt động quần chúng hơn Khuê, dù sao cái chất lãng mạn vẫn là giấc mơ đẹp. Thỉnh thoảng tôi lại dặn dò Khuê: Kiếm được súng lục, cho tở với! Cậu nhớ bày tở cách cưỡi ngựa nhé!...

Những câu chuyện như thế cột chặt chúng tôi lại như hình với bóng, xì xào không thôi. Chúng tôi làm các đồng chí trong chi bộ lo ngại. Và hình như có người theo dõi, tìm hiểu để ngăn chặn chúng tôi. Rồi ông Lê Đức Thọ chú ý đến tôi. Không biết ông từ đâu đến. Một hôm, ông Thọ vỗ vai tôi, nói

chuyện rất chân tình, như người anh dặn dò đưa em nhỏ. Ông đề nghị tôi vào Đảng lại với điều kiện không được manh động, mà nên tham gia các hoạt động khác trong tù như ra báo chí, làm công tác xã hội..

Mùa thu năm 1943, tôi được chỉ bộ nhà tù Sơn La xét kết nạp vào chỉ bộ nhà tù. Sự kết nạp lại là chung cho mọi đảng viên tới nhà tù Sơn La sau khi qua thử thách một lần nữa. Vừa qua là thời kỳ tôi đang được thử thách mà tôi không biết nên cứ loay hoay như thế. Tôi trở lại say sưa hoạt động theo chủ trương của chỉ bộ.

Đến một hôm, đó là ngày 5-8- 1943, như mọi sáng sớm khác, các cửa trại tù mở tung để chúng tôi đi làm. Tôi ở trại Hai gian, cùng nơi anh Sao đỏ. Tôi không thấy nón của anh đâu cả, trong lúc cả dãy nón còn nguyên vì chưa ai đi làm. Khi xếp hàng điểm danh cũng không có anh Trần và anh Đ cũng vắng. Về mặt các đồng chí trong ban lãnh đạo lộ vẻ nghiêm trọng. Tôi lưu ý sự thiếu tự nhiên của một số đồng chí khi nói cười. Chiều tối, bọn cai ngục lừa chúng tôi vào trại, cẩu kính điểm danh. Chúng lộ vẻ giận giữ tức tối. Chúng tôi tùm nãm tùm ba bàn tán. Tôi tự hài lòng với sự tinh mắt sáng ý của mình.

Thực dân Pháp lấy nhà tù Sơn la làm nơi giam tù cộng sản là có lý do xác đáng. Sơn La nằm heo hút hẻo lánh giữa núi rừng trùng điệp, đường sá khó khăn, người Kinh lác đác. Ngoài lính khổ xanh canh gác tù còn có một số trại lính khổ đỏ và lê dương đóng bên thị xã. Chúng nắm chắc hệ thống phià tạo và địa chủ quanh vùng. Cứ có tù trốn là các bản đều được báo động, trai tráng bị đẩy đi lùng từng khu suối lạch rừng, các trạm đón lõng được lập ngay ở mọi lối. Chúng treo giải thưởng 100 đồng cho ai đem được thủ cấp tù trốn về, 50 đồng cho ai bắt được tù trốn. Năm 1942, ngay trước cửa nhà tù, địch đã treo đầu tù trốn trại để khủng bố. Đây là hai đồng chí tự động bỏ trốn, không thuộc thung thỏ địa phương, không người dẫn đường, không chuẩn bị gì cả. Và cả hai đã bị bắt trở lại. Điều địch chú ý khai thác là dân trí vùng này thấp và chính vì thế mà vị trí nhà tù Sơn La thành ra hiểm trở. Ngay sau chuyển các đồng chí ta vừa trốn, tôi là trưởng nhóm tù đi làm vườn. Trong tổp lính áp giải có hai lính mới. Tôi lân la hỏi chuyện họ:

- Các anh có biết chúng tôi là ai không?
- Biết chứ!..
- Các anh có cho chúng tôi là người tốt không!
- Có cho chứ!
- Các anh có thương chúng tôi không?
- Thương chứ!
- Có người trốn có bắt không?
- Bắt chứ!
- Có chặt đầu không!
- Chặt chứ!

Trình độ là như vậy, và địch đã không bỏ qua. Lập nhà tù ở Sơn La, chúng đã lấy người Việt trị người

Việt, đẩy người dân tộc ít người ra sức săn lùng tù trốn như việc theo mệnh lệnh của chúng hành hạ tù nhân hàng ngày.

Hiểu rõ âm mưu của kẻ địch, các đồng chí lãnh đạo hoạt động bấy lâu nay đã vận động anh em, tất cả đều học tiếng Thái, tiếng Mường và đi sâu vào quần chúng tuyên truyền vận động. Quanh Sơn La lúc này, nhân dân đa số đã hiểu về tù chính trị tỏ ra yêu thương tù chính trị và bắt đầu xuất hiện những cá biệt tích cực. Đảng đã hình thành một số nhóm trung kiên trong các đồng bào ít người. Cuộc vượt ngục của các anh Sao Đỏ, Trần, anh Đ trót lọt chính là nhờ kết quả vận động chính trị lâu dài, bền bỉ trong đồng bào, cùng sự chuẩn bị vật chất khá chu đáo. Lại có người dẫn đường thành thạo. Đáng tiếc là khi anh Giá - người dẫn đường- trở về bị lộ, địch đã ám hại anh một cách hèn hạ. Đối với chúng tôi, bọn công sứ, giám binh, cai ngục ra sức khủng bố, tước nhiều quyền lợi. Chúng tôi đã đấu tranh tuyệt thực năm ngày. Chúng phải nhượng bộ trả lại hết.. Sau cuộc vượt ngục và đấu tranh trên, chúng tôi chuẩn bị ăn Tết mùa đông năm 1943, cũng to như Tết trước nhưng lấy ăn làm chủ yếu. Rủi thay cho tôi, đến ngày tiễn tảo quân lên trời thì tôi lại bị kiết lỵ. Mấy năm trước, tuy có số rét nhưng chưa bao giờ tôi phải hưởng cháo cữu tể, song mấy lâu nay tôi sốt luôn và đến lúc này như kiệt quệ hẳn. Hai ba ngày đi kiết tôi phải nằm một chỗ. Giáp Tết có đỡ chút ít, tôi nhúc nhích ăn cháo. Đúng lúc đó bọn cai ngục vào lập danh sách để tổ chức một công voa về xuôi. Chúng chọn những người án nặng. án tôi mười lăm năm, dĩ nhiên không trật. Biết thế tôi rất thích thú dù đang rất yếu. Các đồng chí lo cho tôi, khuyên ngăn nên ở lại. Tôi cũng không nghe. Có anh quá lo cho tôi đến gặp bọn ghi tên bảo tôi đang đau yếu. Chúng nó hỏi tôi:

- Yếu thế nào? Có đau chân không?

Tôi bảo không, thế là chúng bảo đi được và ghi tên vào danh sách. Anh em ngao ngán. Hôm lên đường có đồng chí đến bắt tay tiễn tôi, bảo:

- Nếu có tin là có người chết dọc đường thì chúng tao cứ truy điệu mày nhé!

Lúc này đồng chí Tôn Hiệu đã yếu lắm rồi. Anh phải ở riêng một xà lim. Anh em thay phiên cử người ra trông nom anh. Khi đoàn lên đường anh muốn ra sân tiễn. Hai anh dìu đỡ anh ra giữa sân, anh gắng vẫy tay như dặn dò chúng tôi. Sức anh gần kiệt rồi. Được mấy ngày đường, đồng chí Quỳnh, là bí thư chi bộ đi đường nói với tôi: Tao đưa mày giữa 40 đồng đây, tiền của chi bộ đấy. Mày ở trong danh sách chi bộ bố trí cho trốn dọc đường. Mày là người thứ tư được chỉ định. Nếu chỉ ba người ra thì không có mày. Nhưng cứ giữ tiền để khi đó mà dùng. Tôi như mở cờ trong bụng. Sướng vì được trốn, nhưng tôi vui sướng hơn cả là thấy mình được chi bộ tin cậy. Tôi thấy mình quan trọng hơn lên. Đoàn tù vẫn bình thân chuyển về xuôi. Tôi chỉ được thông báo là đến Suối Rút sẽ có người biết đường, chớp cơ hội đưa nhóm người được chỉ định đi trốn.

áp tải đoàn tù là một tên quan tây, cao lớn phệ bụng, cận thị nặng. Xem chừng nó ít quan tâm đến trách nhiệm. Thấy tôi ốm yếu, nó cho cưỡi một con ngựa để đi kịp tốp khỏe. Nhờ thế, đến Mộc Châu thì tôi bình phục được. Chúng tôi mặc quần áo tù có đóng số PS Sơn La , từng đôi một bị xích cổ tay với nhau. Xích có lỗ có thể nới rộng hay thu hẹp. Thông thường chúng xích ở mắt thứ bảy nhưng

như vậy tay rất đau, thậm chí còn tụ máu. Để thuận tiện, chúng tôi đấu tranh chống xích chặt làm tụ máu. Xích ở mắt thứ tám thì tay bé đã có thể rút ra được nhưng anh em còn đòi nói ra đến mắt thứ chín thứ mười. Thằng Tây và lính cũng để mặc. Chẳng hiểu bụng dạ thằng tây này ra sao nhưng hẳn nói: Tôi tin là các anh không trốn. Các anh đừng làm khó dễ cho tôi... Suối Rút là một thị trấn nhỏ ven sông Đà, vốn là nơi đón đưa nhiều đoàn, chiến sĩ cách mạng đi đây qua đấy.. Dân cư gồm có: người Thái, Hoa kiều và một số ít người Kinh. Chúng tôi có chuẩn bị một số cuộc tuyên truyền trong quần chúng. Sẽ có đồng chí thạo tiếng Pháp bám sát tên quan Một. Các đồng chí khác đi vào quần chúng theo ngôn ngữ nắm được. Bước vào thì trấn, đoàn sẽ hát các bài ca cách mạng của Việt Nam và Trung quốc.. Đoàn cũng quyết định: Không mua bán gì, vì mua thì dân không chịu lấy tiền hàng. Buổi chiều khi gần đến Suối Rút, đồng chí Quỳnh đến rỉ tai tôi là: Kế hoạch thất bại . Về sau tôi được hay, người nhận dẫn đường cho chúng tôi bảo rằng: đã lâu ngày không qua đây nên quên mất lối. Người đó là ông Chương, có biệt danh là Chương gáo . ở Hỏa Lò (Hà Nội), tù nhân không được dùng thứ gì khác ngoài cái gáo dừa để ăn, để uống. Vì vậy mỗi người đều có gáo của mình. Ngày tôi mới vào chưa có gáo, phải ăn bốc. Có người mách bảo: Anh Chương có gáo thừa, lại mà xin. Tôi bèn lễ phép gặp anh

- Thưa anh, em chưa có gáo, anh cho em xin một cái.

- Tiên sư bố đứa nào bảo mày thế?

Tôi ngạc nhiên thưa:

- Các anh nói anh còn thừa một, bảo em tới xin anh. Em thiếu gáo thật mà!

Mãi về sau tôi mới hiểu: anh ấy bị bệnh sa đĩ, dái như cái gáo to. Anh em đùa gọi là Chương gáo , xui đại tôi...

Nghe đồng chí Quỳnh nói, tôi như lặn xuống vực sâu, bàng hoàng, ngơ ngác. Đến đêm khuya, phần đau buồn vì kế hoạch trốn thất bại, phần xúc động trước tấm lòng của nhân dân ở thị trấn đối với anh em tù, tôi không ngủ được. Nằm trần trọc ở tầng cao của lô cốt đồn lính khổ xanh ngay cạnh bờ sông. Trời lạnh, trăng sáng. Dòng sông Đà lặng lẽ một dải bạc hoang vắng. Giữa đêm khuya, từ một chiếc thuyền đỗ trên bến vắng, le lói ngọn đèn con, cất lên giọng ca sa mạc như sau sẽ nổi lòng với tôi.

Sáng hôm sau, lúc đoàn chuẩn bị lên đường, đồng bào Suối Rút ra tiễn rất đông. Lại có dịp để chúng tôi nói với mọi người về mục đích đấu tranh của mình và cảnh sống của người dân mất nước, sự độc ác của thực dân phong kiến cùng những sách nhiễu của lính tráng, quan lại cường hào, chúng tôi kêu gọi đoàn kết để cứu nước. Đến lúc này nhiều bà, nhiều cô lấy áo thâm chấm mắt. Có tiếng nức nở. Tình cảm giữa bà con và tù nhân như ruột thịt.

Đến chợ Bờ, tôi cảm thấy được nhẹ nhõm hơn. Hầu như tôi đã xác định lại quyết tâm mới, cùng các đồng chí trong tù tích cực hoạt động đấu tranh và học tập, chờ thời cơ khác.

Chợ Bờ cách Suối Rút 12 km. Chúng tôi đến sớm, nhưng được lệnh nghỉ đêm ở đó, tù ngủ ở quán chợ, lính gác bao quanh. Chúng tôi công khai bỏ xích ra và từng người tự do đi lại trong lồng chợ. Tôi

thấy một người tù tháo tút dẹt của anh ta, lấy áo len, quần trắng mặt ra ngoài, rồi thò tay vứt mảnh vải ghi số và đi ra. Tôi đợi mười, mười lăm rồi hai mươi phút không thấy anh trở lại. Tôi tìm đồng chí Quỳnh, bí thư chi bộ đi đường, báo chuyện này. Anh lập tức cử hai người lấy cờ xin đi mua bán, có lính đi kèm để kiểm tra xác định chuyện. Một lúc sau, hai người trở về báo cáo là có trông thấy bóng người tù trốn đã vượt ngục được sang bên kia sông. Người tù trốn ấy tên là Lợi. Sau này hoạt động, lấy tên là Nguyễn Chương. Ngay khi hai đồng chí đi điều tra thì anh Diện đến bảo tôi: chúng mày xem đề nghị với thằng Quỳnh tổ chức trốn đi một chuyện. Anh Diện - tức Trần Cư - là một công nhân xe lửa, trẻ tuổi, hăng hái, thẳng thắn, nói ít làm nhiều, vốn rất thân thiết với tôi. Cứ như anh đang nói thay tôi những điều đang phát sinh trong lòng. Phải tháo cũi sổ lồng, còn tình huống thì phải tùy cơ ứng phó thôi, không thể nào có một kế hoạch chi tiết đầy đủ được. Như cỗ máy được phát động, tôi lao tới đồng chí Quỳnh. Đồng chí Diện cùng đi theo. Anh Quỳnh đang suy nghĩ cách đối phó việc có tù trốn nên lộ vẻ xúc động. Anh có tất những lúc này sinh nói lắp, bây giờ càng lắp tợn:

- Được. ấ. ấ. tao cho chúng mày đi! Nhưng... có thằng nào... biết đường không?

Đồng chí Diện bảo: Tao biết. Thật tình anh muốn nhanh chóng ngã ngũ chủ trương, nên nói liều.

Nhưng sự mạo hiểm của anh lại rất được việc...

Đồng chí Quỳnh nói ngay:

- Chuẩn bị đi ngay, Độ, Diện và thêm Độ (tức đồng chí Nguyễn Khang).

Anh đưa cho Diện mấy chục đồng và cho cả ba một gói thuốc ký ninh, paludrine...) anh Diện bồng nói:.

- Này! Hay là Quỳnh đi đi, thằng Quỳnh ra nữa tốt hơn.

Đồng chí nói lắp nhiều quá... khó lọt. Ba thằng đã... tao ở lại... đối phó.

Diện bảo:

- Thế thì mày đi, lợi hơn. Tao ở lại đối phó cho!

Đồng chí Quỳnh giận giữ:

- Ờ. ai... chả muốn ra. Nhưng tao là... bí thư chi bộ. Tao có trách nhiệm... đối phó. Thôi đi đi. Muộn... mẹ nó bây giờ!

Đồng chí đột nhiên dịu dàng căn dặn: Cẩn thận nhé. Tao đưa thêm bộ quần áo đây!

Ngay lúc đó, tình thế khẩn trương choán hết mọi thứ. Nhưng sau này cứ nhớ lại là lòng tôi bồi hồi.

Anh Quỳnh cũng là công nhân như anh Diện, khi cần hành động, các đồng chí tỏ ra dứt khoát lạ thường, ít vương vấn sự riêng tư. Chúng tôi hầu như không có gì phải chuẩn bị. Tôi được mẹ gửi lên cho hai chiếc áo phòng khi lạnh thì chiếc áo len tôi đã bán lấy tiền chuẩn bị trốn, còn chiếc áo vệ sinh tôi mặc trùm lên chiếc áo có số. Quần thì vẫn là quần nhà tù nhưng chữ số đã phai đi nhiều. Anh Độ (Khang) chỉ tay lên quả đồi, hẹn: Tao lên kia thay quần áo. Ra đó cùng đi nhé!

Đang bữa ăn, tôi nuốt trệu trạo vài miếng và kêu đau bụng chạy lên đồi. Anh Diện theo sát tôi. Quanh quần mãi trên đồi, chẳng thấy anh Độ mà trời thì sắp tối. Anh Diện bảo: Cứ ra bờ sông đã rồi tính sau. Tao cũng chẳng biết đường! . Loanh quanh mãi hết quán chợ - nơi anh em đang ăn cơm, lại đến

nhà hàng. Bụng nóng như có lửa đốt. May sao khi xuống một lối dốc thấy thấp thoáng dòng sông.

Chúng tôi hối hả vượt qua bụi rậm ra tới bờ, nhảy cừu trên bãi đá ven sông. Vừa đặt chân lên bãi cát thì anh Đệ trong bộ quần áo anh Quỳnh vừa cho, từ trong bụi nhảy ra gọi:

- Tụi mày làm gì mà lâu thế. Tao chờ sốt cả ruột. Cả 3 anh em đi dọc sông, tính mưu kế vượt tiếp, thì có tiếng gọi từ một chiếc thuyền nhỏ đang lững lờ gần đó.

- Này có về chợ Phường không?

Chúng tôi liền bám ngay lấy chặng đường này: Chúng tôi mặc cả giá và lên thuyền. Thuyền này chờ khách. Từ bến Phường Lâm (Hòa Bình) lên chợ Bờ, nay đang xuôi dòng. Trên thuyền chỉ có hai vợ chồng người lái. Chồng khoảng bốn mươi tuổi, gầy gò ít chuyện trò, ít quan tâm đến xung quanh. Chị vợ chừng ba mươi tuổi khuôn mặt tròn, nhỏ, miệng vết nước trâu cắn chỉ, mắt sắc sảo. Mọi việc trao đổi với chúng tôi chị làm hết, quyết định hết...!

Lên thuyền, anh Diện phân công: Đệ làm tổ trưởng phụ trách nội bộ và lo chung, tôi lo ngoại giao, giao thiệp. Có lẽ anh Diện thấy tôi hay nói nên giao như vậy. Còn anh thì chịu trách nhiệm kế hoạch hành động đối phó. Phân trách nhiệm xong, tôi sang khoang sau, nơi chị vợ cầm lái và chèo để nói chuyện. Sau khi hỏi mua mấy miếng sắn luộc ăn thì liền bị chị hỏi dồn

- Các bác có đói không! Về Phường Lâm rồi đi đân nữa? Hà Nội lên à? Vì việc gì đấy? ở chợ Bờ hay từ Suối Rút về?

Tôi lúng túng, ấp úng, cứ bắn lên vì bị bất ngờ. Anh Diện tới gỡ cho tôi. Rồi đồng chí đáp phác ra một cái cảnh của chúng tôi là cả ba đi làm thuê cho một gia đình người Hà Nội chạy máy bay Nhật, tản cư lên lên Suối Rút. Chúng tôi chạy đồ đạc cho ông bà chủ đưa lên Suối Rút hôm kia. Nay trở về để tiếp tục chuyển chuyển nữa...

Chị lái đồ đệm tiếp những câu hỏi đi vật chỉ tiết. Chúng tôi phải bày kế hoãn binh, vào khoang trước bàn tính với nhau. Thế là tôi mất chức ngoại giao. Đồng chí Diện kiêm luôn cả. Anh Diện trở lại tiếp tục câu chuyện ra về tin cần chị lái đồ lắm, tiết lộ điều bí mật của nhóm: Chúng tôi buôn thuốc phiện lậu. Tránh đoan nên phải đi đường sông. Đến Phường Lâm, chúng tôi muốn về thẳng Sơn Tây. Đây là chuyến đi dò đường thấy có thể được. Nếu chị tiếp tay với chúng tôi đoạn này trong các chuyến đi sau thì hay quá!

Chị lái đồ giọng sành sỏi:

- Biết ngay mà, vãi thừa che mắt thánh. Tin nhau nói thẳng thế có hay hơn không! Thoạt tiên tôi đã cảm thấy không bình thường, không bình thường. Rồi chị truy chúng tôi xem lần này có mang thuốc theo không. Chị nói trong không:

- Chờ người mang thuốc phiện thế này cũng quá công phu đây! Chúng tôi phải thề độc, rồi mời chị cứ khám, mới làm chị ta tin...

Cuộc đàm phán trở thành thoải mái và kết cục như sau:

1/ Chị đồng ý ngay đêm nay chở chúng tôi thẳng tới Trung Hà. Chị bảo không nên về tận Sơn Tây nguy hiểm. Đến bến Trung Hà có đường tắt đi Sơn Tây an toàn hơn. Anh chồng phản đối, chị liền

bảo:

- Thôi về bến Phương, bố mày về nhà nghỉ. Tôi bảo cậu nó đi thay. Đàn ông đàn ông gì mà đụt!

Anh chồng đồng ý ngay.

2/ Vì chúng tôi quần áo lòi thối quá, chị để lại cho một bộ quần áo cũ của chồng, một cái mũ và cái kính râm

3/ Chị bắt chúng tôi nằm im kín vào trong khoang. Chị lấy chăn của nhà phủ cho chúng tôi và dặn: Có gì để mặc chị ấy đối phó.

4/ Sau này có lẽ phải chia cho chị ta một nửa. Chúng tôi nằm trong khoang vẫn chưa yên lòng. Có điều là đã lên thuyền thì có khác gì cá trên thớt. Chẳng còn cách gì khác. Chỉ còn nắm một chỗ là chị này quen buôn lậu và háms lợi. Vai mà chúng tôi đang đóng cũng là do chị nghi ngờ. Về cỏi mở, hồ hởi của chị ta khi bày mưu tính kế, làm chúng tôi có thể yên tâm.

Thuyền tới bến Phương Lâm trong đêm khuya. Từ xa chúng tôi đã nhận ra cả vạt thuyền kéo dài và trên bờ còn le lói ánh đèn dầu quanh vạch thành vệt dài lóng lánh trong dòng nước. Thuyền vừa ghé thì có tiếng quát: Hôm nay cấm đồ ngang đậy nhé! Tôi nằm trong chăn hỏi vọng ra:

- Sao lại cấm đồ... o...?

- Tù trốn.

Lạnh toát người, chúng tôi bấm nhau. Tôi nhanh nhẩu hỏi tiếp:

- Tù gì trốn đấy.

- Tù chính trị chứ tù gì!

Trong chăn, chúng tôi bấm nhau lia lịa, có vẻ hoảng, nghĩ cách ứng phó. Tôi bật ra hỏi tiếp:

- Có nhiều không?

- Tám tên.

Câu trả lời dứt khoát thế làm tôi thờ phào nhẹ nhõm. Chúng tôi biết chắc là các đồng chí ở Hòa Bình trốn và tại đây cũng có một nhà tù. Thời kỳ này Đảng có chủ trương tổ chức cho tù trốn ra ngoài để thêm cán bộ lãnh đạo phong trào đang lên cao. Chúng tôi đang phấn chấn thì chị lái đò ghé vào thì thảo:

- Đã bảo các bố nằm im sao cứ léo nhéo mãi!

Tôi thì thầm hỏi chị:

- Ta tính sao?

- Tôi ghé bến để chồng tôi lên. Xong tôi lại lặn thuyền dọc theo vạt để đi tiếp liền.

Chúng tôi thuyết phục vợ chồng anh cố thu xếp để đi ngay Trung Hà không lỡ việc. Cả hai đồng ý. Chúng tôi đỡ lo anh chồng lên bến lỡ nói lộ chuyện. Chị vợ tỏ ra rất thành thực cách ghé bến, cách lách vạt, chẳng mấy chốc thuyền đã thỉnh thoảng lướt giữa giòng. Tôi vui đầu vào chăn đánh một giấc. Chắc hai anh thì ngủ ít hơn.

Thuyền cặp bến Trung Hà vào lúc chưa sáng rõ. Chị lái vẫn cẩn thận cho cặp thuyền ngoài bến, chỉ lúi để chúng tôi tránh đồn lính đoan Trung Hà đầu làng. Chúng tôi trả tiền đò gần như gấp đôi với lời

cảm tạ nhiệt thành. Trước khi lên bờ, chúng tôi đã thống nhất với nhau về trang phục của mỗi người. Lúc lên đến bờ, đồng chí Diện với tay lấy cái nón chệch lái đồ đang đội trên đầu giọng nửa đùa nửa thật:

- Chị cho tôi mượn cái nón làm kỷ niệm chuyển đi nhé!

Chị lái đồ như do dự. Anh nói thêm:

- Thôi mà! tiếc nhau làm gì, còn làm ăn với nhau nhiều.

Anh bước lên bờ. Đi một đoạn, anh giải thích:

- Tao phải xin cái nón vì chỉ mới có một cái mũ. Có thêm chiếc nón, với cái kính râm cái mũ mua hôm qua, thêm về tự nhiên cho mỗi thằng. Bây giờ đường sá đã thông thuộc. Chúng tôi tính tin tù trốn chưa về tới đây. Cần tranh thủ vượt thị xã Sơn Tây sớm, đến Phùng rẽ vào chùa Thầy. Tại đó, anh Diện liên lạc với cơ sở cũ. Nếu trở ngại thì về Hà Nội, anh Diện lo liệu việc ăn ở, Chúng tôi đi xe kéo một đoạn, gần đến Sơn Tây xuống đi bộ qua thị xã, qua cửa thành Sơn Tây, gặp một toán tù áo xanh đang rửa tay bên thành hào do một lính khổ xanh cai quản. Hấn thúc giục, quát tháo. Mặc, anh em cứ kỳ cọ như không nghe, không thấy. Tên lính cầm roi quát, làm náo động cả đám. Dù biết đó là tù kinh tế, nhưng chúng tôi van mủi lòng.

Chúng tôi cảm thấy việc mình đang tự do đi lại là không thật và cảnh sống áp bức, đánh đập đang chờ đón mình. Chúng tôi lúng túng tìm lối rẽ Hà Nội. Cả ba cố tình đi sát nhau để trao đổi thì trước mặt xuất hiện một cô gái bận quần trắng áo lơ-muya màu hồng, che dù tha thướt bước. Đang lúng túng, tôi cũng cười bảo:

- Kìa, kìa tiên nữ hiện lên đưa đường đấy. Cứ đi theo! Quả nhiên qua một lối rẽ chúng tôi trông thấy cái biển xanh chỉ đường với chữ Hà Nội. Khỏi thị xã một quãng, chúng tôi lên xe kéo đi Phùng, rồi rẽ chùa Thầy anh Đệ rảo bước lên trước với lời hẹn đón ở chùa Thầy với ký hiệu giao ước. Chuyện trở trêu là cả anh Diện và tôi đều không biết chùa Thầy nên cứ lơ ngơ đi dọc làng mấy lần. Chẳng có cách gì bắt liên lạc, tôi huýt sáo một bài ca cách mạng cũng chẳng kết quả gì. Lượn mãi sợ bị nghi ngờ, hai chúng tôi ghé quán ăn bánh trôi bữa rồi tìm đường đi tắt về Hà Nội, lòng bồn chồn về hoàn cảnh của anh Đệ. Chín giờ tối đến cầu Giấy, chúng tôi thuê xe đi Khâm Thiên, tìm tới nhà cậu anh Diện. Đến một túp nhà lá lụp xụp trong ngõ chợ, chúng tôi gõ cửa một ông già tóc bạc ra mở cửa. Nhận ra anh Diện, ông đóng vội cửa kéo cả hai vào trong nhà, ôm lấy chúng tôi xoa đầu vuốt mặt... Chúng tôi nói rõ hoàn cảnh. Ông cụ bảo thế thì cứ ở lại đây cho yên ổn. Chúng tôi được ngủ một đêm đầu tin cậy thoải mái như ở nhà mình. Thế là có thể tin chắc cuộc trốn đã hoàn thành. Chỉ tiếc không rõ anh Đệ ra sao.

Chương 7

Hóa ra ở tù có cái gian truân của cảnh trong tù, thoát khỏi nhà tù lại có cảnh gian truân của cảnh ngoài tù. Đó là sự gian truân liên tục của người cách mạng khi chưa cướp được chính quyền, khi những người cách mạng chỉ mới là những đốm lửa le lói trong đêm dày đặc, chỉ dựa vào vùng ánh

sáng nhỏ bé của mình mà sống và hoạt động. Mấy ngày tự do đầu tiên của chúng tôi đầy những nỗi gian truân, vì chúng tôi mới chỉ thoát được cái lồng bé, song còn bị giam cầm trong cái lồng lớn của chủ nghĩa thực dân. Đất nước đâu đã có tự do! Đồng chí Diện đặt kế hoạch bắt liên lạc trước hết nhờ ông cậu tìm người em giai họ của đồng chí Diện vốn là một công nhân gác ngọ có hoạt động từ trước, nhờ anh đó qua tổ chức cơ sở nói với cán bộ, để báo cáo lên thành ủy rồi lên xứ ủy. Vì trốn ra không có sự bố trí trước ở ngoài, nên xứ ủy và trung ương phải thẩm tra rất kỹ. Chúng tôi phải viết tóm tắt báo cáo nói rõ cuộc trốn, họ tên và ngày giờ. Sau đó trung ương đã nhắn hỏi lại mấy điều để kiểm tra thêm, lúc ấy mới được chính thức bắt liên lạc. Chúng tôi phải chờ đợi như thế đến năm hôm. Năm ngày đó chúng tôi trong ở nhà ông cụ. Cụ cho chúng tôi ăn uống rất đầy đủ. Cụ cho là ở trong tù thì ăn uống khổ cực lắm nên cụ thương muốn bù lại cho chút ít. Hẳn là ông cụ phải tốn kém vì chúng tôi nhiều. Chúng tôi được cụ cho uống bia, ăn thịt lợn luộc, thịt gà rán, tráng miệng bằng bánh rán. Chúng tôi nhớ lại hồi ở Hỏa Lò, nhiều lúc thiếu thốn ngồi tán với nhau về các món ăn ngoài đời cho đỡ thèm. Có anh đã theo dõi các cuộc tán gẫu đó rồi chép lại trên giấy gói thuốc thu thập được, thành cả tập dày tới trăm trang.

Bây giờ trước sự săn sóc của ông cụ, tôi thấy thật thỏa mãn, chỉ còn nghĩ đến những ngày hoạt động sắp tới thôi. Nhưng khổ thay, mấy ngày đó tôi bị kiết lỵ. Chúng tôi ở trong một gian buồng nhỏ, rất nhỏ với một cái giường cũ. Đêm đêm ngủ trên giường đó, kể cũng tiện. Vì gian buồng ở ngay cạnh đường nên chuyện hò với nhau đều phải nói thầm, Chúng tôi không được rời khỏi buồng nên đại tiểu tiện ngay ở thùng tro để góc buồng, đến đêm sẽ có người đưa đi đổ giúp. Xét đơn thuần về mặt nơi ăn chốn ở thì có thể nói chúng tôi vừa thoát khỏi nhà tù lại phải chui vào một cái cũi.

Năm ngày vừa bức bối vừa nóng ruột rồi cũng qua đi. Tuy có bị tù túng hơn thời nhà tù Sơn La, nhưng lại có sự hồi hộp của sự chờ đợi. Hơn nữa được sống giữa những người thân thuộc, giữa nhịp đập của cuộc sống đời thường cho nên sự bồn chồn thật khó tả. Chúng tôi nhận được tin nhắn của anh H. là cán bộ của Trung ương thời đó và vốn là chỗ quen biết của chúng tôi. Anh nhắn chúng tôi, hẹn gặp ở gần Cầu Giấy vào một buổi sáng sớm để anh dẫn đi. Trời ơi! Mừng quá! Chân tay tôi cứ run lên. Về được với Đảng rồi! Chuyển này thì tha hồ hoạt động. Cách mạng đang cần. Dứt khoát là được thả sức hoạt động. Chấm dứt những ngày ngồi trong tù mà mơ tưởng ước ao... Về được với Đảng rồi!.... Đầu óc tôi cứ rộn lên như bốc lửa. Thế là chúng tôi sửa soạn ra đi và từ biệt cụ chủ nhà. Cụ không dấu nổi sự xúc động. Cụ mừng cho chúng tôi đã gặp được cái gì quá lớn lao và đầy bí ẩn với cụ, nhưng lại không muốn để chúng tôi rời khỏi mình, điều mà cụ thừa biết là không thể được. Tiến chân chúng tôi ra cửa, cụ không nói gì cả. Nỗi lòng mình cụ trút hết vào ánh mắt nhìn. Cái nhìn của cụ nói lên đủ nỗi lòng sầu kín thật khó tả hết.

Sáng sớm hôm đó, trời còn tối, chúng tôi đã rời căn nhà nhỏ ra đi. Ngoài cụ không ai trông thấy. Bước ra đường, chúng tôi băng khuâng như đi vào những nơi xa lạ. Chưa có quần áo nào khác hơn, chân vẫn mang đôi guốc mộc. Đầu tóc thì lút gáy, đâm chớm cả mang tai. Bệnh kiết lỵ của tôi lại tái phát. Sáng rõ mặt người, chúng tôi tới chỗ hẹn. Bà con trong vùng đã ra đồng làm. Tôi mót đi ngoài

ngồi lâu quá. Anh Diện cử thả bộ trên đường chờ tôi. Bỗng nghe những câu nói lạ tai:

- Tiên sư bố nó, chỉ chờ mà ăn sẵn của người ta.
- Cửa ấy cứ phải cho nó vào ăn cơm mâm Hỏa Lò. Cứ vờ vờ ngồi thế kia rồi độp của người ta đấy.
- Cho nó ra chợ...
- Sao lại cho nó ra chợ..
- Ấy ở chợ hôm nay người ta chém mấy thằng ăn cắp đấy mà.

Thế là chúng tôi biết rõ những điều họ nói đó nhắm vào ai rồi. Biết không thể ngồi lẩn nữa, có thể gặp tai họa bất ngờ. Trông chúng tôi với đầu tóc và quần áo khác thường người ta dễ sinh nghi là quân ăn cắp lăm. Chúng tôi tụt guốc cắp nách, lấy dáng điệu thản nhiên đi khỏi chỗ đó. Gặp được anh H. Không có điều kiện kéo dài việc trao đổi chuyện trò, lát sau thì anh Diện và tôi mỗi người đi một ngã. Tôi được gặp chị Sáu ngay. Vóc người nhỏ thó chị tỏ ra rất nhanh nhẹn tháo vát. Vừa gặp, chị gọi tôi là cậu tôi gọi chị là chị, thâm tâm tôi vui mừng như được gặp chị hiền của mình vậy. Chị bận chiếc áo dài năm thân rất khéo, ra vẻ con người quen buôn bán ngược xuôi tất tưởi. Gặp ai chị cũng chào hỏi, tôi phục chị có mối thân quen rộng và tôi theo chị chào hỏi mọi người. Thấy có người tò mò ngăm tôi thì chị đơn đã giới thiệu:

- Ấy hôm nay đưa cậu nó mới ở ngược về sang bên sông chơi chốc lát. Khổ ở trên ngược về chả biết ăn mặc gì, đến lòi thối lếch thếch như dân thua bạc ấy. Đến bờ sông Hồng, chỗ tiếp giáp giữa Hà Đông và Phúc Yên (vùng Chèm) chúng tôi xuống đò ngang. Nhìn sang bên kia sông, tôi hơi chột dạ khi thấy trên bờ có người bận áo dài thâm quần trắng che ô đi đi lại lại. Nhưng lòng tin tưởng hoàn toàn chị Sáu, tôi vững tin chị thông thuộc vùng này, thấy chị vẫn thản nhiên vui tươi.

Lên tới bờ, khi biết người mang ô kia là người đi đón. Vóc người nhỏ nhắn, trán cao da trắng, anh chào chúng tôi, thăm hỏi qua loa rồi dặn chị Sáu ít điều. Sau đó chúng tôi chia tay. Tôi yên chí đó là một đồng chí địa phương, chắc là một hương sư hay là một trưởng bạ giác ngộ trong làng đó. Chị Sáu dẫn tôi vào làng Hải Bối (còn gọi là làng Bối). Đây là cơ quan nằm chờ kiểu như trạm xá của ta ngày nay vậy. Tôi tưởng sẽ đến nhà một đồng chí hoặc một gia đình cảm tình, giác ngộ cách mạng, tôi sẽ được sông tại đó thoải mái, tự do, có thể nói mọi chuyện như ở nhà mình. Hồi chưa vào tù, tôi đã từng sống ở nhiều gia đình như vậy. Nhưng dẫn tôi tới chị Sáu thản nhiên giới thiệu như sau:

- Gởi các cụ cậu nó vài hôm. Cậu nó mới ở ngược về. ở đây vài hôm chờ ông Cả đấy, các cụ ạ!
- Chị lại dặn tôi thêm: Không có tuyên truyền gì cả... vì gia đình này không biết gì đâu. Tôi hỏi gặng thì chị cười và bảo: Thôi, cậu cứ biết ở đây vài hôm cái đã. Thế rồi chị đi. Tôi cảm thấy bơ vơ lo lắng, không biết xoay xở ra sao. Tôi bèn giả ốm để nằm lỳ trong buồng và tránh những đối đáp có thể nguy hiểm. Thế mà tôi lại ốm thật, lại tiếp tục đi lỳ.

Gia đình này gồm hai ông bà già. Ông làm ruộng, bà bán cơm ở chợ Bối. Người con trai trạc mười sáu mười bảy tuổi, cao lớn, khỏe mạnh, nhưng vẻ ngốc nghếch thật thà. Anh ta có vợ rồi. Chị vợ có vẻ nhiều tuổi hơn, xinh giòn, chăm chỉ làm lụng suốt ngày. Suốt ngày tôi nằm trong buồng còn cả nhà đi vắng. Tối tối tôi ra ngồi uống nước cùng cụ ông. Cụ rất to lớn, khỏe mạnh, ít lời. Vợ chồng người

con thì cứ như sợ người lạ ngồi lý ở bếp. Tôi được nhà cho mang cái tên là anh hai buồn gỗ. Bà cụ đôi lúc hỏi thăm sức khỏe tôi và hỏi chừng bao giờ ông cả về. Tôi không rõ vở kịch chị Sáu sắp xếp ra sao nên trả lời qua quýt. Bệnh lý tôi bị ngày càng nặng. Đành áp dụng kinh nghiệm bản thân nhịn ăn vài ngày, sau đó chỉ ăn cơm với muối như hồi ở Hỏa Lò vậy. Bà cụ thấy tôi không ăn cơm, biết tôi bị lý nên thương lắm. Cụ kho thịt nạc bảo ăn, tôi không ăn. Cụ phàn nàn là sao lạ thế, khắc khổ gan góc đến thế. Cũng vì thấy thế mà cả gia đình có cảm tình đặc biệt với tôi.

Mấy hôm sau chị Sáu trở lại. Cả nhà phàn nàn với chị về chuyện tôi ăn cơm muối, không để gia đình săn sóc. Chị tắt lửa rồi đi lấy thuốc lý và bảo. Anh Toàn sắp đến giao công tác. Nghe giọng chị nói đến anh Toàn rất tôn trọng. Tôi yên trí anh Toàn là cán bộ quan trọng lắm. Lòng phấn khởi, tôi chờ đợi... Thế rồi anh Toàn đến! Té ra anh Toàn là đồng chí bạn áo dài thâm cầm ô hôm nọ chờ tôi ở bờ sông. Tôi khâm phục cách hoạt động của các đồng chí ở đây. Trước đây tôi mới chỉ biết một cách hoạt động cổ điển: đi lại thì mang quần áo nâu rách, còn ở thì phải tìm nhà đồng chí hoặc nhà quần chúng cách mạng. Còn ở đây thì thật là mới mẻ, ở nhà một bà hàng cơm không hay biết gì về cách mạng, đi lại thì ăn mặc quần áo kiểu lý dịch trong làng...

Gặp tôi, anh Toàn liền hỏi:

- Anh có biết chữ không?

- Có

- Có đọc nhanh không?

- Đọc được.

- Thế thì tốt lắm! Anh làm công tác thanh niên ở nông thôn thì tiện rồi.

Lúc đó da tôi đen xỉn, đầu tóc cộp cạp, trông vẻ cục mịch rất hợp với nông dân. Anh hẹn hôm sau sẽ giới thiệu đồng chí cán bộ phụ trách tôi đến giao công tác. Sướng quá tôi ra chợ cắt tóc và chuẩn bị lên đường.

Lúc ấy tôi vẫn chưa biết anh Toàn là đồng chí Trường Chinh.

Hôm sau chị Sáu và tôi đi ra khỏi làng, cứ dọc đê sông Hồng đến cây gạo Ba Đề để anh Toàn giới thiệu tôi với đồng chí Kiểm (Tức Ngô Thế Sơn bây giờ. Anh Kiểm chính là bạn học với tôi từ ngày còn bé. Anh là người làng bên cạnh. Khi anh Toàn và chị Sáu đã quay về một quãng xa, tôi và anh Kiểm mới phá lên cười với nhau. Tôi vui sướng bá lấy cổ anh ghé tai gọi tên cúng cơm của anh mà chửi một câu. Anh Kiểm cũng làm như thế với tôi. Chúng tôi nói với nhau bao nhiêu chuyện. Anh Kiểm chưa hề bị bắt, chỉ mới bị bắt hụt nhiều lần...

Hôm đó bọn tôi đi một mạch từ vùng Đông Anh giáp sông Hồng lên tận làng Kha Sơn thuộc huyện Phú Bình (Thái Nguyên) có lẽ đến 50 cây số. Ngày đi đầu tiên này của tôi thật là gian khổ. Từ trưa trở đi tôi mệt quá, hai bàn chân rất như phải bồng, đùi đau như dằm, còn bắp chân chuột rút cứng lại. Tôi cứ xin nghỉ luôn. Lúc đầu thì cứ một hai cây số, về sau chỉ gắng được 500m là quá sức lại xin nghỉ. Anh Kiểm đi khỏe quá, tôi trông mà thèm được như anh. Trời đã chiều cứ hỏi còn bao xa anh lại nói: Còn 3, 4 cây. Tối mịt, mỗi lần hỏi anh vẫn bảo còn 3, 4 cây. Tôi sốt ruột hỏi: Thế ở đây có cơ sở

không? cho tớ ngủ nhờ một tối mai đi, không có tớ chết đấy, không thể nào đi được nữa! Anh Kiềm lại cười và khuyến khích tôi. Tôi tự nghĩ yêu cầu như thế là vô lý nên cũng cười. Lại nghiêng rằng khập khiễng bước theo. Mỗi bước đi bàn chân nhức nhối như sắp vỡ bục ra, hai bắp đùi nhức nhối như bị gài, cảnh chịu đòn dai dẳng khổ hết nói. Trông thấy trước mắt một vệt đen dài, có le lói một ánh đèn như đom đóm. Anh Kiềm bảo: Kia rồi! tôi mừng rơn. Nhưng đường thì cứ như là lùi xa thêm nữa. Tôi nghiêng rằng mà bước, mắt không rời con đom đóm đỏ miêng nhắm tính: gắng hai trăm bước nữa... gắng ba trăm xem sao... Khi vào tới nhà, bước qua ngưỡng cửa tôi bỏ nhào lên cái ổ rơm, nằm thẳng cẳng với cảm giác: thắng lợi hoàn toàn.

Vừa nằm. tôi vừa chào bác chủ nhà. Đây là cái trại nhỏ của gia đình bác Hiếu, một người miền xuôi lên đây. Trại chỉ có một căn nhà, ở xa các xóm và bên bìa rừng thông. Thật là lý tưởng để đóng cơ quan thời đó. Bác Hiếu và anh Kiềm liền pha rượu với mật ong cho tôi uống. Bữa cháo đó sao mà ngon vậy.

Kể từ ngày nằm gằm giường ở ngõ chợ Khâm Thiên chờ đợi bắt liên lạc, rồi những ngày phập phồng nằm ăn cơm muối ở làng Bôi bên sông Hồng, đến hôm nay được nằm ở đây một cách hoàn toàn yên tâm về mọi mặt, về mọi chuyện. Rõ ràng cuộc vượt tù của tôi đã thắng lợi hoàn toàn! Thế là với Đảng tôi đã chiến thắng bọn đế quốc trong cái lồng bé và giờ đây với Đảng, toàn dân ta nhất định sẽ đập tan cái cái lồng lớn của chủ nghĩa thực dân Pháp.. Những con chim đã sổ lồng phải được bay xa.

Chương 8

Chiều ngày mùng 9 tháng 3 năm 1945 tôi có việc về nhà anh T. Cơ sở cách mạng ở làng Ngọc Giang. Một căn nhà lá lụp xụp tối tăm, nép mình trong một vườn chuối rậm rạp, nền nhà ẩm thấp, hơi đất bốc lên hôi và lạnh. Tôi đến giữa lúc anh chị T. và hai cháu đã ngồi quanh mâm cơm. Gọi là mâm cơm, theo cách nói thông thường thực ra chỉ là cái mẹt nhỏ, với một ít củ chuối rau sam và rau má luộc. Anh chị chào đón tôi niềm nở. Trên khuôn mặt vàng sạm, hốc hác, răn reo của anh chị, đôi mắt và nụ cười vẫn ánh lên một niềm tin tưởng lạc quan và tình cảm thân thiết. Các cháu yêu quá không thể nhảy đến với tôi được. Chỉ đến khi tôi ngồi xuống gần bên, các cháu mới xích lại gần và ngả đầu vào lòng tôi để tôi vỗ về. Hai anh chị vồn vã mời tôi cùng ăn cơm. Thường thường những gia đình cơ sở và cán bộ cách mạng đều có một tình cảm đặc biệt thân thiết với nhau như ruột thịt. Vì vậy tôi cũng dễ chèo kéo, vui vẻ ngồi xuống ngay. Anh liền xoay cái mẹt cho món rau quay sang phía tôi ngồi. Trong bữa ăn củ chuối, rau vốn là món ưu tiên cho các cháu, nay anh chị dành ưu tiên đãi khách là tôi. Tôi dứt khoát để các cháu ăn, thế là cái mẹt cứ quay đi quay lại, chị nhìn tôi như van lơn tôi nhận đi. Thấy vậy tôi gấp rau vào bát cho hai cháu và dỗ các cháu ăn. Anh chị bảo: Chúng nó ăn rồi đó. Tôi hiểu thời buổi đó ngọn rau dại cũng chẳng đủ mà ăn, nói gì đến dư dật. Là vài ngọn rau đưa đi đây lại, lá rau tình rau ghĩa, biểu hiện tấm lòng vì cách mạng của anh chị T., của tầng lớp nông dân nghèo khổ. Thời kỳ ấy, nhân dân ta đang lâm nạn đói. Củ chuối, rau dại cũng không có đủ

mà ăn. Khắp các chợ ven đường cái lớn, bờ đê, đi đến đâu cũng thấy đồng bào mình lếch thếch kéo nhau đi ăn xin hoặc nằm co quắp đợi chết. Dọc đường, hầu như ngày nào tôi cũng gặp cảnh chết đói thê thảm. Trên đường rẽ về nhà anh chị T. tôi thấy trước một bãi cỏ có một cuộn chiếu rách, bên cạnh là chiếc bị thủng và chiếc gậy còn vắt chông chơ. Lật chiếu ra, tôi nhìn thấy một người mẹ ôm đứa con. Cả hai đều khô đét chết cứng từ bao giờ!

Ngồi ăn củ chuối với anh chị T. tôi cứ nghẹn ứ cổ và nhớ lại cảnh tượng dọc đường, vì tình cảnh anh chị T. và các cháu bé. Tôi cảm thấy yêu cầu của cách mạng mình phải lật đổ bọn thống trị thật là cấp thiết và đang từng giờ từng phút đốt cháy ruột gan tôi. Các đồng chí hoạt động cách mạng hồi này cũng thiếu thốn nhiều, có khi nhịn đói mấy bữa liền, có khi chỉ vài hạt ngô rang bỏ túi vừa đi công tác vừa ăn dần, uống nước nhiều cho trương bụng. Có hôm tôi và anh Thiệp có sáng kiến mua một chiếc bánh đa nướng bẻ vụn, ăn rí rách cả ngày và uống nước. Thế là thế cho cả hai bữa cơm. Thật là nhất cử lưỡng tiện. Chúng tôi còn tìm ra nhiều thứ để ăn thay cơm như rau dền luộc, rau má, dây sắn, bã đậu, thân cây đu đủ... Có lần tôi phải nhờ nhà cơ sở làm cho bánh cám để anh em ăn chữa bệnh phù. Bánh cám cũng là thứ thay lương thực có chất lượng nhất, lại cất dành được lâu, mang đi dễ dàng. Nhưng có lẽ gia đình ấy cũng biết được ý đồ của chúng tôi nên thỉnh thoảng lại cho kèm một nắm cơm còn họ thì ăn cám thay...

Mãi suy nghĩ, có lúc tôi nhai uể oải. Vợ chồng anh T. lại gấp rau mời. Đang ăn, bỗng phía Hà Nội có tiếng súng nổ lớn, một tiếng, hai tiếng rồi nổ liên hồi cuối cùng thì rền như sấm. Chúng tôi chạy ra sân đứng nhìn về phía Hà Nội. Anh chị T. cuống quýt hỏi tôi:

- Súng gì đấy anh? Tình hình thế nào đây!

Lúc đầu tôi cũng không hiểu. Nhưng chợt nhớ lại các nhận định của Trung ương về mâu thuẫn Nhật - Pháp, tôi thầm đoán có lẽ chúng nó đã đánh nhau, và nói với anh chị T. như thế. Tuy nhiên tôi vẫn chưa thật tin vào phán đoán của mình. Có thể là đây đó quần chúng tự phát nổi dậy cướp chính quyền đánh lại phát xít Nhật cũng nên! Có thể là sự việc gì khác mà tôi chưa nghĩ tới. Phía Hà Nội, súng vẫn nổ dữ dội. Anh chị T. đứng ngồi không yên, chạy ra chạy vào hoài. Mấy cháu bé cũng bỏ cả nắm rau ngược nhìn chúng tôi, chờ đợi, dò hỏi. Tôi suy nghĩ mông lung. Thực chất tình hình là gì. Hành động của chúng tôi phải như thế nào? Lúc này các đồng chí Trung ương lại đi vắng, tôi không biết tìm hỏi ai. Nghĩ vậy nhưng tôi vẫn nói với anh chị T. bằng một giọng tin tưởng, chắc chắn:

- Đúng Nhật - Pháp đánh nhau đấy. Anh chị ở nhà. Tôi đi lên kia nghe ngóng xem sao?

Tôi đi, anh chị T. còn dặn với theo, có gì nhớ về cho anh chị biết tin.

Trong đêm đó, trên dọc đường đê ngược lên làng chài (Võng La) tôi hy vọng đón được nhanh những tin tức về Hà Nội về, vì làng này có bến Hối, nơi qua lại của nhân dân Chèm và là một trong những mối giao thông giữa Hà Nội với các tỉnh Trung Du. Nhưng dù nóng ruột mấy tôi cũng vẫn phải chờ đến ngày mai. Sớm hôm sau tôi lại lên bến Hối để nghe ngóng. Vẫn chỉ thấy nhân dân Hà Nội đang tản cư lũ lượt trên đê. Họ kháo chuyện:

- Nhật đánh Tây, chiếm hết Hà Nội rồi!

- Tây yếu lắm, có chống cự gì đâu. Toàn là súng Nhật cả đấy!

Tôi gặp một số người, hỏi chuyện và đi tới xác định được Nhật đánh Pháp, Pháp thua phải đầu hàng, binh lính chúng tan rã cả. Tôi lại vội vàng theo đề trở xuôi về vùng dưới để tìm anh Thiệp, cũng là cán bộ đi công tác như tôi và hy vọng sẽ gặp các đồng chí Trung ương để được biết rõ tình hình và chủ trương kịp thời để giải thích cho quần chúng.

Tôi tắt đèn đi... Xung quanh tôi vẫn lác đác có người Hà Nội hốt hoảng đi về. Bỗng một tiếng nói từ dưới cánh đèn vọng lên:

- Đấy đấy! Một tay nữa! Đẹp ghê!

Tiếng đẹp ghê kéo dài ra tỏ rõ ý châm biếm. Tôi giật mình tự hỏi: có phải họ nói mình không. Nhưng để bảo đảm an toàn thì cứ phải cẩn thận kéo nghiêng nón che mặt. Tôi còn để ý kiểm tra lại cách ăn mặc và cử chỉ của mình. Chẳng lẽ họ phát hiện ra mình là cán bộ Việt Minh hay sao? Chẳng lẽ vùng này đang có vụ bắt bớ, lùng sục cán bộ ta? Nếu thật vậy, sao dân lại nói giọng châm biếm?...

Tôi đang lo lắng thì có tiếng nói thêm:

- Từ sáng đến giờ khối ra rồi đấy! Cháy nhà ra mặt chuột mọi ngày thì quần áo nhà binh coi đến hách dịch: thế mà hôm nay lại phải đội lốt bà con nhà quê mình đấy! Tôi thở phào nhẹ nhõm, thì ra họ nói về đám lính khổ đồ tan rã, cải trang chạy trốn. Tôi trấn tĩnh lại và dang hoàng bỏ nón ra bước đi một cách tự tin, mạnh dạn và nhìn vào những người đang tản cư hàng cặp một dò xét để tỏ rõ mình cũng là người đang quan sát bọn lính đào ngũ đây. Thái độ của tôi có hiệu quả nhanh chóng. Một vài tiếng xì xào: Không phải! Tay này không phải. Cánh kia họ đi từng tốp kia mà!.

Tôi mỉm cười, thầm nghĩ: dân chúng lúc này giá trị thật! Có khi Tây cũng phải mặc quần áo giả dân để tìm đường chạy trốn. Tôi tự giục mình: Đi tìm các anh mau lên để sớm được biết rõ tình hình. Để Quốc Pháp và bè lũ tay sai đang tan rã, nhất định cách mạng đang ở trong tình thế mới.

Nhớ cách đây hai năm, tôi biết trong một nghị quyết của Ban thường vụ Trung ương Đảng đã có đoạn nói về Nhật Pháp xung đột và phân tích những mâu thuẫn giữa Nhật và Pháp rất có lợi cho cách mạng Đông Dương. Quả nhiên đến nay Nhật đã đảo chính Pháp. Tình thế có nhiều thuận lợi cho cách mạng. Nhưng bây giờ nên làm gì, hành động như thế nào, đã nên tổ chức lực lượng phát động quần chúng khởi nghĩa chưa? Tôi càng mong chúng, được biết ý kiến của các đồng chí cấp trên. Một sự mong mỏi vừa tha thiết vừa nôn nóng. Nó không khác gì hồi còn bé mỗi lần gặp phải khó khăn gì tôi lại mong gặp mẹ hoặc chị để được nghe những lời ân cần chỉ bảo.

Mấy hôm sau, tôi được gặp anh Trường Chinh, mừng quá suýt nữa tôi reo lên. Tôi im lặng nghe anh phổ biến chỉ thị của Ban thường vụ Trung ương Đảng nói về Nhật Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta. Nghe anh nói câu nào cũng giải đáp đúng thắc mắc của mình, tôi sung sướng, thỉnh thoảng lại ngồi xích gần anh thêm một chút. Anh phân tích tỉ mỉ nhưng tôi chỉ nhớ rõ mấy điểm như sau:

- Tình hình như vậy, ta khởi nghĩa được chưa!

Anh đặt câu hỏi rồi giải đáp luôn:

- Trung ương nhận định như thế này: Mặc dầu tình hình chính trị khủng hoảng sâu sắc, nhưng điều

kiện khởi nghĩa ở Đông Dương hiện nay chưa thực chín muồi... Bọn thống trị Nhật Pháp có sự chia rẽ sâu sắc. Tuy hàng ngũ bọn Pháp ở Đông Dương hoang mang tan rã, nhưng xét riêng bọn thống trị Nhật, ta thấy chúng chưa chia rẽ, hoang mang, do dự đến cực điểm. Các tầng lớp nhân dân đứng giữa tất nhiên phải qua suốt thời kỳ chán ngán những kết quả tai hại của cuộc đảo chính, lúc ấy mới ngã hẳn về phe cách mạng, mới quyết tâm giúp đỡ đội tiên phong.

- Trừ những nơi có địa hình, địa thế, có bộ đội chiến đấu không kể, nói chung toàn quốc, đội tiên phong còn đang lúng túng ở chỗ sửa soạn khởi nghĩa, chưa sẵn sàng chiến đấu... [4]

Tôi lắng nghe như nuốt từng lời từng ý: Tình thế chưa chín muồi để tổng khởi nghĩa nhưng tình thế cho phép và nhất định đã đến lúc phải thay đổi phương thức hoạt động để đẩy phong trào tới chỗ chín muồi. Phương thức cũ không còn thích hợp. Thời kỳ tiền khởi nghĩa phải có phương thức hoạt động mạnh dạn hơn, sôi nổi hơn. Ví dụ: rút tinh biểu tình, cảnh cáo, tiêu trừ những tên phản động gian ác, diễn thuyết và treo cờ. Anh Trường Chinh nhấn mạnh nhiều lần câu: Phải thay đổi mọi hình thức hoạt động và đấu tranh cho hợp với thời kỳ tiền khởi nghĩa. Anh nói thêm: Phải tổ chức cổ động, tuyên truyền, động viên quần chúng nhân dân mau chóng tiến lên mặt trận cách mạng, tập dượt cho quần chúng mạnh dạn tiến lên tổng khởi nghĩa. Phát động cao trào kháng Nhật cứu nước mạnh mẽ, làm tiền đề cho cuộc tổng khởi nghĩa.

Cuối cùng anh phân tích: khi nào thì tổng khởi nghĩa bùng nổ và thắng lợi... Những từ tổng khởi nghĩa... bùng nổ và thắng lợi cứ quán quýt lấy tôi từ đấy. Tôi mỉm cười sung sướng, đổi tư thế ngồi và cựa quậy luôn, còn anh Trường Chinh lúc nào cũng bình tĩnh và thận trọng. Anh bảo: Như vậy, từ nay đội công tác được phép hoạt động với những hình thức cao hơn, chứ không phải tuyệt đối bí mật như trước.

Từ trước, vì cần an toàn cho ATK, chúng tôi không được hoạt động những hình thức rầm rộ như rải truyền đơn, treo băng cờ và mít tinh v. v... mà chỉ lẩn mò gây cơ sở bí mật. Khi nghe anh nói: Thay đổi phương thức tôi đã ngửa ngáy muốn hỏi nay lại được anh chính thức nêu ra, tôi thấy rạo rức phấn khởi và nóng ruột muốn làm ngay.

Hàng loạt những dự kiến hoạt động mới lần lượt diễn ra trong óc tôi. Nào là mít tinh ở nơi này, nơi nọ để vận động quần chúng, nào là sẽ cảnh cáo mấy tên địa chủ cường hào phản động trước làm tay sai cho đế quốc Pháp nay lại theo phát xít Nhật hại đồng bào, và có thể phải xử một tên tay sai nguy hiểm của Nhật đã gây trở ngại cho phong trào. Những quán chợ Cổ Loa sẽ là những nơi treo cờ, dán biểu ngữ rất tuyệt. Và nhất là cây gạo Ba đề chỗ ngã ba đường ấy, nơi bấy nay những người hoạt động cách mạng chúng tôi thường hẹn hò gặp gỡ nhau, nay sẽ là nơi để các biểu ngữ cách mạng hẹn hò với mọi người, với nhân dân những điều trọng đại nhất, thiết thực nhất. Chà, được treo một lá cờ cách mạng trên ngọn cây gạo Ba đề hiên ngang cao ngất ấy thì còn gì sung sướng bằng. Tôi cảm thấy phải hoạt động như thế mới hết được cái sức của đội công tác, mới đáp ứng được lòng mong mỏi của nhân dân, mới làm phong trào bùng lên nhanh chóng. Đã bao lần ở những chỗ đông người, nhân dân ngang nhiên bàn tán về Việt minh mà chúng tôi cứ phải lờ đi: đã bao lần các tổ chức Cứu

quốc yêu nước cần mít tinh yêu cầu chúng tôi cảnh cáo Việt gian, yêu cầu chúng tôi họp quần chúng cảm tình, nói chuyện... Phen này thì... phải làm hết, làm đầy đủ những yêu cầu đó. Có lẽ anh Trường Chinh đoán được ý nghĩ của tôi, anh căn dặn với thái độ ân cần mà vẫn nghiêm nghị:

- Phát xít Nhật và cộng sản cũng không đội trời chung, nên dù hoạt động bằng phương pháp nào cũng cần phải thận trọng, cảnh giác.

II

Đội công tác gồm những đồng chí được lựa chọn về hoạt động ở ATK, nơi cơ quan trung ương làm việc. Những đồng chí ở đội công tác vừa đã trải qua thử thách, vừa có khả năng công tác quần chúng, vừa làm được mọi công tác sự vụ giúp việc cho Trung ương, bảo đảm bí mật và an toàn cho cơ quan đầu não. Nhiệm vụ đội công tác là phải tổ chức gây cơ sở quần chúng, giác ngộ quần chúng để quần chúng giúp đỡ che giấu cho cán bộ từ các nơi về Trung ương làm việc, tránh không để địch phát hiện, lùng sục. Từ khi được nghe anh Trường Chinh phân tích tình hình, giao nhiệm vụ, các đồng chí trong đội công tác đều phấn khởi. Ngoài nhiệm vụ như cũ đội còn làm mọi việc chuẩn bị tổng khởi nghĩa giành chính quyền. Sau khi bàn bạc kỹ càng, chúng tôi nhất trí tổ chức ngay một cuộc mít tinh lớn để tuyên truyền rộng rãi đường lối chính sách của Đảng, tập dượt đấu tranh cho quần chúng, đưa khí thế chiến đấu của quần chúng tiến lên kịp với tình thế của cách mạng.

Chúng tôi tỏa về các cơ sở khai hội với các hội cứu quốc, giao nhiệm vụ tuyên truyền vận động đi mít tinh trong các tầng lớp quần chúng cảm tình với cách mạng, với Việt Minh, vận động cả những người đã có nghe tiếng Việt Minh nhưng lừng khừng không phản đối, cả những người muốn theo Việt Minh nhưng còn rụt rè, do dự và cả những người tò mò muốn đi xem lực lượng Việt Minh ra sao.

Đây là dịp rất tốt để nhân dân trực tiếp thấy được Việt Minh, nghe được tiếng nói của Việt Minh và cũng chính là lúc nhân dân tự thấy được sức mạnh của mình. Do đó mà thấy ra sức mạnh của cách mạng. Chúng tôi đặt nhiều hy vọng vào dịp này lắm. Được tin có mít tinh, quần chúng phấn khởi và nóng lòng mong muốn được đi lắm. Tuy nhiên, chúng tôi vẫn phải giữ bí mật không cho bọn chính quyền tay sai của phát xít Nhật biết, đề phòng chúng đàn áp khủng bố.

Một buổi tối cuối xuân, trời lạnh, không trăng sao, mây đến dày đặc. Tiếng dế ri ri đơn điệu, ếch nhái, ếch ương kêu oà oạp. Mọi vật như chìm đắm trong đêm. Thình thoảng đằng đông lại có một tia chớp giật sáng lòe, loảng ngoảng như báo tin sắp có giông tố. Tại một bãi tha ma đầu làng Xuân Trạch, saulàng Dầu mấy thanh niên tự vệ và tôi trồng một cây tre cao vút làm cột cờ. Trồng xong, tôi hướng về các ngã đường quay tít chiếc đèn pin bọc giấy bóng xong làm tín hiệu cho mọi người biết mà đi tới. Những người đi dự mít tinh đều dùng mặt khẩu.

Hỏi: Ai, đi đâu.

Đáp: Tôi đi lấy thuốc cho cháu.

- Cháu làm sao?

- Cháu đau bụng.

Hôm ấy có một chị đang đi, bỗng có tiếng hỏi đồng dặc:

- Ai, đi đâu!

- Tôi đi lấy thuốc cho cháu.

Đề tăng thêm vẻ hách dịch, người hỏi quát to hơn.

- Lấy thuốc gì mà đi khuya thế này?

Người phụ nữ lập tức quát trở lại:

- Anh là tuần làng nào, hả?

Anh tuần đình đột nhiên luống cuống xun xoe:

- Cháu... cháu tuần làng Dầu ạ.

Ngay sau đó, bốn năm người vừa cụ già, vừa thanh niên, ập đến vây quanh anh tuần. Anh ta sợ hãi, run bần bật. Có lẽ anh ta không kịp đoán đó là hào lý hay Việt Minh gì cả. Như cái máy, anh ta dựa cái gậy vào vai, đứng lom khom, hai tay chấp lại, miệng lắp bắp:

- Xin các cụ, các ông, cháu chót đại...

Có tiếng nói như ra lệnh:

- Dẫn anh này về địa điểm. Đi!

Anh tuần van lạy:

- Xin... xin các cụ, các ông tha cho...

Người phụ nữ bị anh tuần quát lúc đầu, bây giờ mới dịu dàng, chững chạc:

- Thôi đi theo chúng tôi, mau lên! Không việc gì mà sợ!

Anh tuần lẩy bẩy đi về phía ánh sáng xanh. Anh run đến nổi hai hàm răng va vào nhau lập cập. Tới bãi tha ma, anh tuần giật mình đứng sững lại. Trước mặt anh ta, có tới dăm trăm con người đứng quây thành vòng tròn quanh mô đất lớn. Chính giữa có một cột cờ cao vút cờ đỏ sao vàng bay phấp phới lung linh trong ánh sáng của các bó đuốc lớn. Hai thanh niên tự vệ quần nâu áo nâu, nai nịt gọn gàng, vác hai khẩu súng trường đứng nghiêm trang. Anh tuần đứng ngồi ử rử dưới chân mô đất, mặt cúi gằm, thỉnh thoảng ngược lên nhìn trộm mọi người, lộ vẻ lo sợ và bối ngỡ, hoang mang. Trong số đồng bào đi dự mít tinh thỉnh thoảng vọng ra tiếng nói ríu rít của các em thiếu niên, tiếng cười khúc khích của các cô gái và giọng khàn khàn của các cụ già. Nhưng số đông hơn cả là thanh niên. Người nào cũng mang giáo, mác, đinh ba... giờ lên trời tua tủa. Chúng tôi phân công anh em thanh niên canh gác các ngã đường hết sức cẩn mật. Nhưng đến khi chúng tôi bắt đầu nói chuyện, họ đều kéo về nghe, quên cả nhiệm vụ. Anh Thiệp đứng lên mô đất nói giọng tha thiết: - Hỡi đồng bào yêu nước.... Mọi người im phắc gần như nín thở. Anh rất xúc động, nhắc lại từng lời đoạn văn của anh Trường Chinh: Quê hương ta xơ xác, đất nước ta điêu tàn.... Đang mít tinh thì trời đổ mưa như trút nước. Hàng trăm con người đứng sát vào nhau thành một khối tro tro trước cơn bão nước. Sấm sét vang trời, đất trời như đang cơn trở dạ. Tiếp theo anh Thiệp là tôi, tôi phải hét lên át mưa, át tiếng sấm chớp. Mai kia chúng ta bước vào cuộc chiến đấu quyết liệt. Chúng ta càng phải xiết chặt hàng

ngũ vượt qua làn mưa đạn... Cuối cùng tôi hô bà con không nộp thóc cho quân phát xít Nhật, không trồng cấy cho phát xít Nhật. Lợi dụng trời vẫn mưa nặng hạt, tôi rút súng lục bắn lên trời một phát để động viên khí thế và cũng để thị uy, áp đảo bọn tay sai, nếu chúng lên tới rình mò. Tiếng súng nổ giòn, tinh thần quần chúng càng bốc cao. Mưa gió cũng trở thành vô nghĩa. Anh em thanh niên hát vang: Cờ Việt. Minh phát phới bay cao!...

Sáng hôm sau, khắp vùng Đông Anh, dân làng bàn tán: Hôm qua Việt Minh về ở cánh đồng làng Xuân Trạch đông lắm, đến bảy tám ngàn người. Họ thổi cơm ăn, hát bài cách mạng, rồi bắt súng lệnh, kéo quân biến đi đâu mất trong đêm. Bên làng Dầu thỉnh thoảng có người đến hỏi thăm anh tuần đinh bị Việt Minh giữ ở cánh đồng. Anh Tuần kể lại ghê gớm hơn lời đồn đại nhiều. Một viên lý trưởng tỏ vẻ thức thời giọng xu nịnh:

- Giỏi lắm! Việt Minh người ta giỏi! Lão vừa nói vừa nháy mắt - ầy! Nhưng phải kín mồm kín miệng không chết cả lũ bây giờ!

Sau cuộc mít tinh phong trào được đẩy lên rất mau. Trước đây đi Bất rỗi râu chuối có khi hàng mấy tháng trời, hàng năm mới tuyên truyền tổ chức được một vài người. Các cuộc họp quần chúng để nói chuyện tình hình, tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, đông lắm cũng chỉ được mười mười lăm người mà phải hết sức bí mật. Nay có hàng trăm người nghe nói chuyện một lúc gây ấn tượng sâu sắc với cách mạng. Quần chúng nông dân khi thấy lực lượng cách mạng không còn là những tổ chức lẻ tẻ năm ba người mà là hàng trăm hàng ngàn người đoàn kết lại để đấu tranh. Cả giai cấp, cả dân tộc đâu đâu cũng như thế thì họ tin cách mạng rất mạnh, nhất định sẽ đánh đuổi được phát xít Nhật. Hồi này, nhân lúc bọn Nhật chưa ổn định được bộ máy thống trị của chúng, ở các cơ sở nhiều nơi đã nổi lên phong trào phá kho thóc. Có nơi do chi bộ địa phương chủ trương và lãnh đạo, nhưng cũng có nơi quần chúng tự phát. Việc phá kho thóc vừa giải quyết ngay được một yêu cầu cấp thiết là cứu đói vừa là thúc đẩy sự tan rã của chính quyền tay sai và càng nâng cao thanh thế của Việt minh. Ở vùng chúng tôi phụ trách cũng vậy. Một hôm khoảng gần chiều, đột nhiên trống ngũ liên thúc ầm ầm. Rồi tiếng gọi nhau í ới:

- Bà con ơi! Ra đình mà lấy thóc! Việt Minh về phá kho thóc của Nhật chia cho dân nghèo.

Đang cơn đói khổ, được tin chia thóc, người nào cũng sướng như được trời cho của xách thúng, sách bị, quấy quang gánh lao ra đình. Phút chốc cửa kho bị phá tung, nhân dân lần lượt vào xúc thóc theo sự chỉ định của một anh đứng bên ngoài kho. Trong kho còn một ông mặc áo the, đội khăn xếp luôn miệng nói: Chống sưu cao thuế nặng. phải lật đổ bọn thống trị.... Mọi người nhìn kỹ ra đó là người cùng làng. Chính là một cán bộ địa phương của ta. Dân làng kể lại rằng: ông mặc áo the ấy đã điềm nhiên đi vào đình nổi trống ngũ liên, hô hào phá kho thóc. ở ngoài những thanh niên, nông dân khác - đã được tổ chức đi theo đồng chí đó - liền hò la hưởng ứng. Bọn hào lý tưởng là Việt Minh ở đâu về, lực lượng lớn, chúng vội lẩn tránh thật kỹ không dám lộ mặt. Và sau đấy, chúng vẫn cứ tưởng hôm ấy Việt minh từ nơi xa tới làm chuyện đó thật.. Nhưng dần dần bọn phát xít Nhật cũng ổn định được bọn chính quyền tay sai. Chúng lại tiếp tục đàn áp, chống phá phong trào cách mạng. Hồi

này cơ quan in báo Cờ giải phóng của Đảng đặt ở làng Vân Nội. Một hôm do có mâu thuẫn giữa bọn cường hào với nhau về một việc gì đó, chúng đi lùng sục nhau. Một tên đâm bổ ngay vào cơ quan in của ta. Đồng chí Tuấn đang làm việc tưởng là chúng đến bắt, bèn nổ súng tự vệ. Thế là tình hình trở nên náo động! Bọn hương lý tay sai dẫn lính Nhật về bao vây canh gác kín làng. Việc này cũng đã khiến cho anh Trường Chinh và những đồng chí trong đội công tác như anh Cự, chị Sáu phải một phen vất vả. Anh Cự đi xe đạp giả làm ông giáo về làng để xem xét tình hình đã bị bọn Nhật đuổi bắt. Đến một đoạn đường anh phải vất xe đạp, dẫm gậy nan hoa để chúng khỏi lấy xe đuổi theo, rồi chạy tốt xuống cánh đồng ngô. Lần khác, chập choạng tối, anh vận giả đàn bà về gần được đến nơi nhưng nếu không nhanh mắt, nhanh chân thì chỉ một chút nữa, là sa lưới. Về sau nhờ sự tận tình giúp đỡ của một số anh chị em trong các hội cứu quốc làng bên mượn cớ vào làng Vân Nội mua thóc, mới chuyển được hết tài liệu của cơ quan in báo.

Nhắc đến việc này, tôi không thể quên được chuyện đòn vạ mà tôi đã phải hứng lấy.

Cùng buổi tối hôm chuyển tài liệu ấy, tôi đeo khẩu súng lục cưỡi xe đạp đi theo anh chị em để chỉ huy và bảo vệ. Trước đây tôi hay đội nón chóp, giả làm hương lý để che mắt tuần đinh mỗi khi qua các điểm canh. Nếu gặp tay nào ra hỏi, tôi thường lấy giọng bề trên hoạch hoẹ, nên mọi việc điều trôi chảy cả. Đêm ấy cũng đi qua một điểm canh, nghe có tiếng nói rì rầm tôi vẫn ung dung bước. Bỗng có tiếng hỏi:

- Ai? đi đâu?

Ra về hương lý, tôi e hèm thật to, không thềm trả lời. Có tiếng hỏi theo. Tôi có bốc cái máu kẻ cả lên, quát to

- Tuần làng nào đấy? Lão đây.

Cánh tuần đinh chửi luôn:

- A! Tổ cha thằng nào gớm thật! Cứ đánh bổ mẹ nó đi xem nó là lão gì nào!

Tôi hơi chột dạ và hối hận mình đã lỡ lời. Nhưng không lui được nữa, đồng thời cũng ỷ lại vào khẩu súng giắt trong người, tôi quát to hơn:

- Đừng có láo! Chúng bay không biết lão à?

Thế là tôi bị luôn hai ba nhát gậy phang vào người

- Này lão n y! Này lão này! Mày không biết bố con ông ở đây à?

Tôi thấy nguy quá và cân nhắc mãi, thấy phải dùng đến súng dọa để tự giải thoát mới được. Tôi rút súng giơ lên trời bắn. Tôi không định bắn họ mà chỉ để thị uy rồi tuyên truyền thuyết phục họ. Nhưng khôn nổi, súng không nổ. Bóp hai ba phát liền chỉ nghe tiếng cạch cạch cạch. Trong đêm tối, tôi sờ cưỡi xay thấy đủ đạn lại tiếp tục bắn. Nhưng súng vẫn tịt. Tôi vội giắt súng vào bụng, nghĩ đối phó cách khác. Có thể cánh tuần đinh này tự ái với lời nói ngang của tôi, cũng có thể là để tỏ vẻ ta đây canh phòng cẩn mật để bọn hương lý biết, cũng có thể mượn sự nhá nhem tối, lợi dụng chức trách để choảng bọn hương lý tay sai một trận. Nếu là trường hợp sau cùng thì có bị đòn đau tôi cũng khoái. Nhưng dù sao tôi cũng phải đầu dũa:

- Anh em đây à? Thế mà tôi không hay! Canh phòng cẩn mật thế tốt lắm!

Cánh tuấn đình được nước, chửi thêm:

- Tổ bố mày, mày lại láo với chúng ông à? Chúng ông thì gô cổ mày lại...

May sao tốp đi đông thóc vừa tới. Biết chuyện, mấy chị xô đến vừa cười cợt vừa khấn khoản:

- Thôi làm gì mà bắt hớ nhau thế này, trời tối người ta đi qua không nhìn thấy gì nhờ mồm một tí, đánh thế chưa đủ à? Gớm! ông Trương ơi, ông làm gì mà bắt người làng tôi đấy! Lại cái anh hai phải gió này. Một chị dúm tay khế vào người tôi - đã đi qua cửa các ông lại còn ăn nói bậy bạ, trêu gan các ông ấy làm gì!

Thế là hôm ấy các quần chúng tốt của Đảng đã gỡ thoát cho tôi. Sau đó tôi phải uống nước cua sông và bóp lá bưởi nóng mấy ngày liền mới đỡ đau.

Ấy thế nhưng vẫn còn là may vì tôi nghĩ lại, nếu lúc ấy sững mà nổ thì còn lòi thoi to. Việc này tôi còn dấu anh Trường Chinh đến bây giờ. Có lẽ anh đọc mấy dòng này mới biết rằng lúc nguy hiểm đó lại còn có cái chuyện đại đột quá chừng ấy của tôi.

III

Hồi ấy Cổ Loa không những là nơi có một số cơ quan Trung ương đóng mà còn là cửa ngõ từ ATK đi chiến khu, nên thường xuyên có cán bộ qua lại. Nhưng cũng ở đây, chúng tôi gặp một trở ngại không nhỏ: tên lý Khanh đứng ra tổ chức thanh niên thân Nhật, thường dẫn Nhật về địa phương đe dọa nguy hiểm, khủng bố những người có quan hệ cách mạng. Đã có lần hắn tổ chức bắt hụt anh Nguyễn Lương Bằng, anh Văn Tiến Dũng và một số anh khác chúng tôi nhiều lần viết thư can ngăn và cảnh cáo hắn. Nhưng chúng nào vẫn tậ ấy càng ngày hắn càng hung hăng. Để mãi vậy thì rất nguy hiểm không những cho phong trào địa phương đang lúc lên mà còn ảnh hưởng đến các vùng lân cận, tới sự chỉ đạo trước mắt, thậm chí còn ảnh hưởng tới cả công việc chuẩn bị tổng khởi nghĩa sắp tới. Chúng tôi tổ chức một số thanh niên cứu quốc của ta lẫn vào hoạt động trong bọn thanh niên thân Nhật do tên lý trưởng kia phụ trách. Số thanh niên của ta có nhiệm vụ làm nòng cốt lãnh đạo và tuyên truyền cách mạng trong đám. Thế là tổ chức thanh niên thân Nhật bề ngoài có vẻ hoạt động sôi nổi nhưng thật chất bên trong là lực lượng thanh niên chiến đấu của ta, sẵn sàng hành động theo chỉ thị của Việt minh. Lý Khanh không hay biết gì, nên vẫn chống phá cách mạng ngày càng trắng trợn hơn. Hắn lũng bắt thanh niên đi lính cho Nhật. Có anh bị hắn bắt nhốt trong nhà. Các đồng chí ở địa phương phải vận động quần chúng kéo đến nhà hắn đấu tranh, nhưng hắn lì không nghe. Có một anh cùng làng bị hắn nghi là Việt minh và lũng bắt ráo riết. Ngày ngày hắn đi từng nhà đốc thúc thu thầu dầu và thóc cho giặt Nhật và đòi dân đốt lốt. Quần chúng rất uất ức. Các đoàn thể cứu quốc ở đây đã nhiều lần đề nghị cho xử tên lý Khanh. Chúng tôi báo cáo lên và xin ý kiến của Trung ương. Trung ương cân nhắc rất kỹ, cho kiểm tra chu đáo rồi mới đồng ý cho chúng tôi xử hắn. Chúng tôi phân công anh Thiệp bố trí thanh niên cứu quốc cải trang canh gác các ngã đường, sẵn sàng ngăn chặn bọn Nhật ở nơi khác về ứng cứu. Anh Hoàng Tùng và anh Cư làm nhiệm vụ trực tiếp trừng trị tên

Khanh. Trước khi vào việc, chúng tôi bàn nhau phải thử súng. Hồi đó trình độ hiểu biết của chúng tôi về vũ khí còn rất kém cỏi. Chúng tôi cứ tưởng rằng cứ chĩa súng bắn vào nước thì tiếng đạn sẽ nhỏ, nên anh Hoàng Tùng ngồi trên cầu ao chĩa súng xuống bắn một phát. Tất nhiên tiếng nổ vẫn cứ to như thường. Chúng tôi lo quá! Nhưng cũng may là cái ao đó ở nơi vắng vẻ nên không xảy ra chuyện gì đáng tiếc.

Hôm sau là phiên chợ Cổ Loa. Giữa lúc mọi người đi lại mua bán rất đông, tên lý Khanh tụ tập thanh niên thân Nhật làm lễ tế cờ ba gạch - cờ của chính quyền tay sai ngày đó. Một số thanh niên cứu quốc, anh Hoàng Tùng và anh Cư đến đó trước. Tên lý Khanh vừa tới, lập tức hai thanh niên khoẻ mạnh khóa luôn hai tay hắn lại. Anh Hoàng Tùng và anh Cư chĩa luôn hai nòng súng lục vào ngực hắn. Lý Khanh bàng hoàng ngơ ngác, mặt không còn hột máu, miệng ú ớ chưa kịp kêu thì tiếng súng lục đã nổ giòn, kết liễu cuộc đời buôn dân bán nước của hắn. Các thanh niên của ta chạy tóe ra hô hoán:

Việt minh xử lý Khanh rồi!

- Đội danh dự Hà Nội về xử Việt gian!

Tiếng súng nổ, tiếng hò la vang khắp nơi. Đồng bào đi chợ chạy ngược chạy xuôi nhốn nháo. Chúng tôi trà trộn ngay vào đồng bào, trở về cơ sở. Tin đồn đội danh dự Hà Nội về xử tử Việt gian loang đi rất nhanh. Ai nấy đều cảm thấy nhẹ nhõm phần khởi. Họ bàn tán công khai và tỏ vẻ tự hào, thích thú như chính tay mình vừa được trực tiếp khử tên chó săn ấy. Sở dĩ chúng tôi tung tin đội danh dự Hà Nội về là để làm lạc hướng theo dõi của bọn mật thám tay sai Nhật, bảo đảm cho Cổ Loa và an toàn khu khỏi bị khủng bố.

Trấn áp được bọn phản cách mạng, phong trào quần chúng ngày càng phát triển. Hơn. Những tên phản động khác rút vào hoạt động ngầm, hoặc cũng phải dè chừng đôi chút. Để tiếp tục tấn công kẻ thù, đội công tác thấy cần phải cảnh cáo tên lý trưởng làng Xuân Trạch. Hắn cũng chống đối cách mạng, nhưng ở mức độ thấp hơn lý Khanh. Phải đe dọa, và tiến tới thuyết phục hắn. Tuy không hy vọng hắn theo ta nhưng ít nhất cũng làm cho hắn phải làm ngơ trước những hoạt động của ta.

Sau khi chuẩn bị kế hoạch chu đáo, anh Thiệp và tôi nhận nhiệm vụ đến gặp hắn. Chúng tôi mượn được hai chiếc xe đạp cọc cạch, phụ tùng xăm lổp mọi cái đều rão, rách, vá lung tung. Ngồi trên xe mà cứ rung rung như đi qua cầu treo. Tôi nghĩ lúc rút lui mà cả hai xe đều bẹp lổp phải dắt lêch thếch thì gay go. Ấy thế, nhưng hồi đó có xe để đi là ghê lắm rồi! Ai mà đuổi kịp.

Đến Xuân Trạch, sau khi bố trí cho các anh thanh niên địa phương Ng... Th... V... N... canh gác xong anh Thiệp cùng tôi đến nhà lý trưởng. Gặp một người đứng ở cổng, tôi nói:

- Tôi muốn gặp ông lý..

Dáng chừng thấy chúng tôi bận quần trắng, áo the, đội nón chóp ra về chức dịch, người kia dẫn chúng tôi vào ngay, không hỏi vắn vẹo gì. Tên lý trưởng đang nằm hút thuốc phiện, thấy chúng tôi hắn gật đầu, rồi lên tiếng gọi người hầu pha nước tiếp khách. Chúng tôi ngồi đằng hoàng trên ghế

tràng kỷ, im lặng nhìn chằm chằm vào mặt hắn để dò xét thái độ và đánh đòn tâm lý. Sau khi người nhà hắn đã đi ra cả, anh Thiệp nói: Chúng tôi là cán bộ của Việt Minh đến nói chuyện với ông. Sắc mặt hắn hơi biến đổi, nhưng hắn vẫn tỏ vẻ cứng cỏi:

- Vâng, có gì ông cứ nói.

Anh Thiệp bảo luôn cho hắn biết là phát xít Nhật rồi cũng chung số phận như bọn Pháp trước đây và khuyên hắn không được làm tay sai cho Nhật, không được chống phá phong trào cách mạng.

Hắn ngồi xoay người lại, mặt căng căng:

- Các ông dạy thế thì biết thế, chứ tôi cứ ăn ở phải phép thì thôi chứ.

Tôi trừng mắt, bắn giọng:

- Phải phép là phải phép với ai? Nếu ông ăn ở phải phép với phát xít Nhật...

Tôi nhô người ra, chau mày: - thì ông noi gương lý trưởng làng Cổ Loa đấy. Chúng tôi không dọa suông đâu và có đủ điều kiện để thực hiện.

Tên lý trưởng mặt tái xanh hơn, ngồi quay đi giọng lừng lờ:

- Vâng, việc đó thì...

Tôi vòng tay ra bên sườn rút súng lục ra, đặt trước mặt hắn, tay vẫn giữ báng súng, hỏi vặn:

- Thì sao?

Tôi im lặng và có cảm giác nét mặt mình rất nghiêm khắc, cứng rắn. Tên lý trưởng cũng im lặng nhưng thất sắc dần, rồi lờ đờ như kẻ mất hồn, không khí căng thẳng nặng nề. Anh Thiệp nói thêm:

- Chúng tôi đến đây còn muốn để ông suy nghĩ. Chúng tôi không thích đổ máu. Thế nhưng khi đã cần... - anh hất hàm - thì ông biết đấy chúng tôi không do dự.

Mỗi lúc, lời nói của chúng tôi càng có hiệu lực mạnh mẽ. Tay tên lý trưởng đang cầm chén nước run lên bần bật không đưa nổi lên miệng, mặt hắn xám ngoét, hắn khúm núm lắp bắp:

- Dạ! Vâng ạ! Các ông dạy sao con xin làm vậy.

Tôi hạ giọng bảo hắn:

- Tình thế ngày càng rõ ràng, vận nước sắp đến! Lúc này đã là người Việt Nam thì phải hiệp lực nhau lại đánh đuổi phát xít Nhật, giải phóng giống nòi. Nếu kẻ nào không chịu cải tà quy chính tiếp tục làm tay sai cho quân cướp nước thì nhất định sẽ bị nhân dân trừng trị.

Tên lý trưởng cúi đầu im lặng. Người hắn run run.

Trở ra chúng tôi dắt xe đạp đi rất đàng hoàng và bình tĩnh. Thấy chúng tôi làm việc có kết quả anh em thanh niên địa phương đứng gác bên ngoài sướng lắm, yểm hộ cho chúng tôi rút đi thật xa. Từ đó, uy thế Việt Minh vùng này càng lớn, phong trào cách mạng của quần chúng càng lên cao.

Sau đó, chúng tôi tiếp tục đột nhập một số nhà hào lý khác tuyên truyền thuyết phục hay cảnh cáo.

Do đó chúng tôi đã tranh thủ hoặc cô lập được khá nhiều tay.

ở làng C.T có một viên phó lý âm mưu tập hợp thanh niên rèn dao đánh kiếm, thành lập lực lượng vũ trang riêng để gây vốn chính trị, chờ thời cơ. Y cũng đã nghe tiếng Việt minh nhưng vẫn chưa chịu bắt liên lạc. Y thường bảo: Dưới tay tôi có độ trăm mũi kiếm, Việt minh chắc gì hơn tôi! Sau vài lần tôi

đưa sách báo và đi lại nói chuyện, thấy chuyển biến không được là bao, chúng tôi bắt buộc dĩ phải đưa súng lục ra để cho y biết rõ ràng Việt Minh có lực lượng vũ trang và hơn hẳn lực lượng y có. Quả nhiên anh phó lý đó đã ngã hẳn về ta và còn bố trí cho tôi đóng bộ thật sang làm vai con cụ chánh tổng đi đến thuyết phục tiên chỉ trong làng là người bà con của anh ta.

Giải quyết món hào lý tương đối ổn, chúng tôi tính đến chuyện các quan. Tên tri huyện sau khi bị chúng tôi cảnh cáo, hấn hoảng sợ trao quyền lại cho thừa phái, rồi bỏ về quê sống an phận. Ta tha tội chết cho hắn.

Tình hình lúc này rất sôi nổi, tin tức về Việt minh, về các đội du kích ở chiến khu được đồng bào bàn tán công khai ở các phố, các chợ. Ai cũng tưởng tượng là cảnh Việt Minh có một đội quân to lớn đang tung hoành khắp các dãy núi ở Việt Bắc và sắp tiến quân về xuôi đánh tan giặc Nhật. Người ta tô vẽ nên nhiều chuyện thần kỳ. Và khi nói với nhau những chuyện như vậy người ta cũng không quên mô tả những thất bại của bọn Nhật thật thảm hại để thoả nỗi ức bấy lâu nay. Ai cũng mong đợi một sự kiện sẽ xảy ra vô cùng ác liệt gay go nhưng cũng hết sức tốt lành. Nhiều người náo nức đi tìm Việt Minh. Thanh niên nô nức xin đi chiến khu. Hai tiếng chiến khu lúc ấy đối với tuổi trẻ sao mà hấp dẫn đến thế! Nhiệm vụ chuẩn bị tổng khởi nghĩa đòi hỏi phải có lực lượng vũ trang. Các đội tự vệ chiến đấu được tổ chức rất nhanh chóng. Các đoàn viên thanh niên cứu quốc rất hăng hái và sẵn sàng chiến đấu. Vấn đề vũ khí lúc ấy cũng có nhiều thuận lợi. Bên cạnh việc tìm kiếm súng ống đạn dược của Pháp bỏ lại trong lúc chúng bị hất cẳng, anh em còn tìm mua của những người lấy trộm trong các đồn Nhật. Thanh niên làng Xuân Trạch kiếm được một khẩu đại liên, nhiều làng khác sắm được súng trường, Tôi được các anh chỉ định phụ trách huấn luyện quân sự cho những đội tự vệ trong khu tôi và cả trong khu anh Thiệp. Vốn liếng quân sự học trong mười lăm ngày ở chiến khu năm trước giờ đây được đem ra sử dụng rất tốt. Lúc ấy tôi huấn luyện chung theo phương pháp nào, chẳng có sách vở, cứ nhớ đâu dạy cái ấy thường là nghiêm... nghỉ - đi đều bước các tư thế bắn và cách bắn. Chỉ thế thôi. Thêm vào đấy là các cuộc nói chuyện về chiến thuật du kích. Những danh từ hóa chỉnh vi linh, hóa linh vi chỉnh, dương đông kích tây được nhắc nhiều lần, nghe ghê lắm. Mấy tay trí thức ở địa phương cứ đồn là tôi học ở tận trường Hoàng Phố bên Tàu về. Họ cho rằng cán bộ đã học quân sự là phải học trường Hoàng phố, mà học trường đó ra là ghê lắm!

Đêm đêm dù có trăng hay trời tối, chúng tôi đều tập cả. Nhỡ phải đêm mưa thì kéo nhau vào một căn nhà hẻo lánh, dọn hết các thứ đốt đèn lên và tập. Có điều là những trường hợp như vậy, thì không dám hô to. Chỉ hô vừa nghe, nhưng nghe ra cũng đành lắm, có đủ dự lệnh và động lệnh hẳn hoi.

Trên khắp các bãi sông, trong các mảnh vườn xa làng xóm, đêm nào cũng rậm rịch tiếng chân tiếng cười nói lao xao của nam nữ thanh niên. Tất cả những thứ đó đã tạo nên một hơi thở rạo sức nơi thôn dã. Anh em trai gái đều rất nhiệt tình và hồn hậu ngày ấy, về sau đều có mặt trong đội giải phóng quân đầu tiên ở địa phương chúng tôi. Và cũng trong số thanh niên ấy đã có nhiều người trở thành cán bộ ưu tú của quân đội ta.

IV

Đầu tháng tám năm 1945 chúng tôi mở một lớp huấn luyện chính trị ở Chèm. Lớp học đang sôi nổi thì có tin Nhật đầu hàng đồng minh. Tôi vội vã trở về Đông Anh tìm các đồng chí trong đội công tác để bàn cách hành động trong tình hình mới.

Qua sông Hồng, đang đi trên đê làng Chài tôi lấy làm lạ khi thấy một chiếc ô tô cắm lá cờ đỏ sao vàng, trên có người cầm loa đồng dục kêu gọi đồng bào đi hộ đê. Có lẽ Hà Nội đã cướp chính quyền rồi chăng?

Nghĩ vậy, tôi càng sai bước rõ nhanh đi tìm các đồng chí trong đội. May quá, anh Thiệp và cả chị Diệp (cùng trong đội) cũng đang đi ngược tìm tôi. Chúng tôi kéo nhau vào ngay làng Ruộng, cách đê sông Hồng vài chục thước để họp. Trong những ngày giờ vô cùng khẩn trương ấy, các anh Trường Chinh, Lê Đức Thọ lại đi công tác cả. Đội của chúng tôi chỉ có ba người ở nhà anh Thiệp, chị Diệp và tôi. Chúng tôi rất lo lắng tuy hăng hái nhưng gặp việc lớn như thế, cả ba chúng tôi đều thận trọng.

Song nếu cứ chờ các anh về mới hành động thì lại chậm trễ, mất thời cơ. Nghĩ vậy, chúng tôi cứ mang vấn đề vận động quần chúng khởi nghĩa ra bàn. Chúng tôi liền dựa vào nội dung chỉ thị Nhật Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta của ban thường vụ Trung ương để phân tích tình hình cụ thể ở địa phương chúng tôi phụ trách và xét tới các sự liên quan đến tình hình chung.

Phát xít Nhật đã đầu hàng đồng minh, chính quyền tay sai đang hoang mang cực độ. Đó là một trong những điều kiện tốt để tổng khởi nghĩa. Nhưng bọn Nhật đóng ở huyện lỵ Đông Anh này qua tình hình chúng tôi nắm được, vẫn chưa cam phận, còn tỏ nhiều thái độ hung hăng ngạo ngược. Điều này buộc chúng tôi phải suy tính thật chín chắn. Chúng tôi còn tự đặt những câu hỏi khác để thảo luận:

- Tổ chức biểu tình đi cướp chính quyền liệu đã được đồng đảo quần chúng hưởng ứng chưa? Quần chúng đã thật quyết tâm chưa!

- Lực lượng vũ trang có đủ sức đánh bại kẻ địch, nếu chúng ngoan cố chống lại không?

Chúng tôi cũng tự kiểm điểm bản thân và đánh giá xem các cán bộ cơ sở sắp tham gia dẫn đầu cuộc biểu tình khởi nghĩa này đã kiên quyết dốc lòng hy sinh chưa? Đang họp bàn thì tiếng trống ngũ liên rùng rùng từ ngoài đê vọng vào. Tiếng người chạy rậm rịch... Có một bà nào đó kêu lên:

- Ồi giời ôi! Làng nước ơi! Ra cứu đê, làng nước ơi!

Một thanh niên cứu quốc của địa phương đang canh gác cho cuộc họp nghe vậy, vào gặp chúng tôi, thì thào:

- Mặc kệ! Nước to nữa cũng không vỡ đê được đâu. Mà dù có vỡ đê cũng cứ khởi nghĩa, các anh chị ạ.

Lời nói của anh thanh niên này cũng là một khía cạnh biểu hiện quyết tâm khởi nghĩa của quần chúng. Nhưng không thể bỏ mặc công việc chống lụt được. Chúng tôi ngừng cuộc họp và cùng nhau chạy lên đê xem xét tình hình cụ thể. Nước vẫn mỗi lúc một dâng cao. Bà con đổ ra đê mỗi lúc một đông. Chúng tôi liền mời các cụ già và một số thanh niên cốt cán đến trao đổi mấy vấn đề cần thiết rồi lại vội vã chạy về, tiếp tục cuộc họp.

Sau khi phân tích kỹ lưỡng, chúng tôi quyết định vận động quần chúng gấp rút biểu tình khởi nghĩa cướp chính quyền ở khu vực chúng tôi phụ trách, đồng thời vẫn để một lực lượng tiếp tục việc hộ đê. Lúc này tôi phụ trách công tác đội trong an toàn khu của trung ương vùng ven sông Hồng thuộc Phú Yên, phương thức hoạt động là tuyệt đối an toàn, không rải truyền đơn, không mít tinh.

Sau đấy, chúng tôi nhận được lệnh tổng khởi nghĩa của Kỳ bộ Việt minh gửi xuống. Chúng tôi quyết định tổ chức một cuộc biểu tình võ trang thật lớn để cướp huyện và lập chính quyền nhân dân, chẳng cần bí mật gì nữa. Tôi ngang nhiên đạp xe đi khắp vùng khai hội cấp tốc của các ủy ban dân tộc giải phóng và các ủy ban chấp hành Việt minh. Xe tôi thường bị níu lại vì rất nhiều người muốn hỏi tin tức. Có những cụ già nháy mắt nhìn tôi hóm hỉnh: Cố lên cho lão nhờ cú rượu. Uống rồi chết cũng hả. Những khẩu súng bầy lâu bị giam hãm trong những ống tre, mái bếp, nay được đưa ra lau chùi cẩn thận, những con dao mã tấu, những thanh gươm các kiểu được mang ra mài và bôi dầu sáng loáng.

Nước sông vẫn mênh mông. Nhưng nhà cao nhất ở các làng ngoài bãi đã bị ngập tới mái, sóng đã tràn lên mặt đê. Có tin đồn đê ở Vĩnh Yên bị vỡ rồi. Một vài nhà trong đồng đã chạy thóc gạo và làm lều trên đê. Trâu bò dồn lên kín mặt đê, mỗi quãng lại có người coi trâu nấu cơm, khói bay nghi ngút. Mọi người lo lắng cuống cuống, trâu bò cũng làm lý buồn bã.. Trời vẫn xám xám nặng nề, gió cứ vi vu đều đều. Sóng từng lớp rào rào, dữ dội. Không khí khởi nghĩa cũng tràn ngập khắp mọi nơi, sôi nổi không kém.

Tôi đặt làng Ruộng làm tổng hành dinh. Sau khi đã họp với anh Thiệp chị Diệp và phân công rõ rệt, tôi sẽ làm tổng chỉ huy cuộc biểu tình và địa điểm biểu tình sẽ là ngã ba Cây gạo Ba Đê, một nơi mà mọi bà con trong vùng từ già chí trẻ đều biết. Chiều nay nước đứng không làm dân làng yên tâm mà mọi người càng lo lắng, vì có người đạp xe ngược đê mười cây số để xem xét thì thấy quả là nước đã trắng xóa trong đồng có lẽ sắp tràn về tới đây. Lại thêm tin ở chỗ điểm canh đê đầu làng bị thấm thấu. Nhất là tin dân làng bên kia, sông muốn gửi nước bên này. (Vi họ định sang phá đê bên này, chịu thiệt thòi một bên để cứu lúa một bên).

Thành ra dân làng Ruộng cũng như nhiều làng khác đều lo chuyện nước lụt. Dưới ánh trăng mờ người ta tíu tít gồng gánh lên đê. Nào chuyển thóc, gạo, ngô, khoai lên những chỗ cao nhất, nào gọi nhau đồ thờ quần áo: nào chạy trâu bò, trên đê cảnh huyện náo gọi nhau, van la, quát nạt nhốn nháo. Rất ít tiếng cười. Đội hộ đê lo phát hiện kịp thời chỗ thấm thấu. Tỉnh thoảng họ lại trao đổi với nhau về mức nước để mà thất vọng. Nước mà lên nữa, sẽ tràn đê, còn nếu rút đi thì tất có vỡ đê ở đâu rồi. Trời làm lý u ám. Con sông đầy ắp nước cứ cuộn cuộn, mênh mang như con quái vật khổng lồ.

Thế nhưng ủy ban dân tộc giải phóng cứ họp. Có mấy việc gấp rút phải làm để chuẩn bị cho cuộc biểu tình cướp chính quyền ngày mai:

- 1/ Thảo những lời kêu gọi thật mạnh mẽ, hào hùng.
- 2/ Viết biểu ngữ và hẹn ngày giờ tập trung đi biểu tình.

3/ Tổ chức mít tinh ngay tại làng để cổ động cho cuộc biểu tình.

Ngoài Hà Nội phong trào đã rầm rộ lắm rồi, cả một vùng kinh thành náo động, tiếng vang khua rộn khắp nơi. Dân chúng xông xáo bàn tán, chờ đợi, ai nấy đều náo nức sửa soạn cướp chính quyền, say sưa khởi nghĩa. Nhưng dòng nước lũ tai ác kia cứ ám ảnh họ. Mọi người hốt hải bồn chồn. Mỗi người chúng tôi đều thấy ngoài việc cướp chính quyền ra còn phải làm cái gì nữa rất quan trọng để giải quyết lũ lụt. Song chưa ai nghĩ ra việc gì cụ thể cả. Chỉ có lo thôi!

Các anh trong ủy ban dân tộc giải phóng làng Ruộng sau khi mua đủ giấy, bút lông, mực tàu phẩm đỏ về, cứ mười lăm phút lại chạy thật nhanh về nhà xem xét nhà cửa thế nào, rồi trở lại hì hục trải rộng những tờ giấy ra phan, phủ phục viết lia viết lịa, xong mỗi tờ giấy lại say sưa ngắm nghía. Đã mười một giờ khuya, trăng lặn trong mây, sáng mờ mờ. Trong làng vẫn rậm rịch người đi lại. Chỗ chúng tôi, người ra vào tấp nập. Tôi phải ngừng tay viết để trả lời đủ thứ câu hỏi hoặc để xem các kiểu dao kiếm, gậy bà con mang tới hỏi ý kiến. Rất nhiều anh em hăm hở khuấy hồ và tình nguyện đi dán khẩu hiệu trong làng. Người được nhận may cờ cứ khăng khăng đòi may khổ lớn để chiếm giải hôm mít tinh biểu tình. Người nhận lo cán cờ cũng vất vả ngược xuôi tìm cây tre cho ưng ý. Việc lập ủy ban nhân dân hàng xã được bàn đến nhiều nhất. Nào là việc thu các bằng, sắc, triện, việc bầu chủ tịch, cách bầu, các đối phó với hương lý, kỳ hào, việc chọn một phụ nữ đi bầu vào ủy ban. Ai cũng say sưa náo nức. Việc mình được tự tay bầu ra ủy ban là dân có quyền rồi. Những dòng chữ cũng như đang nhảy múa...

Tuy thế tiếng trống ngũ liên đang đổ dồn cũng làm nổi vui mừng không trọn vẹn. Tiếng chó sủa vang khắp làng... Thật là một đêm đầy áp niềm vui lớn và nỗi lo cũng thất lòng..

Bỗng lệnh tù và báo động khẩn cấp ngoài đề. Mấy chị tay ấm con nhỏ giật bắn mình, ới ới gọi những đứa lớn, kêu la đầy kinh hoàng: ối giời ơi! Làng nước ơi! Ra cứu đề mau!. Đám đàn ông trầm tĩnh hơn, tỉnh táo đi lấy cuốc, mai chạy ra. Một anh giúp tôi thu xếp giấy mực nói giọng đau đớn tha thiết.

- Thôi rồi anh ạ! Thế này thì còn khởi nghĩa làm sao! Sao cái vận nước mình nó oái oăm thế!

Anh như sắp bật khóc! Tôi chưa biết phải nói gì với anh, cứ lo thu xếp gọn các thứ để lao ra với mọi người.

- Phải! Anh ra với chúng tôi! Nhỡ có chuyện gì anh khuyến khích dân làng vài câu cho đỡ buồn anh nhé!

Tôi ghen ngào với ý nghĩ: Mình chỉ có ít kinh nghiệm lãnh đạo dân chúng chống Pháp, chống Nhật, còn chống nước lũ thì biết làm sao đây! Những con người này sẽ hăng hái bao nhiêu nếu cần chiến đấu!

Tôi giắt khẩu súng vào người, xong cảm thấy không tự tin lắm, khác với những lần khi khai hội trừ gian trước đây. Anh thanh niên thì hăm hở nhắc:

- Súng đâu! Đem theo đi nhé!

Một cụ già lật đật bước vào thở dốc:

- Hồng! Hồng! Hồng tắt!

Chạy, vào giường cụ vớ lấy cái điều cày vừa thông vừa nói tiếp:

- Các cụ đi ra đi! Ra hết đi! Tôi cũng ra bây giờ, nguy quá!

Tiếng trống, tiếng mõ đổ dồn. Tiếng tù và trầm trầm rền rĩ kéo dài. Tiếng trẻ con khóc. Tiếng người lớn thúc giục. Tôi theo anh thanh niên chạy ra đến đầu làng thì thấy lũ nhố trên đê người và người.

Mấy anh tay cầm gậy cho hay:

- Có ba chiếc thuyền từ từ tiến vào. Tuần canh đê hỏi thuyền nào họ không trả lời. Tưởng là thuyền bên kia sông sang gởi nước nên báo động. Nhưng họ đã quay ra giữa dòng rồi. Như thế là tình hình chưa đến nỗi nào. Mọi người lục đục trở về nhà. Mỗi lo chưa tan hấn nhưng cũng tạm yên tâm tiếp tục công việc chuẩn bị. Rồi có tin: nước đứng rồi, nơi thâm thấu không còn rỉ nước. Mấy bà cũng chen vào xem chúng tôi viết và hỏi dò xem họ có được đi biểu tình không.

Sáng hôm sau, các điểm canh đều phủ kín biểu ngữ. Nơi nào người dân cũng chen chúc đọc. Trên đê làng Ruộng, lác đác mấy cái lều nhỏ. Trời âm u. Nước lững lờ trôi. Còn lòng người thì nao nức đến khó tả.

- Giặc Nhật đã đầu hàng. Thời cơ khởi nghĩa đã tới.

- Quốc dân đồng bào mau mau nổi dậy cướp chính quyền!

- Cách mạng thành công muôn năm!

Các câu chữ truyền miệng lan đi như cơn lốc không ai nghĩ đến làm ăn gì cả, chỉ khẩn trối cho nước rút mau và phen này có chết cũng thơm thết khắp nơi sát khí ùng ùng. Nhìn họ tôi sung sướng nghĩ tới tờ hịch của đức thánh Trần học thuở trước.

Tờ mờ sáng hôm sau, hàng ngàn người đổ ra chật cả đường làng, mặt đê. Các cụ già, trẻ em cũng tham gia. Dòng người cứ dài ra mãi. Nhân dân từ Vọng La đổ lên, Xuân Trạch kéo đến, Cổ Loa đi ra... các nơi khác trong toàn vùng đổ về tập trung tại Cây gạo Ba Đê. Giữa lúc tôi đang làm nhiệm vụ tổng chỉ huy sắp xếp và chỉnh đốn đội ngũ, đột nhiên một bà trong đám đông chạy đến trước mặt tôi, đơn đã nói:

- Ô thế hóa ra là cậu à? Hôm nay cậu khác hẳn đi đấy!

Sau một phút trấn tĩnh, tôi nhận ra bà và mỉm cười:

- Chào bà, vâng, tôi...

Chả là, suốt từ khi được phân công về phụ trách vùng này, hầu như ngày nào cũng có việc phải đi qua chỗ ngã ba này, phần nào cũng ý vào việc thay hình đổi dạng thường xuyên của mình - hôm thì áo the quần trắng, hôm thì đóng bộ tây vào, hôm thì quần nâu áo vải - nên tôi thường đánh bạo nghỉ ở quán bà uống chén nước, ăn bát bún hay vài cái kẹo ngay ở gốc cây gạo. Và tôi cứ đinh ninh là bà chủ quán đông khách thế sẽ không nhận mặt được ai! Vả lại tôi rất thích được ngồi nghỉ lại đây. Từ gốc gạo này tôi có thể phóng tầm mắt nhìn bao quát được cả vùng rộng lớn các làng xã ven đê. Mỗi khi dừng mắt lại làng nào lại hiện ra hình ảnh thân thương của các đồng chí, các bạn vào sinh ra tử cùng với cảnh đời và công việc của họ. Tôi cảm thấy mình ấm lòng và nhiệt thành thêm. Cũng chính bên gốc gạo Ba Đê này, sau bao năm tháng bị tù đầy chỉ ước ao có ngày trở lại hoạt động cho cách

mạng, và lan, đầu tiên tôi được đồng chí Trường Chinh giao công tác cũng trên đề này. Còn bao nhiêu cuộc hẹn hò gặp gỡ các đồng chí khác.

Thấy tôi ngập ngừng lúng túng bà nói vui:

- Giờ thì biết rõ. Cậu là tướng Việt Minh rồi. Thôi, lâu nay cậu ăn bún gà của lão mãi, hôm nay cậu phải cho lão ăn cháo gan... Nhật đấy!

Nói xong bà tắt tuỏi quay lại đội ngũ. Tôi bất giác mỉm cười, thầm nghĩ: Một bà bán quán cũng quyết tâm đánh Nhật! Khối quần chúng đông đảo này nhất định sẽ đập tan bọn phát xít, giành chính quyền hôm nay.

Sau khi chúng tôi nói mấy lời về tình hình, về thời cơ cướp chính quyền, anh em thanh niên hát bài Tiến quân ca và đoàn rầm rộ xuất phát. Đi đầu là lá cờ đỏ chói lọi bay phấp phật. Bốn thanh niên tự vệ chiến đấu khiêng khẩu đại liên, tiếp đến đội tự vệ với hơn chục khẩu súng trường rồi đến các khối quần chúng đi theo từng xã. Trong đoàn có một ông già trước đi lính kèn cho Pháp lại còn giữ được cái kèn, thỉnh thoảng ông thổi toe toe. Chẳng hiểu là bài gì, nhưng lúc bấy giờ tiếng kèn có vai trò quan trọng làm thêm phần chấn đoàn người đi đổi đời. Từng quãng chúng tôi đặt súng nổ lên trời ít phát. Quần chúng sôi nổi hô khẩu hiệu:

- Đả đảo bọn phát xít! Cách mạng thành công muôn năm!

Tiếng hô vang động như sấm rền. Kiếm, dao, giáo, mác lấp lánh dưới ánh mặt trời. Đoàn đi tới đâu, quần chúng tại chỗ lại tự động nhập đội ngũ. Chúng tôi lòng rất phấn chấn, vững tin vào quần chúng. Bây giờ bọn tay sai phản động chắc chẳng dám ngo ngoe. Nhưng phải đề phòng bọn phát xít vì bản chất chúng rất tàn bạo. Nhất định quần chúng sẽ toàn thắng, nhưng nếu không chuẩn bị đối phó với tình huống quyết liệt thì sẽ bị lúng túng. Chúng tôi nghĩ tới cách áp dụng những điều mà đã được học tập dự kiến các việc như cắt dây điện thoại, đốn ngã cây, phá đường cô lập lực lượng Nhật đóng ở Đông Anh để bảo đảm việc cướp chính quyền được nhanh chóng.

Lúc ấy dù gặp cản trở gì, quyết tâm khởi nghĩa giành chính quyền cũng không hề nao núng, ngược lại còn bốc mạnh hơn. Chị Diệp nai nịt gọn gàng, tay lăm lăm khẩu súng lục, dây súng quấn vào cổ tay. Anh Thiệp và tôi cũng vậy luôn luôn ở tư thế tiến công...

Khoảng gần trưa, đoàn biểu tình kéo tới huyện. Lúc này, anh em công nhân hỏa xa Đông Anh đã đến phối hợp cùng làm nhiệm vụ chiếm huyện. Tên tri huyện đã bỏ trốn từ lâu, nên việc cướp chính quyền không gặp khó khăn phức tạp. Chúng tôi chuyển sang trại lính Nhật. Quần chúng vây quanh trại, hô khẩu hiệu. Tôi được cử ra giao thiệp với bọn Nhật. Anh Thiệp chỉ huy tự vệ sẵn sàng... Nếu lúc nói chuyện bọn Nhật giờ trò thì quân ta lập tức đánh trả. Chị Diệp đôn đốc đội ngũ quần chúng giữ trật tự công.

Bọn Nhật có một tiểu đội. Khi chúng tôi vào đến phố huyện thì gặp tên chỉ huy cùng mấy tên lính. Chúng tôi tìm ngay thông ngôn và bắt đầu thuyết phục. Tên chỉ huy đội mũ lưỡi trai bằng vải, áo quần, màu cứt ngựa, gặp tôi nó hơi ngơ ngác một lúc rồi nhìn ngang nhìn ngửa quan sát lực lượng của ta. Tôi bảo hấn:

- Nhật đã đầu hàng đồng minh. Việt Nam hiện nay Việt Minh đã làm chủ. Chúng tôi đã có chính quyền Cách mạng. Vậy các anh phải nộp vũ khí, giao trại lính cho chúng tôi. Chúng tôi bảo đảm đưa các anh về Hà Nội an toàn. Tên chỉ huy suy nghĩ một lát rồi nói ngập ngừng:

- Cho tôi gọi điện thoại về Hà Nội vì chúng tôi cần có lệnh từ Hà Nội.

Tôi đoán có thể là hán âm mưu gọi xin quân tiếp viện, tôi bảo hán luôn:

- Mọi đường giây đều đã bị cắt. Nếu các anh làm theo lời chúng tôi thì sẽ được bảo đảm an toàn đưa về tới Hà Nội. Hán lăm lét nhìn hai bên miệng lăm bầm hồi dài nhưng rất nhỏ. Mấy tên lính đi theo lảng dần. Còn người thông ngôn thì mặt tái đi. Tôi cho là hán vừa nói điều gì quan trọng với chúng nó. Nhìn vào trong trại thấy bọn lính đeo vũ khí và tập hợp về một phía lại tỏa ra khuôn vác hòm xiềng chắc là hòm đạn - về phía nhà kiên cố. Rõ ràng bọn chúng chuẩn bị đánh lại ta rồi. Bên ngoài quần chúng cũng thấy như thế, nên đã tiến sát bao quanh lấy tôi, miệng hô khẩu hiệu vang động. Tôi bình tĩnh bảo tên chỉ huy:

- Các anh không nên nổ súng vào nhân dân chúng tôi. Làm thế, buộc lòng chúng tôi phải tiêu diệt các anh.

Hán vừa lùi, vừa lầu bầu, tỏ vẻ cực cần và láo xược. Tôi bảo hán:

- Nên nhớ rằng, chiến tranh đã kết thúc, các anh sắp được hồi hương...

Tôi đang nói thì tên Nhật chạy tụt hán vào trong trại. Tôi giận sôi lên. Quần chúng cũng căm phẫn sôi sục. Bên trong, tên chỉ huy Nhật khoát tay ra hiệu. Bọn lính bắn ra Khí thể quần chúng như một chảo dầu sôi. Tiếng súng của bọn Nhật khác nào một tia lửa bắn vào làm bùng to lên lên đám cháy lớn.

Quần chúng gào thét. Các đội viên tự vệ được lệnh lập tức tản ra bắn vào trong trại. Các tổ phụ nữ vừa hô khẩu hiệu dương cao cờ ào lên. Tiếng kèn của ông già vang lên, thôi thúc. Thanh niên vùng kiếm múa gậy xông vào. Chúng tôi cố ngăn lại chỉ để các đội tự vệ có súng xáp vào chiến đấu. Khẩu đại liên đặt ngay cổng trại nổ rầm rầm. Anh em công nhân xe lửa Đông Anh ném tới tấp lựu đạn vào trại. Quần chúng không ngừng hô: Đả đảo phát xít Nhật nhật đủ thứ ném vào. Anh Môn là Bí thư chi bộ làng Xuân Trạch dẫn đầu một tốp thanh niên lao lên, bị trúng đạn ở đùi, máu chảy đầm ố quần. Anh vẫn thản nhiên động viên:

- Bà con giữ vững tinh thần. Tôi thấy chúng chết hai thằng rồi!

Anh thét lên lên:

- Anh em tiến lên!

Xô tới gần cửa trại, anh lại bị thương vào tay. Anh muốn đấu không để mọi người biết, nhưng các đồng chí vội kéo anh ra chỗ khuất, băng bó. Vừa được băng xong anh lại vùng ra, hô:

- Anh em xông lên! Tiêu diệt quân phát xít!

Tiến được mấy bước, anh ngã xuống, miệng vẫn không ngớt hô:

- Xông lên! Anh em xông lên!

Tin anh Môn hy sinh truyền đi và sôi sục căm thù:

- Trả thù cho anh Môn!

- Tiêu diệt phát xít Nhật!

Quần chúng càng xiết chặt vòng vây. Bọn Nhật tập trung bắn ra phía cổng. Một anh lấy mũ chụp lên đầu chiếc gậy đưa thập thò trên đầu mép tường. Anh khác đứng bên đưa mũi súng chờ sẵn. Mấy tên Nhật nhòm lên bắn chiếc mũ, bị anh hấn trước. Một tên đổ xuống dãy đành đạch. Anh G. cũng là thanh niên, nhưng lùn quá, co kiễng chân cũng không sao bắn được qua tường liền rón rén đến bên cửa sổ, chĩa súng bắn chết một tên khác. Sướng quá anh, khoe:

- Bà con ơi! Thịt thêm một tên nữa!

Gina lúc đó, mấy anh chạy lại níu lấy áo tôi

- Anh! Lại chữa hộ chúng em khẩu súng máy, đang bắn thì nó tắt!

Người đứng bên tôi liền gạt đi:

- Thôi, anh đang bận!

ở hướng khác chị Diệp cầm súng lục bò sát tường ló đầu lên cửa sổ dò xét. Đoàng! Chị phục ngay xuống rồi nhô lên bắn trả lại.

Anh Thiệp vẫn hò hét ở cổng trại.

- Bình tĩnh, giữ vững hàng ngũ!

Một bà trạc năm mươi, tay phất cao cờ đỏ miệng la lớn:

- Anh chị em tiến tới! Tiến tới!

Một ông cụ quần xắn đến gối, xách kiếm chạy ngược, chạy xuôi, góp kè:

- Đốt! Đốt nhà!

Quần chúng hưởng ứng:

- Phải đấy. Ném rơm vào! Ném rơm vào!

- Ra phố lấy rượu, dầu hỏa nữa! Mau lên!

Nhóm thanh niên hăng hái lao đi..

- Rơm đâu, ném hết vào!

- Trèo lên mái, dỡ ngói tống xuống!

Em Diệp một thiếu niên mười hai tuổi nhanh nhẹn nói:

- Em bé, em trèo cho!

- Không được! Để tôi trèo!

Tiếng hò hét, ai cũng gào như quát. Ai cũng đầy hào hứng góp sức mình hạ bốt..

Trận chiến đấu đến hàng tiếng đồng hồ cửu sôi sục như thế, càng về sau càng dữ dội hơn.

Tiếng súng của địch thưa dần. Và làn đạn từ, trong bắn ra cứ bay lên ngọn cây. Sau một cuộc hội ý chớp nhoáng, chúng tôi cùng thống nhất nhận định: Bọn Nhật chỉ còn vài thằng bị thương, ta vào được rồi. Lập tức tôi hạ lệnh xung phong. Cả dòng thác người ập vào trại địch. Bọn địch bị tiêu diệt. Anh Thiệp, chị Diệp và các đồng chí đảng viên các xã cùng tôi hô đến khản cả tiếng đồng bào mới chịu ngừng tay.

Sau khi đã làm chủ hoàn toàn được huyện, ủy ban khởi nghĩa phân công: Chị Diệp chịu trách nhiệm

cùng quần chúng chôn cất bọn giặc đã chết thu dọn chiến trường. Anh Thiệp và tôi đi lập chính quyền và tổ chức lực lượng vũ trang ở địa phương. Tới huyện đường, chỉ còn là cảnh hoang tàn vô chủ.

Chiếc ô tô hỏng nằm chổng chơ, cửa ngõ đổ nát hoang tàn, giấy tờ sổ sách vung vãi...

Ủy ban khởi nghĩa và đại biểu quần chúng nhất trí cử anh Thiệp làm chủ tịch huyện chi Địch là phó chủ tịch. Sau đó chúng tôi tổ chức đội vũ trang thoát ly gọi là giải phóng quân. Có đến hàng trăm thanh niên nhập ngũ. Chúng tôi phải gọi danh sách và giải thích là hiện nay mới tạm tổ chức một đơn vị nhỏ, sẽ tổ chức lớn hơn và gọi thêm sau. Tập hợp thành đội ngũ xong, chúng tôi cử luôn anh em đi mai phục các ngã đường đón đánh Nhật nơi khác kéo tới.

Ngay sau đó, chúng tôi tổ chức lễ truy điệu và an táng đồng chí Môn. Chúng tôi lấy một lá cờ đỏ sao vàng phủ lên người đồng chí. Hàng trăm người đứng im lặng mặc niệm, tỏ lòng thương nhớ anh, biết ơn anh và căng nung nấu căm thù bọn phát xít xâm lược.

Đám tang đồng chí được cử hành rất trọng thể ngay chiều hôm ấy. Để bảo đảm an toàn, chính quyền huyện tạm dời về làng Cổ Loa, vì ở đó là cơ sở vững mạnh của ta. Địa thế lại hiểm trở, xa đường cái lớn, Tiến khả dĩ công, thoái khả dĩ thủ...

Tới đình Cổ Loa, trời xẩm tối. Chính quyền nhân dân bắt tay vào việc ngay. Trước tiên là phân công thêm một số cán bộ và thanh niên cùng nhân dân tiếp tục hộ đê chống lụt. Nước sông Hồng đã lại dâng lên, tràn qua đê, chảy xiết ghê người. Tai họa vỡ đê từng phút, từng giây...

* * *

Trong thời gian chuẩn bị khởi nghĩa cho đến hôm biểu tình cướp chính quyền, đội công tác chúng tôi suốt ngày đêm bận rộn, có những buổi quên cả ăn uống. Tuy vậy người nào cũng cảm thấy mình khỏe mạnh, vui sướng hơn trước. Nước sông Hồng vẫn mênh mông. Ngoài bãi nhiều nhà ngập sát mái. Có nơi nước trào vào cánh đồng. Dân làng làm lều kín mặt đê. Tuy bị lụt lội uy hiếp, nhưng mọi người rất hồ hởi, gặp chúng tôi ai cũng xúm lại nói chuyện tình hình. Một cụ bảo:

- Sung sướng quá! Chính quyền về tay mình, bây giờ có chết cũng sướng!

Mọi công việc vẫn được tiến hành khẩn trương. Chúng tôi đi dọc đê, tới từng làng thu triện và các giấy tờ của hội đồng hương chính, tuyên bố lập chính quyền cánh mạng. Đồng bào tập trung mít tinh ngay trên mặt đê. Chúng tôi đọc danh sách ủy ban nhân dân cách mạng địa phương do cán bộ hay quần chúng tích cực giới thiệu và bảo đảm. Nhiều nơi chúng tôi đang tổ chức lập chính quyền ở làng này thì làng bên đồng bào cũng mít tinh rầm rộ chờ đợi. Lập chính quyền đến đâu, tổ chức đội ngũ tự vệ đến đó. Công tác ở Đông Anh một thời gian nữa thì tôi được lệnh gọi về Thủ Đô - nơi xuất kích cướp chính quyền ngày nọ - các đồng chí tiền tôi đã trở lại, nhưng biết bao nhiêu kỷ niệm từ những ngày chúng tôi còn tay trắng bụng trơn, đi trắng về thẫm cho đến những ngày chúng tôi đứng trong đội ngũ điệp trùng tay cờ tay giáo cứ quẩn quít tâm trí tôi. Và những con người ấy, việc ấy trong những ngày tháng Tám lịch sử ấy tôi không thể nào quên được... Cứ đi được một quãng, tôi lại ngoái lại tần ngần nhìn mãi cây gạo Ba Đê

Chương 9

Tôi vào bộ đội ngày 19 tháng 08 năm 1945 với cái chức chính trị viên khu và đã gặp ngay những chuyện oái oăm trở thành kỷ niệm vui của một thời làm cán bộ quân sự. Là chính trị viên thì công việc hàng đầu là hoạt động của chi bộ. Công tác chi bộ ở đơn vị làm gì và làm như thế nào, khác nhau và chỗ giống với chi bộ bên ngoài ra sao? Tình hình lại hết sức khẩn trương, nóng bỏng, không chần chừ được. Để gỡ sự lúng túng đó tôi với đến ông Trường Chinh. Mời được Tổng bí thư đến dự hội nghị chi bộ là vinh hạnh lớn nhất đối với anh chị em đảng viên. Còn tôi thì kín đáo học cách ông cụ khai hội cùng những điều cần đưa ra thảo luận và lấy nghị quyết. Cụ cũng không câu nệ gì cả mà vui vẻ tham dự. Là quần đội cách mạng của nhân dân, là tổng bí thư của Đảng lãnh đạo, suy chợ cùng thì việc có mặt đồng chí Trường Chinh ở cuộc họp rất có ý nghĩa cho cả hai phía, là một sự cần thiết nữa. Còn đối với anh phụ trách công tác chính trị ở đơn vị là tôi thì nhờ Tổng bí thư mà thu được bài học vỡ lòng quan trọng để làm cẩm nang. Cũng cùng thời gian này, chính trị viên Trần Độ được Bác Hồ nhận xét góp ý về vấn đề làm người cán bộ trong quân đội cách mạng. Thời kỳ còn đóng ở trại Bảo an binh cũ trước cửa rạp Tháng tám, anh Vương Thừa Vũ là khu trưởng và tôi là chính trị viên, khi là hai thủ trưởng của một đơn vị quân sự lớn mà vẫn cái bát, đôi đũa liền tay. Với thủ trưởng thì nhà bếp có bày riêng cho một rổ, bên là cơm, bên rau muống luộc, thêm tí thịt kho hay cá kho tủy bữa. Bát đũa thì mỗi người đều tự lo. ăn xong, có người thu dọn rổ, còn bàn ăn thì thực khách tự lau dọn. Chén đũa tự rửa và của ai người nấy mang về chỗ ở của mình mà cất. Chỗ ngủ qua đêm của mỗi anh là cái bàn làm việc, không màn không mền, không gối.

Cứ co ro trên mặt bàn suốt đêm. Đời sống tư lệnh cũng y như các chiến sĩ. Tôi thấy cứ điệu này thì tạm bợ quá, lấy đâu ra sức lực mà trụ lâu dài, làm ăn gì được. Trăn trở mãi, rồi tôi nhớ tới truyện tàu, họ có nói tới công việc hòa đầu quân, lo cơm nước cho bộ đội. Điều đó khác với tình cảnh chúng tôi lúc đó. Hàng ngày cứ một dàn bốn năm cô gái má phấn môi son, áo dài màu tha thướt đến làm bếp cho bộ đội. phải thừa nhận, chị em rất chí tình lo toan công việc ăn uống, ríu rít hồn nhiên, mang tới một không khí thanh bình cho đơn vị. Nhưng cơm thì khi sống khi khê, bữa no bữa đói nhiều hôm đến hai giờ chiều vẫn chưa có ăn. Còn chị em thì đầu tắt mặt tối. Các chị em vốn thành thạo trong khuôn gia đình thì cái bếp đại tảo này đâu có đất, có điều kiện cho anh chị em đua tài. Xem ra người nấu như kẻ ăn đã đến lúc mệt mỏi mà bữa cơm ngày càng tồi tệ. Chúng tôi thấy phải có lính bếp bếp núc tử tế mà chuyên trách. Tôi cho đăng tuyển hỏa đầu quân với điều kiện là biết làm bếp, sức khỏe tốt. Sau kỳ báo đầu tiên đã đông người kéo đến. Mấy chục đầu bếp của các nhà hàng rất nổi tiếng ở Hà Nội lúc đó như Mỹ Kinh cũng xin đầu quân. Họ được tuyển vào đơn vị. Từ khi có hỏa đầu quân thì việc ăn uống của đơn vị thay đổi cơ bản: cơm ngon, canh ngọt, thức ăn thay đổi. ăn đúng giờ quy định, theo đúng quy chế phục vụ. Một hôm, chúng tôi nhận được thông báo là Hồ Chủ tịch sẽ tới thăm đơn vị. Tin đó làm cả ban chỉ huy bắn lớn vì không ai biết đón tiếp Chủ tịch nước thì phải như thế nào. Quân đội chưa có điều lệnh, Nhà nước chưa có quy định nghi thức nào cả. Vậy nghi lễ đón Chủ tịch Nước thì phải như thế nào? Hẳn là không thể xuềnh xoàng được. Tôi lại là chính trị viên, phải làm sao thể hiện đúng yêu cầu ý nghĩa chính trị khi nghênh tiếp. Quân phục lúc bấy giờ chưa có, nhảy vào kho quân nhu lính khổ xanh vớ được thứ gì bện thứ đó. Cả đơn vị muốn đồng phục thì chỉ mặc quần sooc và đi dép da trâu. Không đẹp, không lịch sự, nhưng cũng là trang phục nghiêm chỉnh trong điều kiện có thể. Còn mình đứng ra trực tiếp đón Bác mà lại quần sooc có nên không? Tôi lo lắng thật sự, đưa ra ban tham mưu bàn. Các đồng chí đều nghĩ đến điều tôi đang quan tâm, bàn rằng phải đi mượn một bộ com-ple và phải kiểm cả cà vát thắt cho ra vẻ lễ phục vì cụ là Chủ tịch nước cơ mà. Tôi nghe bùi tai, yên trí như thế mới phải phép với Chủ tịch nước. Khi Bác từ trên xe bước xuống, khoan thai đi vào, tôi với tư cách là chủ nhà đón khách quý hăm hở ra chào Bác. Tôi bỗng lúng ta lúng túng không biết nên chào thế nào. Chẳng lẽ trang phục như tôi lúc đó mà lại chào kiểu nhà binh? Tôi nhanh trí đứng nghiêm cung kính chào Bác. Bác đưa tay ra bắt tay tôi và nắm lấy luôn. Tay kia Bác nắm lấy cà vát tôi đang mang. Bác hỏi: Chú làm gì ở đây! Tôi lễ phép thưa: Báo cáo Bác, cháu là chính trị viên. Bác bèn bảo:

- Là chính trị viên mà ăn mặc thế này ư? Đi đâu mà phở-côn 5[5] cà -vạt thế này?

Bác chỉ anh em trong đơn vị đứng trong hàng ngũ, nói tiếp:

- Quân đội thì phải đồng cam cộng khổ, mà chú là chính trị viên, chú lại muốn làm giai cấp khác với anh em sao?.

Tôi sa vào cảnh trời trống, vừa muốn thưa với lòng cung kính nhất: Bác ơi! Hôm nay đoàn Bác đến. Cháu chạy đi mượn bộ quần áo làm lễ phục đón Bác cho phải phép. Vừa cảm thấy vô duyên không dám nói vì Bác đang đề cập đến một nội dung đáng phải chú ý hơn, làm việc thanh minh của tôi trở thành khó nói. Thế là đành chết cay chết đắng chịu trời trống, đất không nứt ra để chui xuống.

Chào hỏi xong, Bác hỏi:

- Bếp đâu!

Tôi dẫn Bác đi thăm nhà bếp. May mà chúng tôi đã có hỏa đầu quân. Bác quan sát xong hỏi tiếp:

Chuồng xí đâu?. Tôi đưa Bác đi. Bác lại hỏi: Thế còn vườn rau. Tôi thưa: Dạ, chưa có vườn. Bác chỉ đám đất cỏ kế đó nói: Thế đất này để làm gì? phải tặng gia chứ. Bác đi vào phòng khách rồi nói năm điều bộ đội cần thực hiện cho tốt. Một lần khác, Bác cho gọi Đàm Quang Trung và tôi lên chỗ làm việc của liác ở Bắc bộ phủ. Lúc này anh Vương Thừa Vũ không làm khu trưởng nữa mà là anh Quang Trung. Thời đó, cán bộ bận bộ đại cán loại áo bốn túi, cổ bẻ. Nhìn sang Quang Trung, tôi thấy anh mang cà vạt hàng hoàng. Bụng hự hự thực thực, tôi không nói gì với Quang Trung. Song đến khi hai thằng sắp hàng trước chiếc bàn. Bác đang ngồi làm việc, tôi liếc sang thì cổ áo anh Quang Trung đã không mang cà vạt nữa. Thì ra khi bước lên cầu thang, cậu ta đã lột ra vứt đi và gài kín cổ áo thật chỉnh tề. Tôi lại cứ để cổ bẻ. Ông cụ nhìn, chỉ tôi hỏi:

- Chú là bộ đội sao ăn mặc thế này? Chú không hiểu là quân phục của quân đội là phải gài kín cổ cho đứng đắn. Đừng có chuyện ăn chơi như thế.

Nói xong, Bác cho mỗi thằng điều thuốc châm lửa hút. Tôi vội vàng đưa hai tay lên cổ cài cúc áo.

Lúng túng thế nào đầu lửa châm một phát vào ngay cổ. Càng đau hơn! Trên đường về, tôi trách Quang Trung:

- Cậu đểch phổ biến kinh nghiệm cho anh em. Chỉ biết lo cho thân cậu, để mình bị thuốc châm rất cổ. Đúng như các cụ ngày xưa thường nói: chẳng có cái dại nào giống cái dại nào! Tuy thế càng về sau, những chuyện này lại thành những kỷ niệm thật êm đềm. Rõ ràng ông cụ rất nghiêm, không bỏ qua bất cứ thiếu sót nào, đồng thời rất mực thân ái, rất tình cảm. Do vậy cái nghiêm khắc cùng lòng nhân ái làm ta nhớ khắc sâu trong lòng thành những kỷ niệm khó quên. Nó làm ta gần Bác thêm, yêu Bác hơn. Sức cảm hóa của Bác thật kỳ diệu. Tôi còn được tiếp xúc nhiều lần với Bác. Mỗi lần Bác gọi lên, tâm trạng đều không yên, biết là có chuyện Bác mới cho gọi. Nhưng cái e dè ấy lại mau chóng bị một nỗi vui được gặp Bác lấn át. Rút cuộc là một cảm xúc lâng lâng sâu lắng dần, đó là nỗi vui sướng, là hạnh phúc được hưởng điều mình mong ước ngày đêm là được gặp Bác. Quá trình làm việc tôi cũng có dịp tiếp xúc, được làm việc với nhiều đồng chí lãnh đạo cấp trên. Nhưng không một ai gieo cho tôi thứ tình cảm lạ lùng này: nó nâng tôi lên, làm tôi tự tin hơn, hưng phấn lao tới những gì tốt đẹp hơn, nhân văn hơn.

Tôi hoạt động quân sự. Nhưng ngày lịch sử 19 tháng 12 năm 1946, ngày kháng chiến toàn quốc lại chẳng có gì để nói. Công việc ngày đó hoàn toàn là do ông Vũ bày mưu tính kế, đề ra kế hoạch. Tôi chỉ làm việc phóng một ô đi hô hào tự vệ đắp ụ chặn đường. Ông Vũ cũng có ý đưa ra bàn bạc, nhưng hễ ông ấy nói gì, thì tôi đồng ý luôn. Sau này khi tôi đã kiếm được ít kiến thức quân sự thì tất nhiên có khác. Thế mới nên tướng chứ. Ra khỏi Hà Nội thì tôi được chỉ định làm phó chính ủy Liên khu II, tức từ vùng Hà Đông, Sơn Tây xuống tới Hà Nam, Ninh Bình. Ông Hoàng Sâm là khu trưởng, ông Lê Hiến Mai là chính ủy. Tôi được bổ nhiệm làm phó chính ủy, nhưng đồng thời là quyền chính ủy. Ông Vương Thừa Vũ vẫn chỉ huy ở Hà Nội làm khu trưởng khu II. Ông Hoàng Sâm và ông Lê Hiến Mai chỉ huy bộ đi tiến về miền Tây, gọi tắt Tây tiến. Anh em đùa nói là mình rút đến đâu Tây theo tới đó, đúng là Tây tiến thật...

Hồi này, nhận chức vụ, tôi đã biết sơ sơ công việc của anh chính trị viên phải làm rồi. Lúc này có bà tên gọi là Ba Hoán là cán bộ cách mạng thoát ly làm kinh tế rất tháo vát, giỏi giang đang làm nhiệm

vụ như một chủ nhiệm hậu cần của liên khu. Về hôm trước thì hôm sau tôi tìm đến gặp bà. ý định của tôi là nắm tình hình theo kiểu chị em trò chuyện với nhau. Tôi hỏi:

- Chị à, gạo nước ra sao? Bộ đội có đủ gạo ăn không? Dự trữ được bao nhiêu?

- Khắp chỗ có kho hết, chỗ nào cũng có.

Bà trả lời kiểu chung chung như thế, không nói có bao nhiêu tấn, bao nhiêu tạ. Tôi lại hỏi: Thế còn quần áo cho anh em? Bà đi lại chỗ mấy cô đang ngồi may ở ba chiếc máy khâu, nói:

- Đấy thợ và máy! Liên khu có đủ hết.

Tôi hỏi thêm:

- Thế còn tiền tiêu vật cho anh em, có không chị?

Đến đây bà ta lộ vẻ cáu kỉnh:

- Anh kiểm tra tôi đấy à?

Một sự phản ứng bất ngờ. Tôi thanh minh để xoa dịu:

- Xin chị! Chẳng là tôi mới về đây, chưa biết tình hình các mặt ra sao cả. Chị là chủ nhiệm hậu cần của liên khu, là người nắm đầy đủ các vấn đề này, tất nhiên có thể giúp tôi biết tình hình chính xác nhất. Tôi không dám kiểm tra kiểm triếc gì đâu!

Dù vậy bà ta cũng không cho biết gì thêm. Hôm sau có người báo lại cho tôi hay: Bà ta đã hỏi anh ta về tôi: Cái tay ấy đã là đảng viên chưa?. Đó cũng là điều biểu hiện sự hiểu biết của bà ấy về tổ chức quân đội cách mạng. Được bổ nhiệm là phó chính ủy liên khu mà bà ấy vẫn cho là có thể chưa phải đảng viên! Người ấy đã trả lời bà: Tôi nghĩ phải là đảng viên rồi, mà còn là đảng viên lâu năm nữa mới được bổ nhiệm là phó chính ủy chứ!. Bà ấy còn đe:

- Gớm thật. Muốn kiểm tra tôi. Là đảng viên thì tôi chịu, nếu không thì sẽ biết tay tôi!

Nghe anh em kể chuyện về tính nết của bà này tôi mới hay: Trương Công Cần lúc ấy là chính ủy trung đoàn, được bà ta ưa đặc biệt. Mỗi lần gặp bà là Cần chị chị em em ngọt như mía lùi, không quên biếu chị một gói thuốc lá. Vốn là người nghiện thuốc nặng, bà còn mong quà nào hơn nữa. Đáp lại nghĩa của em biếu chị thì chị hào hiệp với em khi cần gạo. Cần bao nhiêu có bấy nhiêu, thậm chí chị còn rộng rãi hơn cả em mong đợi. Còn ai đó làm việc với bà mà theo nguyên tắc thì sẽ được bà nguyên tắc hơn, gây khó dễ thậm chí còn bị mắng té tát. Bà tự nhận mình là người nắm tay hòm chìa khóa trong liên khu, không một chi tiêu nhỏ nào không do bà quyết định. Sau này, tôi không còn biết bà ta làm ở đâu nhưng bộ dạng cái bà cách mạng ấy chẳng làm sao quên được. Một người đàn bà trắng trẻo béo tốt, trong ngoài năm mươi luôn luôn lên mặt bà chị cả, xem tất cả là em út trong nhà. Đến tư lệnh cũng phải xin ý kiến của bà. Về quân nhu lương thực thì bà tự cho mình được toàn quyền, còn kế hoạch tác chiến thì bà lại tự cho mình không cần biết tới. Thê là cứ vừa ý bà, khéo xin khéo nịnh thì xong mọi việc. Còn với ai bà cho là láo xược (với bà) thì cứ đợi đấy! Trước anh Hoàng Sâm là anh Văn Tiến Dũng làm khu trưởng và chính anh đã xếp chị này vào nhiệm vụ đó. Để công việc trôi chảy tôi cũng tới cuộn thuốc lá cho bà, chuyện trò. Rồi quan hệ dần dần được cải thiện. Sau đó ít lâu, bộ đội Tây tiến cũng rút về và có lẽ vai trò của tôi ở đó cũng không cần thiết nữa, cấp trên điều tôi lên Việt Bắc. Trước khi chuyển, tôi được dự hội nghị chính trị viên toàn quốc. Cuộc họp khá long trọng, tuy chưa có nề nếp quy củ như ngày nay. Các ông Lê Hiếu Mai, Hoàng Sâm, Vương Thừa Vũ đều tới dự. Thành viên có đến năm sáu chục chính trị viên ở các đơn vị từ trung đoàn trở lên. Khai mạc cuộc họp có cử quân nhạc hẳn hoi. Lễ dĩ nhiên, nội dung cuộc họp là bàn công tác chính trị mà mỗi người đang nhận thức theo cách nghĩ của mình. Sự lơ ngơ của các đại biểu đến là buồn cười. Hôm tập hợp để làm lễ khai mạc, chưa đến giờ quy định nhưng không khí rời rạc, trầm lắng. Đội kèn nổi lên giạt giọng toét toe, toét toe giữa không gian tĩnh mịch, im ắng. Thế là cả hội trường cũng giạt nẩy người đứng lên... chào cờ. Chỉ huy quân nhạc phải lên xin lỗi: Chưa phải nhạc chào cờ. Chúng tôi xin phục vụ hội nghị và dạo kèn cho sôi nổi. Khi nào đến nhạc chào cờ, các đồng chí mới phải đứng lên. Chính tôi cũng bật dậy đứng nghiêm trang, nhưng rồi biết ngay là mình đã lầm. Ông Lê Hiếu Mai ngồi bên cũng đã hích tôi thúc dục: Đứng dậy chào cờ. Rồi quay sang hỏi Kèn chào cờ rồi à cậu? cái ấu trĩ của buổi ban đầu là như vậy và khá phổ biến ở nhiều nơi, nhiều việc. Tôi lên Việt Bắc được giao trách nhiệm ở cục chính trị, lúc ấy gọi là cục chính trị chứ chưa phải là tổng cục. Năm 1947 ông Văn Tiến Dũng là cục trưởng cục chính trị. Tôi được nghỉ phép. Một thời gian để thu xếp việc nhà vì gia đình tôi đã lên đó. Chính là lúc vợ tôi sinh đứa con đầu lòng. Cứ vài hôm tôi lại đến cục chính trị để xem được bố trí công tác thế nào. Sau đó tôi được làm phó phòng

tuyên truyền, trưởng phòng là ông Lê Tất Đắc. Trước đó đã có một phó phòng là anh Phan Phúc Tường. Tôi về đó, thêm một phó phòng nữa. Ít lâu sau, các ông ấy phân công tôi phụ trách báo, làm chủ nhiệm tờ Vệ quốc quân vốn thuộc phòng quản lý. Ông Phan Phúc Tường phụ trách công tác huấn luyện và ông Lê Tất Đắc phụ trách chung. Chức vụ chính thức của tôi là phó phòng tuyên truyền vừa là chủ nhiệm báo Vệ quốc quân, chủ nhiệm cũ là anh Ngô Diên đi nhận công tác khác. Khi giao thiệp với các cơ quan thì cái chức chủ nhiệm xem ra oai hơn. Vì rằng chủ nhiệm là thủ trưởng một đơn vị đảng hoàng, lại là một tờ báo, là cơ quan ngôn luận, hơn đứt các cơ quan hành chính. Bộ quốc phòng thời đó có Bộ tổng tham mưu. Các cơ quan nhỏ hơn gọi là Cục như Cục tác chiến, Cục quân huấn, Cục quân lực. Thế là Cục chính trị bên này cũng chỉ là đơn vị ngang hàng. Mình là phó phòng tức là dưới hai bậc. Mỗi lần họp hành, bên chính trị không ai được ngồi ngang hàng với tham mưu cả. Mình thuộc loại cán bộ phục vụ điều đóm chỉ ngồi ghế xếp, nghĩ cũng tủi thân lắm! Khổ nỗi họ vốn là bạn bè quen biết thân thiết. Như Vũ Văn Cẩn - Cục trưởng quân y, Đỗ Đức Kiên - Cục trưởng cục tác chiến đều là bạn cũ quen thân. Đến ngày tôi đưa danh thiếp chủ nhiệm báo Vệ quốc quân thì được xếp ngồi cùng hàng các cục trưởng. Diên oái oăm này không khỏi gây nên so sánh suy nghĩ.

Những cuộc hội nghị đều có nghị quyết về tình hình và nhiệm vụ đã từng bước thúc đẩy sự nghiệp kháng chiến thu thắng lợi mới lớn hơn nhưng cũng còn những chuyện bên lề rất đáng ghi nhớ. Như hội nghị tổng kết chiến dịch Đông Bắc thì nổi tiếng là mục mác xung kích. Đại đoàn 308 ngày đó đánh các đồn đều dùng mác. Và hội nghị có trưng bày mác xung kích.

Các hội nghị thường có mời các bà ở Trung ương hội phụ nữ tới lo bếp núc. Bác Hồ đến thì việc đầu tiên là Bác vào bếp ngó ngó xem xem rồi hỏi: Lần này có thứ gì văn hoá cao?. Vậy là Bác quan niệm bếp là văn hoá. Bữa ăn hội nghị có gì khá, Bác gọi là văn hoá cao, sút kém tức là văn hoá thấp. Bác thường đi thăm bộ đội, thăm cả các tù binh. Phong cách bình dị của Bác lưu lại ở mọi nơi Bác tới ấn tượng đặc biệt ưu ái. Mỗi lần được gặp Bác, lòng mỗi người lại cảm thấy phần chần hơn, áp áp tình nghĩa hơn bởi những lời dặn dò rất đời thường nhưng lại rất Hồ Chí Minh.

Một lần sau chiến dịch biên giới Bác tới thăm một đơn vị. Giữa khoảng không lớn, cả đơn vị tập kết hàng ngũ chỉnh tề đón Bác. Lòng ai cũng xốn xang được đón Bác tới thăm. Sau khi hỏi han tình hình chuẩn bị, Bác hướng tới các chiến sĩ:

- Các chú có vui không

Cả đơn vị đồng thanh đáp: Vui lắm ạ!

- Các chú được ăn no không.

- Thừa Bác no lắm ạ.

Bác lại hỏi tiếp:

- Các chú... có... ỉa bậy... không?

Đến câu hỏi quá bất ngờ này cả hàng quân im ắng. Như đụng phải tim đen, lác đác có cậu kín đáo cúi vẹo người đứng bên cạnh và rúc rích cười. Rồi có tiếng trả lời dè dặt:

- Thừa... thừa... thừa... có ạ!

Bác lướt nhìn bao dung, nhẹ nhàng nhắc nhở:

- Các chú nên nhớ rằng đi ỉa cũng phải có chính sách, nghĩa là giữ vệ sinh chu địa phương, làm vừa lòng nhân dân sở tại. Nhớ đào hố tiêu. Có vội đến đâu thì các chú nào cũng luôn luôn có xẻng, quần dụng bên người làm cái hố mèo vậy. Đi xong lấp đất kín đáo sạch sẽ. Được vậy thì dân mới quý, mới thương. Các chú ỉa bậy thì ở đâu dân cũng ngại các chú đến lắm!

Lại một lần Bác đến thăm sư đoàn tôi ở rừng Phú Thọ. Đơn vị dựng lán tạm bợ. Ban chỉ huy sư đoàn có được mấy căn nhà nhỏ, cũng là tranh tre cỏ. Ở một căn có thêm được chiếc giường con. Lúc tôi đang có mặt tại đó thì anh quản trị dọn cơm lên mời Bác. giữa lúc Bác đang hút thuốc. Điều thuốc mới cháy hết 1/3, Bác đưa anh điều thuốc hút dở nói:

- Này chú, cho chú điều thuốc. Chú biết không, gái đẹp một con, thuốc ngon nửa điều. Đừng coi thường thuốc hút dở!

Anh quản trị mừng rỡ đón điều thuốc Bác đưa, tắt lửa để dành và xin lui ra. Ai cũng rất trân trọng sự chân tình của Bác.

Đến tối, ban chỉ huy sư đoàn đưa Bác ra chỗ tập hợp. Anh Tấn dẫn đầu, đi liền sau là Bác và cán bộ văn phòng rồi đến số cán bộ địa phương và các cán bộ trung đoàn và sư đoàn. Quãng đường cũng

đến hai mươi phút, đường rừng phải đi hàng một kéo dài. Sắp đến nơi tập trung thì nghe ting Bác hô: Đứng lại kéo dài. Cả đoàn dừng lại chưa hiểu vì sao thì lại nghe Bác hô tiếp: đái! Đi đường đông người lại đi hàng một dài thành đoàn như hôm đó, với sự kích thích buồn đái thường xảy ra thì việc giải quyết đi giải như vậy cũng là tổ chức cần thiết và rất hợp với điều mong muốn của đông người lúc đó. Lại có tiếng hô:

- Đái xong. Đi.

Cả đoàn người chuyển động tiếp, thành thơi, trật tự không ùn tắc giữa đêm rừng tối như bụng hôm đó... Lát sau đến bãi cỏ nơi cả đơn vị tập trung chờ. Đặc điểm tuổi tác thời đó thì cán bộ thì trẻ, còn lính đa số là nông dân còn lớn tuổi. Bác nói ngắn gọn và thiết thực.

- Bác đến thăm các chú. Bác chúc các chú sức khỏe, chúc chiến thắng. Bác không có quà gì. Bác muốn hôn các chú. Nhưng đơn vị đông, vậy cử đại diện lên với Bác.

Cả đoàn quân náo động trước lời đề nghị. Được Bác ôm và hôn Bác thì còn phần thưởng nào bằng. Nhưng lời đề nghị Bác nêu ra bất ngờ quá làm mọi người lúng túng. Đang như vậy thì một cán bộ trẻ đứng gần Bác đã bước lên xung phong nhận vinh hạnh Bác giành cho giữa tiếng reo cười nồng nhiệt của cả đơn vị.

Kỷ niệm về Bác thì còn nhiều, tôi chỉ ghi lại đây một vài kỷ niệm nhỏ của đời thường, giản dị mà có ý nghĩa sâu sắc

Chương 10

Trước cách mạng tháng Tám, ở chiến khu, quân đội ta còn lấy tên là Quân giải phóng, lúc đó báo quân giải phóng cũng đã ra được hai số rồi. Cách mạng tháng Tám thành công, đồng chí Võ Nguyên Giáp gọi tôi đến giao nhiệm vụ tiếp tục ra tờ Quân giải phóng, và phải tiếp tục ngay số 3. May mà trong những năm 39, 40 tôi đã hoạt động như người giúp việc cho đồng chí Nguyễn Thường Khanh (tức nhà văn, nhà báo Trần Mai Ninh) nên không đến nỗi lúng túng, dẫu công việc làm báo quả là mới mẻ đối với tôi. Báo ra bốn trang. Tên báo in chữ đỏ chói, giống như tờ báo Cờ giải phóng của Đảng. Nhờ lực lượng tuyên truyền giỏi, nhờ những mẫu tin viết rõ ràng, ngắn gọn, kịp thời, nhờ sự lanh lẹ và linh hoạt của các chú thiếu nhi bán báo, nên tờ Quân giải phóng bán rất chạy. Tôi rất phấn khởi. Nhưng đến số 5 thì báo phải đổi tên. Vì sao phải đổi tên! Bác Hồ cho gọi tôi lên giải thích. Bọn Tàu Tưởng sắp bắm gót quân đồng minh vào nước ta. Chúng đòi tước vũ khí quân đội. Chính phủ ta giải thích cho chúng rõ, ta chưa có quân đội, chỉ có quân khởi nghĩa, do đó quân đội ta cần phải đổi tên lại là Vệ quốc đoàn. Chừ đoàn có nghĩa là đoàn thể, chứ không phải là quân đội. Vì vậy tờ báo không thể mang tên Quân giải phóng.

Việc đổi tên báo quả là một vấn đề! Cầm chắc số lượng in sẽ bị hạ. Tên báo lại không được in màu đỏ như Cờ giải phóng, tờ báo của Đảng mà nhân dân tin cậy và háo hức đọc. Chúng tôi lấy tên báo là chiến thắng. Đúng như tốt dự đoán số lượng báo hạ hẳn, ít người mua. Dù vậy tờ báo vẫn phải ra. Mỗi tuần một kỳ, mỗi số 8 trang, có khi mười trang.

Thời kỳ này, có sự lục đục giữa bọn Quốc dân đảng và Đại Việt trong sự tranh chấp Bộ quốc phòng. Ta dùng chính sách mềm mỏng. Bên cạnh bộ quốc phòng ta thành lập Quân sự ủy viên hội gọi tắt là Qnân ủy hội thuộc của Chính phủ liên hiệp, có Vũ Hồng Khanh tham gia, cũng có cục chính trị do đồng chí Trần Huy Liệu làm cục trưởng, tôi làm phụ tá. Còn Bộ quốc phòng cũng có cục chính trị do

trung ương đảng ta trực tiếp chỉ đạo.

Lúc đó trong quân đội ta có hai tờ báo: tờ Sao vàng và tờ Chiến thắng. Đồng chí Trần Huy Liệu phụ trách tờ Sao Vàng.

Kháng chiến bùng nổ tôi vẫn phải làm chính ủy khu II là Nội. Cục chính trị chuyển lên Việt Bắc, Bộ tham mưu lúc này gồm có nhiều cục như Cục quân giới, Cục chính trị... Cục chính trị do đồng chí Văn Tiến Dũng phụ trách.

Đến lúc này tờ báo của quân đội xuất hiện lại và lấy lên là Vệ quốc quân. Số I ra ngày 22-3 -1947.

Trên tờ báo ghi rõ: Tờ báo của Quân đội Việt Nam Đến số 5, báo ra mỗi tuần hai kỳ, đến số 9 lại ra mỗi tuần một kỳ. Trên đầu tờ báo ghi thêm: Chính trị Cục, bộ tổng chỉ huy phát hành Khi báo ra đến số 8 (19-6-1947) tôi được chính thức giao nhiệm vụ phụ trách.

Nhưng đến số 21, mới đề rõ chủ nhiệm là Trần Độ.

Lúc ấy ngoài Trung ương có tờ Quân du kích, Vui sống, Vệ quốc quân, các quân khu khác cũng đều có báo..

Việt Bắc: Báo Quyết Thắng

Khu II: Báo Chiến Đấu

Khu III: Báo Quân Bạch Đằng..

Khu IV: Báo Chiến sĩ

Khu X: Báo Vệ quốc.

Khu XI: Báo Thủ đô

Khu XII: Báo Xông pha,

ít lâu sau, tất cả các khu đều nhất loạt đổi tên thành báo Vệ Quốc Quân như Vệ Quốc quân khu II, Vệ quốc quân khu IX...

Công tác ở toà soạn Vệ quốc quân có: Trần Độ, Tân Sắc (Thôi Hữu), Thâm Tâm, Từ Bích Hoàng, Trúc Kỳ và các họa sĩ Mai Văn Hiến, Dương Bích Liên. Anh Vũ Cao cùng tham gia ban biên tập, nhưng không ghi tên. Ngoài ra, một số đồng chí cán bộ quân đội cũng tham gia vào bộ biên tập mở rộng. Về nội dung, mấy số đầu Vệ quốc quân mới chỉ có mấy chuyên mục chiến tranh. Các bút danh mang rõ dấu ấn quân sự như: Nguyễn Văn Bơm, Liên Thanh, Ba-dô-ca...

Từ số 8 trở đi, báo hứng thú dần lên với thơ, truyện ngắn, bút ký, phóng sự. Có cả mục Những chuyện vui buồn điểm bích báo các đơn vị của các khu. Tôi nhớ nhất số 12 có truyện ngắn Nhập vào hàng ngũ của Tuấn Vinh: số 13 có Nhx mẫu chuyện vui buồn của Trần Độ: số 21 (ngày 15 -8- 1948) có bài Lên Cẩm Sơn của Tân Sắc: số 23 có bài bút ký Chiến sự Hà Nội của Tô Hoài, số 24 có Bức thư chính trị của Nguyễn Tuân.

Trần Đăng viết bút ký, phóng sự như Thất Khê, Lũng phầy, Trận phục kích Lũng Phầy, Vũ Tú Nam cũng đăng truyện ngắn Người lính miền Tây. Có một lần báo tổ chức cuộc thi viết truyện. Truyện Vết xe hằn trên đường của Hoàng Điệp được giải khuyến khích. Không có giải nhất.

Ngoài truyện ngắn, Vệ Quốc quân cũng đăng khá nhiều thơ. Những bài Lên Côn Sơn, Viếng bạn có

tiếng vang rộng rãi. Có chiến sĩ chỉ viết và đăng được một bài thơ đã hy sinh như Phạm Lương với bài thơ Chiến sĩ Lũng Vài. Thời gian này tôi cũng viết và viết khá nhiều loại như phóng sự, bút ký, truyện ngắn, bình luận, xã luận. Tôi rất hay viết và say viết.

Đặc biệt có hai số báo liên tiếp đăng tin buồn, làm mọi người bàng hoàng, xúc động.

Số 48-49 đăng tin mất Hoàng Lộc, số Xuân 50 đăng tin Trần Đăng hy sinh vào ngày 26-12-1949. Nhớ lại Trần Đăng những ngày đầu về toà soạn báo, khoảng 1948 (trước đây anh làm thư ký trong Tổng bộ tham mưu). Toà soạn của chúng tôi đóng ở gần bộ tham mưu, nên anh thường hay qua chơi. Anh thường kể cho chúng tôi nghe những chuyện hay ở mặt trận. Chúng tôi rất quý mến anh. Anh đề nghị xin về làm phóng viên cho báo. Chúng tôi đồng ý ngay và xin với Bộ tổng tham mưu. Bài báo đầu tiên của anh in vào số 21 ngày 15/8/1948 Vài suy nghĩ về văn nghệ trong giai đoạn chiến lược lần thứ mười hai.

Thâm Tâm làm thư ký toà soạn. Anh có biệt tài bao sân. Báo thiếu mực nào là anh lập tức có bài ngay để lấp chỗ trống. Làm nhiều, nhưng anh không hề kêu ca. Còn anh Từ Bích Hoàng thì hiền như con gái. Từ Bích Hoàng là sinh viên y khoa. Nếu tôi nhớ không nhầm thì tên thật anh là Trần Hồng. Tôi vẫn nhớ như in có lần gặp anh trong bộ com-lê bằng đùi đứng gác trước doanh trại ở Hà Nội. Mai Văn Hiến làm họa sĩ cho báo. Người to lớn như Tây. Rất say mê vẽ cảnh. Nhiều lần lạc đơn vị. Do mũi giống như Tây nên hay bị du kích bắt giữ lại, chúng tôi phải đến xin anh về.

Dương Bích Liên thì thâm trầm. Có lần để trình bày cho số báo kỷ niệm 19-8, anh vẽ hình một anh vệ quốc rất gầy. Chúng tôi có ý băn khoăn. Anh tranh luận với chúng tôi: Bộ đội chúng ta từ nông dân mà ra, gầy là tất nhiên. Có thể tờ tranh mới toát lên tinh thần vùng lên của những người nghèo khổ. Chúng tôi phải chiều anh. Có một chuyện khá vui. Tình hình kháng chiến đòi hỏi các cơ quan phải quân sự hóa, nghĩa là phải luôn luôn sẵn sàng, trật tự để có thể sẵn sàng di chuyển và chiến đấu.. Tôi thường báo động tập hợp anh em để kiểm tra tác phong quân sự. Cái lệnh báo động bất ngờ. Anh em toà soạn khẩn trương chạy ra địa điểm tập hợp với ba lô, hành trang đầy đủ. Mai Văn Hiến vào Dương Bích Liên cũng có mặt kịp thời nhưng ba lô lép vế. Hai anh tỏ ra rất lúng túng. Tôi nghi ngờ, cho kiểm tra ngay nơi các anh ở. Chị chủ nhà tươi cười ngăn tôi lại không cho vào nhà. Tôi cứ vào. Trên chiếc trống tre, chỗ các anh làm việc thấy lùm lùm một chiếc chiếu. Hóa ra các anh Hiến và Liên đang làm việc, đồ đạc còn lung tung. Nghe tiếng còi tập hợp, các anh cuống quá, chưa biết làm thế nào thì chị chủ nhà hiền hậu, các anh không kịp đắn đo, theo ngay. Tôi vừa buồn cười vừa cảm động trước tình quân dân thắm thiết và ngây thơ đó.

Phải nói rằng trong những năm kháng chiến chống Pháp gian khổ, tinh quân dân rất khăng khít. Cơ quan chúng tôi cùng với cơ quan tuyên truyền đóng chung một bản. Chúng tôi đóng ở bản Vệ, chợ Chu, huyện Định Hóa, Thái Nguyên. Ngoài làm báo chúng tôi còn có nhiệm vụ tuyên truyền. Thường hình thức tuyên truyền chính là mỗi chiều phát tin bằng loa giấy. Nhờ đó mà chính sách của Đảng và tin chiến thắng ở chiến trường được thông báo kịp thời xuống tận dân bản. Ngoài việc phát tin chiến sự và các chủ trương chính sách, chúng tôi còn phát những bài viết về tình hình trong bản, nên được

dân bản rất hoan nghênh. Dân thường ngóng đợi chúng tôi đến để được nghe phát thanh của Bộ đội. ở bản Vệ ngày mùa có sinh hoạt giã cối rất vui. Bộ đội chúng tôi cũng tham gia giã cối cùng với anh em thanh niên. Nhất là những đêm trăng sáng. Tôi cũng rất thích tham gia. Dân làng rất quý trọng cán bộ. Anh Tân Sắc co làm bài thơ Mùa cối mới. Bài thơ này anh làm để cho vui nội bộ, không có ý đăng báo. Xin trích lại đây hai đoạn:.

Rồi cối lên tàn, xanh rười rượi.

Lửa hồng củi đượm., chảo rang thơm

Đêm trăng, chày đập vang thôn bản

Phấn cối bay bay phủ lá ngàn.

Đàn trẻ nô đùa quanh cối trắng.

Tiếng ca lay động cả đêm rừng,...

Vài anh đồng chí ngừng tay giã.

Hương cối tình dân, thấm dạ vàng.

Bài thơ này chỉ còn tìm thấy được hai đoạn này thôi. Toàn bài có lẽ có đến sáu hay tám đoạn.

Xin nói về hội nghị văn nghệ toàn quân. Hay có thể gọi là hội nghị văn nghệ quân đội. Hội nghị tổ chức ngày 9-4-1949. Người tham dự không phải chỉ có anh em văn nghệ sĩ trong quân đội mà còn có các anh em văn nghệ sĩ quen biết khác. Lúc ấy các văn nghệ sĩ kháng chiến có thể chia ra làm ba nhóm:

- Nhóm thứ nhất gồm anh em, công tác trong phòng tuyên truyền bộ đội và báo Vệ quốc quân như các anh Thâm Tâm, Nguyễn Xuân Khoát, Mai Văn Hiến, Thế Lữ, Phạm Văn Khoa, Tân Sắc, Nguyễn Công Hoan (lúc ấy đang làm giám đốc trường văn hóa quân đội).

- Nhóm thứ hai gồm các văn nghệ sĩ đi với các đơn vị, làm công tác chính trị ở các trung đoàn như Nam Cao, Nguyễn huy Tưởng...

- Nhóm thứ ba gồm các anh em văn nghệ sĩ ở cơ quan văn nghệ, nhưng thường xuyên tham gia chiến dịch như, Tô Hoài, Nguyễn Tuân. Các anh ấy tuy không trong quân đội nhưng sinh hoạt như anh em bộ đội. Đại đoàn 308 là đơn vị kết nghĩa của các anh.

Anh Thế Lữ, Lưu Hữu Phước, Phạm Văn Khoa tổ chức những đội văn nghệ phục vụ hội nghị. Anh Thế Lữ chính thức tham gia đội kịch. Anh Phạm Văn Khoa cũng tham gia, nhưng không có chức danh. Anh viết kịch bản, đóng vai, lại có khi làm cả quản lý... Hội nghị tiến hành trong bảy ngày. Có tổ chức triển lãm. Anh Võ Nguyên Giáp, anh Tố Hữu cũng đến dự (ngày 16-4- 1949). Nội dung hội nghị xoay quanh những vấn đề chính sau đây:

- Văn nghệ phục vụ quân đội để chiến thắng. Phải xây dựng một nền văn nghệ mới, tiêu biểu cho thời đại mới, xứng đáng với cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc. Trong nhiệm vụ phục vụ quân đội chiến đấu gom lại có mấy vấn đề chính:

- + Phong trào đầu quân...

- + Phong trào rèn luyện cán bộ và huấn luyện bộ đội..

- + Chuẩn bị các chiến dịch và vận động dân chủ.
- + công tác địch hậu.
- + Tình đoàn kết quân dân.
- + Sự phát triển của các binh chủng: Bộ binh, pháo binh, công binh...
- + Công tác địch vận.

Qua nội dung những đề tài trên có thể hình dung được sự phát triển của cuộc kháng chiến. Năm 1949 quân đội ta mới ở thời kỳ thường xuyên phải chuẩn bị đối phó, đề phòng địch tấn công, nên năm nào hết ủa hè cũng có công tác chuẩn bị thu đông. Đến năm 1950, đã có chiến dịch biên giới, rồi đến chiến dịch Điện Biên phủ. Nội dung chuẩn bị thu đông lúc này lại là chuẩn bị tấn công địch ở các chiến dịch. Bên cạnh bộ binh đã có pháo binh, công binh, cao xạ...

Tôi còn nhớ như in những ngày chuẩn bị đi chiến dịch sao mà náo nức lạ lùng! Ai cũng phấn khởi. Anh em hăm hở viết bích báo, làm thơ ca, hò vè. Cơ quan tòa soạn chúng tôi cũng có tờ bích báo, lấy tên Cù. Anh em phong cho tôi là thừa tướng của nước Cù và có một Feuilleton 6[6] do Thâm Tâm là tác giả lấy tên là Cù Quốc chí diển nghĩa. Rất nhiều bài có nội dung vui nhộn được đăng trên bích báo. Cũng có những bài có nội dung phê bình nhẹ nhàng nhưng thâm thúy. Mỗi tờ bích báo của đơn vị có thể xem là linh hồn của đơn vị ấy.

Trong kháng chiến chống Pháp các văn nghệ sĩ được nhân dân hết sức quý trọng. Lý do chính là anh em rất gần gũi, đi sát quần chúng. Tôi càng thấy rõ điều đó khi rời tờ báo về công tác tại các đơn vị. Trong những buổi mít tinh hoặc hội họp, anh em văn nghệ sĩ thường ngâm thơ, hát hò, kể chuyện cho dân nghe. Tôi còn nhớ, mỗi lần anh Nguyễn Xuân Khoát hát hài Thăng Bờm hoặc Con Voi đều được quần chúng hoan hô nhiệt liệt. Trong những buổi sinh hoạt với anh em, tôi cũng hay kể những mẩu chuyện tôi được xem trong các sách văn học nước ngoài như Cơn bão táp, Suối thép, Đội thanh niên cận vệ... anh em rất thích.

Tuy trong thời gian ấy, hình thức văn nghệ còn quá đơn sơ, nhưng vẫn có sức hấp dẫn và có tác dụng giáo dục.

Xin nêu một ví dụ cụ thể là vở kịch Thúng thóc, lấy từ câu chuyện kể khổ của một chiến sĩ. Câu chuyện làm xúc động mọi người. Chúng tôi lấy câu chuyện đó, sáng tác tập thể thành vở kịch Thúng thóc. Vở kịch này có sức kích động rất mạnh. ở địa điểm diễn vở, chúng tôi phải đào sẵn giao thông hào. Vì mỗi lần vở diễn đến đoạn địa chủ cướp bóc thì thế nào diễn viên đóng vai địa chủ cũng bị quần chúng ném đá tới tấp, anh ta phải vội nhảy vào giao thông hào mới khỏi bị tai nạn. Có chiến sĩ xem xong vở này, đi lang thang như người mất hồn. Có những trạm quân y phải chuẩn bị sẵn thuốc men đề phòng khi có chiến sĩ nào xúc động bị ngất hoặc có ai bị ném đá.

Tôi cũng bị một lần hú vía. Do là chính ủy, nên tôi ngồi hàng ghế đầu. Có anh rĩ tai bảo tôi nên lui vào phía sau để tránh bị đá ném. Tôi không nghe. Đang lúc say sưa xem, đến đoạn địa chủ hất nước sôi

vào anh cổ nông, thì vèo vèo, hàng loạt đá bay đến. Tôi vội ngồi thụp xuống. Sân khấu bỗng vắng tanh. Anh em diễn viên chạy trốn hết. Nhưng một lúc sau, vở kịch lại được diễn tiếp, nhưng phải tiếp ngay màn thắng lợi là màn cuối cùng. Kết thúc là những tràng pháo tay nổ ran. Khi kịch diễn cảnh nông dân vùng lên đánh đổ địa chủ, nội người hả hê ra về. Thật vui vẻ, sôi nổi. Chẳng ai còn nhớ chuyện ném đá vừa xảy ra. Bài học quan trọng rút ra ở đây là văn nghệ sĩ phải khơi đúng nguyện vọng, tâm trạng của quần chúng. Quần chúng sẽ ủng hộ nhiệt liệt.

*

* *

Thế mà đã hơn 30 năm qua. Nhớ lại những ngày kháng chiến rất gian khổ, ăn uống sơ sài, quần áo chẳng có gì, đồ đạc cũng không, nhưng sao ấm cúng thế. Tòa soạn báo chúng tôi như một gia đình, chia sẻ với nhau từng niềm vui nỗi buồn, từng mẩu khoai, củ sắn, nhường nhịn nhau từng bát cơm, manh áo.

Đầu năm 1950, tôi được giao phụ trách Chính ủy Trung đoàn Sông Lô mà anh Lê Trọng Tấn đang làm Trung đoàn trưởng. Tôi không theo dõi được tờ báo nữa. Sau này Trung đoàn Sông Lô phát triển thành Đại đoàn 312. Tôi được chỉ định làm phó Chính ủy rồi Chính ủy Đại đoàn. Tôi lại tiếp tục chỉ đạo cơ quan chính trị của Đại đoàn, ra tờ báo riêng của Đại đoàn (in đá) lấy tên là Anh dũng. Trong khoảng 3-4 năm, tờ báo ra được khoảng trên dưới 20 số khá đều. Tôi tiếp tục viết nhiều bài xã luận cho các số báo Anh dũng. Tôi còn tiếp tục viết bút ký, truyện ngắn, bình luận, đặc biệt là hay dịch và lược dịch các truyện chiến đấu của nhân dân Liên Xô, in và phát cho bộ đội đọc trong lúc hành quân vào chiến dịch.

Ngoài những tác phẩm văn học đáng chú ý của các nhà văn chuyên nghiệp, những hoạt động văn học nghệ thuật của bộ đội cũng tạo nên một mạng lưới rộng rãi, góp phần đáng kể vào bức tranh chung của văn học trong kháng chiến chống Pháp. Trên đây tôi xin cung cấp ít kỷ niệm riêng để chứng minh sự kiện đó.

Chương 11

Ông Nguyễn Sơn có vóc người vạm vỡ rắn chắc khuôn mặt vuông, tóc quăn và rậm, da bánh mật. Ngày tôi biết ông ấy, không rõ ông đã bao nhiêu tuổi nhưng mặt đã có nếp nhăn. Tôi thấy ngay rằng ông là bậc đàn anh, một đàn anh đã tham dự cuộc Trường chinh bên Trung Quốc. Còn ông thì xem xét cái này cái kia, không nói gì song qua thái độ biểu hiện xem chừng ông có ý xem thường. Ông cũng hỏi dăm ba câu như: Cậu năm nay bao nhiêu tuổi? Hà Nội thì bộ đội được bao nhiêu! Bộ đội ở những đâu? Thành phần trong các đơn vị như thế nào! Loanh quanh những vấn đề tương tự như thế. Phần tôi trong lần gặp ấy có ấn tượng được gặp vị mà cụ Hồ thường bảo là Thân kinh bách chiến, nghĩa là một vị tướng chỉ huy cực kỳ dày dặn chiến trận ở nơi nổi tiếng ác liệt. Tôi lưu ý đến ông cũng là điểm ấy. Cho đến ngày ông làm tư lệnh quân khu IV, ông là người có sáng kiến tổ chức

đại hội tập sau đấy các quân khu bắt chước tổ chức theo.

Đại hội đầu tiên tổ chức ở Thanh Hóa. Núi Nường là nơi diễn lập các môn.

Tôi và Thanh dẫn đầu một đoàn các bộ văn nghệ sĩ như các ông Nguyễn Xuân Khoát, Mai Văn Hiến, Nguyễn Công Hoan. Nói là đi vào khu 4 công tác nhưng dụng ý của lãnh đạo là sơ tán anh em khỏi Việt Bắc, tránh trận càn của địch lên Việt Bắc vào gần cuối năm 1947. Khi tôi tới trình giấy tờ, ông Sơn thấy danh sách có tên mấy nhà văn, liền hẹn mời đích danh các ông, còn cán bộ chính trị, ông không nhắc tới.

Tôi liền dẫn mấy ông nhà văn vào phòng khách, là gian đầu của cái nhà tranh vách đất, có bộ ghế mây cũng thơm mát. Tôi kéo ghế ngồi lại. Ông Sơn chào khách Hôm nay thấy có các anh văn nghệ sĩ, tôi mời các anh lại nói chuyện văn nghệ chơi. Nhìn thấy tôi cũng ngồi lại, ông chỉ vào mặt bảo: Mày ngồi đây làm gì. Mày thì biết chó gì văn nghệ?.

Ông bốp báng như vậy, nhưng tôi cũng hiểu là lời nói thân tình theo phong cách của ông. Hơn nữa ông ấy cũng nói một sự thật - tức là tôi mới là học trò đi bộ đội thì chưa biết gì nhiều thật. Còn các vị kia đều là người có tên tuổi, đều có tác phẩm, ông ấy muốn nói chuyện với họ. Tôi đáp: Tôi muốn ngồi nghe các anh nói chuyện để học tập!. Ông ấy liền bảo: Ừ, thì cứ ngồi đấy. Rồi ông ấy bắt đầu câu chuyện. Ông bình luận trên trời dưới đất. Phải thừa nhận là nhờ ông mà tôi mới đọc được chữ Trung Quốc và cũng mới biết được tên một số tác giả lớn của nước Nga như Macxim Gorki, Erenbua, Phadeép và các ông Lecmôntôp, Trecnưsepski, Gô gôn. Hôm ấy ông ta nhắc đến hết, làm tôi hoang mang thật sự. Tìm đâu được Gôgôn để đọc mà ông ấy ca ngợi đến thế. Lần đầu tiên tôi được nghe đến tên tác giả Những linh hồn chết. Mà ông ấy thì thông kim bác cổ. Tôi hỏi ông, đọc Gôgôn bằng tiếng gì? ông nói bằng tiếng Trung Quốc - không lẽ Trung Quốc đã dịch Gôgôn từ thời ấy! Vừa trò chuyện, ông đưa cả rượu và kẹo ra mời khách, thật sự là một cuộc tiếp xúc rất là văn nghệ, không có công tác công tiếc gì cả. Thời ấy, dân văn nghệ tập trung ở khu 4 khá đông. Ông Nguyễn Tuân biết có ông Nguyễn Công Hoan vào thì nhấn mời đi uống cà phê một chén. Tôi là trưởng đoàn nên cứ các ông ấy đi đâu thì tôi cũng có thể đi theo. Tôi biết hai ông này mà gặp nhau ắt có lắm chuyện thú vị nên tôi đi cùng. Tôi rất sung sướng được ngồi với hai nhà văn lớn mà thời đi học đã bỏ ra đọc các tác phẩm của các vị. Tôi ngồi hóng chuyện và quả là lý thú thật.

Ông Nguyễn Công Hoan là người rất vui tính thích hài hước. Ông đã khởi đầu bằng một câu chuyện hài về ăn uống làm chúng tôi cười nôn ruột, tiếc là lâu ngày tôi quên nội dung. Ông Nguyễn Tuân hưởng ứng đáp lễ, dí dỏm kể chuyện đi ăn mì, thật khó mà tái hiện đầy đủ cái chất Nguyễn Tuân ngất ngưỡng ông rủ rỉ tả cái tiệm mì của một Hoa kiều. Ông vào gọi một bát mì, ngồi mãi không thấy gì mới giục:

- Sao lâu thế.

- Dạ xin xong ngay đây ạ

Tay chạy bàn đem ngay bát nước mắm để trên bàn. Minh yên chí ngồi đợi với hy vọng có ăn ngay.

Nhưng đã lâu lắm vẫn không thấy bùng mì lên. Minh lại dục, nó lại giòn giã cao giọng đáo:

- Dạ. Có ngay đây!

Một đĩa rau thơm tiếp lời dạ theo ra bên bát nước mắm.

Và không còn gì hơn nữa đến hàng chục phút. Bụng như sôi lên. Lần thứ ba này mình không thèm dục mà là quát thẳng thừng. Thêm được đủ bộ cái bát con, đôi đũa và cái thìa. Và chỉ có thế! Lại đành bấm bụng ngồi đợi... đợi... đến gần phát khùng thật sự thì nó mới bưng bát mỳ ra. Một bát mỳ khói bốc nghi ngút. Nguyễn Tuân đến lúc này cũng đói mềm, tính ăn ngay. Chỉ sự chờ chực đã làm mỳ quá ngon rồi. Nhưng vẫn tính thận trọng hay quan sát trước khi ăn và thấy bát mỳ có một con ruồi chết trong đó. Đang đói meo nhưng vì bức quá quên cả đói mình mới gọi bồi lại: Lại.. lại.. lại.. đây!, Nguyễn Tuân tự nghĩ mình là trí thức nên đắn đo giữ cử chỉ hành động như thế nào cho tế nhị chứ không muốn trở thành thô lỗ như kẻ phàm ăn khác. Tên bồi lại gần hỏi: Thưa cái gì ạ?

Tớ không thèm nói mà chỉ tay vào bát mỳ có dụng ý trách nó là bát mỳ có ruồi chết. Nó nhìn và trả lời thật thản nhiên:

- Ờ... bát mỳ, thưa bát mỳ đấy mà!

Tức lộn ruột mà vẫn phải giữ tư thế trí thức, mình chỉ vào con ruồi. Hình như nó vẫn chưa nhìn ra, nó lại bảo:

- Ờ.. bát mỳ đấy mà!

Đến nước này cứ trí thức lịch sự không xong mình mới bảo:

- Nhưng mà có một con ruồi!

Nó chăm chú nhìn con ruồi, ngẩng lên bảo:

- Ờ con ruồi nó chết đấy mà.

Tức quá mình quát to:

- Nhưng ruồi nó chết trong bát mỳ!

Nó bình thân đáp lại:

- Ờ, tại mỳ nóng quá đấy mà!

Thế là Nguyễn Tuân bụng đói cồn cào phải đứng lên trả tiền bát mỳ đi ra không dám ăn, cũng không dám không trả tiền vì phải giữ tư thế của... vị trí thức.

Câu chuyện là thế nhưng cái chất Nguyễn Tuân làm cho nó rất mực bi hài.

Lại một lần không biết đi đâu đấy, quân khu đưa xe díp đón cả đoàn, bầy tên lên xe đi hơn chục cây số. Thế là sau đó ông Nguyễn Công Hoan hể đi bộ là than thở: úi giời, mình đi xe díp nó quen rồi, giờ đi bộ sao ngại quá. Chục cây số đi xe tai hại thế làm Nguyễn Công Hoan muốn quên thói quen đi bộ. Đi với các vị thì cứ như vậy chuyện không đâu cũng được các ông chế biến, làm cả đoàn vui cười dọc đường.

Sau đó chúng tôi gặp lại ông Nguyễn Sơn ở đại hội. Vẫn thói quen mặc bộ Pijama lụa, lụa nâu hay lụa đà, đạp xe đua đi chơi phố. Ông ấy tính rất bình dân và dân chúng ở đây đều biết Nguyễn Sơn. Có buổi văn công biểu diễn văn nghệ nhưng chuẩn bị chưa kịp để mở màn thì ông ra... diễn thuyết. Một

buổi diễn thuyết không chủ đề, không có dàn bài gì cả. Ông kể hết chuyện nó đến chuyện kia, chuyện các làng đánh du kích thiên biến vạn hóa. Ta chiến thắng ra sao! Kháng chiến nhất định thắng lợi vì sao! Cách nói của ông thật nôm na và không kém hài hước làm cho nghe cười tức bụng. Nhiều lúc khán thính giả rộ lên vỗ tay nhiệt liệt. Nói một thôi, ông lại vạch màn ngó vào trong hỏi: Xong chưa? Rồi ông lại đóng màn quay ra bảo: Văn công vẫn chưa chuẩn bị xong, tôi xin phép lại nói tiếp nhé. Cứ thế đến ba lần. Mỗi lần trở lại. Ông vẫn tiếp tục câu chuyện vừa dừng lại và đám đông lại vui cười như sấm. Lần ấy, tôi trú ở nhà một chị độ ba mươi tuổi, đã có con, cũng rất ham xem văn công. ở nông thôn kháng chiến hễ có buổi văn công biểu diễn là không một ai bỏ qua. Thấy chị, tôi hỏi cảm tưởng: Chị thấy văn nghệ thế nào. Hay, hay lắm, vui lắm! - Thế tiết mục nào chị thích nhất? - Thích nhất tiết mục ông Sơn. Với chị, ông Sơn đã thành là tiết mục văn nghệ hay nhất! Tôi cứ nhớ mãi lời nhận xét đánh giá đó.

Đúng là ông Nguyễn Sơn rất được quần chúng ưa mến. Còn giới trí thức thì đánh giá ông là nhà hùng biện. Người ta đồn nhiều và tỏ rõ sự thần phục ông trong việc nói truyện Kiều, điều này tôi không được biết. Còn thỉnh thoảng nghe ông nói về văn nghệ thì tôi bái phục sự hiểu biết của ông ấy, kể cả về văn học thế giới. Hồi ông ấy mới về nước, tôi thừa nhận ông có nhiều điều bất bình, như khi phong ông là thiếu tướng thì định không nhận. Mọi người đến mừng thì ông đã vặc lại: Chúc mừng cái đ. gì! Tao thừa tướng chứ thiếu.... sao! Đợt phong đầu tiên năm ấy có mấy ông: ông Văn Đại tướng. Ông Nguyễn Bình trung tướng, rồi các ông Hoàng Sâm, Nguyễn Sơn... Điều đó cho ta thấy rõ là ông không bằng lòng cách sử dụng ông và cấp bậc phong. Thoạt tiên ông là tư lệnh quân khu V hay là chỉ huy mặt trận trong đó thì tôi không nắm chắc, chỉ biết là lúc đó ông có viết một bài phân tích kinh nghiệm trận đánh, tên bài là Trận Phú Phong, còn ông đánh đấm ra sao tôi không rõ. Sau đó ông ấy ra làm tư lệnh khu IV, ông ra ngay tờ báo mang Tiền Phong hay gì đó, ông viết nhiều bài trong đó, chủ yếu là về quân sự. Ông phê bình chế độ chính ủy tối hậu quyết định mà ông không tán thành. Chắc là ông có những ý kiến động các ông khác. Thế rồi ông xin trở lại Trung Quốc và Bác Hồ đồng ý.

Cũng dịp này tôi được phái sang Trung Quốc chuẩn bị việc đưa quân sang huấn luyện. Ông Nguyễn Sơn được tổ chức ghép vào cùng đi với chúng tôi. Đến biên giới thì có xe GMC đón đi Nam Ninh. Cả đoàn phấn khởi vui sướng lắm. Yên vị trên xe, ông Nguyễn Sơn bảo:

- Thế là tao cùng đi với chúng mày!

Tôi đáp:

- Được đi cùng anh vui lắm.

Dọc đường tôi có hỏi:

- Tại sao anh đòi trở lại Trung Quốc như vậy?

- Trung Quốc mới là tổ quốc của tao.

- Thế về Trung Quốc anh định làm gì?

- Tao có ý định lập một đoàn kịch kịch! Tao sẽ làm trưởng đoàn dẫn quân đi diễn khắp các nước trên

thế giới.

Tôi hỏi:

- Thế liệu anh anh có về Việt Nam diễn không?

- Đi các nước thì đi chứ không thèm về Việt Nam.

Trên đường đi ông ấy giải thích để tôi hiểu kinh kịch. Đường đi từ Tĩnh Tây đến Nam sinh thì mấy trăm cây số phải qua một vùng không an toàn còn nhiều thổ phỉ và tàn quân Tường Giới Thạch, qua cái đèo gọi là Ma Thiên Lĩnh. Ông Nguyễn Sơn giải thích Ma Thiên Lĩnh là núi chọc trời, ở Trung Quốc thì có nhiều. Ngày trước tôi đọc chuyện tàu co tên này, nay được đi qua thấy vừa thích thú vừa phiêu lưu. Bộ phận quân sự ở Tĩnh tây ngày đó tôi không biết là cấp gì những đã lưu chúng tôi lại, nói để tổ chức chuyến đi cho chu đáo. Lúc lên xe họ đưa tôi và ông Sơn lên chiếc có chữ đặc đẳng an toàn. Ông Sơn bảo: Xe này tốt lắm đây. Bên này có mấy cấp an toàn, đi loại xe này là thuộc cấp an toàn cao nhất, lái xe là loại rất giỏi, là những người lái một thời gian dài không để xe va quệt, không để xảy ra tai nạn thì được phong là đặc đẳng an toàn. Có quý chúng mình lắm thì mới bố trí như thế này. Tay lái này quả thực là giỏi. Anh là đại đội trưởng chỉ huy đại đội, tuyên bố:

Dọc đường đi xin đồng chí Hồng Thủy làm chỉ huy trưởng, trực tiếp chỉ huy. Chúng tôi nhất nhất tuân lệnh đồng chí! Ông Nguyễn Sơn thời ở Trung Quốc lấy tên là Hồng Thủy, là Đảng viên Đảng cộng sản Trung Quốc. Ông từ chối, nói:

- Không được. Tao là khách. Việc chỉ huy là ở chúng mày. Quân đội chúng mày sao tao lại chỉ huy! Tay kia nhất định không chịu. Thế là ông Sơn buộc phải nhận chỉ huy. Đi qua Ma Thiên Lĩnh còn thấy xác xe hàng bị cướp đổ nghiêng hai bên lề đường, đồ đạc quần áo vương vãi xung quanh mấy xác xe, tuyệt không thấy người. Tay đại đội trưởng báo cáo ông Sơn kế hoạch đi tiếp. Cả đoàn xe có đến cả chục chiếc tạm thời dừng lại. Phái một trung đội đi lên trước chiếm lấy một điểm cao có thể khống chế được một vùng với đường kính vừa tầm đạn. Đoàn xe tiến lên sau và cứ thế cuốn chiếu qua quãng đường dài mấy chục cây số. Tay lái chiếc xe tôi ngồi phóng ghê lắm. Đặc biệt là cậu ta cứ đổ dốc là tắt máy, là lối đi rất mạo hiểm, xe lao như tảng đá lăn dốc. Không thuộc đường, tay lái không nhạy, không chắc thì không thể tránh nổi tay nạn. Ông Nguyễn Sơn cũng lạnh gáy, ông ấy nói riêng với tôi: Tao ghê thẳng này quá! Tao không sợ trời, không sợ đất mà sợ thẳng lái này. Sau, ông phải bảo tay đại đội trưởng nhắc tay lái kìm hãm bớt lối đi quá mạo hiểm. Từ đó, khi đổ dốc xe vẫn giữ máy nhưng máu hăng của lái xe vẫn không giảm. Đoạn đường vun vút quạ quắt, vòng cua này bẻ cua kia cứ lẹ làng như cỗ máy tự động điều khiển, xe cứ trôi đều êm ru. Phải thừa nhận tay này lái hay như một nghệ nhân điều khiển xe, làm người ngồi vừa sợ vừa thú vị. Chuyến đi kéo dài hai ba ngày. Thường đến đêm thì đoàn xe dừng lại ở một thị trấn để xã hơi là dịp ông Sơn rủ tôi đi uống rượu: Phải làm chén rượu! Mày đi với tao!. Tôi nhận lời nhưng giao hẹn trước: Tôi đi nhưng không biết uống rượu. Tôi ngồi chơi với anh, còn anh uống nhé!. Ông nhất định không nghe, buộc tôi nhất quyết phải uống. Đến là khổ sở. Đến Nam Ninh hai chúng tôi được đón vào một cái biệt thự. Người đầu tiên đến thăm là bí thư Trương. Ông tới thăm Hồng Thủy chứ không phải để thăm tôi. Hai ông

gặp nhau mừng ra mặt, chuyện trò rôm rả. Còn tôi thì châu rìa. Mãi đến phút cuối cùng ông ấy mới bảo tôi rằng mai vào Quân khu mà gặp đồng chí tư lệnh Quân khu nắm tình hình. Chỉ thế thôi! ông Trương từng cùng ông Sơn dự cuộc Trường chinh nên nay gặp nhau tay bắt mặt mừng là phải, ông Trương còn mời ông Sơn xem buổi kinh kịch ở Nam Ninh. Ông Sơn bảo tôi: Mấy hôm nữa mày đi xem với tao. Tao sẽ giải thích thêm để mày hiểu thế nào là kinh kịch. Hôm sau tôi định vào làm việc với Quân khu. Tôi phàn nàn với ông Sơn: Tôi không biết tiếng Trung Quốc mà phiên dịch thì không có!. Ông Sơn liền bảo:

- Tao sẽ phiên dịch cho mày nhưng mà mày định bàn những gì với Quân khu. Nói trước cho tao nghe, tao sẽ dịch cho. Tôi cho ông hay là phải bàn định ngày giờ đưa bộ đội sang, chỗ ăn ngủ của bộ đội, chế độ ăn uống cung cấp như thế nào? Việc lĩnh vũ khí chương trình huấn luyện ra sao. Nghe tôi nói xong ông ấy bảo:

- Ờ, thế thì được rồi.

Khi tới nơi, ông gặp ông Lý Thiên Hữu, cũng lại là bạn thân cũ. Các ông đón chào nhau cực kỳ niềm nở, còn với tôi thì nhạt nhẽo và trong câu chuyện tôi lại giữ vai trò ngồi châu rìa. Ông Sơn bắt đầu câu chuyện của chúng tôi với ông Lý. Nửa giờ trôi qua, ông Sơn nói với tôi:

- Thôi xong rồi, đi về.

Rồi ông ấy lại nói:

- Thôi thế này nhá! Mày lấy sổ ra ghi: Tao đã thảo luận với ông Lý rồi. Ông ấy đồng ý những điểm này rồi: ngày giờ sang này, quân trang quân dụng này, chế độ ăn, chế độ tiền vật như thế này, cán bộ, chuyên gia huấn luyện, cổ vấn bao giờ tới và đón tiếp ra sao, ba tháng học bắt đầu từ ngày nào và kết thúc lúc nào... Thôi, tao đã bàn đủ các vấn đề đó, mày cứ thế mà làm. Xong nhé...! Đi về! Thật đúng là phiên dịch bố! Ông ấy bảo mình thông báo trước rồi căn cứ vào đó ông ta bàn bạc hết.

Phần tôi đúng là châu rìa vì suốt buổi không phải nói một câu, không được hỏi lấy một lần. Nhưng nghĩ lại thì ông ấy làm thế cũng phải vì hiểu biết của ông ta bao trùm lên những chuyện mình cần đưa ra. Hơn nữa, tiếng tăm ông ấy thông thạo như tiếng mẹ đẻ. Chuyện để dịch từng câu nói chỉ thêm lủng củng phiền hà mất thì giờ vô ích. Những điều phải xử lý ông ấy làm chính xác hơn là có mình tham gia. Tôi thừa nhận cung cách của ông vừa gọn, lại đạt mọi yêu cầu nên cũng chẳng tự ái gì cả, cảm thấy nhẹ mình. Đến bữa đi xem chiếu bóng. Xảy ra chuyện ông cần vụ của tôi thú vị quá cứ ồ à như ở chỗ không người. Trước khi đi xem, anh thư ký cẩn thận nhắc tôi: Anh phải dặn tay cần vụ đi thì giữ im lặng mà xem, cứ rống lên làm anh em xấu hổ. Trước khi lên xe tôi căn dặn: Này xem thấy gì hay không được la tướng lên người ta cười đấy. Thế mà đến cảnh con trâu đi lại nó lại hét to: Trâu bước. Đến cảnh em bé trèo cưỡi trâu thổi sáo thì cậu ta thật sự quên mình đang ở đâu nói cười như vừa có một khám phá vĩ đại. Ngượng quá tôi cúi đầu nó khá đau mà nó cứ như không hay biết.... Hôm đi xem kinh kịch là đi cùng ông Trương và cả ông Lý. Lúc chờ màn, tôi thấy ông Trương bảo ông Hồng Thủy lên nói chuyện. Tôi tò mò hỏi: Ông ấy bảo nói cái gì đấy?. Ông Sơn cười rồi nói: Ông ấy bảo tao lên nói chuyện ngày xưa đi trường chinh với bộ đội giải phóng. Thời ấy cứ đến buổi xem

văn nghệ, khoảng thời gian đầu chờ màn mở thì lại thượng tao lên nói chuyện với khán giả. Nhưng mà bây giờ ở đây nói thế nào được. Ông kia cứ giục: Hồng Thủy lên nói đi. Sau đó ngồi xem buổi diễn kịch, ông Sơn giải thích cho tôi hiểu từng động tác của diễn viên dụng ý miêu tả cái gì. Phải thừa nhận ông hiểu rất sành sỏi và có cách thưởng thức thật tinh tế. Nhiệm vụ hoàn thành, tôi trở về nước, còn ông Sơn tiếp tục đi. Tỉnh Nam Ninh tổ chức bữa tiệc tiễn đưa tôi, đồng thời cũng tiễn đưa ông Sơn lên đường, mà cũng là cách để ông Sơn tiễn tôi trở về. Tiệc thì có rượu, người được tiễn phải uống rượu đáp lại thịnh tình của chủ bữa tiệc. Đó là chuyện cực hình đối với tôi. Tôi không uống được rượu, đến bia cũng làm tôi khó chịu. Từ hôm đến đến giờ, bạn bày rượu ra uống, tôi cứ cầm lên đặt xuống hoài. Hôm nay tướng Sơn ngồi bên cứ dọa: Này người ta mời mà không cố gắng uống thì chẳng há là khinh người ra sao? Mình đang muốn nhờ vả thì phải rán làm vui lòng người ta chứ!. Nghĩ lời ông cũng có lý, tôi không dám từ chối. Tướng Sơn lại ép: Mà uống mà không cạn chén là không được đâu! Có uống cạn với thái độ sôi nổi thì mới làm người ta vui lòng. Tan tiệc, tôi phải nắm chặt tay vịn cầu thang nơi lết nổi về tới phòng ngủ. Sáng hôm sau: ông ấy vui vẻ hỏi thăm: Thế nào đêm qua về thấy thế nào?. Nhìn ông thấy lộ vẻ thích thú như đã thực hiện được một trò đùa. Lúc chia tay, tôi rất buồn ngủ, nghĩ bụng: Một con người đất nước đang cần mà lại bỏ ra đi! Ông lưu lại nơi tôi một sự luyến tiếc ray rứt. Suốt cả chặng đường ông đã đối xử với tôi rất thân tình và đầy cá tính Nguyễn Sơn.

Sau này tôi có nghe người ta nói lại là ở Trung Quốc ông làm cục trưởng Cục điều lệnh mà cấp là thiếu tướng hay trung tướng gì đó. Về sau bị đau ốm, ông đoán mình không qua nổi, có nguyện vọng muốn chết ở Việt Nam nên đã đưa ông về điều trị ở bệnh viện 108. Ông Nguyễn Sơn mất 1956. Ông sinh năm 1908, thọ được 49 tuổi. Ra đi quyết không trở lại mà khi chết lại tha thiết muốn về nước! Đó là cái uẩn khúc của tâm linh con người!

Ngày 31-12-1993 Hội Khoa học lịch sử Việt Nam tổ chức một cuộc sinh hoạt tưởng niệm tướng Nguyễn Sơn lần thứ 85 ngày sinh, có rất nhiều bài viết hay

Chương 12

Khi từ chiến khu 2 lên Việt Bắc, một người bạn tặng tôi một con ngựa, lông màu hồng ánh vàng, mượt mà lắm. Vóc nó vừa phải, lưng vừa tầm vai tôi. Ngực nó nở tròn, bụng thon, chân mảnh. Trông nó đến là đẹp nhưng biết nó thuộc nòi ngựa đua nên tôi chưa dám cưỡi. Việc đi ngựa tôi vốn chưa thành thục. Trước đây được ông Vương Thừa Vũ huấn luyện một lần tôi đã dùng ngựa đi họp mà tới nơi chỉ còn nằm không thể nào ngồi dậy được. Toàn thân đau ê ẩm. Không dám cưỡi, cũng không dám dắt, tôi phải nhờ người đưa nó lên Việt Bắc. Tôi giao nó cho cậu bé cần vụ người Tày: Mà luyện nó giúp tao! Nó giữ lắm, hết sức hăng máu. Tao vừa cầm lấy cương là nó cất tung bốn vó. Cứ lên lưng là nó phi hoặc dừng lại chứ không đi nước kiệu. Mà luyện cẩn thận vào nhé!. Cậu bé rất chịu khó và thạo việc, mấy tháng sau mới báo cáo đã luyện được rồi.

Lúc đó tôi chưa nhận công tác chính thức. Gia đình tôi ở chợ Chu cách mười cây số, đi về, tôi vẫn thường dùng xe đạp hoặc đi bộ. Hôm ấy tôi tính đi ngựa cho nhanh. Cậu cần vụ giữ cẩn thận để tôi lên ngựa rồi mới trao cương. Mới cầm lấy dây cương, thế là nó bốc, nó đạp. Tôi lúng túng tuột tay. Cậu cần vụ đưa lại dây cương, bảo: Anh cứ kiên nhẫn vuốt ve nó, tay cương nhẹ nhẹ mà lên lưng đừng để dây cương động vào mõm nó. Cậu cần vụ lại cẩn thận giữ con ngựa để tôi trèo lên. Cậu ta vừa bỏ tay ra thì con ngựa phóng lên phi vọt. Bị xô trật khỏi yên, tôi rơi ục ịch xuống, con ngựa này đặc biệt thú vị là cứ người cưỡi ngã là nó đứng lại ngay lập tức. Không phải ngựa nào cũng có nét đó. Chính ông Phạm Ngọc Mậu đã bị ngựa kéo lê đến hàng cây số, suýt mất mạng. Ông anh kết nghĩa của tôi cũng từng bị ngựa kéo lê mấy chục mét, ê ẩm cả người, về nhà phải phục thuốc mất mấy ngày. Lần thứ hai, chuẩn bị chu đáo lần lại leo lên. Con ngựa lại lao vút, luồn qua mấy cây tre ngã ngang đường. May mà tôi nhanh mắt cúi đầu bám chặt lưng nó nên không bị thương. Cuối cùng tôi đành đánh bộ đi công tác. Trên đường về tôi bước ung dung, thanh thoi ngắm cảnh. Ngoảnh lại thấy phía xa có đốm đen di động. Chốc lát hiện rõ một kỵ sĩ hiền ngang phi ngựa tới. Anh ta nằm dán mình vào lưng ngựa đang phi như mũi tên lao. Tôi đứng ngây ra vì nước phi khá đẹp. Đúng là con ngựa của tôi còn kỵ sĩ là Phan Văn Khoa! Không rõ thời đó ông ta làm gì nhưng chắc chắn là chưa làm phim. Trông thấy tôi, Khoa hét tướng lên: Ngựa hay quá. Lần thứ hai, anh chưa dứt lời thì cả người và ngựa vút qua tôi. Bị hơi gió thốc rơi mũ, ông ấy ngoái lại nhờ: Nhặt hộ tao cái mũ. Bụng đầy buồn tủi, tôi cúi nhặt mũ mang về cho ông ta. Bóng dáng con ngựa phi và kỵ sĩ khảm khắc tận óc cứ như điệu cợt đùa dai cái vụng về của tôi. Ông Khoa phi thử, phi chơi chừng mười cây số rồi quay trở lại. Đưa ngựa trả cho tôi, ông ấy bảo:

- Ngựa của anh thật tuyệt vời, anh kiếm được ở đâu thế!
- Kiếm đâu! Anh em ở dưới khu III cho tớ làm kỷ niệm, đưa lên để đi đường rừng cho tiện.
- Bán lại cho tớ, tớ xin trả năm ngàn.
- Đã bảo là ngựa kỷ niệm, sao lại bán? Năm ngàn chứ mười ngàn tôi cũng không bán. Không bao giờ bán! Tôi để tôi đi. Nay chưa đi được nhưng rồi sẽ được!

Suốt thời gian tới ở báo Vệ quốc quân, con ngựa này luôn gắn bó với tôi trong các chuyến công tác. Nó phi bay mà lại dai sức lắm. Từ Đại Từ về đến khu vực chợ Chu có đến hơn hai mươi cây số. Mặc dù anh em khác đi xe đạp thường khởi hành sớm, mãi lâu sau tôi mới lên đường nhưng con ngựa đưa tôi vượt xa mọi người. Đạp xe hai mươi cây số đường núi, cua dốc hiểm trở quả cũng vất vả khó nhọc. Đi ngựa giúp tôi thanh thoi, đàng hoàng hơn. Tôi cũng học được của người nuôi ngựa nhiều chỉ dẫn quan trọng:

- Con ngựa này khôn lắm, nhưng anh phải biết chịu khó săn sóc nó. Anh chú ý mấy việc này: Một là khi anh rửa mặt xong thì đem nước ấy cho nó uống. Hai là đi đâu về, áo anh đang đầm mồ hôi, anh cởi áo trùm lên đầu nó. Để làm gì? Để cho nó quen hơi và nó biết anh là chủ. Từ chỗ quen hơi và hiểu rằng chủ mến yêu mình, anh sẽ thấy nó rất thuần với anh, còn kẻ khác thì hãy xem chừng... Tôi kiên trì thực hiện điều chỉ dẫn đó. Quả nhiên con ngựa gắn bó với tôi, dù không như con chó

nhưng nó rất mật thiết, cả nó và tôi đều cảm nhận rõ. Tôi đặc biệt hiểu nó qua đôi mắt nó nhìn. ánh mắt nó nhìn mình thể hiện rõ nó thương mình ra sao, hoặc là nó đang buồn hay giận giữ gì đó. Khi tôi đến gần vuốt ve mơn trớn, nó để lộ nỗi vui sướng. Nó giẫm chân, ngoắt đuôi, gục đầu vào mặt tôi mà dụi như mơn trớn tôi. Những lúc tôi đi xa ít ngày, khi trở về cơ quan, còn cách xa trăm thước mà con ngựa đã nhảy căng lên hí rất dài. Dù vậy, tôi cũng ghé lại với nó chốc lát!

Bấy giờ con ngựa tiện dụng hơn xe đạp nhiều vì đi ngựa nhanh hơn, ít mệt hơn. Chỉ phải có người chăm sóc nó, phải cho ngựa ăn trứng gà, mật ong hoặc lá mán ở trong rừng. Kiếm các thứ đó đâu có dễ. Con ngựa của tôi được nuôi nấng đầy đủ nên rất béo tốt, da hồng lông mượt mà. Đơn vị tôi có ông kế toán từng cậu thị nặng, nhưng rất ham đi ngựa. Một hôm mượn ngựa của tôi đi chợ cách bốn, năm cây số. Như đã nói trên con ngựa này cứ người lạ cưỡi là nó phi, không thể cho nó di nước kiệu như khi tôi cưỡi được. Và ông kế toán của chúng tôi đã được phi đi và phi trở về, hình dạng đến thảm hại: quần áo xộc xệch, kính lòng thòng trước ngực, mặt nhăn nhó đau khổ. Gặp tôi, ông ta vừa thở vừa nói: Thôi, tôi xin cạch ngựa quý của ông! Khiếp quá, điều khiển không được!. Nguyễn Đắc, giám đốc xưởng phim một lần mượn ngựa của tôi đi, trở về cũng bảo xin cạch không dám mượn nữa vì vừa bị nó hạ xuống đất đánh bịch! Có hôm tôi đến họp ở văn phòng tổng cục chính trị. Đây là cái nhà sàn, người họp phía trên, ngựa ghếo buộc phía dưới. Xong cuộc họp tôi xuống không thấy ngựa đâu cả. Thì ra có cậu đã lén lấy ngựa tôi đi và vừa bị quật ngã gãy hai xương sườn phải đưa đi điều trị. Hai tháng sau mới trở về và từ đó cũng cạch con ngựa...

Ngày ấy có lão Lê Đức Nhân là một trong các cố vấn binh vận của ta về người Đức, cũng mê ngựa và có ngựa. Con ngựa tay này cao to rất đẹp mã. So với ngựa của tôi nó hiền ngang hơn hẳn - thế mà ông ấy gặp ngựa tôi thì ca ngợi hết lời, tôn xưng là như gió. Mỗi lần hai bên gặp nhau dọc đường, ông vui vẻ cho ngựa mình né sang bên rồi đặt tay lên ngực chào: Bông dưa Như gió mà chẳng thêm chào, thăm nhìn tôi lấy một cái. Lão bao lần gạ gẫm đổi, dĩ nhiên là không được.

Ngành tuyên huấn thời ấy do ông Trường Chinh chủ trì. Các ủy viên gồm có tôi và các ông Lê Quang Đạo, Hà Xuân Trường, Trần Lâm, Hoàng Tuấn, Lưu Văn Lợi. Các cuộc họp thường có đủ mặt các vị này để nghe ông Trường Chinh hướng dẫn tình hình sẽ diễn biến như thế nào? Nên đề cao cái gì? Chú ý cái gì dự đoán tư tưởng quần chúng diễn biến ra sao? Công tác tuyên huấn phải làm thế nào. Mỗi lần đi họp tôi có Như gió nên cứ ung dung, các bố khác thì ra đi bộ từ sớm. Ước lượng các ông ấy đã đến chỗ bãi cỏ dài độ trăm thước, tôi mới leo lên lưng ngựa phi chỉ vút một cái là đã vượt lên trước mọi người. Trần Lâm đã có lời mô tả: Độ có con ngựa hay thật! Mới nghe tiếng vó lộp bộp, lộp bộp từ xa xa đã thấy đánh ào qua như làn gió và nó biến mất ở phía trước. Lúc bấy giờ các ông Văn Tiến Dũng, Phan Phúc Tường, Lê Tất Đắc, Lưu Văn Lợi... đều có ngựa. Một dịp Tết, chúng tôi kéo nhau đi mừng Xuân, chúc tết Cục trưởng Văn Tiến Dũng, mỗi người một con ngựa. Con ngựa của ông Phan Phúc Tường dữ ghê gớm, chỉ tội dữ cắn, dữ đá chứ không dữ chạy. Ông ấy dừng lại ở đầu phải cột ngựa bằng hai xích sắt. Thế mà hễ đánh hơi có ngựa cái là nó giựt đứt cả xích. Lúc đến thì lẻ tẻ từng ông nên không xảy ra chuyện gì. Ngựa tôi là ngựa cái nên tôi phải phòng xa. Khi ra về,

Phan Phúc Tường cũng cao giọng cảnh cáo: Coi chừng ngựa tao! Nó chạy thì xoàng, nhưng đuổi gái thì ghê đấy!. Tôi vội vã phốc lên phi trước. Thế mà con kia lao lên đuổi. Tôi nghĩ làm sao nó có tốc độ như ngựa của mình được. Chỉ chốc lát thì bị bỏ rơi thôi. ôi chao nó đuổi! Trước nay, chẳng có ngựa được nào đuổi kịp con cái của tôi được. Nhưng ngựa Phan Phúc Tường cứ si mê đuổi. Và nó đuổi kịp. Nó bám sát đuôi ngựa tôi rồi cứ chồm chồm tính nhảy lên sau lưng tôi. Phi thì nó phi theo. Đi chậm lại thì nó chồm lên lưng. Bí quá! Tôi đành xuống ngựa tìm mãi mới có được cành tre dài bốn năm thước xua phía sau ngựa, vát và nhiều lần mới về tới nhà. Còn Phan Phúc Tường thì bị ngựa hất ngã khi nó chồm lên ngựa tôi.

Con ngựa được của ông Văn Tiến Dũng thì chết vì nhảy ngựa cái. Trong một ngày nó nhảy đến mười bốn lần và lăn ra chết. Ông Văn Tiến Dũng đang làm việc thấy cậu cần vụ vào thưa:.

Báo cáo đồng chí..

- Báo cáo gì?

- Con ngựa của đồng chí hy sinh rồi ạ..

- Hy sinh vì sao?.

- Báo cáo đồng chí, hy sinh vì ái tình!

Lại một lần, tôi một mình dùng ngựa đi. Giữa đường gặp một ông đang ngồi nghỉ. Con ngựa được của ông ta buộc gần đó. Đánh hơi ngựa của tôi, nó giục đứt giây cương đuổi theo, bám riết. Đường vắng vẻ chẳng biết nhờ ai can giúp, mà cứ nhùng nhằng thì chẳng làm sao đi được, Tôi cố nghĩ cho ra cách cắt cái đuôi nó. Một ý nghĩ tình nghịch thoáng qua. Tôi xuống ngựa buộc nó vào gốc cây bên đường và bảo: Thôi cho nó làm cho xong đi rồi mà đi!. Thế mà xong được đấy!.

Có những cuộc họp ở Bộ Tổng tư lệnh đến khuya. Mọi người đều ngủ lại, còn tôi thì cứ ra về. Vài chục cây số đường rừng, tôi leo lên lưng ngựa bảo nó về. Tôi chỉ việc ôm cổ nó mà gà gật, mà tránh các cành cây ngang đường là được. Con ngựa khắc về tới nhà. Tôi cũng thích nói chuyện với nó, buông lời nói khích lệ, khen ngợi và buông những cái vuốt ve mơn trớn. Nó có vẻ lắng nghe và như hiểu được lòng chủ. Nó cứ lững thững bước, đến đúng cửa chuồng ngựa thì dừng lại. Ít lâu sau nó đẻ một con ngựa con, cũng nhỏ con và tưng tưng như con mẹ. Thế là từ đó tôi có ngoài ngựa cưỡi còn lèo đẽo một chú ngựa con phía sau.

Con ngựa gắn bó với tôi đến mức như tôi có thể điều khiển nó bằng ý nghĩ. Nó như đoán được ý muốn của tôi qua một động thái giây cương nhẹ nhàng. Đang phi ào ào, tôi muốn chuyển sang đi thong thả, chỉ cần nhấc đùi lên là nó viết ý chuyển sang đi nước kiệu. Còn đang nước kiệu, tôi quặp chặt hai ống chân vào bụng nó là nó phi ngay. Cũng có lần tôi bị ngã, ngã khá đau. Đó là hôm nó đang phi thì trời đổ mưa nặng hạt. Đường trơn, nó đưa cả bốn chân lên tăng đá nên trượt. Cả bốn chân nó chững lại và tôi bị hất lộn ngược qua đầu nó. Tôi cũng đã bị ngã xe đạp. Ngã xe đạp thì ta biết khi mất đà, còn ngã ngựa thì chỉ khi đã nằm bò trên đất mới hay bị ngã rồi. Lần ngã này khá đau vì lưng tôi lúc đó đeo ba lô, bị ba lô xiết vào xây xát cả lưng.

Sau này tôi ra đơn vị 209, tôi vẫn còn mang con ngựa theo... Đến lần tôi sang Trung Quốc luyện quân

mấy tháng trở về, lòng khắp khởi mừng gặp lại ngựa quý. Nhưng được biết là nó đã chết vì những lý do nghe lơ mơ lắm. Điều chắc chắn là sự chăm sóc nuôi nấng nó, ân cần với nó không được như tôi lúc ở nhà, như anh cần vụ vừa nắm vững kỹ thuật vừa rất có trách nhiệm. Nó chết tôi tiếc ngơ tiếc ngần mấy lâu. Về sau tôi còn đi nhiều ngựa khác nhưng không có con nào được như ngựa của tôi. Sang Lào tôi cũng đã chú ý chọn con ngựa hay. Ngựa Lào đặc biệt có nước kiệu đặc biệt, gọi là kiệu Lào, khác với nước kiệu kiểu người pháp đi. Đi kiệu Tây biết nhún theo thì không sao, không biết nhún thì đau lưng lắm. Kiệu Lào thì không phải nhún không phải nó chạy mà chỉ là bước gấp bằng bằng và đi từ ngày này qua ngày khác với tốc độ trung bình 7 km/giờ. Ngựa Lào thật dai sức! Trở lại con ngựa quý của tôi.

Dùng nó thì khó đi ngựa đàn. Nó không chịu đi sau con nào cả. Một chuyến tôi đi công tác cùng đoàn của anh Văn, ngựa của anh ấy cũng loại cực kỳ hay. Tôi lùi xuống đi phía sau, anh em không rõ cứ trách tôi sao không nhập đoàn cho vui. Song nếu tôi thúc lên thì không có cách kìm giữ con ngựa tôi cả. Nó cứ bước lên đi trước mọi con khác. Như thế sao tiện với anh Văn. Đấy con ngựa của tôi lưu lại cho tôi những kỷ niệm như vậy. Tôi cũng không hiểu những điều đó nó thừa hưởng từ nòi giống nó hay là do cậu chăn nuôi đã luyện cho nó. Bây giờ tôi vẫn thương tiếc nó.

Chương 13

Năm 1950, tôi ra đơn vị, được ít lâu thì có nhiệm vụ đưa bộ đội sang biên giới huấn luyện và nhận viện trợ vũ khí. Toàn bộ trung đoàn trang bị lại mới mẻ và đồng bộ. Tôi được cử đi tiền trạm sang giao thiệp với các nhà chức trách Trung Quốc trước để bố trí chỗ ăn ở, luyện tập, nhận vũ khí viện trợ. Đơn vị đi sang sau. Khi tôi ở bên đó và sắp huấn luyện xong thì biết tin ở nhà đang chuẩn bị chiến dịch Biên giới, song không hiểu qui mô như thế nào, đánh ra làm sao. Tuy vậy, tôi cho là cần phải đưa trung đoàn trở về ngay biên giới. Chỗ chúng tôi chỉ cách Cao Bằng mấy chục cây số thôi và biết sẽ được tham gia chiến dịch. Đây là chiến dịch đầu tiên, lại được tham gia thì náo nức vô cùng. Tôi nhận được thư của anh Tấn. Bấy giờ anh Tấn đã cùng bộ tổng tư lệnh lên biên giới chuẩn bị chiến trường. Anh Võ Nguyên Giáp trực tiếp đi chuẩn bị. Anh Tấn đi cùng đoàn và từ đó viết thư cho tôi. Anh ấy kể chuyện ở nhà đang chuẩn bị ra sao và cũng có phác qua phương án. Tôi hiểu là sẽ tập trung đánh và giải phóng Cao Bằng. Anh Tấn cũng cẩn thận và bảo chưa có quyết định ngã ngũ và có thể có phương án khác đang thảo luận. Anh dặn: Cậu cố thu xếp đưa anh em về để tham gia chiến dịch.

Chúng tôi cũng vừa kết thúc huấn luyện. Thu xếp xong xuôi, tôi tự động cho anh em về nước, tranh thủ đi thanh toán với nhân dân địa phương chào các cố vấn. Anh em trong đơn vị thì thu dọn để lúc bốc về là lên đường được ngay. Hôm ra về, bộ đội xuất phát sau, tôi cưỡi ngựa cùng một anh cần vụ bảo vệ đi về trước tìm anh Tấn để thu xếp chỗ trú quân và nhận nhiệm vụ. Tôi về với tâm trạng rất phấn khởi, tự cảm thấy mình làm được việc và lại kịp thời. Phải lần tìm mãi mới vào được đúng chỗ

của anh Văn. Trông thấy tôi, anh lộ vẻ ngạc nhiên, hỏi: Cậu ở đâu về Tôi vừa bên Hoa Đồng về! Tôi đưa bộ đội về để tham gia chiến dịch.

Đang tươi cười nghe vậy anh Văn nghiêm mặt hỏi:

- Lệnh đâu mà cậu trở về!

Câu hỏi của anh làm tôi bưng tỉnh, bụng nghĩ: Bỏ mẹ rồi! Quân đội là phải có lệnh! Thư anh Tấn gửi là mang tính chất bạn bè đồng nghiệp, đồng sự trao đổi với nhau thôi mà mình lại bốc bộ đội về. Tôi ở ra không biết trả lời như thế nào, cứ lúng ba lúng búng: Tôi nhận được thư anh Tấn thấy nói là đang chuẩn bị chiến dịch nên tôi đưa anh em về chuẩn bị cho kịp. Ông Văn phẩy tay dứt khoát: Trở lại ngay lập tức! Phải giữ bí mật mà cậu lại lục tục đưa cả một đoàn quân lớn như thế thì lộ hết kế hoạch chiến dịch. Hồng hết! Cậu đáng bị kỷ luật! Quay trở lại ngay lập tức! Không lồi thối gì cả!

Thế thì bao nhiêu náo nức đang nóng cả đầu lụi tắt hết. Tôi tái mặt, chào anh Văn rồi nhảy lên ngựa quay trở lại. May sao bộ đội mới xuất phát chưa qua biên giới. Chao ôi! Trở lại thì phải làm bao nhiêu chuyện mới vừa thanh toán xong. Lại ăn ở làm sao? sinh hoạt thế nào lập thành ra sao? Còn một ít tiền thì chi phí thế nào cho đủ nuôi quân mà không để thiệt hại cho dân! ở lại chờ lệnh, đó là quân lệnh! Cái kỷ niệm vô tổ chức này cứ nhức nhối mãi.

Khoảng một tuần sau mới nhận được lệnh về tham gia chiến dịch. Đơn vị tôi nhận nhiệm vụ cùng đơn vị ông Chu Huy Mân (trung đoàn 174) đánh Đông Khê. Trận đánh bắt đầu. Với tôi cũng là bắt đầu tham gia đánh trận. Trước đó nói là bộ đội đánh ở Hà Nội nhưng chưa thể gọi là trận mạc được. Còn lúc này ở Đông Khê là trận đánh có tổ chức, có chỉ huy, với đơn vị lớn hàng hoàng. Tôi với anh Tấn đến ngày xuất quân đi vào trận địa cứ thao thức, bàn lên bàn xuống. Chuyện gì cũng thấy chưa ổn, lo khổ lo sở đến chẳng buồn ăn uống. Thời ấy bữa ăn cũng đã có gì đâu. Nhà bếp thổi cho mỗi người một nắm cơm ăn với muối vừng và ít thịt rang. Suốt đêm hôm đó, nằm ở chỉ huy sở cùng với các cố vấn Trung Quốc, mọi người cứ thao thức, đi ra đi vào, dò hỏi tình hình. Ông Tấn khoát trá khoe với tôi: Lần này chỉ huy chiến đấu có têlêphôn nhé!. Trước đó lệnh chỉ huy toàn chạy bộ mà truyền. Mấy tay cố vấn thì yêu cầu: các đồng chí đi nghỉ đi để lại có sức mà chỉ huy, mà chiến đấu! Cứ thức như thế này thì không được! Tôi lại lấy làm ngạc nhiên tại sao lại cứ phải đi nghỉ! Mai có sự kiện ghê gớm đến thế mà hôm nay ngủ được sao? Thật là lời khuyên dở hơi! Tôi liền hỏi họ:

- Như các đồng chí có nhiều kinh nghiệm thì trước trận đánh các đồng chí làm gì?

Tay cố vấn này cũng tinh nghịch trả lời:

- Trước trận đánh một bữa no, xong là chúng tôi đi ngủ. Như thế mới giữ được sức, cân bằng thần kinh ngày mai chỉ huy sáng suốt. Nén cứ thức suốt đêm, mai người nó mụ đi thì nguy hiểm lắm!

Nghe cũng có lý, anh Tấn và tôi đi nằm, nhưng chẳng làm sao ngủ được, cả hai thao thức suốt đêm, sáng hôm sau triển khai trận đánh. Trận đánh có nhiều chuyện xúc động lắm, kể ra đây cả cũng khó đầy đủ, khó nói đến nơi đến chốn. Đánh một đêm không xong phải rút quân về củng cố. Cán bộ chúng tôi chia nhau xuống các đơn vị động viên anh em, giải quyết các vấn đề. Gặp anh Hoàng Cầm lúc ấy là tiểu đoàn trưởng thấy anh đang lộ vẻ bức mình với đại đội trưởng Trần Cừ. Anh nói: Thăng

Cừ nó khóc ở ngoài kia, tôi mắng cho một mẻ mà nó chưa chịu! Tôi tìm gặp Trần Cừ. Qua câu chuyện tìm hiểu ra Trần Cừ thấy đại đội của cậu ta thương vong nhiều quá, toàn là những anh em thân thiết trước nay, buồn quá mà khóc. Anh Hoàng Cầm thì lo tinh thần đơn vị sa sút, tối lại đánh tiếp sợ khó thắng? Tôi cùng anh Hoàng Cầm nói chuyện nhiều với Trần Cừ. Thì ra Trần Cừ đau lòng vì bạn bè chứ không hề sa sút tinh thần chiến đấu. Đêm hôm sau, anh chiến đấu rất quyết liệt và thực hiện lấy thân mình lấp lỗ châu mai, là gương anh hùng đầu tiên trong quân đội ta.

Một kỷ niệm khác ở chiến dịch Biên giới là dân công lên tiền tuyến. Sau trận đĩnh Đông Khê ta còn đánh vận động diệt binh đoàn Lơpa và Sactông. Hai binh đoàn này, một từ Cao Bằng về và một từ Lạng Sơn lên, định hợp quân chiếm lại Đông Khê nhưng lại rơi vào tay ta. Đánh vận động thì mỗi đơn vị quân đội bổ sung một đơn vị dân công để vận tải đạn dược, lương thực và thương binh, tuyệt đại đa số là người địa phương và phần là các cô người Tày rất dễ thương. Các cô vừa đẹp vừa vui nhộn, quen leo núi, dáng đi rất uyển chuyển. Đứng ngắm thấy đẹp quá tôi gọi mọi người: - Xem này, xem này, một đoàn văn công đang biểu diễn. Họ đi như múa vậy. Ngoài việc tập trung thành lực lượng vận tải rất cơ động, hoàn cảnh nào cũng bám sát bảo đảm hậu cần cho bộ đội chiến đấu, họ còn được phân bổ đi phục vụ ban chỉ huy, về các trạm y tế săn sóc thương bệnh binh, vận chuyển thương binh về tuyến sau. Dân công chính là nhân dân sát cánh với bộ đội để giành từng chiến công, để giải quyết mọi hậu quả sau trận đánh. Một hình ảnh đẹp đẽ, biểu tượng nhất của chiến tranh nhân dân. Ban chỉ huy trung đoàn của tôi cũng có một tiểu đội dân công phục vụ việc đưa đường, chở gạo, muối, nấu ăn... Tiểu đội này săn sóc ban chỉ huy rất tận tình. Nhìn bữa ăn của anh em chỉ có cơm nắm chấm muối vừng hoặc thức ăn sơ sài, các cô bàn đi kiếm rau rừng. Bình thường các cô vẫn anh em em thân tình nhưng khi định làm gì lại khép nép thưa gửi. Một cô đánh bạo đến trước ông Tấn:

- Báo cáo ông Tấn!

Nghe vậy anh Tấn hỏi:

- Cô cần gì?

- Ông Tấn cho phép em leo cái cây này.

Cô vừa nói vừa chỉ lên cây

- Leo làm gì!

- Lấy rau cho bộ đội ăn!

- Ờ, nhưng phải cẩn thận không ngã!

Hôm đó, ban chỉ huy được bữa rau ngon sau bao ngày xót ruột vì ăn không có rau. Cái cây cô kia xin trèo có ngọn lá làm rau ăn hết sức ngon. Có cô thì xin phép đi vào rừng. Lúc về mang theo một bọc nào bưởi, nào ổi và các thứ trái cây rừng, vớt trên bàn ban chỉ huy bảo: ăn đi. Phải nói bộ đội mà vắng dân công thì như cá thiếu nước. Và trong thực tế thì có nhiều thiên bí sử, tình sử giữa hai bên, chẳng ai mong muốn nhưng mà cũng khó mà ngăn nổi. Nói về thái độ tình cảm của chị em đối với bộ đội ta phải xác định sự hy sinh của họ vô bờ bến, gian lao không tính, nguy hiểm không sờn! Sự anh

dũng, cái anh hùng của dân công và bộ đội không kém cạnh nhau mà đã nâng nhau lên đến đỉnh cao.

Sau chiến thắng của chiến dịch, bộ chỉ huy lập một ban thu nhận chiến lợi phẩm. Có anh em đã đựng phải một hầm rượu, đủ cho lính đồn của địch uống cả năm. Các thứ thuốc lá, bánh kẹo, bơ sữa nhiều lắm. Đó là chưa kể súng ống, quân trang, quân dụng, máy móc, thuốc Lơ Mo lấy về cả kho. Ông Đinh Đức Thiện đem pha trộn với thuốc ta hút. Các đơn vị cũng lấy hút. Thuốc này một người hút khói thơm lan cả một vùng. Sôcôla thì lính mình nông dân chê đắng. Tôi thích chụp ảnh cũng đi mò phim. Có chỗ thấy cả đồng nhưng không dùng được nữa vì anh em không biết tưởng kẹo đã bóc ra cả. Cuộn phim cũng bọc giấy bạc như kẹo. Hôm tôi đi qua Đông Khê vừa giải phóng, thấy một nhóm chiến sỹ đang ngồi nhai bánh, ăn kẹo. Cán bộ thu dọn chiến trường đến quát tháo đòi kỷ luật, bắt anh em đưa nộp hết bất cứ thứ gì đã thu nhặt được với cái lý: chiến lợi phẩm lớn nhỏ đều là tài sản quốc gia, là chiến quả đổi bằng xương máu. Với máu thanh niên vốn xôi nổi, tôi rất ghét cái thói lên lớp dạy đời, nên đứng lên cãi lại. Tôi cũng nói ngang ngược không kém: Các anh có biết chiến thắng này do ai không? Và ai đổ xương máu ở chiến trường này. Có phải là những người lính không? Trước khi đi vào trận đánh họ vui vẻ ăn bưởi rừng, ổi ma thay cơm, măng rừng thay thịt cá. Bây giờ chiến thắng rồi, có tí chút chất tươi vui vẻ với nhau. Các anh phải lên lớp làm gì nặng nề thế! Thôi các anh đi đi. Đây là đơn vị chúng tôi. Chúng tôi chịu trách nhiệm ở đây không cho ai lấy. Sau tay này báo cáo với ông Trần Đăng Ninh, trưởng ban thu dọn chiến trường - vốn là người rất nghiêm khắc. Trong một cuộc họp sự kết chiến dịch mấy chục người ông Ninh phát biểu nhiều điều, trong đó có điều tôi không ngờ tới: Một chính ủy trung đoàn nói như thế này đây... Như thế là không được, là vô kỷ luật! Thế là cộng với cái tội vô kỷ luật nào đó, ông ấy đề nghị Quân ủy mặt trận thi hành kỷ luật và tôi bị cảnh cáo trong chiến dịch.

Thực tình tôi rất thương anh em chiến sỹ. Hồi chuẩn bị chiến dịch, cả thời gian dài lương thực thiếu thốn phải vào rừng kiếm các thức ăn thay cơm, phải nói là ai cũng chịu đói khổ. Thấy anh em đựng tới chiến lợi phẩm như những thứ lặt vặt đó, tôi không cho là vi phạm kỷ luật chiến trường, không nổi nặng lời với họ. Với lời phân tích của ông Trần Đăng Ninh cho là khuyết điểm thì tôi cũng đành chịu. Hôm về dự tổng kết chiến dịch ở vùng chợ Chu, tôi lo ngay ngáy. Sau khi bị kỷ luật tôi cũng buồn. Buồn vì sự kém cỏi không đủ trình độ xử lý các công việc cho tốt. Giữa lúc mọi người vui sướng phấn khởi về chiến thắng, riêng tôi vừa buồn vừa lo, về dự tổng kết mà lòng ngay ngáy.

Anh Trường Chinh gọi tôi lên gặp trước hôm khai mạc hội nghị. Tôi toát mồ hôi: Thôi chết! Chuyện tôi ở chiến trường đã đến tai các ông. Bị đổi công tác khác thì nguy! Mới khởi đầu có đã thế này mà phải thay đổi thì uổng quá. Một cảm giác đau đớn lan tỏa trong tôi. Tối hôm tôi lên gặp anh Trường Chinh, ra đi lòng băng khuâng lo lắng cực độ. Mỗi bước đi tới lòng càng quặn thắt. Tôi cũng nghĩ anh Trường Chinh vốn rất thân tình với tôi, xem tôi như em út, nay có chuyện nghiêm trọng thế này biết trình bày với anh thế nào? Điều tôi lo nhất là phải chuyển đổi công tác vì tôi đang say bám đơn vị mà kháng chiến, thấy ở đó có nhiều ý nghĩa.

Thấy tôi tới, anh Trường Chinh nhỏ nhẹ hỏi thăm tôi đã chiến đấu như thế nào, bộ đội ta ra làm sao, đánh nhau có kinh nghiệm gì hay không. Nỗi lo của tôi tiêu tan dần theo câu chuyện và anh cũng chẳng nói gì đến khuyết điểm của tôi cả. Thái độ của anh vẫn thân tình từ tốn như xưa. Rồi chính tôi tự nói ra: Trong chiến dịch này tôi có một khuyết điểm. Tôi thuật lại với anh chuyện tôi bị kỷ luật. Anh ấy chăm chú nghe rồi thân ái khuyên: chuyện đó rút kinh nghiệm thế là tốt, về cố gắng sửa chữa để tiến bộ. Cuộc chiến đấu còn dài, phải rút kinh nghiệm để chiến thắng lớn hơn, không có gì phải lo lắng.

Tôi sướng quá, yên tâm dự tổng kết. Có Bác Hồ đến, cuộc họp càng sôi nổi vui vẻ. Trên đường trở về đơn vị, căn cứ của sư đoàn chúng tôi đóng ở Phú Thọ, tôi cùng anh Tấn đi cùng đường bằng xe đạp. Cứ gặp máy bay địch rà đường thì cả hai vớt xe chui bụi rậm. Nó bay qua, lại đạp xe thông dong, tán đủ thứ chuyện. Tôi bảo: Chiến dịch này mình tiêu diệt nói năm tiểu đoàn. Cả Đông Dương, Pháp nó có 45 tiểu đoàn. Vậy thì chín chiến dịch là xong ráo, là dành được độc lập!. Thật là thứ lập luận đơn giản máy móc nhưng ông Tấn nghe cũng cười ha hả ra vẻ hưởng ứng. Sau đó ông Tấn thông báo với tôi là chuyển này đơn vị sẽ phát triển lên cỡ đại đoàn, mà trung đoàn Sông Lô là nòng cốt. Sự phát triển đó rất phù hợp với mong ước của chúng tôi nên rất vui sướng.

Dần dần không biết bằng con đường nào, bằng công văn hay do bộ Tổng tư lệnh giao nhiệm vụ mà tin ấy ngày càng lan ra. Rằng đại đoàn thành lập sẽ có 209, tức trung đoàn Sông Lô, thêm trung đoàn Lao Hà (tỉnh Lào Cai và Hà Giang) mới được mang danh hiệu là Thành đồng biên giới, tức là trung đoàn 165, Trung đoàn thứ 3 sẽ thành lập mới, lấy tên sư đoàn 308 một tiểu đoàn độc lập, tiểu đoàn 16 huấn luyện tân binh và tiểu đoàn 11, tức là tiểu đoàn đã lập thành tích lớn diệt cứ điểm Phủ thông trên đường số 3 và tiểu đoàn 428, đơn vị trực thuộc của quân khu 1, tức là quân khu Việt Bắc. Tôi với ông Tấn bàn nhau đặt tên cho trung đoàn mới này. Vì nó gồm ba tiểu đoàn 16, 428 và 11 bèn lấy 3 con số đầu ghép lại thành tên trung đoàn 141. Bộ Tổng tư lệnh bổ nhiệm ngay anh Nam Long làm trung đoàn trưởng, anh Mặc Ninh làm chính ủy, hình như có cả anh Trần Nguyên Độ nữa. Trong cả trung đoàn, tiểu đoàn 11 được coi là anh cả vì thành tích oanh liệt diệt Phủ thông. Đồn Phủ thông cách thị xã Bắc Cạn 20 km về phía Bắc, án ngữ ngã ba Bắc Cạn, Ngân Sơn, chợ Rã. Địch chốt ở đây nhằm giữ con đường huyết mạch từ Cao Bằng đi Bắc Cạn làm lá chắn từ xa bảo vệ quân Pháp đóng ở thị xã Bắc Cạn và khống chế uy hiếp vùng chợ Rã, Lạng Thượng, Na Rì. Đồn có 150 lính Âu-Phi giữ, trang bị mạnh. Trận đánh tuy không dứt điểm nhưng tiểu đoàn 11 đã chiến đấu dũng cảm, diệt gần hết quân địch, cung cấp nhiều kinh nghiệm quý về đánh công kiên, tiểu đoàn được Bộ Tổng tư lệnh tặng danh hiệu Tiểu đoàn Phú thông.

Chúng tôi rất mừng, yên tâm có được đơn vị như thế. Về đến nơi, chúng tôi bắt tay ngay vào tiếp nhận ba tiểu đoàn trên và lập ban chỉ huy trung đoàn, rồi lập trung đoàn ủy. Bộ Tổng tư lệnh cũng ra quyết định thành lập đại đoàn được gọi là Đại đoàn 312. Thế là sau 304 đến 308 rồi 312, không rõ có ý nghĩa gì nhưng cứ cách nhau số 4 con số. Tiếp theo còn có 316 và 320. Sau đó lệ này không giữ nữa, miền Trung có đại đoàn 325. Khi lập bộ chỉ huy, anh Tấn được chỉ định là đại đoàn trưởng, tôi

thì chính thức là phó chính ủy nhưng là quyền chính ủy. Tôi làm luôn bí thư đảng ủy gồm các anh Nam Long, Mặc Ninh, Lê Thùy (Trung đoàn trưởng 165). Tôi nhớ buổi họp đầu tiên có cả anh Đào Đình Luyện.

Khi làm việc tiếp nhận và hình thành tổ chức trung đoàn 14 thì phải nhận ngay tham gia chiến dịch Trần Hưng Đạo, tức là chiến dịch Trung du ở vùng Vinh Yên. Lúc này chúng tôi mới có trong tay hai trung đoàn 141, 209 còn trung đoàn 165 ở biên giới chưa về kịp. Thế là đơn vị tham gia chiến dịch với lực lượng hai trung đoàn. Chúng tôi triển khai kế hoạch đánh đồn Ba Huyền theo phương châm Trung Quốc là: Đánh điểm diệt viện tức là đánh một điểm buộc địch phải cho quân đến cứu viện thì đón đánh chúng ngoài công sự, có lợi cho ta hơn, để dành thắng lợi và tiêu diệt sinh lực chúng nhiều hơn. Nhưng thắng Đờ-lát Đờ-tax-xi thì lúc ấy đang triển khai kế hoạch của nó và nó bình định dữ lắm nên nó ra tay trước (chẳng hiểu nó có biết kế hoạch của ta không!). Đúng vào đêm chúng tôi chuẩn bị xuất quân đánh Ba Huyền thì chúng nó tiến lên. Pháo chúng nó nã vào vùng ta trú quân. Trước hôm đó, chúng tôi đã làm lễ thành lập sư đoàn, tập hợp cả hai trung đoàn lại làm mít tinh rất nghiêm trang, tạo khí thế cho việc xuất quân. Một cánh quân của nó tiến vào đã đụng phải 141 và 209 ở nơi trú quân. Thế là diễn ra trận đánh nổi tiếng gọi là trận Liên Sơn, Xuân Trạch. Một tiểu đoàn Âu Phi đã bị diệt gọn, mở đầu cho cả chiến dịch về sau của sư đoàn. Còn trận đánh Ba Huyền thì bộ tư lệnh sư đoàn cho lùi lại. Nói là bộ tư lệnh thật ra đã có gì đâu. Mới có vài cán bộ tham mưu, vài ông chính trị, vài ông hậu cần lo vận tải, quân y. Tôi còn nhớ lúc đó ngồi chuẩn bị chiến dịch tôi là chính ủy cũng chỉ có một cái hồ cá nhân, ngồi bên đó để nghe báo cáo và thảo chỉ thị. Đi theo chiến dịch có các nhà báo, nhà văn.. Họ kéo đến chỗ tôi. Sư đoàn chưa có nhà khách, đến hồ cá nhân cho khách tránh bom đạn cũng chưa chuẩn bị được. Bí quá không biết giải quyết tiếp đón sao cho chu đáo, chỉ còn cách giới thiệu họ xuống các trung đoàn. Tôi nói: Xuống đó còn có chuyện mà viết, ở đây chỉ có báo cáo. Sau đó chiến dịch diễn biến, đánh quanh Vĩnh Yên, vùng thị xã, là những trận đánh nổi tiếng. Chuyện anh Hoàng Cầm chiến đấu về sau truyền đi rất thú vị. Một mình anh giữa cánh đồng quăn quai với máy bay địch bắn phá. Ông cứ xem hướng nó lượn, nằm ém vào bờ ruộng đổi lại, tạo một góc nhỏ nhất và thoát khỏi làn đạn của địch. Hai liên lạc viên đi với ông đều bị tử thương. Một cán bộ tiểu đoàn là anh Hồ Kỳ Lân cũng hy sinh. Còn ông ấy không việc gì. Phải thừa nhận động tác chiến đấu của ông giỏi lắm và trước sự nguy hiểm ông ấy rất bình tĩnh. Xong chiến dịch chúng tôi kéo nhau về họp tổng kết: Đại đoàn bắt đầu ra quân, anh em đã chiến đấu rất dũng cảm góp phần quan trọng vào thắng lợi của chiến dịch. Trở về đất Phú Thọ hình như là 30 Tết, tôi mới triệu tập cuộc họp đảng ủy đầu tiên ngay đêm hôm đó. Cũng là lần đầu tiên ngồi bên nhau đủ mặt, làm tôi xúc động sâu sắc. Tôi nêu ý kiến: Lần đầu tiên chúng mình gặp nhau, chưa hiểu đời riêng của nhau như thế nào. Tôi đề nghị để xây dựng mối quan hệ mật thiết làm việc với nhau lâu dài về sau, xin mỗi đồng chí tự thuật cuộc đời mình với anh em.

Buổi họp thành buổi tâm sự hết sức chân thành cứ tuần tự kể cho nhau nghe cuộc đời mình, hoàn cảnh gia đình xuất thân, tuổi ấu thơ, tiếp xúc với cách mạng, ngày vào Đảng, quá trình trong quân

đội, lời tự nhận xét và những mong muốn trong tập thể này. Tối đó đèn sáng thâu đêm, có nhậu lai rai với bánh chưng, cày về khuya, câu chuyện càng đầm thắm. Nhiều anh em cũng như tôi bộc bạch cả những sự non yếu của mình với dụng ý để hiểu nhau thật đầy đủ, thông cảm và khoan dung để toàn tâm toàn ý lao vào công việc. Sau cuộc nói chuyện tôi cảm thấy chúng tôi gần nhau hơn, tình cảm bạn bè nhen nhóm lên. Chúng tôi bàn cả kế hoạch xây dựng sư đoàn, bố trí tổ chức và cán bộ, chọn chỗ đóng quân, đặt kế hoạch huấn luyện... Tất cả biểu thị quyết tâm xây dựng đại đoàn vững mạnh thi đua với 308. Ít lâu sau trung đoàn 165 mới về tới nơi, cũng vừa lúc nhận nhiệm vụ đi dự chiến dịch Hoàng Hoa Thám đánh ở đường 18 dốc Đông Triều thuộc tỉnh Quảng Ninh ngày nay. Cả đại đoàn kéo quân suốt từ Vĩnh Yên -Phú Thọ đi qua Thái Nguyên sang Bắc Giang, đi lên vùng Bắc Bắc Giang rồi đổ xuống Quảng Yên. Cuộc hành quân kéo dài ngày nhưng không gian khổ bằng lên Tây Bắc sau này. Mười ngày hành quân vất vả đến ngày 20-21 tháng 3 năm 1951 đại đoàn đến vị trí an toàn. Ngày 23 tháng 3 chiến dịch Hoàng Hoa Thám mở màn. Đại đoàn 312 là một trong những đơn vị chiến đấu trên hướng chính.

Chiến dịch Hoàng Hoa Thám bộc lộ trình độ chỉ huy của cán bộ chưa đáp ứng yêu cầu phát triển chiến đấu quy mô tập trung lớn. Tư tưởng chỉ đạo tác chiến của đại đoàn chưa hình thành rõ ràng, cơ sở vật chất chuẩn bị không chu đáo do đó bộc lộ nhiều lúng túng, mất dần thế chủ động khi gặp khó khăn, dẫn đến tổn thất lớn. Ngày 26-4-1951, Chủ tịch Hồ Chí Minh dự hội nghị tổng kết chiến dịch do bộ chỉ huy chiến dịch mở. Người nói: Trước ta nói phê bình và tự phê bình, bây giờ phải nói tự phê bình và phê bình. Nói như thế là chú trọng tự phê bình trước, phê bình người sau. Phê bình mình là chính, phê bình người là phụ... Tự phê bình và phê bình là để thống nhất tư tưởng. Tư tưởng có thống nhất, hành động mới thống nhất. Tư tưởng và hành động có thống nhất mới đánh thắng được giặc... Cán bộ đại đoàn 312 dự hội nghị này vô cùng thấm thía những lời dạy của Bác [7]

Chương 14

Lệ thường cứ tổng kết chiến dịch là Bác Hồ đến thăm, cũng là sự mong ước của cả hội nghị như được trực tiếp báo công với Bác. Thật không gì vui hơn! Cuộc họp tổng kết chiến dịch này tất nhiên sẽ được đón Bác, nhưng mọi người đều mang tâm trạng nặng nề. Anh em chờ đón với sự lo phiền vì chỉ sợ Bác không vui. Bác vốn nghiêm sẽ phê bình việc đánh đấm vừa qua.

Hôm Bác tới, tôi nhớ câu đầu tiên Bác nói là: Mọi chiến dịch Bác đến để khen các chú, thế nhưng lần này Bác đến để Bác đi... các chú một trận!. Thế là tự nhiên không khí hội nghị nhẹ hẫng đi mặc dầu Bác nói trước là sẽ đi một trận nghĩa là có phê bình đó. Cách dùng chữ của Bác đến là tuyệt, theo lối dân ta thường nói và ai cũng hiểu cả. Không khí hội nghị đang có phần trầm lắng vì sự áy náy sợ Bác không hài lòng thì lời Bác vừa nói như giải tỏa tất cả. Việc Bác phê bình thành là điều tất nhiên và mọi người mong đợi.

Trước ngày trong khi đối thoại với ai Bác đều rất chú ý đến tâm lý kẻ đó. Từ lời nói đến chữ dùng Bác đều cân nhắc sao cho thích hợp và đạt hiệu quả mong muốn. Bác hiểu là đi chiến dịch về mà không thu được thắng lợi thì ai cũng buồn rồi. Nên Bác đến với thái độ nghiêm khắc, nói những lời nặng nề

thì chỉ làm cho không khí thêm căng thẳng không cần thiết, không lợi cho sự tiếp thu phê bình. Ở đây tôi không nói về nội dung tổng kết như nội dung Bác phê bình mà chỉ nói lại kỷ niệm này thôi. Trên đường về, tôi và anh Tấn bàn với nhau là sự tác động thuận lợi này của Bác, có thể và phải tổ chức phê bình nghiêm túc ở từng cấp một, cố gắng làm sao để mỗi cấp nhận rõ trách nhiệm của mình. Có điểm cả hai anh em đều tán thưởng. Đó là các đơn vị đã giúp nhau hoàn thành nhiệm vụ giữa lúc gay go vừa qua, là tinh đoàn kết chiến đấu rất tốt đẹp, cần duy trì thành truyền thống và đề cao để mỗi chiến sĩ, mỗi cán bộ trong sư đoàn có ý thức với nhau từ nay về sau. Hai chúng tôi cũng tự xác định. Chúng mình là cán bộ sư đoàn càng phải tự phê bình nghiêm khắc để làm gương cho anh em và cũng để nhận rõ trách nhiệm bản thân chỉ đạo chiến dịch, qua đó anh em góp ý kiến sẽ đầy đủ hơn. Với tinh thần như thế, chúng tôi tiến hành cuộc phê bình và tự phê bình khi tổng kết chiến dịch Hoàng Hoa Thám. Kết quả là từng cấp, từng đại đội trở lên cho đến tiểu đoàn, trung đoàn, sư đoàn thấy rõ phần trách nhiệm của mình không vin có này có khác, không đổ lỗi cho ai cả. Đặt giả thiết, nếu trận Trảng Bách, trận Mạo Khê, trận này, trận khác đều thực hiện trót lọt thì chắc chắn chiến dịch đã diễn biến khác, nếu các nhiệm vụ đặt ra trong chiến dịch mà sư đoàn đều thực hiện trọn vẹn từ đầu đến cuối thì... với cách nhìn nhận mỗi người đều thừa nhận trách nhiệm của mình, đều tự xác định nghiêm túc hơn trong sự luyện tập kỹ càng, chuẩn bị cho trận đánh khác. Đây là kỷ niệm qua mỗi chiến dịch mà chúng tôi đều chú ý khuyến khích: Tinh thần tự phê bình nghiêm túc... Một thời gian sau, chúng tôi nhận nhiệm vụ là riêng sư đoàn độc lập một chiến dịch đánh giải phóng Nghĩa Lộ tức chiến dịch Lý Thường Kiệt. Tôi không đi sâu vào trận đánh mà chỉ ghi lại kỷ niệm phải rút quân ra khi chưa đánh dứt điểm được. Chúng tôi triển khai đánh hai đêm không hoàn thành. Đêm nào cũng phải rút ra, có cả hường hợp còn một đồng chí đang bị kẹt trong dây thép gai. Hai ba ngày sau anh ấy mới thoát ra tìm vào nhà dân và được bao che cứu giúp mấy ngày sau mới trở về đơn vị. Thương vong nhiều và chịu thiệt hại lớn mà không giải quyết được vấn đề. Khi quyết định rút ra Đảng ủy có họp bàn, trao đổi với nhau khá nhiều ý kiến. Sư đoàn đã mở đầu chiến dịch, đã đánh đến hai đêm và bây giờ chuẩn bị đánh đêm thứ ba. Có khả năng giải quyết xong và cũng có khả năng không giải quyết được. Vậy phải lường trước việc ta xử lý như thế nào? Ai cũng thấy chiến dịch này nhiệm vụ của sư đoàn rất lớn, rất nặng, nếu làm được là đạt chiến công oanh liệt và sư đoàn có bước trưởng thành đáng kể. Đã đánh hai đêm cũng rút được nhiều kinh nghiệm chuẩn bị cho đêm thứ ba. Nhưng cũng thấy nếu không giải quyết được là bị sa lầy giữa thời tiết mưa gió có nhiều khó khăn trở ngại, thương binh nhiều, đơn vị có thể phải chịu đói khát... hậu quả thật khó lường hết. Chung quy đi đến nhất trí phải rút! Rút thì đau đớn thật nhưng mà còn hơn bị sa lầy. Với tôi, tôi thấy trong chiến đấu việc quyết định rút cũng khó khăn, thậm chí khó khăn hơn khi quyết định tấn công. Nó day dứt trong tâm trí chỉ huy cũng như chiến sĩ. Điều này còn lặp lại ở chiến dịch Đồng Xoài sau này. Cũng tôi và anh Tấn đánh Đồng Xoài cho tới sáng tình hình vẫn rất gay go. Anh Tấn và tôi lại ngồi phân tích với nhau để đi đến một quyết định chính xác, làm nhớ lại ngày ở Nghĩa Lộ, chúng tôi đã kết luận là phải rút. Quyết định phải rút thì sẽ khó khăn về tinh cảm tâm lý, phải có nghị lực mới vượt qua nổi. Có sự phân tích thật khách quan và rõ ràng mọi khía cạnh thì mới giám đi tới một quyết định khó khăn như vậy. ở đời cũng vậy. Khi gặp khó khăn thì chính là khi ta phải tính toán đến nhiều quyết định không dễ dàng gì. Rút ra xong thì lại một kỷ niệm nữa về sự xử lý. Để tổng kết chúng tôi lại thực hiện theo tinh thần tổng kết chiến dịch Hoàng Hoa Thám, nhắc nhau là sư đoàn phải nhận khuyết điểm trước trong công việc chuẩn bị chiến dịch, về quyết định phương án tác chiến như thế nào? Trên cơ sở kiểm điểm của sư đoàn, yêu cầu trung đoàn kiểm điểm cách thực hiện của mình. Đặc biệt đối với trung đoàn 141 là trung đoàn chủ công đánh Nghĩa Lộ cũng kiểm điểm theo tinh thần như vậy. Cuộc họp này chúng tôi tổ chức quanh thị trấn Yên Bái. Tôi nhớ tôi và anh Tấn cũng thức đêm thức hôm, trao đổi và phân tích đủ các mặt, cũng day dứt cùng nhau nhiều điểm. Nhưng hai anh em đều thống nhất nhau một điểm, là xác định trách nhiệm thật rõ ràng. Chính là sau đợt kiểm điểm này trong sư đoàn đã hình thành hẳn hoi cái phương châm: Thắng không tranh công, thua không đổ lỗi. ở chiến dịch Hoàng Hoa Thám đã không đổ lỗi thì đến chiến dịch Lý Thường Kiệt này thua hơn cũng không đổ lỗi! Bởi vì ở Hoàng Hoa Thám thì cả chiến dịch thua trong đó có sư đoàn tham dự. Còn chiến dịch này, chỉ riêng một sư đoàn phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về cái thắng, thua của trận đánh không thể đổ lỗi cho ai cả. Trách nhiệm đó là từ cán bộ chỉ huy sư đoàn đến các chiến sĩ tổ ba ba, hỏa lực, xung kích, bộc phá phải gánh chịu. Mọi người tự xác định trách nhiệm của mình trong khi thắng cũng như thua, điều

đó hình thành nên tinh thần thắng không tranh công, thua không đổ lỗi. Sư đoàn lấy đó làm nội dung đoàn kết cả đơn vị. Càng về sau mấy chữ Đoàn kết, anh dũng, chiến thắng cứ nổi lên như một nhu cầu, một bản sắc của sư đoàn. Cho đến sau chiến dịch Hòa Bình, ba tư chất đó được định hình hẳn thể hiện thường xuyên trên tờ báo Anh dũng của sư đoàn, và danh hiệu của sư đoàn mà báo chí hay các sư đoàn khác thường nhắc đến là chiến thắng.

Thắng không tranh công, thua không đổ lỗi đã hình thành và trở thành là nét truyền thống đẹp của sư đoàn 12 qua quá trình như vậy: Chiến dịch Nghĩa Lộ vừa kết thúc và đang tiến hành tổng kết thì đã nhận được nhiệm vụ đi Hòa Bình vì địch vừa nhảy dù chiếm vùng này. Bác Hồ và Bộ chính trị nhận định đây là thời cơ tiêu diệt địch và khi chúng co lại trong công sự thì ta đánh khó, nay nó kéo ra rồi xa căn cứ là thời cơ để ta tiêu diệt nó.

Thế là cả sư đoàn hành quân cấp tốc để tham gia chiến dịch mới. Tôi xin ghi lại đây kỷ niệm đánh lô đồn 400, 600. Núi Ba Vì lúc bấy giờ sư đoàn 312 được phái sang sông đánh đồn núi Chẹ, đánh Ninh Mít... còn sư đoàn 308 và một phần 312 đánh tạt lên phía Tây chiếm Lai Đồng, Đồng Văn và thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao. Địch ngoan cố tung quân đánh tràn ra xung quanh Hòa Bình, điểm ác liệt nhất là Ba Vì. Thế núi cao, nó khống chế toàn bộ một vùng rộng lớn. Cấp trên quyết định đánh và giao nhiệm vụ này cho sư đoàn. Sư đoàn đưa trung đoàn 141 giải quyết trận đánh. Đây là một trận đánh rất khó khăn vì vị trí hiểm trở ở trên cao, vách đá dựng đứng. Anh em điều tra thực địa đều thấy địa hình vị trí gây khó khăn cho việc kéo quân lên, cho việc dấu quân và bố trí hỏa lực. Đó là thực tế ác liệt nhưng phải dứt điểm được trận này thì mới thay đổi được cục diện chiến dịch. Xóa sổ được vị trí này thì ta làm chủ được toàn bộ vùng rộng lớn ven sông Đà và đường số 6 bọn địch không thể ngang nhiên chiếm Hòa Bình. Trận đánh được chuẩn bị chu đáo tới đa. Tôi trực tiếp nói chuyện với anh Hoá - Tiểu đoàn trưởng một tiểu đoàn. Buổi trao đổi thật chân thành và cả hai bên đều rất xúc động. Nhiều vấn đề gay go thẳng thắn được đặt ra và được giải quyết theo từng tình huống cụ thể. Như với anh em tân binh thì giúp đỡ rèn luyện thế nào. Cách phân công bố trí đội hình, việc tiếp tế vũ khí.... Nghĩa là cả về vật chất lẫn tinh thần đều không xem nhẹ mặt nào, khâu nào cũng được nghiên cứu dự liệu đến nơi đồng thời làm cho cả đơn vị hào hứng lập công, có tinh thần quyết thắng. Ban chỉ huy cũng bám sát diễn biến từng trận đánh với tâm trạng căng thẳng hồi hộp, bao lần tưởng đã dứt điểm đến nơi rồi nhưng hóa ra lại chưa được. Tin tức thực hư không ngớt đan xen dồn dập. Cuối cùng thì quân ta thắng, đánh chiếm cả cứ điểm. Qua kiểm tra thận trọng mới xác định là thắng lợi, là trận đánh tốt. Đi chiến dịch về, tôi viết một truyện ngắn với đầu đề lòng tin đưa in trên báo Quân đội Nhân dân. Ngụ ý tôi muốn nói là để dành thắng lợi trong những trận đánh khó khăn như vậy thì lòng tin là yếu tố cực kỳ quan trọng. Tân binh tin vào cán bộ, cán bộ quân sự tin vào chính trị. Phía sau tin tưởng phía trước, nghĩa tất cả một lòng, với quyết tâm khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng..

Trong chiến dịch Hòa Bình, chúng tôi có dịp ăn tết ngoài mặt trận. Tôi và anh Văn Phác lúc ấy là chủ nhiệm chính trị ở lại trận địa ăn tết với dân công. Dân công đi Hòa Bình đông lắm. Bà con ở các tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang cũng có mặt, nổi nhất là con gái Bắc Ninh. Ở đâu thì mối quan hệ giữa dân công và bộ đội cũng rất mật thiết. Vừa là ý nghĩa quân dân ra trận, chia đôi gian khổ, chung sức giành chiến công, vừa là sự chung lưng đấu cật giữa lớp trẻ vui nhộn và hồn nhiên. Đặc biệt là giới nữ. Ở các cô toát lên một sức sống khác thường, tự tin hơn, năng nổ và chủ động. Các cô tới đâu ở đấy không khí sôi động lên. Một chuyến tôi cùng sang sông với các cô. Đoàn người kéo dài, tôi đi vào phần cuối. Ai cũng ráng hết sức mình để vượt dốc bờ sông vừa cao vừa trơn, nói đúng hơn là ráng sức trụ vững đôi chân trong bùn dốc vì cả đoàn dồn lên ép cứng người lại với nhau. Trong làn cỏ nhàn cực nhọc vẫn không vắng tiếng khúc khích đùa nghịch chờ từng bước nhích chân trong bùn lầy. Những bắp chân tròn lẳn trắng nõn cắm sâu vào trong bùn nhão. Những bộ ngực căng tròn hờn hển qua làn vải áo. Và những ánh mắt, những nụ cười ánh lên nổi vất vả đến là đẹp. Bỗng một câu thơ cất lên: Ai đưa ta đến chốn này... lạnh lót hào hển. Nghịch ngợm nhiều hơn là ai oán. Cái lạnh lạnh trong veo làm người nghe liên tưởng đến một làn môi tươi rói, đến một khuôn mặt sắc nước hương trời. Tôi mới buột mồm: ủa giờ hay quá!. Thế là một cô thon thả da trắng ngần - ắt hẳn gái Bắc Ninh dấy lên như giấm phải tổ kiến lửa. Cô ta dậm chân những nhặng Ơ cái anh này! hay nhỉ? . Tôi cảm thấy thú vị vì bị trách móc. Có gì mà người đẹp phải mắng mỏ. Tôi khen cô ngâm thơ hay, làm gì cô

phải giầy lên đến vậy?. Cô ta thấy mình đuối lý thì im, còn tôi tiếp tục đi với chiến dịch qua những màu sắc địa phương khác nhau. Chị em Hoà Bình đơn đã đem cơm, ra mời làm tăng thêm nét hoang dã của chiến trường. Rồi các cô kéo đến chỉ huy sở chúc Tết. Tôi và anh Văn Phác có mặt lúc đó. Cả hai chúng tôi vui vẻ ra chào đón mời các cô uống nước, ăn kẹo và nói chuyện. Có lẽ cũng vì đột ngột nên ông Văn Phác để gờ bí, bật hỏi một câu: Thế các cô đây đã có gia đình cả chưa?. Một cô lí lắc đáp: Chúng em đây ai mà chả có gia đình!. Văn Phác càng lúng ta lúng túng gờ thế bí: ừ, tôi hỏi gia đình là hỏi các anh ấy chứ. Các chị đã có các anh ấy chưa?. Thế là các cô cười phá lên như nắc nẻ. Cả tôi và Văn Phác cũng cười lấp liếm cái ngớ ngẩn vô duyên của mình.

Sau chiến dịch Hoà Bình trên đường trở về bốn anh em gồm có các ông Tấn, Nam Long, Lê Thủy và tôi thì bắn chim với súng các-bin, vừa tiêu khiển dọc đường lại có thức chén cái thiện. Điều không may cho tôi là mấy ông kia đã mỗi tay bắn được hai con thì tôi vẫn tay không. Cả ba đều là cán bộ quân sự giỏi bắn, riêng tôi lớ ngớ chưa được con nào. Cuối cùng thì cũng được một con, là ngáp phải ruồi thôi. Con chim tôi bắn lại trúng đầu (kỳ tài)! Nên nguyên cả mình không một cái lông bị rơi chứ chưa nói đến thịt, trong lúc chim của các vị bắn đều tuồng ngực trúng ức. Con nào mình mẩy cũng nát như. Tôi bèn lên mặt lý luận (vốn là sở trường) trêu vui: các ông hai con nhưng bắn như thế chỉ còn lông và xương! Tôi một con nhưng chỉ nát đầu còn nguyên vẹn thịt. Vậy nói về chất lượng thì ai hơn ai?!. Đùa vui thế nghĩ cũng chắc mẽ lắm. Không ngờ sự phản công của ông Tấn lại lật trần tay súng tôi của mình ra. Đã bắn thì phải ngấm hồng tâm. Hồng tâm là ngực và ức. Tôi bắn trúng đầu chim thì chỉ là tay súng vụng về vì phát đạn đó thực sự là chuyện chó ngáp thật. Qua câu chuyện bạn đọc có thể thấy mối quan hệ giữa chúng tôi không chỉ có chuyện chiến trường gay cấn và căng thẳng mà còn bao nhiêu điều vui vẻ trong tình đồng đội đồng chí với nhau.

Đến chiến dịch Tây Bắc tôi muốn kể lại đây cảnh truy kích ở Sa pa. Sau khi chiếm đồn Gia Hội, ông Tấn kéo quân đuổi còn tôi thì ngồi lại phía dưới dốc, liên lạc giữa hai bên bằng điện thoại. Cậu liên lạc trực ở cạnh tôi gọi điện cho liên lạc ông Tấn. Sau công việc hai bên không dò hỏi nhau.

-Ở trên ấy có gì ăn không?

- Chú mày ở đó đấy chắc là sướng lắm nhỉ?

- Đ. mẹ! có cái đ... gì mà sướng! Sáng thì toàn là củ chuối, bốn ngày không có gạo rồi...

Đúng thế sau các đợt giải phóng Nghĩa Lộ, Gia Hội mặt trận quyết định phải ngừng truy kích địch lại và huy động toàn bộ bộ đội đi lấy gạo để chuẩn bị cho đợt hai vượt sông Đà..

Sông Đà có dòng chảy nổi tiếng dữ, nước chảy xiết. Qua sông lại không sẵn thuyền mảng, chỉ đóng bè thì làm sao cho cả ngàn người qua được. Cuối cùng là phải bơi qua sông và giăng dây diu những ai không biết bơi đi qua. Các trung đoàn trưởng xung phong bơi qua thăm dò và mang đầu dây sang luôn thể. Nhìn dòng nước ai cũng ái ngại, lực lượng qua sông vừa đông vừa cồng kềnh, dòng nước thì băng băng như ngựa phi. Phải với tinh thần vì chiến dịch cao độ, quyết tâm vượt mọi trở ngại rồi người cũng như vũ khí quân trang đều qua sông an toàn. Cả đơn vị lao lên đánh Sơn La rồi cụm lại ở Nà Sản, vây đánh Nà Sản và kết thúc chiến dịch thắng lợi trở về. Đồng bào thiếu số đồ ra đón đoàn quân chiến thắng khắp các đoạn đường. Bác chỉ thị phải chuẩn bị tốt để anh em tiếp xúc với đồng bào. Đây cũng là một công việc nhiều công phu. Tôi soạn tài liệu để phổ biến cho bộ đội hiểu và nắm được phong tục tập quán của dân trên dọc đường đi. Sẵn máu văn nghệ của những cảm xúc sẵn có về đời sống và con người Tây Bắc tôi viết bài dưới dạng bút ký giới thiệu với anh em trong đơn vị về cảnh đẹp đất nước, về tinh thần phẩm chất con người ở các nơi này. Viết đến đâu tôi đưa in và cho lưu hành trong khắp đơn vị.

Đến chiến dịch Thượng Lào, chiến dịch với ý định giải phóng Sầm Nưa. Hành quân sang đất Lào lần đầu tiên tôi trông thấy nhà sư đi khát thực. Cứ sáng sớm từng tốp nhà sư bốn năm vị mặc áo vàng đi hàng dọc tay ôm cái bát to tướng. Men đường, dân đổ ra quỳ đón thành kính dâng xôi. Các sư ghé lại nhặt bó đầy bát của mỗi vị. Khác với cảnh ăn ở của người dân địa phương, các nhà cổ Tây ở thì sa hoa đến lóa mắt. Cứ tới đâu thì anh em lại tiền trạm lại chọn nhà sạch sẽ sang trọng để ban chỉ huy sư đoàn tạm trú. Hồi hành quân dọc ngang sông Đà, tôi và anh Tấn có máy bộ đàm nghe được radio. Chúng tôi luôn luôn luôn phải theo dõi diễn biến trên tin tức, có bữa đến giờ chúng tôi mở đài thì chị chủ nhà hét tướng lên với anh chồng: ồ! Đại đoàn đến nhà ta rồi. Tôi bắn khoả không hiểu làm sao chị ta biết là đại đoàn, lại nói trúng vào ông đại đoàn trưởng và chính ủy. Sau hai vợ chồng chủ nhà ra nằm xoài trên sân nhà cùng nghe đài với chúng tôi. Chúng tôi tới Sầm Nưa thì địch đã tháo chạy.

Chúng tôi cho một bộ phận đuổi theo. Ông Hoàng Cầm truy kích đến hai ba ngày mới trở về. Ông ấy khoe là dọc đường chết mất ba con ngựa. Con ông đang cưỡi mới thay là con thứ tư và ông hết lời khen nước kiệu của ngựa Lào. Ông này lúc nào cũng là một chiến tướng tả xung hữu đột mỗi lúc tôi gặp, sau đó đại quân kéo về theo một hướng khác. Còn tôi và các ông Trần Quân Lập, Hložàng Cầm, Lê Thùy thì đi với nhau cùng đội vận công của sư đoàn. Tôi nhớ mãi cảnh thiếu thuốc Lào cho đến Mộc Châu. Gặp ai xin được điều nào đều trao tay nhau hít tí khói. Khoái đến tận rốn.

Chương 15

Sau chiến dịch Tây Bắc và Thượng Lào là chiến dịch Điện Biên Phủ. Nhiều người, trong đó có tôi, đã nói và viết nhiều về chiến dịch lịch sử này. ở đây tôi muốn kể lại một số chi tiết trong chuyện bắt Đờ Cát-tơ-ri.

Chiều hôm 7 tháng 5, đang theo dõi diễn biến trận đánh thì được tin là một số đơn vị của chúng tôi đã vượt qua sông Nậm Rốm vào đến sở chỉ huy của địch rồi. Lát sau, trung đoàn báo cáo lên E209 bắt sống được Đờ Cát-tơ-ri. Nhận thấy tin này rất quan trọng, tôi và anh Tấn năm lần bảy lượt điện xuống chỗ anh Hoàng Cầm kiểm tra đi kiểm tra lại xem có thật không. Anh Hoàng Cầm trả lời! Bắt được rồi, đúng rồi. Đúng lúc anh Văn ở Bộ tư lệnh gọi điện hỏi chúng tôi tin đó thế nào? Anh Văn còn nói thêm: Anh Độ và anh Tấn chịu trách nhiệm về tin này nhé!. Phải lập tức kiểm tra kỹ lại xem có thật đúng mới được báo cáo. Chớ có báo cáo láo.! Bộ tổng tư lệnh sẽ phái người mang ảnh Đờ Cát-tơ-ri xuống và các anh so ảnh xem đã chính xác chưa, hay đã bắt nhầm! Nhận được lệnh này, chúng tôi lập tức, gọi lại anh Hoàng Cầm thuật tỉ mỉ, thì nghe trả lời một cách rất hể hả: Nó đang đi trước mặt tôi đây! Tôi cho anh em giải lên chỗ các anh đấy! Chúng tôi mừng quá gọi dây nói cho anh Văn. Bây giờ anh Văn mới yên tâm, yên trí tin đó là đúng sự thật. Đờ Cát-tơ-ri tới chỗ chúng tôi, đầu đội mũ nồi, lon ngử vẫn mang đủ. Lão được mời ngồi cùng với chúng tôi, các cán bộ địch vận đứng vây quanh. Ông Tấn hỏi Đờ Cát-tơ-ri tại Điện Biên phủ các anh có bao nhiêu quân, bao nhiêu pháo, bao nhiêu xe tăng? Nó trả lời: Đứng về tư cách một sĩ quan trong quân đội thì tôi không có quyền nói những điều ấy với các ngài. Ông Tấn bảo: Các anh không nói thì chúng tôi cũng biết hết. Nó bảo: Tôi tin các ông có biết cả, vậy ông hỏi làm gì nữa? Ông Tấn quay sang đề tài khác: Anh là một tướng quân, tôi chỉ huy một sư đoàn. Bây giờ chúng ta kết thúc đánh nhau rồi, ngồi đây tôi muốn anh phát biểu cảm tưởng của anh đối với mặt trận như thế nào? Đờ Cát-tơ-ri lộ vẻ hào hứng nói: Vâng, nếu câu chuyện như thế thì tôi rất vui được tiếp chuyện các ông. Nó khen bộ đội Việt Nam dũng cảm, bố trí pháo binh khéo... Sau cùng nó hỏi: Tôi xin hỏi các ông một câu hơi tò mò nhưng mong các ông đừng chấp, là lính các ông trước khi ra trận uống rượu phải không? Các ông cho họ uống rượu ư? Tôi liền hỏi lại: Căn cứ vào đâu mà ông hỏi như vậy?. Nó nói: Tôi hỏi như vậy là vì khi lính các ông xông vào chỗ tôi một mũi người nào cũng đỏ bừng trông ghê lắm! Tôi nghĩ là họ uống rượu nên mới hăng như thế.. Có phải thế không?. Tôi đáp: Thế thì ông nhầm! Ông không hiểu chúng tôi rồi. Chiến sĩ chúng tôi đi chiến đấu không bao giờ phải dùng rượu để nâng lòng dũng cảm cả. Mỗi người chúng tôi đều mang lòng yêu nước cao độ. Chúng tôi căm thù quân xâm lược các ông. Chính vì lòng căm

thù đó mà chúng tôi chiến đấu dũng cảm. Điều mà ông nhận xét chính là sự biểu lộ của lòng căm thù và tinh thần chiến đấu của họ. Lời tôi nói nghe rất sách vở, nhưng rất thực. Là sự thật một trăm phần trăm, chẳng qua là có nhiều người nói và viết về điều đó mà nó thành sách vở thôi. Về sau Đờ-Cát-tơ-ri nói: Thôi, gặp được các ông ở đây tôi cũng yên tâm là tôi được làm tù binh của các ông. Tôi cũng thấy làm vinh dự được làm tù binh của một quân đội như quân đội Việt Nam. Bây giờ vào trại tù binh chúng tôi có một yêu cầu mong các ông chấp nhận.... Thấy Đờ-Cát-tơ-ri ngập ngừng, tôi nói: Ông yêu cầu gì thì cứ nói. Nó bảo: Tôi có một người cần vụ giúp tôi trong các sinh hoạt hàng ngày và giữ những đồ dùng cá nhân của tôi. Tôi đề nghị khi vào trại các ông cho phép tôi vẫn được sử dụng người cần vụ này vào nhiệm vụ phục vụ tôi. Được như thế tôi xin cảm ơn ông. Chúng tôi trả lời: Điều đó không chấp nhận được vì ông đã là tù binh. Vào trại chỉ có sự bình đẳng chứ không có chế độ phục vụ và hầu hạ như khi ông đang đương chức ở trong quân đội của ông. Ông cần phải chấp hành qui tắc trong trại. Còn sinh hoạt của các ông sẽ được bảo đảm. Chúng tôi bảo đảm về vệ sinh, bệnh tật, thuốc men, sức khỏe. Nghe vậy nó cảm ơn và chấp nhận lên đường đi tới trại giam. Việc bắt Đờ-Cát-tơ-ri diễn như vậy. Có anh em đã mô tả tôi với anh Tấn gặp nó ra làm sao? Hồi cung những gì... Có chi tiết chưa thật chính xác, chẳng có nói năng gì to tác rườm rà. Anh Tấn hỏi, Đờ-Cát-tơ-ri đáp. Sau cùng anh Tấn và lão có trao đổi về trận đánh. Tôi rất nhớ câu Đờ-Cát nói: Tôi rất hân hạnh được làm tù binh của một quân đội như quân đội Việt Nam.

Sau chiến dịch Điện Biên Phủ, sư đoàn chúng tôi được nhận vĩnh viễn lá cờ thi đua luân lưu Quyết chiến quyết thắng của Hồ Chủ tịch. Vào chiến dịch Điện Biên, Bác công bố tặng một lá cờ và đơn vị nào lập nhiều chiến công nhất thì sẽ được giữ lá cờ đó. Sư đoàn 312 đã mở đầu chiến dịch Him Lam lại kết thúc bằng chiến công bắt được Đờ-Cát-tơ-ri. Trong quá trình chiến dịch đã từng đánh nhiều trận ác liệt. Dù có cả 308 và 316 cùng đánh nhưng sư đoàn 312 đánh nhiều hơn cả. Vì vậy bộ chỉ huy quyết định giao lá cờ cho sư đoàn 312. Lễ giao cờ được tổ chức ngay tại chỉ huy sở chiến dịch. Những sự kiện lịch sử đã trôi qua, những kỷ niệm lịch sử thì cứ theo người ta. Dần dần nó được huyền thoại hoá, càng về sau thì những câu chuyện càng được màu huyền thoại. Về chuyện lá cờ quyết chiến quyết thắng cũng vậy, cũng dần dần huyền thoại hoá.

Gần đây tôi có dịp gặp lại một chiến sĩ thi đua toàn quân toàn quốc đã từng tham gia trận đánh đồi Độc Lập. Tiểu đội của ông thuộc trung đoàn 165. Trận đồi Độc Lập này do trung đoàn 88 của sư 308 đánh phối hợp với trung đoàn 165 của sư chúng tôi. Hai bên cùng mở đợt phá khẩu tuy chủ công là 88. Trung đoàn của chúng tôi có một tiểu đội gọi là tiểu đội tiêm dao - dao nhọn - đi sâu thọc vào lòng địch. Tiểu đội trưởng là anh Trần Văn Doãn, tiểu đội phó là anh Nguyễn Văn Các, chiến sĩ xung kích trong tiểu đội. Trong trận đánh người cầm cờ này bị, lại có ngay người kia xông lên giương cao cờ xung phong. Cuối cùng anh Các đã mang lá cờ cắm lên trọng điểm của đồi Độc Lập. Sau đó, tôi có mời anh Các mang lá cờ lên sở chỉ huy sư đoàn kể lại chiến công và chỉ cho chúng tôi xem các vết tích chiến đấu còn lưu lại trên lá cờ. Tôi đã viết bài thuật lại chuyện này trên tờ Anh Dũng, báo của sư đoàn. Sau đem lại in thành sách khổ nhỏ với tên sách Lá cờ của Bác truyền đi khắp đơn vị biểu

dương tinh thần chiến đấu của tiểu đội dao nhọn và của anh Các.

Nay anh Các đã hơn 70 tuổi rồi, là thương binh bậc hai, sống túng thiếu quá, phụ cấp thương tật mỗi tháng chỉ được hơn 30.000 đồng. Tôi là chính ủy cũ nên anh tìm gặp hy vọng tôi có thể can thiệp với các cơ quan chức năng cho ông ấy đi khám lại để xin trợ cấp thương tật. Ông đã mô tả lại chuyện ngày xông trận. Vốn đơn giản như ông hôm nay thuật lại chiến công vẫn pha chút huyền thoại phi thường lắm. Tôi đã hết sức liên hệ với Bộ thương binh xã hội và ông đã được đi khám lại. Hội đồng giám định cũng xác định là vết thương của ông phải nâng lên cấp ba. Phụ cấp mỗi tháng được hơn 100.000 đồng gấp ba lần trước đây. Song với 100.000 đồng tháng thì vẫn khó sống với giá cả hiện nay. Tôi ở sư đoàn 312 từ giữa năm 1950 đến cuối 1954, rồi được điều về Tổng cục chính trị, bổ sung vào nhóm tổng kết công tác chính trị do anh Nguyễn Chí Thanh chủ trì. Thời gian tôi ở sư đoàn 312 là năm năm, cùng sư đoàn tham gia các chiến dịch. Năm năm, so với năm mươi năm hoạt động của tôi chỉ là một phần mười thời gian nhưng để lại cho tôi rất nhiều ấn tượng, nhiều kỷ niệm và nhiều cảm xúc. Bây giờ anh em lớp tôi đã về hưu phần nhiều, thỉnh thoảng gặp nhau lại được dịp ôn lại bao nhiêu kỷ niệm thú vị của một thời. Đại loại: trong một cuộc hành quân trong chiến dịch Tây Bắc hay Điện Biên Phủ không còn nhớ rõ, trong một chặng nghỉ dọc đường, tôi ngồi nói chuyện cùng một cán bộ đại đội. Sau khi chào hỏi người quen, câu chuyện đi vào tâm sự, anh ta bảo tôi: Tôi đi chuyến này, có linh cảm là sẽ không trở về. Tôi có vợ, một con nhỏ. Tôi muốn gửi anh chiếc đồng hồ đây. Nếu về được thì không nói làm gì. Còn nếu tôi nằm lại chiến trường thì anh mang cái đồng hồ này đưa cho vợ tôi, để nó bù vào nuôi con và báo tin cho nó biết. Nhìn nét mặt anh ta tôi hiểu điều anh nói là chân thật và nghiêm túc làm tôi rất xúc động, song tôi gạt phất đi: Mày chỉ nói đại nói dột thôi. Đi rồi về chứ sao lại nghĩ chuyện chết, đi đánh nhau mà nghĩ như thế là gở lắm. Mày cứ cầm lấy, tao không giữ

Quả thật trong chiến dịch ấy cậu ta là một trong những người đã không trở về. Sau này trong nhiều chiến dịch, khi tiến chiến sĩ cán bộ cấp dưới ra trận, tôi bắt tay họ lòng chân thành chúc đi thắng lợi, tôi lại liên tưởng nghĩ rằng sau chiến dịch họ còn quay trở lại không? Một số, ở chiến dịch nào cũng vậy, một số đã không gặp lại. Tôi thường nói chuyện với ông Tấn về con tim, cõi lòng con người ta ghê gớm thật. Nó như vô đáy, cũng rộng lớn như vũ trụ. Mỗi một trận đánh, mỗi một chiến dịch lòng chúng mình mang bao nhiêu xót thương, tim chúng mình ứ những nỗi đau đớn ngọt ngọt, tưởng rằng hết chịu đựng nổi, Nhưng chiến dịch lại tới, lại lên đường ra trận với nhiệm vụ gay go ác liệt, với quyết tâm giành chiến thắng và lòng ta lại chứa đựng những nỗi đau thương mất mát mới. Tôi và anh Tấn không hiếm những lúc trao đổi căng thẳng để xử lý nhưng tình huống gay go phức tạp, người cứ căng lên, tim đập mạnh, sắc khí bùng bùng khó chịu! Có lẽ do huyết áp tăng mạnh và cổ rần rợn tình huống dẫu đi, rồi tâm trí cũng trở lại bình thường, chuyển gây căng lắm thì cũng vơi vơi một chút ít mệt mỏi về thần kinh mà thôi. Với chức trách của tôi, tôi còn gần như thường xuyên tiếp xúc với những người vợ mất chồng, anh mất em, cha mất con và chia sẻ nỗi đau của mỗi người mà tôi hiểu mất mát đó không gì bù đắp lại. Tôi cũng lấy làm lạ là làm sao con người có thể chứa đựng tất cả các

nỗi đau của cuộc đời, nhất là nỗi đau chiến tranh! Làm nhiệm vụ chính ủy, tôi phải làm việc báo tin và chuyển những kỷ vật của người hy sinh tại chiến trường trao lại cho vợ con gia đình anh em. Có trong cuộc mới thấy hết nỗi khó khăn cay đắng của việc đó. Hồi tôi còn ở báo Về quốc quân có một chị, chồng là cán bộ tiểu đoàn hy sinh ở chiến dịch biên giới. Anh là sĩ quan của 308, chị ấy làm việc ở cơ quan của Tổng tham mưu, gần cơ quan tôi làm. Các anh 308 đem trao tôi di vật của anh ấy. Tôi mời chị sang cơ quan nói chuyện. Tôi đã vắt óc tìm cho ra cách làm nhẹ nỗi đau của chị, càng nhẹ nhàng càng hay, để báo tin và chuyển giao kỷ vật. Tin chồng hy sinh chị đã biết. Thế mà nét mặt của chị vẫn cứ thất sắc, như không dám, không nở tin là sự thật, hai bàn tay chị ôm ấp kỷ vật sao tha thiết, lộ sự đau xót làm thất lòng người. Tôi thấm thía nỗi đau thất lòng người. Tôi thấm thía nỗi đau thất ruột của một người vợ góa và kính trọng im lặng. Lại trường hợp một chị cũng làm việc ở Bộ tổng tham mưu, tôi có quen biết sơ sơ. Ngày chồng chị là tiểu đoàn phó hy sinh ở chiến dịch Trung du diễn ra ở Vĩnh Phúc, Vĩnh Yên và núi Đanh, tôi có nhiệm vụ, báo tin và chứng kiến sự chịu đựng của người phụ nữ trước mắt mắt của gia đình. Tôi còn phải báo cái tin quá nặng nề với một chị là hội trưởng hội phụ nữ tỉnh Vĩnh Phú, nơi sư đoàn tôi đóng quân. Người chồng hy sinh cũng là một chính trị viên tiểu đoàn của sư đoàn tôi ở mặt trận biên giới. Ít lâu sau, tôi có mời các nhà chức trách địa phương đến tiễn đưa bộ đội xuất quân, chị đã đứng trước hàng quân nói chuyện. Tôi nhìn chị mà không cảm nổi nước mắt. Là vợ liệt sĩ đứng ra tiễn đồng đội của chồng đi vào chiến dịch tiếp tục sự nghiệp giải phóng đất nước mà chồng mình để lại, hơn ai hết chị hiểu sự hy sinh của con người đứng trước nghĩa vụ với tổ quốc, chị hiểu nỗi lo lắng của người vợ, người mẹ ngày đêm rồi theo bước chân của người thân trên chiến trường. Chị là hiện thân cái hậu phương phi thường để tiền tuyến diệt giặc. Mấy năm sau, một lần tôi đang đi dọc bờ hồ thì nhận thấy phía trước có dáng người quen quen. Tôi bước nhanh lên trước và nhận ra chị. Thật là bất ngờ và chúng tôi đều rất vui mừng được gặp nhau. Đột nhiên chị hỏi tôi: Này anh ơi, có phải các liệt sĩ ở Đông Khê đã được quy tập cả về nghĩa trang liệt sĩ rồi phải không? Thực tình tôi không biết cụ thể nhưng nghĩ về chính sách thì phải như vậy, liền đáp: Vâng, tôi không rõ lắm, nhưng chắc là có việc quy tập đó. Chị liền hỏi tiếp Anh à, tôi muốn lên thăm anh Du chồng tôi, mà không biết đi thế nào, tìm như thế nào, anh giúp tôi với!. Tôi xác định mãnh liệt thầm nghĩ: từ chiến dịch Biên Giới đến lúc đó chị đã biết có 5 -6 người bạn cũ từng chiến đấu với chồng mình, là nhớ ngay đến nghĩa địa thấp hương cho chồng. Nhìn chị, tôi mới hiểu sâu sắc tình nghĩa của người phụ nữ ta đối với chồng đã hy sinh qua đời.

Và năm 1974, tôi được đi nghỉ mát ở Liên Xô. Hôm tôi đang ở phòng tùy viên quân sự thì một cán bộ phòng báo với tôi là chiều tối có khách tới thăm. Tôi hỏi Khách là ai thế Anh ta nói: Tôi không được nói! - mà tối nay họ đến anh khắc biết. Anh thông cảm cho. Tôi lục lại trí nhớ biết không quen ai ở đây cả. Chiều tối, tôi ngồi trông chừng thì nghe tiếng gõ cửa, một chị bước vào và... đứng sững ngay giữa lối đi không chào, không hỏi mà chỉ nhìn tôi. Tôi cũng bị sững ra chưa biết xử lý ra sao. Nhìn chị tôi thấy có nét dáng quen quen nhưng không nhớ ra ai. Đến hàng phút chị mới lên tiếng: Thế anh đã nhận ra ai chưa?. Chính lời chị hỏi làm tôi nhớ lại: Có phải là chị Thủy không?. Đó là tên chị vợ của

anh tiểu đoàn phó hy sinh ở núi Đanh năm nào. Chị cười bảo: Ờ thế thì đúng là anh nhớ khá đầy, anh hỏi câu nữa đi!. Tôi lúng túng với ý của chị, mãi về sau này tôi mới hiểu ý của chị muốn tôi hỏi là: Có phải vợ của Hồ Kỳ Lân đấy không? Tôi vừa tiếc vừa áy náy là đã muốn kịp hiểu tâm trạng chị lúc đó được gặp lại tôi, người đồng chí của chồng là muốn nhắc lại toàn bộ kỷ niệm về Hồ Kỳ Lân. Trong câu chuyện, chị đã nhắc lại tâm trạng của chị lúc Hồ Kỳ Lân mất. Ngày đó, hai người mới làm lễ cưới được mấy tuần thì anh ấy đi chiến dịch: Tôi buồn vô hạn, phải nói lúc đó nghe tin anh Lân hy sinh tôi cảm thấy lẫn lộn sự cao cả của chồng và nỗi đau đớn mất mát của mình không gì bù đắp được. Đau đớn quá, tôi mất hết hy vọng, tâm hồn tê dại, tôi để mình trôi đi theo công việc và cuộc đời. Tập thể đã âm thầm nhen nhóm lại cho tôi lửa sống. Tôi hòa mình vào một gia đình rộng lớn hơn với tình yêu thương vô tư và chân thành. Tôi được cử sang học ở Trung Quốc. Anh chị em ở sứ quán cử gán ghép tôi với một ông lớn tuổi hơn. Tôi thấy anh ấy cũng tốt thôi song tôi hoàn toàn không còn sự rung động của tình yêu. Bây giờ chúng tôi đã có mấy cháu. Anh ấy thật sự rất tốt bụng nên cuộc sống gia đình của tôi yên ấm thôi. Tôi không ân hận gì cả nhưng tôi không thể nào quên anh Hồ Kỳ Lân. Rồi chị nói tiếp: Tôi là người đàn bà lấy chồng được mấy tuần thì chồng hy sinh ngoài mặt trận. Đến bây giờ con lớn khôn, đòi đi bộ đội, tôi cũng vẫn sẵn sàng tiễn con ra mặt trận. Như thế tôi đã sống xứng đáng với anh Lân và xứng đáng là người phụ nữ. Gặp anh, tôi cũng chỉ muốn nói chuyện như thế để anh yên tâm rằng tôi không làm điều gì phải ân hận đối với hương hồn người đã chết. Nói xong chị ấy ra về.

Câu chuyện đọng lại nơi tôi, tâm hồn người phụ nữ cao quý. Càng hiểu sâu nội tâm của họ, ta càng thấy cái tàn bạo của chiến tranh và cũng thấy sức sống phi thường của con người biết hy sinh vì nghĩa vụ

Chương 16

Ngày 5-8 năm 1964, Mỹ mở đầu ném bom miền Bắc. Một tháng sau, ở một hội nghị Trung ương, đến giờ nghỉ giải lao, anh Nguyễn Chí Thanh kéo tôi ra sân, vỗ vai và bảo: Chuẩn bị đi B.

Lúc ấy cuộc đồng khởi của nhân dân miền Nam diễn ra được ba bốn năm. Tâm lý của mỗi người cán bộ, chiến sĩ, đảng viên ở miền Bắc đều háo hức khao khát muốn được tham gia cuộc chiến đấu ở miền Nam. Trước đó, khoảng 1961-1962 đã có những cuộc đi B bí mật. Từ việc chuẩn bị đến lúc lên đường đều hoàn toàn bí mật, phong thanh nghe đã có những chuyến đi vào Nam, nhưng chưa ai hình dung là việc đó diễn ra như thế nào. Phần tôi có biết một số anh em bạn thân tập đeo ba lô đầy gạch đi bộ hoặc đi lên miền núi. Có chuyến ô tô chở họ đến Xuân Mai để tập leo núi. Tôi cứ nghĩ rằng nếu đến lượt mình thì cũng phải qua thời gian luyện tập như thế. Chuyến đi B đến trong tình thế hết sức tự nhiên không có gì để phải suy tính, như lệnh anh Thanh đưa ra: Chuẩn bị đi B là đầy đủ, khỏi phải nói mục đích, ý nghĩa, yêu cầu... tôi đã trả lời Vâng và chuẩn bị sẵn sàng. Sau đó anh Thanh thông báo thêm với tôi: Chuyến đi này có tớ (tức anh Thanh) có cậu, Tấn và Cầm. Tớ đã chọn mấy tay này cùng đi với tớ. Tôi không nhớ anh có nói hay không nhưng đây là nhóm cán bộ quan trọng

vào Nam để giúp chiến trường miền Nam việc tổ chức những đơn vị chiến đấu tập trung. Tôi nhớ anh Lê Duẩn đã phát biểu trong hội nghị Trung ương: Đã đến lúc lực lượng vũ trang ở miền Nam phải tổ chức lại đội ngũ: Nếu ba vạn người mà lẻ tẻ chiến đấu ở mọi nơi, thành từng nhóm, từng tổ, từng người thì chỉ là những hoạt động du kích. Nếu ba vạn người tổ chức thành những binh đoàn, thành những đơn vị thì sức mạnh sẽ khác. Hồi đó, nhu cầu của chiến trường miền Nam là phải tổ chức quân chủ lực, vì vậy anh Thanh được Bộ chính trị phân công vào chiến trường. Anh đã chọn một số cán bộ có nhiều kinh nghiệm tổ chức và chỉ huy chủ lực đi cùng với anh. Việc anh chọn tôi, anh Tấn, anh Hoàng Cầm có lẽ cũng là tự nhiên. Cả ba chúng tôi đều là cán bộ sư đoàn 312. Chúng tôi thấy vinh dự, niềm tự hào và thấy sự trưởng thành của Sư đoàn 312 đã tạo cho mình cái vốn kinh nghiệm có thể giúp ích cho chiến trường. Bước vào giai đoạn chuẩn bị, anh Thanh bảo tôi trao đổi thêm với anh Tấn về kế hoạch chung. Đang là chính ủy quân khu ở miền Bắc, tôi có một thư ký giúp việc. Tôi có hỏi anh Thanh rằng đi vào chiến trường có được phép mang thư ký đi không?. Anh ấy hồ hởi bảo ngay: Thôi, đừng mang đi, tớ cũng không mang. Vào chiến trường tìm anh em trong đó thiếu gì người tốt và nhanh nhẹn làm được việc. Tôi gặp đồng chí thư ký giải thích để anh rõ. Tôi tìm gặp anh Tấn hỏi: Bây giờ anh Thanh bảo tôi và anh bàn chuyện chuẩn bị thì phải làm những gì?. Anh Tấn cũng đã nhận được chỉ thị này nói: Tôi có mua cho ông một cây bút máy và một cái đồng hồ để đem theo mà làm việc. Anh Thanh có dặn riêng tôi: Cậu phải kiếm một máy ảnh thật tốt. Tôi liền vào Tổng cục chính trị xin. Bấy giờ ai đi B đều được ưu tiên hàng đầu nên các anh ở cục cán bộ lập tức cho lục kho, lấy giao cho tôi chiếc máy ảnh Pratika, thời đó loại máy này oai lắm. Còn phương thức đi như thế nào thì tôi cũng không biết gì hơn là sẽ đi bằng phương thức đặc biệt và bằng con đường đặc biệt. Anh Thanh còn bảo bốn người sẽ đi làm hai đợt. Đi bằng phương thức đặc biệt có lẽ là đi bằng con đường hợp pháp, phải đi qua một số đô thị, qua Phnôm Pênh hay Sài Gòn gì đó? Tôi nghĩ mà lo. Từ 15 - 16 tuổi đã thoát ly đi làm cách mạng, có tiếp xúc với xã hội nhưng vẫn thấy bản thân còn nhiều sự vướng về kém cỏi. Tôi hy vọng là được đi với anh Tấn như mấy lâu nay sống, làm việc cùng anh. Anh ấy lớn hơn tôi hàng chục tuổi, cũng vào đời lâu và có kinh nghiệm nhiều hơn tôi. Đùng một cái vào khoảng tháng mười thì có thông báo anh Thanh và anh Tấn đi trước. Thế là tôi mất chỗ để dựa rồi. Còn lại tôi và anh Hoàng Cầm. Đi cùng anh Cầm mà lại đi bằng con đường hợp pháp, phải qua đô thị và với những phương tiện giao thông hiện đại thì cái nông dân của ông ấy cất vào đâu nổi. Tôi hóa thành người đứng mũi chịu sào, đâm lo ngại nhiều. Lúc này tôi đã giao lại việc quân khu cho người khác rồi. Cho nên ngày qua ngày chỉ một việc ngồi ngóng tin lên đường, lâu lâu nóng ruột lại chạy lên Bộ tổng hỏi dò, rồi trở về nhà nằm đọc tiểu thuyết, có lúc nghe phổ biến tình hình miền Nam rồi tiếp tục chờ... Còn được bồi dưỡng chế độ rất đặc biệt với cả sâm nhung, người thành béo khỏe nặng nề ra, cân tới 65 kg. Nhưng vẫn chưa thấy gì cả. Ông Hoàng Cầm hỏi tôi, tôi lên hỏi Bộ tổng tham mưu, lại được trả lời là cứ sẵn sàng, có lệnh là đi ngay. Rồi đến Tết, vui vẻ với gia đình nhưng lòng thì bồn chồn lắm, chẳng rõ chuyện đi đứng ra làm sao cả. Cái Tết vừa qua thì một tôi nhận được điện của Bộ tổng tham mưu: Sáng mai lên tập trung ở Bộ đúng 7 giờ sáng để đi. Chưa biết đi

bằng cách nào nhưng vẫn chuẩn bị tư trang đi đường. Tôi bỏ hết đồ quần phục lại, bận thường phục, tay xách chiếc va ly nhỏ. Rồi lại phải giúp ông Hoàng Cầm chải chuốt cái đầu cộp của ông ấy cho dễ coi. Có lẽ là lần đầu tiên ông diện quần áo thành thị! Lên tới Bộ hỏi đi như thế nào thì họ bảo là ra sân bay. Tới đây thì tôi yên trí là đi máy bay rồi, có lẽ sẽ bay thẳng Phnôm Pênh.! Nhưng lại thấy là một chuyên cơ - loại máy bay thường nhưng chỉ có hai chúng tôi đi. Các phi công bảo: Chúng tôi có nhiệm vụ đưa các đồng chí đến Quảng Châu. Sang Trung Quốc sao? Tôi lại hoang mang không hiểu đường đi thế nào mà phải vòng sang Trung Quốc? Đến Quảng Châu, các đồng chí Trung Quốc đón tiếp niềm nở, đưa vào nhà khách ăn uống, nghỉ ngơi. Bấy giờ tôi mới biết tương đối rõ là đi bằng đường biển. Tôi và ông Hoàng Cầm sẽ xuống một tàu biển đi tới cảng Xi-hanúc-vin ở Tây Nam Campuchia. Trên tàu chúng tôi đóng giả làm thủy thủ. Đây là tàu vận tải chở hàng cho Campuchia. Lại chờ đợi khoảng một tuần lễ. Ngày ngày đi thăm thú cảnh vật địa phương. Thăm Hoàng Hoa Cương, thăm mộ Phạm Hồng Thái, mộ 72 liệt sĩ, trèo núi, ngắm cảnh. Có lần tỉnh ủy Quảng Đông, Quảng Tây mời bữa cơm với thịt chó. Món thịt chó ở đây chẳng giống tí nào với lối nấu ở Hà Nội. Vừa lạ và không ngon. Sau này tôi mới hay là món thịt chó Quảng Đông làm giống cách nấu ở miền Nam ta, không có riềng, không có mẻ, không lá húng. Suốt mấy ngày họ đều thay đổi món ăn. Mỗi lần có món mới lại giới thiệu, lại giải thích. Có người cho chúng tôi biết là ở Quảng Châu, Quảng Đông này có nhiều món ăn khác nhau để mời khách. Mỗi ngày ăn ba bữa với các món khác nhau cũng đủ để mời khách ba năm không lặp lại món nào!. Cũng ghê thật nghệ thuật ăn uống của người Trung Quốc! Hôm xuống tàu các đồng chí Trung Quốc cũng tiễn đưa cẩn mật và nồng nhiệt lắm. Họ dẫn chúng tôi vào phòng của thủy thủ. Mỗi phòng chừng 4-5 mét vuông có kê hai giường một, cửa đóng im ỉm suốt ngày. Tàu nhỏ neo đi, vài ngày sau họ mới dẫn chúng tôi đi xem phần đầu và cuối con tàu. Trên boong thấy mấy khẩu đại liên, chắc là loại 12 ly 7 nhưng phủ bạt kín. Họ nói là tàu buôn không có quyền mang vũ khí. Nhưng lần này có nhiệm vụ chở chúng tôi nên trang bị thêm song bắt đặc dĩ mới dùng tới còn thì phủ kín. Tàu trọng tải ba ngàn tấn, chở hàng gì họ không nói. Năm ngày đường, lênh đênh giữa trời biển. Hai anh em ngồi đánh tú lơ khơ và nói chuyện vui với nhau. Ngày thứ năm thì tàu cập bến. Chúng tôi lại bận quần áo thường phục. Ông thuyền trưởng tới mời chúng tôi lên khoang chỉ huy ngồi nhưng cửa khoang vẫn đóng chặt. Ông nói Các đồng chí cứ ngồi đây đừng ló ra ngoài, không để lộ gì cả. Rồi thấy mấy chiếc ô tô vào bến. Có người bảo là xe của cán bộ đại sứ quán Trung Quốc ra đón tàu. Một lúc sau, có người bảo: Mời các đồng chí ra. Chúng tôi đi theo cán bộ sứ quán Trung Quốc lên tuốt ô tô. Xe lao đi. Đến lúc đó tôi mới hiểu rằng phương thức là cán bộ đại sứ Trung Quốc ra đón tàu hàng, khi lên tàu họ đánh tráo chúng tôi vào số người của họ lưu lại trên tàu, để đưa chúng tôi đi ô tô ngoại giao, thì không sợ bị kiểm soát, lên xe ngồi là về Phnôm Pênh.

Tôi xin dừng lại nói về phương thức đi B thời đó. Có phương thức là lợi bộ dọc trường sơn. Năm 1964 lối này còn hoang vắng lắm. Cũng từng lúc có đoàn tới trăm người đi qua nhưng chưa đông đúc, chưa có đường ô tô như sau này. Có chuyến ô tô chỉ tới gần giới tuyến tạm thời rồi anh em

xuống lẩn vào rừng và đi bộ suốt dọc dãy Trường sơn. Về sau tôi biết rằng con đường ấy đi qua đường số 9 rồi số 8 gần Lao Bảo, tạt sang Lào đi dọc đường Lào tới ngã ba biên giới thì sang đất Campuchia rồi đi xuống. Còn một phương thức khác ít dùng tới hơn, về sau này thỉnh thoảng chúng tôi có đi: Lên máy bay Phnôm Pênh bay sang Hồng Kông hoặc Thượng Hải: máy bay ta sang đón về. Còn chuyển đi của chúng tôi cũng là một phương thức.

Một phương thức khác thời ấy đã gọi là đường mòn Hồ Chí Minh trên biển. Tàu không số hoặc là cải trang thành tàu đánh cá Thái Lan, hay là thành tàu đánh cá của ngư dân miền Nam. Phần được quan tâm nhất là máy, tàu phải đủ sức vượt, còn vỏ tàu thì cải trang thành nhiều dạng. Đường ngoài vào thì hết sức bí mật và phải trù liệu cách xử trí để bảo toàn trong các tình huống trên đường. Tàu vào tới phía trong, dọc bờ biển có nhiều bến: Bà Rịa, Bến Tre, Trà Vinh, Cà Mau đều có bến tiếp nhận. Mỗi chuyến tàu chở dăm bảy tấn vũ khí, cùng đi kèm là năm bảy cán bộ quân đội cấp đại tá thượng tá. Anh Văn Phác đã từng đi theo phương thức này. Phương thức này có mạo hiểm hơn và cũng nguy hiểm hơn, phải chuẩn bị cả phương án chiến đấu khi gặp địch. Phần đường phía trong đi sát bờ biển, rất dễ gặp phải tàu tuần tiểu của địch. Tàu ta vào phải mang theo sẵn cả khối thuốc nổ lớn để khi cần thiết thì phải phá chìm tàu. Các đồng chí trên chuyến tàu ắt chịu hy sinh. Cũng có phương thức nhảy xuống bơi sang tàu dân chài, nhưng vẫn phải dự phòng phương án cao nhất là hy sinh cùng với tàu, đánh chìm tàu để phi tang. Cũng đã có những chuyến phải phi tang như thế nhưng đa số đã thực hiện trọn vẹn nhiệm vụ. Cũng có những chuyến bị lạc, bị giạt xa bến nhận hàng, phải đánh chìm tàu. Cán bộ và thủy thủ len lỏi sống trong dân, được dân giúp đỡ tìm về căn cứ hoặc trở ra miền Bắc lại. Phải nói đến những con đường cứu nước này đã có bao nhiêu chuyện ly kỳ và bao nhiêu con người phi thường.

Còn chuyến chúng tôi đi là đi hợp pháp, tàu quốc tế và hải trình quốc tế. Chỉ đề phòng khi nó nghi ngờ dùng vũ lực kiểm tra thôi... Thế mà cũng có chuyện để nhớ. Lên xe của sứ quán đi, mấy ông người sứ quán nói chuyện với nhau. Tôi nghe được, nói được tiếng Trung Quốc. Tôi thấy các vị nói với nhau, hỏi nhau khi thấy có đoàn xe hơi phía trước là đã phải chưa? Đúng chưa! Tôi chợt hiểu rằng các ông ấy cũng phải đón chiếc xe nào đó. Họ chẳng trao đổi gì với chúng tôi cả. Có hỏi thì họ bảo là cứ yên trí ngồi trên xe và họ có nhiệm vụ đưa đi. Cho đến lúc có ô tô phía trước. Không hiểu họ có ám hiệu với nhau như thế nào mà mấy ông Trung Quốc nói với nhau là đến rồi đấy. Họ dặn chúng tôi: Hễ mà xe đằng trước tới thì xe này chỉ dừng lại một giây. Các đồng chí nhảy sang xe kia cho thật nhanh. Quả nhiên xe kia tới thì áp vào và nhoáng cái chúng tôi đã nhảy ra. Bên kia có người xuống xe đẩy chúng tôi vào xe họ. Thế là hai xe lại chạy ngược chiều nhau. Được một đoạn khá dài xe tôi ngồi mới quay đầu lại trở về Phnôm Pênh. Nó vun vút vượt xe của sứ quán Trung Quốc. Người trên xe đón chúng tôi cũng biết mình đi đón Trần Độ và ông Hoàng Cầm. Ông mừng rỡ nắm lấy cánh tay tôi và bảo: Anh cứ bình tĩnh, cứ bình tĩnh. Không có việc gì đâu. Tôi thì thấy cung cách bí mật như thế nào chẳng nữa thì cũng phải chuẩn bị đối phó với tình huống có thể xảy ra. Càng buồn cười khi nghĩ rằng trong tay các vị mình cứ như bao gạo vớt từ xe này sang xe kia mà chẳng ai nói với một

lời. Vì sao? Xe chạy một lúc xem ra đã yên bề, tôi lại càng sốt ruột nhưng phải bấm bụng mà chịu cung cách của các ông. Lát sau, ông ấy hỏi tôi giấy tờ đâu? Tôi ngớ ra bảo giấy tờ gì? Tôi chẳng có giấy tờ gì cả! Nghe thế các ông mới trao đổi với nhau: Thôi chết rồi! phải chờ xe sau tới vậy!. Xe chạy chậm lại. Xe sứ quán Trung Quốc tới. Hai bên trao giấy tờ cho nhau. Thì ra đây là giấy chứng minh, chứng nhận của chúng tôi là Việt Kiều. Mỗi người chúng tôi có một tờ để lúc cần thì dùng chúng, không còn là dân nhập lậu nữa. Lúc ấy chúng tôi mới hiểu trước đây phải đi chụp hình đưa đi là để làm giấy này..

Việc lo giấy này cũng đến là buồn cười. Tôi hỏi: Làm giấy giả sao? Trả lời: Không, làm giấy thật. Thì ra ông ấy đút lót các công an chính quyền Xi-hanúc? Họ đưa cho mình giấy không chỉ, các ông ấy gián ảnh vào rồi đem lại cho họ đóng dấu. Cứ tiền là xong hết. Có giấy là yên ổn rồi. Tuy nhiên tôi vẫn cứ nêu lên: Các anh cho biết một vài cách đối phó với tình huống xấu nếu xảy ra. Ông ấy lại an ủi, bảo: Yên trí! Yên trí! Không việc gì phải lo cả, chúng tôi sẽ làm hết, các anh không phải đối phó gì hết. Không phải lo gì cả!. Đến thế thì đành chịu vậy! Tới Phnôm Pênh, trời đã khuya lắm rồi. Ông ấy đưa vào một căn nhà và nói ngon lành: Thôi, về tới đây là nhà mình rồi. An toàn thu đáo rồi. Không sợ gì xảy ra nữa. Các anh cứ yên trí ngủ nghe đến sáng mai. Sau các anh sẽ được trang bị quần áo bà ba, radio rồi mới đi về căn cứ được!.

Sáng hôm sau ngủ dậy, tôi lững thững bước ra sân. Thấy mấy đứa trẻ đang nô đùa, tôi gọi chúng lại hỏi chuyện. Giữa lúc tôi đang hỏi các cháu đứa bao nhiêu tuổi, học lớp mấy, bố mẹ làm gì thì một chị chạy ra xua tay rối rít và bảo:.. Chú! Chú! Vào, vào đi. Đừng nói giọng trọ trẹ. Lộ hết cả. Mật thám trên tầng ba kia kia!. Tôi vội vàng trở vào nhà và hết sức bức mình. Chị ta xua thì đành phải chịu thôi. Giọng mình là giọng Hà Nội sao lại bảo là trọ trẹ! Hôm qua thì bảo đây là nhà anh em mình, sao nay lại nói là có mật thám.

Chiều, khi các anh kia trở về tôi bèn đưa vấn đề ra đặt một cách nghiêm túc: Các anh ạ! Bây giờ chúng tôi phải lưu lại đây không hiểu là bao lâu, nghĩa là phải sinh hoạt, ăn ở đây. Hàng ngày rồi phải gặp gỡ người nọ người kia, vậy chúng tôi phải đối đáp thế nào? Các anh cũng phải nói để có người đến chúng tôi biết đường nói chuyện chứ!. Thế mà các anh ấy vẫn giữ một điệu: Xin các anh cứ yên trí. Chúng tôi bảo đảm hết không có việc gì phải lo cả. Khi nào chuẩn bị đi thì chúng tôi sẽ phổ biến để cho rõ đường đi như thế nào. Còn bây giờ chưa cần thiết!. Thế là chúng tôi cứ hỏi hộc lênh đênh như vậy. Vài ba hôm sau, mỗi người trong hai chúng tôi đã nhận hai bộ bà ba đen và một cái radio. Đồ bà ba đen đang lên ngôi như là trang phục chính quy của quân giải phóng miền Nam, còn chiếc radio thuộc loại ở Hà Nội khó mà tìm ra. Hôm lên đường, các anh ấy phổ biến cho biết sẽ từ Phnom Pênh qua phà Niết Lương, sang đường số 7 đi về tỉnh Prây ven rồi đến thị trấn nhỏ. Đó là điểm sát căn cứ mình, sẽ có người từ căn cứ ra đón. Khi đã biết rõ cả hai chúng tôi yên tâm lên đường.

Về sau mới hay ở Phnom Pênh ta có rất nhiều cơ sở, thường là các công chức cao cấp người Việt làm ở bộ máy chính quyền Phnom Pênh.. Các nhà đều có ô tô riêng, họ đưa ô tô đi đưa đón cán bộ,

dưới cái vỏ dừa gia đình đi chơi. Hôm đưa chúng tôi đi có cả chị vợ đi cùng. Giờ hẹn gặp là 7 giờ tối, nhưng ô tô tới lúc 4 giờ chiều. Thế là xe chúng tôi vượt xa hơn chục cây số, lên tận thị trấn Xnum giữa rừng cao su. Ngồi uống nước, các anh ấy dặn trước: Khi có người ra đón, chúng tôi chỉ dừng lại giây lát, xe không tắt máy và không tắt đèn, các anh chú ý nhảy nhanh ra khỏi xe. Vì vậy, khi có tín hiệu xe dừng lại thì chúng tôi nhảy xuống ngay. Xe lăn bánh tiếp không kịp chào hỏi gì cả. Tôi thấy lao xao, ba bốn bóng đèn súng ống linh tinh. Một người nắm lấy tay tôi kéo đi xềnh xệch. Một ông khác kéo ông Hoàng Cầm. Được và ba trăm thước thì họ tuyên bố: Thôi thế là xong rồi - sang đất ta rồi! Sau này tôi mới hiểu là con đường vừa đi chạy dọc sát biên giới nước mình, vì thế xuống xe chỉ cần vượt qua 200 mét là sang tới đất nhà. Mỗi chúng tôi đã được chuẩn bị sẵn một xe đạp. Người đi đón là Thượng tá phụ trách giao liên do Trung ương Cục cử tới. Ông vốn là tham mưu trưởng một sư đoàn ở quân khu Hữu Ngạn. Ông còn nhắc kỷ niệm đã có lần nghe tôi nói chuyện, có những chuyện vui mà ông ta còn nhớ nhắc lại, còn tôi thì làm sao mà nhớ hết. Gặp được người quen nhắc lại chuyện cũ thành ra thân thiết làm ấm lòng nơi rừng lạ. Đêm yên tĩnh. Máy bay nghe phía xa, chưa có gì là quyết liệt cả. Chúng tôi lên xe đạp đi ba, bốn cây số thì đến Trung ương Cục. Các anh Nguyễn Văn Linh và Nguyễn Chí Thanh vẫn còn chờ chúng tôi. Gặp nhau mừng quá. Đang có cuộc họp của Trung ương Cục. Anh Thanh trình trọng giới thiệu chúng tôi với các ông ở Trung ương Cục. Anh nói: Tôi chọn cán bộ chi viện miền Nam và chọn mấy tay này. Đều là những tay sừng sỏ của miền Bắc cả. Lê Trọng Tấn là tay sư đoàn trưởng đã chỉ huy nhiều chiến dịch, Trần Độ là tay có nhiều kinh nghiệm về công tác chính trị, số một số hai đấy. Hoàng Cầm là tay chiến đấu giỏi rất nhiều kinh nghiệm về tác chiến. Anh Linh liền hỏi tôi bao nhiêu tuổi? Tôi lúc ấy mới bốn mươi ba. Nghe tôi nói tuổi, anh vỗ đùi đánh đét: Sướng quá nhỉ! Trẻ quá nhỉ? Tôi lại thấy mình già rồi. Bao nhiêu năm chiến đấu, rồi làm chính ủy sư đoàn, chính ủy quân khu, thấy mình thuộc loại nhiều tuổi. Nhiều cán bộ cấp dưới trẻ hơn nhiều. Ở đây các anh ấy lớn tuổi hơn, mình thành là lớp trẻ. Sau đó mọi người thu xếp đi nghỉ. Tôi được ngủ cùng một lán với anh Thanh. Trước khi ngủ, anh Thanh vui vẻ nói nhiều chuyện và bảo rằng ở đây yên tĩnh, an toàn hơn ở Hà Nội. Cả ngày chẳng có một tiếng vọng máy bay. Thật vậy, vùng căn cứ lúc đó còn yên tĩnh. Nhưng chỉ sau một tháng thì tình hình đã khác hẳn. Máy bay địch quần rà cả ngày, cơ quan phải sơ tán vào rừng sâu. Chúng dội bom xuống bất cứ nơi nào có dấu hiệu khả nghi. Thời đó chưa có B52 nhưng có trận chúng đã huy động tới 400 chiếc một ngày, quần từ sáng đến tối. Bắt đầu từ hôm đó căn cứ có xáo động chút ít.

Anh Thanh đi dự Đại hội phụ nữ miền Nam về tỏ rõ lòng khâm phục phụ nữ trong này. Anh kể với tôi chuyện bà Định và cô du kích về sau được tuyên dương anh hùng 1à Tô Thị Huỳnh mà anh đã gặp trong Đại hội. Tôi cứ buồn cười khi nghe anh nói: Tô Thị Huỳnh mới 19 tuổi mà đánh 101 trận. Như thế mà thấy không Độ? Napoléon đánh có 11 trận! Nhìn Huỳnh hiền khô, ngoan lắm hiền lắm. Vậy mà đánh giặc dữ thế. Còn chị Ba Định chỉ huy đồng khởi Bến Tre, tiếng tăm cũng ra tới miền Bắc nhiều người đã biết. Anh Thanh cũng gặp chị ấy ở Đại hội. Rồi anh bảo tôi: Cậu chuẩn bị ít lâu rồi đi họp Đại hội thanh niên. Đến đấy thế nào cũng gặp những nhân vật thú vị như vậy.

Phụ nữ miền Nam tuyệt vời và trong Đại hội được tặng danh hiệu Anh hùng bất khuất trung hậu đảm đang. Danh hiệu này nghe bảo do anh Thanh khởi xướng. Mới vào, được tiếp xúc với anh mấy ngày thôi mà đã nghe kể bao nhiêu chuyện! Đến cuộc họp mặt với các anh ở Trung ương Cục, cũng đề bàn về tình hình. Tôi có biết là trong này người ta gọi thứ chứ không gọi tên. Nhưng tôi nghĩ rằng thứ thì chỉ từ hai đến mười mà chắc chắn là thứ thì có nhiều thứ trùng nhau lắm. Phải chọn một thứ nào để phân biệt, tôi mới xin gọi tôi là thứ mười một hay mười hai gì đó. Mọi người đều cười phá lên vì làm gì có cái thứ tôi đề nghị. Chỉ đến thứ mười là gọi út rồi. Lúc đó anh Nguyễn Văn Linh là Mười út, là thứ mười lại còn tên út thì gọi là Mười út, chứ không có thứ mười một. Tôi suy tính mãi chưa biết nên thế nào. Ở chiến dịch Điện Biên Phủ tôi lấy tên bí là Trần thì nay cứ mang tên ấy vậy. Chính ủy Trần mà Trần Dần viết trong Người người lớp lớp chính là nói về tôi. Tôi định mang tên này vậy nhưng lại có ông Tám Trần tức là ông Văn Phác, Trần Văn Phác. Lấy thứ tám rồi chẳng lẽ tôi lại trùng tên với ông ấy! Xem ra thứ hai, thứ ba thì trùng rất nhiều, thứ tư thì đã có Trần Văn Trà là Tư Chi, lần đến thứ bảy có vẻ tạm ổn thì ông Tư Chi lại gọi trêu là Bảy Chà và làm tôi e ngại không muốn mang tên đó. Xem ra thứ chín thì cũng có trùng nhưng ít hơn. Các anh đồng ý xếp là chín, còn tên sẽ đặt sau. Lúc ấy các ông đều lấy tên con. Ví dụ ông Cầm lấy tên con trai là Thạch. Tôi cũng tính lấy tên con. Thằng lớn tên là Thắng nhưng đã có nhiều gọi như vậy. Tên đứa thứ hai là Quang thì cũng trùng nhiều. Hay nó là Vinh Quang thì tôi lấy tên Vinh, gọi là Chín Vinh vậy. Hôm đi về Bộ chỉ huy, tôi đi bằng xe đạp cùng với ông Trà. Nhìn tôi đi, ông ta khen: Cậu đi xe đạp cũng khá nhì!. Tám Trần liền nói: Mấy chục năm đạp xe làm gì mà chẳng khá!. Phần tôi thì đi ở rừng miền Nam nhưng mang ấn tượng ngày đi rừng miền Bắc, cứ thấp thỏm với chuyện lên dốc xuống dốc mà chẳng thấy đâu cả. Phải thừa nhận đi xe đạp trong rừng miền Nam cũng có cái thú riêng của nó. Đường bằng, cây đủ kín che máy bay, không khí mát mẻ, cảnh vật xanh tươi. Đây là đoạn cuối hành trình từ Hà Nội cho đến bộ chỉ huy Miền mà tôi đã trải qua.

Chương 17

Đầu năm 1965, tôi và anh Tấn đi chỉ huy chiến dịch Đồng Xoài, lại đem thực hiện cái mẹo đánh điểm diệt viện đã có kinh nghiệm trong kháng chiến chống Pháp. Chúng tôi chủ trương đánh cứ điểm Đồng Xoài với dự đoán địch sẽ phải đưa quân tới tiếp viện hoặc là đổ bộ bằng trực thăng. Vậy phải bố trí lực lượng ở những nơi cơ động thì mới tiêu diệt được số tiếp viện. Kế hoạch này đã thực hiện được. Nhưng Đồng Xoài đánh không dứt điểm. Bên ta đã chiếm được đến 2/3 căn cứ song bị thương vong nhiều. Tôi với anh Tấn phải xử lý tình huống này, lại như hồi đánh Pháp ở Nghĩa Lộ, quyết định dừng lại, rút về. Việc trao đổi ý kiến về vấn đề này vẫn không dễ dàng, phải hết sức trung thực trình bày suy tính mọi bề để bàn bạc thật thông suốt mới đi đến quyết định.

Trận đánh ở vùng đồn điền Thuận lợi, phía bắc Đồng Xoài tiêu diệt được một tiểu đoàn. Sau đó chúng tôi kéo quân lên phía Bắc, vùng Bù Đốp vào đầu đợt hai chiến dịch. Đúng là chúng tôi đã phát

huy được những kinh nghiệm chiến đấu. Hành quân dọc đường đều gặp những làng của công nhân đồn điền cao su. Kế hoạch là đi giữ bí mật vậy mà dân vẫn biết. Tuy vậy họ cũng biết giữ bí mật cho quân đội, không làm gì lộn xộn ồn ào cả. Đi qua các làng đó thật xúc động vì như đi qua các vùng ngoài Bắc. Tiếng nói từ các nhà vọng ra là giọng Bắc, cách mắng mỏ con cái, tiếng rít thuốc Lào y hệt ở làng xóm ngoài Bắc. Tôi nghĩ đến cảnh dân nghèo miền Bắc đi phụ đồn điền cao su trước đây cho Pháp, đã đói khát còn lại bị bóc lột tận xương tủy: miên man nghĩ về đất nước Nam Bắc một giải, nghĩ đến lòng dân đang mong mỗi độc lập tự do mà khó nén nổi xúc động. Chuyến đó dẫn đường cho chúng tôi là ông Tư Nguyễn, bí thư Phước Long. Sau này ông là Tổng cục trưởng tổng cục cao su, một con người vui tính. Để nghỉ chân ông đã dẫn chúng tôi vào cơ quan huyện trên đường đi. Tiếp tục cuộc hành quân thì cậu dẫn đường đã bị lạc. Đưa hai người là chỉ huy và chính ủy mặt trận mà lạc đường, làm ông Tư Nguyễn rất lo lắng, cậu liên lạc cũng hoảng sợ. Ông Tấn tính vốn nóng cứ giậm chân giậm cẳng. Tôi khẽ nhắc ông là bình tĩnh để tính liệu. Tôi tìm chuyện vui nói cho không khí thoải mái trở lại, cả đêm hôm đó cứ đi hoài cuối cùng cũng tới nơi. Tôi biết lần ấy người khổ tâm nhất là ông Tư Nguyễn.

Tiếp theo sau là chuyển hành quân từ phía đông sang phía tây thị xã Phước Long, qua núi Bà Rá. Đợt này, ông Nguyễn Minh Châu, tư lệnh khu 6, tên gọi là năm Ngà dẫn đường. Đồng chí này thì rất cẩn thận. Có đoạn đường khi đi qua, địch đóng ở đầu núi Bà Rá có thể nhìn thấy, ông dặn dò trước rất chu đáo. Cuộc hành quân ấy đi liền trong ba mươi sáu tiếng đồng hồ, toàn phải lượn rừng. Khi đoàn đến ngã ba đường cái, cách chừng trăm mét thì mấy loại pháo nện xuống chỗ ngã ba. Là ngẫu nhiên hay vì chúng phát hiện được mà bắn thì không rõ. Ông Năm Ngà kiên quyết bắt quay trở lại. Tôi thì cho là nó bắn vu vơ, ít đợt sẽ ngừng thôi. Chả lẽ nó bắn cả đêm! Nhưng ông Năm Ngà không đồng ý đi tiếp vì nguy hiểm. Trở lại đi đường khác, lại vòng qua mấy trạm giao liên, lội lên lội xuống tới hai giờ sáng. Tính ra là đã phải đi suốt đêm hôm trước, ngày hôm sau và cả đêm hôm sau, trừ những khoảng nghỉ ngắn ngủi. Đêm hôm đó cũng tới khuya tới chỗ tập kết để đánh Bù Đốp mới dừng lại. Ai cũng mệt là nên được nghỉ chân thì sướng như tiên. Trời mưa, ai cũng ướt sũng. Tính nhóm lửa để hơ quần. Áo, song vừa loé ánh sáng thì từ Bà Rá địch nã pháo ngay xuống trúng vào chỗ trú quân. Thế là phải cuốn gói, chuyển chỗ. Rút kinh nghiệm lần lạc đường vừa qua, tôi chú ý động viên cậu liên lạc bình tĩnh, nhớ đường chính xác. Có chỗ chúng tôi phải dừng lại cho cậu ấy lên trước xác định lại đường đi cho chắc chắn rồi quay lại đón đoàn đi tiếp. Tuy có chậm nhưng chắc, nhất là anh em không phải đi lòng vòng rất mệt mỏi. Khi chúng tôi đánh xong Bù Đốp thì địch ở Bù Gia Mập cũng bỏ chạy. Các anh ở tỉnh khen bộ đội thật tài. Đến chiến dịch Nguyễn Huệ thì tôi đi với ông Trà, trước đó đã có lần tôi xuống khu Tám để kiểm điểm Xuân 68, tôi đã thu hoạch được nhiều điều bổ ích. Nói là xuống đồng bằng, thực sự mới là vùng ven thôi. Các anh đóng ở đây quen, dùng nhiều từ ngữ phát sinh từ chiến đấu, phải trực tiếp và trực diện nghe thì mới hiểu nổi. Ví dụ các anh dùng từ: hai chân, ba mũi hay ba mũi giáp công rồi thế hợp pháp. v. v... Xuống đây thấy rõ các anh điều khiển cuộc chiến tranh ở đồng bằng rất chú ý đến thế hợp pháp. Đã có lúc tôi nặng lời với đồng chí bí thư

khu ủy: Đến lúc này mà các anh còn tính tới thể hợp pháp thì làm sao mà có lực lượng để tiến công, làm sao để có tinh thần tiến công được!. Đến khi tình hình diễn biến mới thấy là các anh có kinh nghiệm sát thực tế. Dân ở đây cũng rất từng trải cuộc chiến. Cứ quân ta giải phóng xong thì địch chiếm lại. Quân ta lại đánh giải phóng, địch lại chiếm lại. Mỗi đợt như vậy địch thi hành nhiều âm mưu tàn khốc, thâm độc nên người dân rất cực khổ. Cứ mỗi lần địch quay lại được là dân phải chịu đựng gay go hơn trước. Cho nên cứ khi ta chuẩn bị đánh lớn thì dân lại hỏi: Tụi bay chuyển này có định làm thiệt không đấy?. Quân ta lại quả quyết với dân là làm thiệt. - ừ! Tụi bây muốn làm thiệt thì tụi tao sẽ làm kiểu làm thiệt. Còn tụi bây chưa làm thiệt được thì phải nói thật với bọn tao để chúng tao có cách làm phù hợp. Chứ không rồi chúng mày đánh xong lại rút đi là chết chúng tao đấy!.. Họ phản trần: Chúng mày chỉ có một thân, một mình. Mỗi thằng một khẩu súng và cái ba lô đi đâu mà chẳng được. Nhưng chúng tao thì còn trâu, còn lợn, còn vợ còn con nên không đi được. Chúng tao phải bám trụ, phải có cách đối phó với địch! Chúng mày đi là địch trở lại, lúc đó chúng tao phải đương đầu, còn chúng mày đâu còn ở đây mà đương đầu với chúng!.. Nghe những lời như vậy mà thương nhân dân, phục nhân dân. Họ có kinh nghiệm sâu sát, học bao nhiêu cũng không bằng được. Trung ương Cục có nhiều lần mở các lớp huấn luyện và tôi cũng đến giảng bài. Lúc ấy tôi đã giảng về phương pháp tư tưởng, thực ra như là một thứ dạy triết học, là triết học duy vật biện chứng và triết học duy vật lịch sử rồi chế biến gọi là phương pháp tư tưởng, tức là vận dụng triết học nhận định tình hình hàng ngày cho nó dễ hiểu. Anh Hoàng Văn Thái giảng về đường lối quân sự, khi nào anh vắng thì tôi giảng thay. Lúc rảnh rỗi ngồi chuyện trò với anh em hiểu biết thêm nhiều. Anh em bảo mỗi lần lên họp nghe phân tích thì thấy tình hình sáng sủa, phấn khởi lắm! Nhưng về tới địa bàn phải đối phó với quân địch, chúng nó nhiều vũ khí tối tân, lại tàn ác không chùn tay thì thấy tối sầm lại! Nghe phân tích thì địch mỏng như lá lúa cẩu là đứt ngay. Còn về tới nhà thì thấy nó dai nhằng như da trâu, dày từng lớp, từng lớp. Sau Xuân 68 cũng cứ nhận định là thắng lợi! Thực tế thì cuối 1968 đầu 1969 địch phản công bình định cấp tốc. Các địa phương đều lâm nguy: mất dân, mất đất du kích cũng mất chỗ đứng chân. Nhiều nơi, du kích cũng phải bổ sung bằng thanh niên miền Bắc. Không thể nào lấy được tân binh địa phương để bổ sung cho chủ lực. Nguồn nhân lực bổ sung cho du kích và bộ đội địa phương cũng không huy động nổi nữa. Tình hình thực sự là gay go. Nhưng công tác tư tưởng vẫn khẳng định Xuân 1968 là chiến thắng vĩ đại.

Lúc anh em lên họp, ngồi nói chuyện vui với nhau thì anh em bảo: Dân họ nói rằng bây giờ cán bộ cứ lấy đũa cả cạy mồm chúng tôi đồ thắng lợi vào thì chúng tôi cũng không nuốt trôi. Vì ở địa phương cứ hàng ngày chạy địch, hàng ngày phải đối phó, hàng ngày chịu hy sinh, gian khổ ghê gớm. Sự chà sát của địch là kinh khủng. Thế mà lại cứ được nghe phổ biến là thắng lợi vĩ đại!

Suốt cuộc kháng chiến chống Mỹ, tôi được sống và làm việc với các đồng chí ở Trung ương Cục miền Nam. Tuy ít hơn nhưng cũng được tiếp xúc với nhiều anh em ở các tỉnh lên học. Tôi nhận thức sâu sắc rằng trong chiến tranh yếu tố nhân dân, yếu tố con người, yếu tố chủ nghĩa anh hùng cách mạng thật là vĩ đại vô song, truyền thống đánh giặc ngoại xâm giữ lấy đất nước thật là phi thường.

Tôi được biết nhiều chuyện xúc động lắm. Chuyện những con người sống với nhau đầy tình nghĩa, trung thực, thật thà, tin cậy chăm sóc nhau, lo toan cho nhau. Sau ngày giải phóng, hòa bình rồi, tôi có gặp lại những anh em cùng sống ở rừng trước đây thì cũng nhiều tâm sự phức tạp. Hết chuyện chia chác chiến lợi phẩm, đến tị nạn công tích... Nghe đến là buồn. Lớp trẻ mới lớn nghe chuyện cũng chẳng hay gì! Mỗi lần gặp gỡ họ lại phàn nàn. Ai cũng tiếc những năm tháng ở rừng tuy gian khổ, cái chết liền kề, nhưng đối với nhau thật tình nghĩa, cuộc sống phóng khoáng nhẹ nhàng bao nhiêu! Tôi trao đổi với anh em là đáng tiếc nhưng cũng đừng xem là nghiêm trọng quá. Mỗi giai đoạn không khỏi có diễn biến về tư tưởng, tình cảm, tinh thần. Vấn đề mấu chốt là nên xem xét nó như thế nào, gạt lọc và thúc đẩy cái tích cực, hạn chế mặt tiêu cực ra sao cho phù hợp với sự vận động của sự phát triển, của chiến thắng. Tôi dẫn tình hình tại chỗ để làm ví dụ. Giai đoạn đang đánh nhau thì bộ đội đánh Mỹ phần nhiều là lớp thanh niên mới lần đầu tiên ra trận. Tuổi trẻ măng, học lực cấp ba là cỡ tú tài mà hăng hái vào chiến trường chịu đựng gian khổ và nguy hiểm. Do vậy mà các má đều thương yêu như con cái trong nhà. Nhưng các chú này cũng tinh nghịch lắm nên quan hệ với dân không phải là suông sẻ cả và nội bộ các em cũng nhiều cái nghiêm trọng, cãi nhau, đánh lộn, thậm chí bắn nhau vì ghen tuông giận dữ... Rồi B quay cũng không hiếm. Chuyện tự do lấy cái bắp quả bí của dân cũng xảy ra. So với bộ đội đánh Pháp thì không nghiêm bằng. Ngày ấy phần đông chiến sĩ đều lớn tuổi, tinh thần vì dân vì nước thật thiêng liêng. Hồi chống Pháp, tôi là chính trị viên làm công tác chính trị, đọc tài liệu về công tác chính trị của giải phóng quân Trung Quốc. Thấy có những cuộc vận động chống đào ngũ tôi cũng thấy ngạc nhiên. Tại sao quân đội cách mạng lại đào ngũ? ở Việt Nam trong chống Pháp hầu như không có đào ngũ. Dư luận xã hội cũng không chấp nhận kẻ đào ngũ. Những trường hợp vào tề thì bị xem là kẻ phản bội. Thế mà đến chống Mỹ thì tình hình đã khác. Cho nên có một số cán bộ Từng trải qua chống Pháp đã có nhận định là bộ đội chống Mỹ kém bộ đội chống Pháp, nghĩ là truyền thống quân đội bị phai nhạt, sa sút đi. Trong khi ấy thì xuất hiện bao nhiêu tấm gương chống Mỹ, đánh Mỹ rất dũng cảm, rất anh hùng. Địch tiến hành chiến tranh xâm lược ở ta tàn bạo khốc liệt như thế đến cả thế giới kinh hoàng. Thế mà bộ đội, nhân dân ở mọi nơi vẫn trụ bám vững, vẫn chiến thắng vang dội, càng đánh càng thắng lớn. Ý kiến đánh giá bộ đội thế này, thế kia làm tinh thần cán bộ có biểu hiện bức dọc không vui. Trước tình hình không lành mạnh ấy, tôi phát động trong anh em cuộc tranh luận với chủ đề là: Bộ đội chống Mỹ có thua bộ đội chống Pháp không? Thua ở chỗ nào? Không thua ở chỗ nào? Cán bộ phải đánh giá lại chiến sĩ của mình. Là người chỉ huy mà không tin chiến sĩ thì nguy lắm. Cuộc thảo luận không đi đến kết luận ồn ào gì nhưng mục tiêu thì đạt tới. Cán bộ tin vào chiến sĩ của mình hơn và quân đội cũng gắn bó với dân hơn. Một việc đơn giản mà ai cũng nhận ra là trong đội ngũ không tránh khỏi có phần tử lạc hậu, có hành vi tiêu cực, và ngay trong số này cũng không phải là hồng cả. Người lãnh đạo phải tỉnh táo và thấu suốt mới xây dựng được lực lượng của mình, trước hết là lòng tin chiến sĩ, làm chiến sĩ tin yêu mình. Cuối cuộc chiến tranh tôi mới nói đùa với anh em thế này: Nếu mà hệ thống lại từng giai đoạn thì té ra chúng mình toàn đi xuống. Bởi vì thời chống Mỹ thì không bằng thời chống Pháp. Những con

người chống Pháp kém những ai hoạt động bí mật. Những con người chống Mỹ lại kém những ai chống Pháp. Còn những ai tham gia khi đã giải phóng hoàn toàn lại kém những con người chống Mỹ. Thế hóa ra dân tộc mình đi xuống à? Con người ta đi xuống à? Đặt ngược lại vấn đề như thế, tôi thấy anh em đã nghĩ lại, theo kiểu cho những tiêu cực đó cũng có thực nhưng là một mảnh của sự thật chứ không phải toàn bộ. Tóm lại nhìn toàn bộ cuộc chiến bấy giờ, khái quát lại sự hy sinh của nhân dân ta là ghê gớm lắm, con người ta đã anh dũng phi thường.

Chương 18

Tôi sẽ không lần lượt kể các sự kiện, sinh hoạt trong gần mười năm trời ở chiến trường miền Nam từ đầu năm 1965 đến đầu năm 1974. Tôi chỉ ghi lại những kỷ niệm khó quên trong cuộc sống ở đây, chủ yếu là cuộc sống đời thường. Phần liên quan đến các sự kiện chiến đấu hay các chiến dịch thì chỉ lướt qua mà thôi. Rừng miền đông có những cái lạ mà rừng miền Bắc không thấy có. Thứ nhất là rừng rất hiền, tôi cảm thấy vậy. Ở miền Bắc việc ngủ rừng khó khăn lắm, vì rất nhiều côn trùng, ở đây cũng có côn trùng nhưng cứ chỗ nào hơi bằng phẳng trải một đám lá hay tấm ni lông là có thể yên trí nằm ngủ. Có những vùng vất cũng nhiều nhưng ở miền đông nói chung, ít phải nằm đất, vì có cái võng rất tiện lợi. Võng bằng vải ni lông gói gọn chỉ bằng hai nắm tay, dặt ở thắt lưng. Tới đâu thì mắc vào cây, ngủ thoải mái. Nằm được kỹ thuật thì mắc và tháo võng rất nhanh. Buổi đầu chưa thạo, tôi cũng lúng túng và có bị ngã võng. Nằm võng ở rừng miền Đông tôi xem là một cái thú.

Tiếp đến là cây trái. Nằm ở một cái lán, tôi thấy mái lợp lá nhưng cứ như lợp ngói rất đẹp mắt. Sau hỏi ra mới biết đó là lá trung quân. Có người còn nói cả nguồn gốc tên gọi đó. Hồi Gia Long bị quân Tây Sơn đánh đuổi chạy vào rừng đã dùng lá này lợp chòi mà lẩn trốn. Về sau làm vua đã nhớ đến công che nắng che mưa của lá cây này nên đã phong là lá trung quân. Tôi nghĩ cũng là một sự bịa đặt thôi. Nhưng điều rất thú vị là khi khô lá này khó bắt lửa. Dùng lợp nhà, với đặc điểm đó là thứ lá lợp hơn nhiều các lá khác. Nó lại có màu tươi rất bắt mắt. Nằm võng êm ái, dưới mái lá nâu tươi của căn nhà gỗ, giữa khuôn rừng xanh rờn êm ả, phảng phất gió khẽ cúng là sang.

Rừng miền Đông có rất nhiều trái dại: buri, ổi, bông bong, dâu da... rất sẵn và cứ như những thứ giải khát trời biền sẵn cho ai đi rừng. Có thứ gọi là trái guai, thân dây leo mà rất sai quả, cỡ như quả trứng gà có xơ có cơm. Trái chín vào đầu mùa mưa. Hái về gọt vỏ, lấy xơ và cơm quậy với đường thành thức nước giải khát đặc sản. Vị chua chua ngọt ngọt đem mời khách ai cũng mê. Về sau có kinh nghiệm chế biến, chúng tôi đã hái thật nhiều, giở cơm của quả ra đánh thành nước cô lại cho vào chai dùng dần.

Rừng có lắm thứ hoa, nhiều nhất là mai vàng. Quanh chỗ chúng tôi gần như một rừng mai. Trước tết một tháng, cây nào còn xanh lá, anh em trèo lên tuốt sạch cả rồi tưới nước, có thể pha cả nước giải

là cách thức làm cây nầy nọ tập trung đón tết. Hoa mai vừa đẹp vừa sang. Được đứng giữa một rừng mai bừng bừng hoa nở lòng ta cũng thanh thản trong sáng hơn.

Rừng cũng đầy phong lan. Nhưng anh em tôi rất thú chơi phong lan Đại Châu. Đó là tên gọi quen miệng nhưng ý nghĩa nguồn gốc thì mỗi người nói một cách. Những kẻ gọi phong lan Đại Châu vì hình dáng chuối hoa rừng từ ba tấc đến nửa thước dài, cánh hoa trắng đốm đỏ hồng, lung linh trong gió xem ra còn đẹp hơn, sang hơn cả chuối ngọc. Đâu có hoa thì cả cánh rừng sực nức hương thơm. Trời càng nắng, hương càng ngát. Đâu dễ tìm ra được thứ hoa đủ cả hương sắc như vậy.

Đã là rừng thì có gỗ. Gỗ rừng miền Đông có phần dễ chế tác. Cơ quan đều đã cất nhà, làm hầm có lót ván. Nhà cũng gọn gàng chỉ cần đủ chỗ làm việc và mắc võng. Về sau sách vở tài liệu tăng lên lại có thợ mộc cửa xẻ nên đã chế một thứ giá sách đa năng. Thường nhật là giá để sách, để tài liệu. Khi cần di chuyển thì ghép thành cái hòm rương. Lúc cần dùng có thể làm thành chiếc tủ gỗ. Có sẵn gỗ, sẵn thợ, các vật dụng bằng gỗ cứ sinh sôi theo thu cầu hóa công kênh dần. Rừng miền đông có bụi le rất kín đáo và măng le ăn ngon được nhiều người thích. Thịt rừng cũng nhiều thứ. Có voi, hổ, nai, trâu rừng... cũng có cả giống hoẵng ở ngoài Bắc mà ở trong này gọi là con mễn. Nó giống hệt hươu nhưng bé hơn. Thịt mễn nấu cháo ăn thì vừa ngon vừa bổ. Có con dộc, thịt không ngon lắm khi làm thịt dộc trông kinh lắm vì cạo sạch lông nhìn cứ như đứa trẻ.

Các loài chim thì nhiều lắm. Tại đây tôi mới biết và mới hiểu từ anh em thường nói là đi săn thịt nghĩa là săn thú lấy thịt. Anh em thích dùng súng thể thao vì súng AK tiếng nổ to, dễ lộ bí mật nên bị cấm. Có những tay thiện xạ với súng thể thao vẫn hạ được gấu, nai, hươu, lợn rừng.

Có lần tôi mang khẩu súng thể thao, đạn dư dật để bắn tiêu khiển hơn là đi săn. Tự biết bắn xoàng nên tìm chim để bắn. Anh em thấy thế nói: Thủ trưởng lãng phí lắm. Một phát đạn bắn chim thì có trúng nữa cũng chỉ được một lạng thịt là nhiều. Chúng tôi đặt mục tiêu một phát đạn phải có chục ký. Ít ra thì cũng là con dộc, con mễn gì đó.. Quanh chuyện đi săn cũng có nhiều điều rắc rối. Có cậu đi lạc đường phải ngủ rừng hoang, sau khi loay quanh tìm không ra đường về. Sáng dậy mở mắt ra lại thấy chị nuôi đang vo gạo ngay cạnh. Cũng có lúc bắn nhầm nhau. Và đau đớn là có người cá biệt bị trúng đạn và chết. Anh Tư Nguyễn bí thư tỉnh ủy Bình Long đã kể chuyện một cậu đi săn mà con mồi cướp mất súng Anh ta bắn con hươu. Con mồi bị thương chạy. Anh đón đường giang tay ra bắt.

Cánh tay vẫn tòng teng khẩu súng. Con mồi lao xô tới và móc luôn vào quai súng. Nó càng hoảng và mang luôn cả khẩu súng phóng vào rừng. Thế là đi săn mà không được thú lại bị tước cả súng.

Có lần chúng tôi đến một căn cứ mới. Vệ binh đến trước đã bắn được một con gấu. Hôm ấy được một bữa thịt gấu. Anh em ưu tiên dành cho thủ trưởng (là tôi) được món chân gấu. Tôi cũng có nghe đồn trong các món sơn hào hải vị có món chân gấu này, ngon và cực kỳ bổ. Ăn chân gấu đúng là ngon hơn chân giò nhiều, mùi vị lại rất thích. Nhưng vốn không sành ẩm thực nên tôi bắt lực không tở nổi. Về sau tôi có dịp ăn thịt cò ngỗng loại cò giống con chim cút. Thịt cò ngỗng cũng ngon như vậy. Cò ngỗng không bay được cao, không bay xa, thường chạy trên mặt đất. Hôm tôi tới thăm anh Trà, anh có nói chuyện ăn thịt cò ngỗng. Anh Trà nói: Sau này thắng lợi rồi, tớ lại trở lại rừng miền đông

này, làm căn nhà lợp bằng lá trung quân, hàng ngày vào rừng thối cò ngắng về chén. Hồi tôi còn nhỏ từng có cái thú thối ống xì đồng. Đó là một ống tre nhỏ thông mắt, đạn là viên đất sét vừa lòng ống phơi khô. Hơi thối mạnh dồn viên đất bay qua lòng ống dài cũng bắn ra khá xa và mạnh. Ai thối giỏi cũng có thể hạ chim xa chục thước. Tôi liên tưởng cho thối là như vậy, hóa ra là không phải. Anh Trà liền giải thích: Giống chim này đi đâu cũng có đôi - cho nên đã sẵn là bắt được cả đực và cái. Đặc tính của chúng là con đực đang kiếm ăn mà nghe tiếng con cái là nó lao lới. Hai con đang kiếm ăn mà nghe tiếng con chim đực khác thì con đực liền nổi khùng và canh giữ con cái thật quyết liệt. Con cái cũng bám đực không kém. Biết đặc tính đó anh em bèn trang bị hai cái còi. Một phát ra tiếng con cái, một làm giọng con đực. Lại mang theo cái lưới cao độ hai mươi phân, dài dăm bảy thước đủ bẫy con mỗi.

Một lần đi họp tôi cùng đi với một ông cấp dưỡng và một vệ binh biết bắt cò ngắng. Suốt cuộc họp đó, tôi được thưởng thức món cò đặc sản này. Cò ngắng không thiếu. Lại nắm được đặc tính nên việc bắt nó không khó lắm. Có điều kiện thì anh em đi bắt về khá nhiều và cũng xuất hiện nhiều tay thối cực kỳ xuất sắc. Tôi mới hiểu điều anh Trà bảo về cái thú thối cò ngắng ăn chơi.

Còn con cheo, trông giống con mễn, nhỏ bằng con mèo. Vốn có câu Nhất như cheo nên sẵn nó có lúc chẳng cần bắn. Bắn không trúng cũng có khi bắt được cheo vì nghe tiếng nổ nó sợ nằm lăn ra đấy, ngất đi chỉ việc đến lượm. Tuy vài cân thịt thôi nhưng hôm nào được đái cháo cheo thì khỏi phải bàn, ăn rồi còn ngon mãi.

Song ở đâu và lúc nào cũng vậy, cuộc sống vẫn có hai mặt. ở rừng miền đông, bên những điều thú vị hiếm thấy, thì bệnh sốt rét ở đấy cũng ghê lắm, gọi là sốt rét ác tính. Có lúc số anh em tân binh ở miền Bắc bổ sung vào chỉ một nửa là đưa xuống các đơn vị chiến đấu, còn phải nằm điều trị sốt rét một thời gian. Bấy giờ bác sĩ Nguyễn Thiện Thành đã tìm được phương pháp chữa sốt rét và phục hồi sức khỏe rất hiệu nghiệm và anh đã được thưởng huân chương vì công lao này. Thanh niên đang tuổi hai mươi lúc khiêng tới trạm xá chỉ còn da bọc xương, nằm bất động, chỉ còn chừng ba mươi ký. Anh Thành đã dùng insulin liều nhỏ tiêm cho hay chữa bằng huyết thanh đẳng trương làm anh em ăn được rất nhanh. Có anh em một ngày ăn chục bát cơm vẫn đói phải thêm nửa nải chuối. Với sức ăn như vậy người lên sức lên ký cũng nhanh, có cậu rời. trạm cân được năm mươi ký.

ở rừng ngày ấy chúng tôi rất ngại rắn độc. Có nhiều thứ lắm nhưng ngại nhất là rắn chàm ngoạm... Thân nó nhỏ, ngắn chỉ độ ba bốn mươi phân, di chuyển chậm chạp. Nhìn lờ đờ thế mà đụng tới là bị nó mổ ngay. Nó mổ trúng chân là lập tức quỵ xuống. Không chữa chạy kịp thời là chết. Tiếng dữ rợn cả miền. Tôi đã viết một bài nói lại là quân Mỹ gọi rắn này là ông ba bước tức là bị nó mổ phải thì bước ba bước là quy thôi. Có một anh ở cục chính trị đêm nằm ngủ để dép ở dưới chân. Buồn đi giải, thả chân quờ dép thì bị nó đớp. Phải đưa đi cấp cứu ngay nhưng cũng nằm điều trị đến hàng tháng. Một cậu cán bộ tuyên huấn to khỏe bảnh trai cũng bị rắn cắn. Chữa trị xong không ra hồn người nữa. Là loài rắn cực độc lại có nhiều sơ ý là bị với nó ngay. Rắn lục cũng không hiếm. Người bảo là rắn độc, kẻ bảo là hiền chỉ thích bắt chuột. Cho nên có lần tôi thấy nó bò lên mái lều cũng để

vậy. Nếu nó bắt chuột thật thì hay quá.. Có rắn hổ mà ngoài Bắc gọi là Cạp nong. Có loại thân cứ khoanh trắng khoanh đậm nhìn đến ghê. Có lúc nhìn rắn bò bên cạnh lại mơ màng nghĩ là hằm mình chuyển động. Đánh đuổi chúng cũng không dễ. Hễ động là chúng trườn xuống dưới thanh lát. Đành phải nghĩ rằng Thì hãy chung sống với chúng mà vậy!! Tuy thế với kẻ đồng phòng này, mình cũng phải cảnh giác thường trực, vì nó mà trườn ra mình sợ ý là bị mổ ngay. Số bị rắn cắn khá nhiều nhưng nhờ cấp cứu kịp và các bệnh viện có đủ thuốc từ Bắc gửi vào và có kinh nghiệm chữa trị. Mỗi người vượt Trường sơn vào đều mang theo thuốc chống rắn và chữa rắn cắn. Có thứ thuốc anh em gọi là da tay tức là da con tê giác. Lần tôi đi khu sáu anh em cho một miếng bằng bàn tay. Đưa về tôi xẻ cho mỗi người một mảnh bằng đồng xu. Bị rắn cắn, đặt miếng da vào vết cắn, nó sẽ bám chặt và hút hết nọc độc ra, rất linh nghiệm.

Các loại côn trùng ở rừng cũng không thiếu và con nào cũng ngoại cỡ. Rết thì như đũa cả, dài cả hai mươi phân, cứ nhìn thấy là mình đã sờn da gà. Người ta bảo rết rừng cắn chết trâu hươu chỉ là người. Cuốn chiếu thì dài hơn hai mươi phân, đen trùi trùi, mình bằng ngón chân cái. Bọ cạp cũng lắm. Ai lỡ đụng phải đuôi nó thì bị nhức nhối khổ sở một ngày một đêm mới đỡ chút ít. Ông Tấn treo áo ở vách hầm. Không may bò cạp chui vào mà không hay, ông lấy áo mặc đã bị một trận la trời. Trong các loại kiến thì đáng kiêng là kiến bù nhót. Hễ đánh hơi mùi là nó kéo đến đen nền nhà. Nằm võng vô tình chống chân vào chúng là bị đốt ngay, nọc nó làm nhức nhối khó chịu không kém. Trị loại kiến không gì bằng dầu hỏa, cứ phun dầu là chúng lần hết. Có lúc không có dầu, anh em phun nước bọt thấy cũng có kết quả nhưng mất thời giờ hơn.

Mỗi rừng dữ dội lắm, cứ từng đồng một dọc đường đi. Càng mỗi giống như càng cua, nhỏ nhưng rất sắc. Có lần chị Ba Định đi họp về giữa đêm tối. Đang đi thì chị hét lên, chân dẫy cuống quýt. Chiếu đèn pin vào mới hay chị bước phải đồng mỗi càng. Các cháu cùng đi xúm vào gỡ cho chị. Càng mỗi cắn như găm chặt vào da thịt. Cứ dứt con mỗi ra là dứt cả da thịt. Chân chị Ba đẫm máu.

Lại một lần nữa anh Nguyễn Chí Thanh bị sốt. Bác sĩ cho cặp nhiệt độ thì có cao nhưng bắt mạch và làm các khám nghiệm khác thì không có hiện tượng bệnh tật gì. Cho uống thuốc giảm sốt vẫn không có kết quả. Cứ thế đến hai ba hôm. Sau anh em có kinh nghiệm ở rừng bảo anh Thanh vén áo lên xem. Thì ra ve nó bám vào chỗ hiểm cắn. Nó vốn mình dẹt như hạt cốm đã qua cối giã, nay mình đầy máu căng tròn như hạt đỗ. Gỡ ve ra cũng phải biết cách. Lấy cái nhíp nung nóng rồi cặp vào nó một lát là nó nhả ngay và vết cắn tự lành. Nếu gỡ bằng tay thì không được. Nếu cạy nó ra thì cái vòi vẫn còn đó gây ngứa và nhức nhối cả năm. Tôi bị ve cắn ở trán, không có kinh nghiệm gạt nó ra và đã bị nhức đến năm trời. Loại ve này thích cắn vào chỗ da mềm, chúng cứ mò vào những chỗ kín nên rất khó phát hiện. Có một giai thoại Tây bị ve cắn. Hắn là chủ đồn điền cao su, bị sốt liên miên, thuốc gì cũng chẳng được. Vợ nó mới lễ cầu xin thần thánh cũng không xong. Nó bèn thông báo ai chữa được cho nó khỏi sốt sẽ được thưởng. Có người phu cao su biết là nó bị ve cắn. Anh bảo cho gặp riêng thằng tây. Bảo nó cởi hết quần áo ra, anh sức dầu cù là vào tay mình rồi đặt vào chỗ con ve. Bị dầu nóng thì ve nhả ra. Thằng tây thôi sốt, bình thường trở lại nhưng vẫn không biết là bị ve cắn. Anh

phụ được nó thường như đã hứa nhưng không cho nó hay vì sao nó sốt.

Rừng miền đông nam bộ dù ai chỉ sống với nó một, hai năm cũng đã có bao nhiêu chuyện muốn nói.

Và tôi cũng như mọi người, điều đọng lại sâu sắc nhất là những năm tháng đầy gian khổ và hy sinh ấy, con người vẫn lạc quan yêu đời với những ngày tháng sống cùng thiên nhiên, chim muông, động vật hoang dã, quý hiếm, kể cả những con vật dữ dằn nhất.

Chương 19

Vĩnh biệt anh trường chinh

Thế là anh đã thọ được 81 tuổi trời. Tôi tiếp nhận tín anh mất với một sự sững sờ, vừa cam chịu quy luật khắc nghiệt của thiên nhiên, vừa cay đắng bị mất đi của đời mình một cái gì quý báu và thân thiết không thay thế được.

Được cùng sống với anh cả một quãng đời dài hơn 40 năm, tôi luôn luôn có một sự vững tin: có anh, một người anh, một người thầy, một người đồng chí lãnh đạo đầy tin cậy. Biết bao nhiêu kỷ niệm về anh mà tôi nhiều lần kể cho con cháu và bạn bè nghe với niềm thích thú và cảm phục. Dịp này không phải là dịp lại kể về những điều đó. Dịp này, anh mất đi, tôi chỉ muốn ghi nhận sự lắng đọng của anh trong tôi và có lẽ trong cả cuộc đời chung.

Năm 1944, khi tôi mới bước sang tuổi 21, tôi được gặp anh. Khi tôi vượt khỏi xiềng xích từ ngục, được anh, lúc ấy là Anh Toàn đón tôi ở bờ sông Hồng một buổi trưa trời đầy nắng đẹp, gió lành. Sau đó, tôi được nghe các anh các chị quanh anh nói về Anh Toàn với một sự tôn kính đặc biệt, tôi thấy cuộc sống của tôi có một hạnh phúc lớn. Không hiểu tại sao tôi biết ngay và tôi yên chí như vậy: Anh là Đặng Xuân Khu, và anh là người chịu trách nhiệm chủ chốt trong sự lãnh đạo phong trào cách mạng lúc đó. Và tôi nói chuyện với anh về cuốn sách Vấn đề dân cày và báo Travail như tới vốn dĩ đã biết anh rõ từ lâu. Mãi cho đến bây giờ tôi vẫn không lý giải được cái linh cảm kỳ lạ của tôi về con người của anh. Anh sát hạch tôi mấy câu: Anh có đọc được không Anh có viết được không và khi lời trả lời là có, anh liền kết luận: Anh về công tác thanh liên nông thôn, tốt lắm đấy!. Thật là đơn giản, sâu sắc, thiết thực và chính xác. Rồi từ đó khi ở chiến khu, lúc về giúp anh làm báo Cờ Giải Phóng, tôi đã tiếp nhận những sự chỉ đạo cách mạng mà tôi nghĩ như là sản phẩm củi một trí tuệ huyền thoại từ ở đâu xa thăm chuyền về, mà lại gần gũi rõ ràng trên những trang vết của anh, tôi phải chép sạch lại cho anh. Những tư tưởng trong Đề cương văn hóa Việt Nam, trong sách phân tích Chiến tranh Thái Bình Dương... trong chỉ thị Nhật Pháp bắn nhau và hành động chúng ta, trong bài xã luận báo Cờ Giải Phóng kêu gọi và chỉ đạo chuẩn bị vũ trang khởi nghĩa. Tính tôi vẫn mang ấn tượng thượng cấp là những đáng minh quân, thông minh, xuất chúng, từ ở thượng cấp mỗi lời mỗi ý đều là thánh ý, thiên ngôn. Ấy thế mà tôi lại sống ngay bên cạnh một thượng cấp như vậy. Tôi lại còn thấy thượng

cấp cao siêu như thế còn thương tiếc đến đau xót và tôn trọng cực kỳ một đồng chí khác: anh Hoàng Văn Thụ. Anh phải bảo tôi đưa chuyển chiếc áo len của anh Hoàng Văn Thụ cho người khác, kéo hàng ngày anh mặc anh xúc động thương nhớ anh Hoàng Văn Thụ đến không chịu nổi. Tôi còn được thấy anh hơn hờ một cách hồn nhiên khi làm xong một bài thơ, anh đọc tôi nghe và nói thác ra là: của người ta gửi đến đăng báo. Tôi cũng thấy anh than thở:

Tiền không có, lấy gì mua len sợi

Tặng cho em đan áo mặc mùa đông

Lúc ấy anh chưa nói rõ em đó là cô Oanh và tôi chỉ đồng cảm với anh là có một đồng chí nào đó chịu rét mướt, anh thương và than thở.

Cái cao cả nằm ngay trong cái bình dị. Tôi ngẫm nghĩ và hết sức thích thú vì tên bí của anh có lúc là Nhân. Tôi ngắm anh và tôi thấy toàn bộ con người anh, phong cách anh, tâm hồn của anh, tiếng cười và ánh mắt của anh đều biểu hiện một chữ Nhân thật sự. Nhân dân khu vực căn cứ lúc ấy bàn tán về anh, đều có nhận xét anh là người có chân mạng..., họ muốn nói chân mạng thiên tử nhưng thực chất anh đúng là anh có chân mạng và tướng tinh nhân hậu.

Tôi lại cũng rất thích tên Thận của anh. Và tôi nhiều phen lao đao khổ sở về tính cẩn thận rất nguyên tắc của anh. Tôi cứ thích thú hoài: Tên anh là Thận, lại là Nhân. Hôm nay tôi lại cầm trên tay những cuốn sách của anh gửi cho với những chữ đề tặng hết sức chân phương chu đáo, đầy đủ hết các dấu i và dấu nặng. Anh đề Tặng Anh Trần Độ với chữ Anh viết hoa. Anh trân trọng đồng chí bao nhiêu, tuy tôi nhỏ hơn anh gần 20 tuổi và thường nghịch ngợm lếu láo, anh phải dạy bảo khuyên nhủ và đe nẹt. Và có lúc tôi cũng cả gan cãi ngược lại với anh cả những nhận định về văn nghệ hoặc về một vài tác phẩm cụ thể. Những lúc ấy anh cười, cười hồn nhiên và sáng khoái.. Một tình người, tình đồng chí như vậy há chẳng phải là một hạnh phúc lớn hay sao? Anh mất đi, cả nước tổn thất lớn. Nhưng tổn thất của riêng tôi có lẽ lớn hơn cả.

* * *

Sự tổn thất do anh mất đi đối với và tôi cũng chắc đối với nhiều người, còn là ở chỗ này:

Cách mạng nước ta trong hơn chục năm qua gặp một sự thử thách nặng nề. Trong sự bối rối chung ấy, ở tuổi ngoài 70 của anh có một sự hồi xuân trí tuệ và tình cảm hết sức đặc sắc đáng quý vô cùng, lẽ ra nó phải được trở thành ánh sáng và niềm hy vọng lớn của đất nước.

Lúc này tôi chẳng có tâm trí lực lại văn kiện của Đảng, nhưng tôi nhớ sâu sắc rằng từ Hội nghị Trung ương lần thứ 8 khóa V anh có thốt ra hai chữ bung ra với tư tưởng cái gì quốc doanh làm tốt thì quốc doanh làm, cái gì HTX làm tốt hơn thì để HTX làm, cái gì tư nhân làm tốt hơn thì để tư nhân làm, không nên phân biệt đối xử với các thành phần kinh tế và những người có đầu óc tư hữu, nhưng không vì thế họ không yêu nước. Đó chính là tiền đề cho tư tưởng giải phóng mọi năng lực sản xuất và phát triển mạnh mẽ sức sản xuất và phải nhận thức cho đầy đủ quy luật: Quan hệ sản xuất phải được cải tạo cho phù hợp với tính chất và trình độ sức sản xuất,... Tôi được biết, khoảng những năm

1983- 1984 sau khi anh trực tiếp xem xét và nghe báo cáo của một số cơ sở kinh tế anh đã nói: Anh đã gặp một sự thật ngược hẳn lại những điều anh đã nghe các cơ quan báo cáo. Và đó có lẽ cũng là yếu tố quan trọng để anh có thể đề xướng lấy dân làm gốc và nhìn thẳng vào sự thật anh cảm nhận sâu sắc đổi mới là vấn đề sống còn của đất nước hiện nay. Tôi cứ sung sướng mà nghĩ rằng anh Trường Chinh lại trở lại vai trò của mình trong những năm 40 trước cách mạng. Với một sự trong sáng tuyệt vời và tinh thần hồn nhiên, nhân hậu anh đã đề xướng đúng và trùng với những vấn đề của đất nước đặt ra.

Tôi biết chắc tất cả không phải chỉ là ý kiến của một mình anh, nhưng tôi tin chắc là do anh đề xướng, anh đề xướng những điều mà anh thu hút được rõ ràng, chính xác trong cuộc sống của nhân dân. Do đó bốn bài học anh nêu lên trước Đại hội 6 được toàn Đảng tán thưởng và trở thành Nghị quyết của Đại hội.

Những gì anh để lại cho đời là lớn lao: từ những tác phẩm trong giai đoạn cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đã được xuất bản, 2 tập sách Về văn hóa và nghệ thuật của anh là những tài sản tinh thần quý giá. Nhưng tư tưởng đổi mới của anh trong thời gian gần đây có thể còn có giá trị đặc sắc hơn nhiều. Giá trị đặc sắc đó còn biểu hiện ở phẩm chất tuyệt vời của một người lãnh đạo như anh: Tin ở dân và quyết tâm đổi mới!

Anh thật xứng đáng học trò và bạn chiến đấu của Bác Hồ kính yêu.

Anh Trường Chinh thân yêu.

Anh đã ra đi để gặp Bác Hồ

Hôm nay tôi và các anh em trong Ban văn hóa văn nghệ trung ương đến nhà để viếng anh, thấp những nén hương trầm kín. Tôi lại xúc động tóm tắt một quãng đời tôi với hai sự kiện: Năm 1944, anh giảng Đề cương văn hóa cho tôi và phái tôi đi liên lạc với các anh văn hóa cứu quốc. Năm nay (1988) tôi đến thắp hương vĩnh biệt anh cùng với những đồng chí trong Ban văn hóa văn nghệ của trung ương. Tôi đã ghi vào sổ tang Thương tiếc sâu sắc anh trường Chinh, một người anh, một nhà văn hóa lớn, một người lãnh đạo xuất sắc...

Vĩnh biệt anh, nhưng tôi vẫn tự bồi dưỡng và tắm bổ cho tôi những tư tưởng đổi mới, tinh thần đổi mới. Đó là tư tưởng của thời đại. Đó là tư tưởng và tình cảm của anh để lại cho đời và cho tôi.

Vĩnh biệt anh, tôi thầm mong tư tưởng đổi mới được tôn trọng, được phát triển và được thực hiện. Và tôi tin rằng như vậy thì - giống như người xưa đã nói - Anh có thể ngậm cười nơi chín suối. Xin một lần nữa bằng những dòng này tôi thắp những nén hương lòng trước vong hồn anh.

NHỚ VỀ MỘT ANH BỘ ĐỘI

(Hồi ký về Anh Nguyễn Chí Thanh)

Tôi gọi anh là một ANH BỘ ĐỘI vì anh là một Đại tướng, cũng không phải chỉ vì anh là Đại tướng, mà trước hết vì anh là một nhân cách lớn, một tâm hồn lớn, một nhà chiến lược xuất sắc, một nhà tư

tường vững chắc và sắc sảo. Anh sống với Quân đội Nhân dân Việt Nam không lâu, nhưng anh có một vai trò hết sức lớn lao trong sự trưởng thành và các thắng lợi của Quân đội. Anh mất đi đã 17 năm rồi. Tôi nhận được tin anh mất rất đột ngột. Trong lúc chúng tôi đang chờ đợi anh từ Hà Nội vào chiến trường I2 để cùng chúng tôi hoạch định và điều khiển cuộc tổng công kích xuân 1968. Hôm ấy, một buổi tối mùa thu, trời mát, như thường lệ, tôi đang ngồi trong lán nhỏ với ngọn đèn con, xem tin tức thì anh Ba Long (tức Lê Trọng Tấn) cầm đèn đến tìm tôi. Tôi hơi ngạc nhiên và ngờ rằng trên chiến trường có tình huống gì đột xuất anh ra thông báo và hội ý với tôi chẳng? Anh Ba Long bước vào trong lán tôi đặt đèn trên bàn, ngồi vào ghế ghép bằng mấy thanh tre trước mặt tôi rồi thở dài, nói một câu bằng một giọng trầm trầm: Có một tin buồn lớn, ông Chín ạ!. Tôi giật mình và gai người lên, tôi thoát nghĩ đến Bác Hồ vì lúc đó chúng tôi được tin Bác không được khoẻ và vẫn luôn luôn lo lắng về sức khoẻ của Bác, nhưng sau một giây, anh Ba Long nói tiếp: Anh Nguyễn Chí Thanh mất rồi! Tôi a một tiếng rồi lặng người, có một cái gì sụt đổ trong người. Vì chúng tôi đang chuẩn bị đón anh Thanh vào lần thứ 2 mà chúng tôi biết là anh đang chuẩn bị lên đường. Chúng tôi mừng anh rất nhiều vì chúng tôi đang đứng trước một kế hoạch vĩ đại: chuẩn bị cho xuân 1968. Anh Thanh vào chiến trường từ năm 1964, đến 1966 anh yếu mệt phải trở ra Hà Nội điều trị. Lúc đó tình hình chiến trường diễn biến rất phức tạp. Anh Thanh là chỗ dựa vững chắc và tin cậy của chúng tôi. Giờ đây để nhớ lại ngày chúng tôi cùng chuẩn bị lên đường đi B sau 20 năm và để chuẩn bị kỷ niệm những ngày lễ lớn: 10 năm đại thắng và 40 năm thành lập Quân đội. Tôi sống lại những xúc cảm lúc đó, tôi hầu như mới nghe tin anh mất hôm qua. Tôi ghi lại những kỷ niệm nhỏ trong những dịp được làm việc với anh Thanh khi còn trong quân đội.

Anh Thanh nhận nhiệm vụ phụ trách công tác chính trị trong quân đội từ năm 1950 trong chiến dịch đánh địch ở Hoà Bình, tôi được nghe một giai thoại về anh và giai thoại này gây ấn tượng sâu trong tôi về một nhân cách, một bản lĩnh. Tôi rất thú vị chuyện kể rằng: Trên một quãng đường bộ đội hành quân ra trận, con đường gặp một suối chảy ngang không có cầu, ai nấy tự xắn quần lội suối mà đi. Có một anh cán bộ cỡ đại đội tiểu đoàn gì đó đi giày da, đến bờ suối đứng lay hoay chờ đợi tìm cách qua suối mà không phải cởi giày. Bỗng anh thấy một người mặc áo cánh nâu bạc màu hơi đứng tuổi đến đuối, khỏe mạnh, vững chắc, anh cán bộ chắc rằng đây là một bác nông dân đi làm nhân công hoặc người địa phương gần đó. Anh ta liền kéo bác nông dân lại nắn nì cậu chịu khó cõng tớ qua suối một tí. Bác nông dân vui vẻ nhận lời ghé lưng vác quần cồng anh cán bộ, lội sang suối. Sang bờ bên kia, anh cán bộ được đặt xuống, phần khởi vờ vai bác nông dân và định cảm ơn nồng nhiệt. Nhưng bỗng bác nông dân nắm tay anh cán bộ kéo lại và hỏi giọng nghiêm nhưng không gay gắt: - Này, cậu biết mình là ai không?

Anh cán bộ ngớ ra và còn chưa kịp phật ý về thái độ Không thoả đáng của bác nông dân với một cán bộ chỉ huy, thì bác ta đã nói:

- Mình là Nguyễn Chí Thanh, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị - lần sau đừng bắt người khác phải cõng nữa nhé!

Câu chuyện chỉ được kể đến thế, tôi cứ tưởng tượng nếu tôi rơi vào tình trạng anh cán bộ kia thì tôi không biết phải xử sự thế nào? Nhưng tôi chắc kỷ niệm đó đối với anh trong cả cuộc đời không thể có lúc phai nhạt được. Cách xử sự của anh Thanh thật độc đáo, anh không từ chối việc cống anh cán bộ qua suối, có lẽ anh cũng hồn nhiên, nghĩ rằng giúp đỡ một người theo yêu cầu của anh ta lúc này cũng là bình thường, vì anh không biết mình là cấp trên thì cứ mặc anh ta. Nhưng rồi anh cũng nghĩ rằng cán bộ chỉ huy ra trận mà cứ quan cách, bắt người khác phục vụ mình vô tội vạ thì thật không tốt. Hành động của anh có bài học kép: Một là trong Quân đội Nhân dân, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị vẫn là một người lao động bình thường có thể làm những việc bình thường: Hai là đã là cán bộ chỉ huy trong Quân đội Nhân dân không được tùy tiện yêu cầu người khác phục vụ mình vô tội vạ. Tôi cho rằng anh cán bộ được cống kia và mọi người biết chuyện, ai nấy đều phải suy nghĩ về bài học cụ thể nói lên phẩm chất cao quý của Quân đội Nhân dân, chứ không thể chỉ là một cái vật mình choáng váng suốt đời vì tội phạm thượng quá lớn! Đi chiến dịch này tôi đã được cùng đi với anh Thanh một chặng đường dài suốt từ căn cứ Bộ Tổng tư lệnh ở địa phận tỉnh Thái Nguyên đến một huyện phía Nam của tỉnh Phú Thọ ở hữu ngạn sông Hồng. Tôi không có dịp hỏi lại anh Thanh xem chuyện kể trên có thực hay không! Rất có thể là một chuyện bịa. Nhưng người bịa chuyện này nhất định phải là người nắm vững, hiểu rõ tính cách anh Thanh. Câu chuyện rất Nguyễn Chí Thanh. Nếu đó là chuyện bịa thì chuyện ấy đã được hư cấu rất nghệ thuật vậy.

* *

Trong thời gian chuẩn bị chiến dịch Tây Bắc 1952, anh Thanh đến kiểm tra công tác ở Sư đoàn tôi. Tôi hướng dẫn anh Thanh đi mấy Trung đoàn, xem xét tình hình ở mấy tiểu đoàn, mấy đại đội. Suốt thời gian anh Thanh ở Sư đoàn, lúc nào tôi cũng ở bên anh. Tôi nhớ lại những ngày đó, với một ấn tượng sâu sắc về phong thái làm việc của anh, cảm kích mạnh mẽ về một tác phong làm việc rất nghiêm túc, rất thoải mái, rất thân tình và chân tình. Anh và tôi đến các đơn vị như đến thăm các gia đình bạn bè quen thuộc. Không một nghi thức gò bó, không có những buổi báo cáo chính thức trang trọng, không có những cuộc xét hỏi gay gắt. Đi đến nơi, gặp cán bộ, chiến sĩ hỏi những chuyện thường ngày, hỏi những điều cần kiểm tra cũng bình thường như hỏi chuyện ăn ngủ.. Kết thúc thời gian kiểm tra, cũng không có cuộc tập hợp cán bộ nghe huấn thị - Chỉ có trong bữa ăn cơm cuối cùng trước khi ra về, anh vừa ăn vừa bảo tôi: Đây Địch này, tình hình của Sư đoàn khá đấy. Không khí đoàn kết tốt - Cậu có nhiều sáng kiến trong công tác đấy. Mình có cảm tưởng cậu đang ở độ tuổi phát triển mạnh mẽ đang en fleur (độ nở hoa). Nhưng trong khi làm việc, cậu nên chú ý có tính kiên trì cao hơn nữa, nghĩa là định ra việc gì cố làm cho đến đầu đến đuôi, đạt được kết quả sau cùng. Không nên cứ tung việc, ra nhiều mà không kiên trì rút cục cuối cùng không thu được kết quả cụ thể gì?, Thế thôi, anh nói bình thản, tự nhiên và thân tình như một người anh bàn chuyện nhà cửa với một đứa em.

Nhưng sao những lời đầm ấm và nghiêm khắc ấy tôi nhớ mãi suốt những năm tháng sau đó và cho đến bây giờ, mỗi khi có sáng kiến về một công tác gì tôi lại nhớ hai chữ, kiên trì của anh Thanh. Đối với tôi hai chữ đó nó có ý nghĩa rộng và sâu hơn nhiều. Nó yêu cầu sự nhìn xa trông rộng, yêu cầu sự tính toán kế hoạch? yêu cầu có ý thức về sự nhất quán trong ý đồ công tác, chứ không phải chỉ có ý nghĩa là cố gắng kiên trì một cách bo bo những ý định của mình - Trong đời tôi, tôi cũng được nhiều sự phê bình và góp ý kiến. Nhưng những trường hợp tiếp nhận một ý kiến phê bình rồi ý kiến đó khắc sâu mãi trong tâm trí thì cũng không nhiều.

ở chiến dịch Lào tôi cũng có lần được phê bình như vậy. Nhưng sự đầm ấm chân tình của anh Thanh lay động tôi mạnh mẽ. Anh Thanh không phê bình gì tôi gay gắt, không chỉ ra khuyết điểm gì nặng nề, nhưng lại nêu một ý kiến có tác dụng hướng dẫn sự suy nghĩ của tôi rất lâu dài.

* * *

Những kỷ niệm đầm ấm nhất của tôi với anh Thanh là thời gian chiến đấu ở B2. Trước hết là kỷ niệm về việc chuẩn bị đi B. Hồi ấy vào khoảng đầu năm 1964, trong một hội nghị Trung ương, khi giờ nghỉ giải lao, anh Thanh vỗ vai tôi, kéo tôi đi chơi trong sân và chỉ nói một câu: Này, chuẩn bị đi B nhé!. Tôi cũng trả lời thản nhiên, coi như sự việc không thể nào khác được, vâng, bao giờ đi, anh?. Anh trả lời: Cứ chuẩn bị đi thế thôi. Lúc ấy trong mỗi người cán bộ đảng viên trong Quận đội ở miền Bắc, ai cũng chờ đợi một sự việc thiêng liêng và bí mật, nhưng rất tự nhiên là Đi B. Anh Thanh không hề nói một câu gì giải thích bay phân tích mà chỉ có một câu đơn giản như vậy thôi. Nhưng đối với tôi và đối với tâm trạng tôi lúc ấy, nó đầy đủ ý nghĩa là một sự trao nhiệm vụ long trọng và sâu sắc của Đảng, của cấp trên, đầy đủ ý nghĩa những lời phân tích tình hình và những lời động viên chiến đấu. Anh Thanh sau này thông báo cho tôi là anh đã chọn một nhóm cán bộ, đủ điều kiện để tham gia việc xây dựng lực lượng vũ trang chủ lực và chỉ huy việc tác chiến tập trung vì tình thế của miền Nam lúc ấy đã đặt vấn đề như vậy. Chúng tôi hiểu khá rõ và khá sâu sắc nhiệm vụ và sứ mạng của mình không cần có sự giải thích nào khác.

Về mặt riêng tư, khi tôi hỏi ý kiến anh Thanh là nên chuẩn bị đi như thế nào? ý tôi muốn hỏi nên bố trí một thư ký đi giúp việc không? Thì anh Thanh lại nhẹ nhàng gạt đi và bảo tôi: Đừng chuẩn bị gì cả, mình đã bảo mua cho các cậu mỗi cậu một đồng hồ và một bút máy để làm việc. Còn riêng cậu thì kiếm một máy ảnh thật tốt nhé, Về sau tôi mới biết thêm anh Thanh cũng rất thích chụp ảnh.

Vì điều kiện tổ chức đi, anh Thanh và anh Lê Trọng Tấn đi trước tôi vài tháng, anh Hoàng Cầm và tôi đi sau. Anh Văn Phác cũng vào trước tôi, khi tôi vào đến nơi, đến thẳng địa điểm của Trung ương Cục thì đã gặp anh Văn Phác ở đó. Chúng tôi mừng rỡ gặp nhau. Nhưng anh Văn Phác lại kéo tôi ra ngay một chỗ và tâm sự: Anh Sáu bắt tôi làm bí thư cho anh ấy (anh Sáu là tên bí danh của anh Thanh). Tôi cười bảo Văn Phác: Thế mà lúc mình hỏi anh ấy có bố trí bí thư đi theo giúp việc không? Thì anh ấy lại không cần

Anh Văn Phác tâm tình thêm với tôi: Anh ấy khôn lắm, anh ấy gọi tôi lên nói gọn lỏn một câu, Cậu

làm bí thư cho mình thế thôi, không hỏi ý kiến, không giải thích gì cả. Tôi cứ thế phải tự giác mà nhận nhiệm vụ, giá lúc đó anh ấy lại hỏi ý kiến hay giải thích và tôi được trình bày thì có.. khi tôi không nhận. Nhưng thế này tự mình phải thấy rõ sự cần thiết mà làm thôi. Nhưng tôi chỉ đề nghị anh là tôi xin làm một thời gian thôi, khi anh Sáu tìm được người khác thì cho tôi làm việc khác. Tôi chú ý và nhớ mãi, rất lâu về sau này câu anh Văn Phác khen: Anh ấy khôn lắm - Tôi thấy quả tình anh Thanh khôn thật, nghĩa là anh ấy xử lý rất hợp lý và rất chính xác, đúng như anh Văn Phác đã phân tích với tôi. Thì ra, có những lúc trao nhiệm vụ cho cán bộ không cần nói nhiều, cấp trên cần có sự tin cậy đầy đủ vào trình độ ý thức và sức suy nghĩ của cán bộ, và như vậy lại có tác dụng nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ lên rất nhiều. Những cách xử lý của anh Thanh không phải là có một sự, tính toán cụ thể, mà là một cách xử lý tự nhiên hồn hậu, cách xử lý đó là kết quả tất nhiên của một tâm hồn nhân hậu, có tính yêu mến và tin cậy cán bộ một cách sâu sắc.

* * *

Thực tình, tôi không dám tự nhận là bạn của anh Thanh, nhưng những ngày tháng cùng sống và làm việc với anh ở chiến trường 2, tôi thấy thoải mái phần khởi như sống với một người bạn, tuy rằng tôi công tác dưới sự chỉ đạo của anh. Tôi tâm đắc ở anh nhiều điểm đặc biệt nhất là tôi thấy ở anh một cách tư duy biện chứng khoáng đạt, và sáng suốt: tôi thấy anh một nhà chiến lược bẩm sinh và một phong cách làm việc tiên tiến và ưu việt, một tính tình hồn hậu, quả đoán và tự tin một cách mạnh mẽ. Trong khi chỉ đạo các đơn vị hoạt động, cách tư duy và lòng tự tin của anh truyền cho các cán bộ cấp dưới một quyết tâm và lòng tin tưởng lớn. Có lần, sau khi bàn với một số chỉ huy đơn vị về phương thức tác chiến, anh dặn thêm: Các cậu về cứ thế mà làm, hễ không thành công cứ về đây lấy đầu tở mà chặt. Đó là một câu nói nhuộm về hài hước, nửa đùa nửa thật, nhưng nó biểu lộ một sự tin tưởng vào các ý kiến chỉ đạo của mình hết sức mạnh mẽ. Tôi ngồi tôi nghe mà tự nhiên tôi cũng thấy nâng cao được lòng tin lên rất nhiều. Có những lúc bàn bạc công việc một cách hăng say anh có những ý kiến mà chúng tôi chưa thông lắm, còn muốn cãi nhưng hết giờ anh hồ hồ nói Thôi, nghỉ ăn cơm đã, xong rồi tở cho các cậu tha hồ cãi và các cậu hãy cẩn thận tở sẽ đập cho các cậu tở bời và bở gãy vụn các cậu ra cho mà coi. Câu nói đầy vẻ hăm dọa ấy không làm chúng tôi sợ hãi mà ngược lại, gây cho chúng tôi rất nhiều hào hứng tranh cãi và cảm thấy cái không khí tinh thần đồng chí cùng nhau tìm chân lý một cách đầy nhiệt huyết mà lại thân tình. Anh hay nói năng mạnh mẽ, hùng hổ, nhưng không ai thấy sợ anh cả, chỉ thấy thích tranh cãi với anh cho ra nhẽ. Anh không có vẻ gì là cần cù chăm chỉ cả, thỉnh thoảng rồi việc anh lại rủ chúng tôi: Đi rầy chụp ảnh đi và chúng tôi kéo nhau đi chơi. Nhưng thực ra những lúc ấy anh vẫn đang suy nghĩ với một tinh thần trách nhiệm rất cao, vì có lúc đang đi chơi, đột nhiên anh lại gọi ý hỏi một câu về tình thế chiến lược, hoặc về một công tác nào đó. Anh thường khuyến khích chúng tôi viết bài cho các báo, và bản thân anh cũng luôn viết bài. Những bài bình luận quân sự đầu tiên của anh, anh ký tên Hạ sĩ Trường Sơn có tiếng vang rất lớn ngay. Anh ký đùa là hạ sĩ, còn thật ra các bài của anh đều chứa đựng những ý kiến của một Đại

tướng thật sự. Tư duy của anh luôn là tư duy chiến lược. Anh luôn luôn nghiền ngẫm về sự so sánh lực lượng địch ta bằng những con số chiến lược: tổng quân số, tổng số đơn vị, cách phân bổ trên toàn chiến trường, những số liệu về bảo đảm hậu cần trong chiến trường trong từng chiến dịch và trong một năm. Anh tìm ra những tỷ lệ khái quát: ta thương vong một thì địch thương vong bao nhiêu ta mất một súng thì thu được mấy súng. Trong một trận đánh bao nhiêu viên đạn thì ta diệt được một địch. Anh chuyển những con số tính toán ấy thành những câu chuyện hằng ngày và có lúc là những chuyện vui. Ví dụ anh bảo chị Ba Định là cứ mỗi khi có trận đánh, ta tiêu diệt một tiểu đoàn địch, thì chị Ba phải làm khao Bộ chỉ huy Miền một bữa bánh bao, và như vậy một tháng, một năm, ăn bao nhiêu lần bánh bao là ta tiêu diệt bằng ấy tiểu đoàn địch. Mỗi khi anh tìm các số liệu kiểu đó, tôi lại ngạc nhiên, vì anh chưa học về chiến lược quân sự ở trường lớp nào, không biết anh có đọc sách lúc nào không, nhưng tôi chỉ thấy cứ như anh nhắc cho tôi ôn các bài tập về chiến lược mà tôi đã được học ở một lớp trong Viện hàn lâm quân sự của Liên xô.

Tôi nhớ nhất năm 1965 và 1966 khi Mỹ đổ bộ trực tiếp đưa 20 vạn quân vào tham chiến ở Việt Nam, tình thế chiến trường đặt ra một loạt câu hỏi:

- Phải chăng tương quan lực lượng đã thay đổi có lợi cho địch (Mỹ - ngụy).
- Phải chăng ta phải thay đổi phương châm chỉ đạo, không thể tiếp tục tấn công mà phải quay về phòng ngự.
- Mỹ nó có hỏa lực mạnh, cơ giới nhiều, biên chế đầy đủ, ta đánh cách nó, có thể đánh tiêu diệt được không?.

Qua nhiều lần trao đổi phân tích, những ý kiến của anh hình thành ra những tư tưởng chỉ đạo rất sắc bén, những ý kiến đó làm bản thân tôi nhận thức được tình thế chiến trường hết sức sáng sủa và tăng quyết tâm, tin tưởng lạ lùng. Những ý kiến đó sau rất nhất trí với nội dung chỉ đạo của Bộ Chính trị. Đó là những ý kiến đại thể:

- Mỹ vào Việt Nam, trong thế bị động, thế thua, tương quan lực lượng không thay đổi căn bản được.
- Do đó ta cứ tiếp tục tấn công, chỉ có tấn công mới tiếp tục giữ thế chủ động và làm cho Mỹ - ngụy bị động, suy yếu

Mỹ có cách đánh của Mỹ, ta có cách đánh của ta. Ta phải bắt Mỹ theo cách đánh của ta chứ không để Mỹ kéo ta vào cách đánh của nó.

Cổ nhiên trong khi thảo luận, cũng nhiều đồng chí có những ý kiến phong phú, nhưng ấn tượng đọng lại trong tôi vẫn là, những ý kiến đó được xuất phát từ những lời phát biểu đầu tiên của anh Thanh rồi. Chúng tôi phát biểu thêm, bổ sung cho ý kiến hình thành rõ rệt. Cũng dịp này có các chỉ huy đơn vị về họp có nói Xin Quân ủy Miền chỉ các phương châm tác chiến - anh Thanh trả lời đùa mà cũng như thật Phương châm tác chiến nó nằm ở mặt trận ấy, các cậu ra đó mà lấy.

Quả thật sau đó, những khẩu hiệu Vành đai diệt Mỹ, Nắm thắt lưng Mỹ mà đánh, Mười kinh nghiệm đánh Mỹ của Củ Chi ở chiến trường dội về, chúng tôi phải rất khẩn trương làm việc, phổ biến các kinh nghiệm đó cho kịp thời và rộng rãi. Những tư tưởng chỉ đạo đúng đã khai thác được tiềm năng

sáng tạo trong nhân dân và chiến sĩ mạnh mẽ đến như vậy. Cũng trong những buổi đi chơi, đột nhiên anh Thanh lại gọi tôi, nói một câu lửng lơ: Này Độ này, thế mà lại hóa ra hay đấy! Tôi không hiểu, phải hỏi lại. Thì té ra anh lý lại đang suy nghĩ về tình thế chiến lược, anh phân tích Tờ bảo thắng Mỹ đem quân nhảy vào mà hóa ra hay. Ta sẽ nhất định thắng và khi ấy trắng ra trắng, đen ra đen, không nhập nhằng gì nữa. Ta thắng là thắng thẳng thừng với quân Mỹ. Nếu nó không vào khi ta thắng, nó lại nói phét là tại quân Mỹ không vào nên Việt cộng mới thắng được. Nay nó đã vào. Ta với Mỹ đã mặt đối mặt rồi nhé! Mỹ thua là thua Việt cộng đứt đuôi con nòng nọc, không cãi được vào đâu nhé! Cậu bảo thế chả là hay à? Ý kiến của anh vừa giản dị vừa sâu sắc, nó cũng giảm nhẹ đi rất nhiều những lo âu trong khi tôi phải cùng các anh trong Bộ chỉ huy tính toán bao nhiêu vấn đề để đối phó với một tình thế chiến tranh ngày càng căng thẳng và phức tạp. Tôi cảm thấy đó là một ý kiến độc đáo, rất biện chứng, rất lạc quan anh hùng. Tính lạc quan anh hùng của anh rất ồn ào sôi nổi, nhiều lúc giản đơn hóa sự việc đi nhiều. Nhưng cũng rất thú vị. Tôi vừa vào tới nơi hôm trước thì hôm sau anh bảo tôi chuẩn bị đi dự Đại hội Thanh niên giải phóng. Anh bảo tôi: Cậu nên đi và cần phải đi, ở đó cậu sẽ gặp những thanh niên anh hùng rất thú vị. Mình vừa dự Đại hội Phụ nữ, thật là tuyệt vời. Mình gặp một cô nữ du kích ở Trà Vinh - chắc cô ấy cũng sẽ dự Đại hội thanh niên. Rất đặc biệt. Cô ta mới 19 tuổi, người hiền khô (anh bắt đầu nói kiểu Nam bộ), hiền lắm, thế mà đánh giặc 110 trận rồi đó. Napoléon suốt đời đánh có 100 trận mà cô này mới 19 tuổi đã đánh nhiều trận hơn Napoléon rồi. Cậu thấy dân ta có ghê không nào?.

Tôi có gặp cô du kích đó. Cô là Tô Thị Huỳnh, đến năm sau được tuyên dương Anh hùng các lực lượng vũ trang Giải phóng. Tôi hỏi chuyện cô, tôi thấy có những chi tiết không hẳn như anh Thanh nói số trận cô đánh, đánh có nhiều thật nhưng là những trận đánh du kích, một trận vây bót, một trận phục kích bắn một phát cũng là một trận, còn Napoléon, đối với hắn mỗi trận đánh phải kể là một chiến dịch. Còn Tô Thị Huỳnh thì có hiền gì đâu, trông cô to lớn lực lưỡng, có đôi mắt sếch rất dữ tợn. Trong đại hội thi đua, cô nghe những thành tích của anh hùng Bì năng Tắc người ở khu 6 (nay là tỉnh Thuận Hải) ăn lá bắp 6 tháng để đánh giặc. Cô rất khâm phục và so sánh như sau: Thành tích của bác Bì năng Tắc mới đáng kể là thành tích, bác gian khổ quá trời, chứ chúng cháu đánh giặc như đi chơi ấy mà, đánh xong về nhà, tối má lại nấu cháo gà cho ăn, thành tích chẳng đáng kể.

Tuy tình hình có như vậy thật, nhưng tôi vẫn thừa nhận về căn bản những nhận xét hào hùng của anh Thanh là sự thật, một sự thật hào hùng của đất thành đồng Tổ quốc. Trong cách phân tích, nhận định tình hình, anh không quan tâm những chi tiết vặt vãnh mà anh thường chỉ quan tâm tới những điều cơ bản nhất, bản chất nhất, anh nắm được những cái đó thật nhanh và thật tài tình. Chính vì vậy trong cuộc sống hàng ngày, anh hay bị chúng tôi dùng mẹo: Anh thích đánh tú lơ khơ - Mà tú lơ khơ là một trò chơi phải tính toán vặt. Anh hay bị thua. Nhóm anh đủ một cỗ bốn người để chơi: anh, anh Văn Phác, đồng chí bảo vệ, đồng chí bác sĩ. Khi tôi khuyên các cậu ấy không nên kéo dài cuộc chơi buổi tối để bảo đảm giấc ngủ cho anh Thanh. Đồng chí bảo vệ nói vui với tôi: Anh yên tâm, chúng tôi đánh bài với anh Sáu, chúng tôi có chính sách cả đấy. Và đồng chí ấy giải thích thêm: Có chính sách

nghĩa là hôm nào, anh Sáu làm việc nhiều, mệt mà không dứt được công việc, cứ tiếp tục suy nghĩ, chúng tôi để anh Sáu được nhiều, để anh ấy thoải mái vui vẻ trở lại, còn hôm nào xét thấy cần anh ấy nghỉ sớm, chúng tôi hè nhau đánh cho phe anh ấy thua ba ván liền là anh ấy chán đời đi ngủ ngay. Cbúng tôi ba đứa hòa nhau cho nên muốn thua, được như thế nào cũng được tất

Tôi có thể tin chắc anh Thanh không hề biết đến mưu mẹo ấy của chúng tôi. Anh rất hồ hởi sòng phẳng trong cuộc sống. Anh thấy chúng tôi tráng phim ảnh, anh cũng tham gia, rồi những khi có ảnh, anh cũng ngồi ôm chậu nước ngắm ảnh để bình luận, khen chê, say sưa. Có lần in được mấy ảnh do anh chụp, khi có ảnh, anh gọi anh em lại bên và chia tẩm ảnh ra hỏi: Thế nào? được không? tất nhiên các anh em đều khen đẹp. Đến lượt tôi được hỏi, tôi cũng lấy cái tính sòng phẳng của anh và trong khi vui vẻ, tôi cũng có ý muốn trêu tức anh xem sao, tôi trả lời: Cũng xoàng anh buồn xui ngay. Nhưng rồi anh không hề giận tôi và từ đó lại tỏ ra hay hỏi ý kiến tôi về ảnh hơn. Một lần tôi giới thiệu với anh một cách chi tiết cụ thể nguyên lý cấu tạo ống kính máy ảnh. Anh rất thú vị khen tôi trình bày dễ hiểu, cụ thể làm anh nắm được kiến thức rất nhanh và rõ. Nhưng rồi sau đó anh quên ngay vì tôi biết anh còn mãi nghiền ngẫm những tính toán chiến lược của anh, anh không thể quan tâm ghi nhớ những điều chi tiết về kỹ thuật của một môn chơi như vậy được. Tôi để ý thấy khi họp, hoặc khi nghe báo cáo ít khi thấy anh ghi chép cẩn thận, sổ công tác của anh thường còn rất nhiều giấy trắng. Ngồi nghe, anh hay lấy một, hai tờ giấy trắng và vừa nghe anh vừa vẽ những hình thù rất khó hiểu lên những tờ giấy đó. Hình như mỗi điều gì anh nghe được phải biến hóa ngay thành những suy nghĩ của anh để anh phát biểu. Anh nghe không phải để ghi nhớ những điều nghe được, mà anh nghe để anh lại bật ra những suy nghĩ khác trong đầu. Tôi cho rằng anh rất năng động và có một cách tư duy luôn độc lập và sáng tạo. Lúc anh phát biểu, anh cũng cứ cầm bút vạch đi vạch lại trên giấy trắng, tô lại nhiều lần những đường nét anh đã vạch ra trước đó. Cứ như là ở đó hiện lên những dòng chữ, anh cần đọc nó để phát biểu vậy. Trong cặp anh luôn có một tập giấy chứa đựng những điều trong một bài anh đang viết dở. Tôi rất yêu tâm hồn anh, anh luôn luôn say mê, ồn ào và dứt khoát. Anh luôn độc lập suy nghĩ nhưng không hề bài bác những ý kiến khác anh, anh luôn kiên trì ý kiến, nhưng rất sẵn sàng tuyên bố rút lui ý kiến khi anh thấy ý kiến ấy không đứng vững. Anh giữ ý kiến hay rút lui ý kiến cũng đơn giản dứt khoát và hồn nhiên, không có gì phải quanh co, phải tránh né. Tôi rất yêu anh ở chỗ cách sống của anh rất hồn hậu và hài hòa. Cách tư duy biện chứng của anh giúp anh giải quyết rất hài hòa, rất đẹp những mặt mâu thuẫn trong cuộc sống của anh với nhiều vai trò xã hội khác nhau. Anh nhận rõ trách nhiệm lãnh đạo cao của anh nhưng không bao giờ anh tỏ ra phải nhấn mạnh đến uy thế của cương vị anh trong cử chỉ, trong ăn mặc cũng như trong đối xử. Anh rất có ý thức về uy tín của anh trong lĩnh vực tư tưởng - nhưng anh lại không muốn mọi người tiếp thu tư tưởng của anh một cách thụ động, miễn cưỡng. Anh muốn mọi người sẽ được sự thuyết phục đầy đủ những lý tưởng của Đảng của anh. Có lần anh đến nói chuyện ở một Hội nghị cán bộ, khi anh bước lên diễn đàn. Mọi người rào rào vỗ tay, xấp bút để chờ ghi chép anh cười vui. Tôi nói, các đồng chí cần chú ý nghe và suy nghĩ tốt hơn là cầm cúi ghi, rồi anh chửi thề: Tôi thề này: Đ... mẹ thằng nào ghi

đầy nhé! Ai nấy cười ồ ồ, nhưng rồi cả Hội nghị có một sự chậm chạp khác thường.

Làm việc dưới sự chỉ đạo của anh, tôi còn tâm đắc điều này: Cách làm việc của anh tạo cho cấp dưới phát huy khả năng sáng tạo và nâng cao tinh thần trách nhiệm, biết rõ ý thức trách nhiệm về những quyết định của mình, không ỷ lại, không dựa dẫm. Một lần, Quận ủy Miền có quyết định chủ trương xây dựng Chi bộ 4 tổp trong các lực lượng vũ trang. Sau khi có Nghị quyết chủ trương, tôi bàn với các anh ở Cục Chính trị Miền, vạch một kế hoạch để thi hành quyết định đó. Khi có kế hoạch rồi, tôi báo cáo xin anh bố trí thời gian để chúng tôi trình bày và anh góp ý kiến. Anh liền gạt đi mà bảo rằng: Thôi việc đó là thuộc chức trách các cậu. Các cậu nghĩ gì cứ làm vậy rồi rút kinh nghiệm sau. Việc gì các cậu cũng cứ báo cáo trình bày chờ ý kiến mình, thì các cậu đâm ỷ lại ra. Sau đó anh nói như tâm tình tiếp: Thật ra, chúng mình làm việc, mỗi người có những mặt mạnh yếu khác nhau, mỗi người có một quá trình tích lũy riêng. Các cậu ở đơn vị dưới đã lâu có khi về khả năng suy nghĩ tổ chức thực hiện những việc cụ thể, mình không bằng các cậu đâu, trong khi bàn về những chủ trương chung mình, đã phát biểu hết ý kiến các cậu nhất trí tán thành nghị quyết của tập thể là được. Sau đó chính là trách nhiệm các cậu phải triển khai thực hiện, đừng chờ đợi mình nữa. Từ nay cứ thế mà làm! Tôi nghiệm ra ý kiến của anh rất chính xác. Nghe anh nói như vậy, tự nhiên tôi thấy tôi có trách nhiệm nặng hơn, phải suy nghĩ, cân nhắc nhiều hơn và cũng tự tin hơn, yên tâm hơn.

Sau này trong nhiều việc khác, có khi hỏi anh, hoặc có khi tôi tranh thủ chủ động báo cáo với anh. Nhưng về những việc trong phạm vi trách nhiệm của tôi, tôi cảm thấy anh không bao giờ anh bác một ý kiến nào? Phần lớn là anh nghe, chấp nhận và im lặng, coi như để biết vậy thôi, thỉnh thoảng anh khuyến khích và tán thưởng một vài việc.. Năm 1965, chúng tôi tổ chức Đại hội mừng công toàn Miền lần thứ 1, để tuyên dương anh hùng các lực lượng vũ trang Giải phóng. Trong việc chuẩn bị, anh tham gia rất sát với chúng tôi, từ việc hướng dẫn địa phương báo cáo, nghe các chiến sĩ thi đua báo cáo thành tích, bầu tiêu chuẩn, tuyển chọn cụ thể, viết bản tuyên dương, định kế hoạch và làm việc với văn nghệ sĩ để viết các chuyện anh hùng v. v... Anh đều tham gia tích cực và có tác dụng hướng dẫn cả một tập thể cơ quan chính trị rất có hiệu quả.

Anh đặc biệt chú trọng cùng chúng tôi duyệt văn bản tuyên dương trong đó tóm tắt thành tích các anh hùng, vì bản này rất khó viết. Làm sao thật ngắn gọn mà nổi bật được những thành tích nói lên, bản chất anh hùng của chiến sĩ mà không khoa trương thổi phồng, lại có giọng văn cổ vũ lòng người. Làm xong Đại hội, anh khen ngợi ban tổ chức trong không khí thân tình: Các cậu bây giờ khá thật, lần đầu tiên tự chức một Đại hội anh hùng mà ta làm được khá chu đáo tốt đẹp. Như vậy là giỏi lắm. Trong thời kháng chiến chống Pháp khi mình phải chịu trách nhiệm tổ chức Đại hội anh hùng ở Việt Bắc mình cứ búi sùm sùm, bao nhiêu là cố vấn giúp đỡ mà còn vất vả trầy trật. Sau Đại hội này các cậu có thể tổ chức các Đại hội khác không khó khăn gì.

Thật vậy, sau đó, năm 1970, chúng tôi tổ chức Đại hội anh hùng lần thứ hai, và 1973 tổ chức Đại hội anh hùng lần thứ ba, chúng tôi coi như đã có bài bản, kinh nghiệm triển khai việc chuẩn bị và tổ chức bình tĩnh yên tâm hơn, không có vấp vấp gì. Những đại hội sau anh Thanh không còn nữa. Nhưng

chúng tôi làm việc vẫn còn cảm thấy như vẫn còn anh Thanh gần đó, vẫn là chỗ dựa cho chúng tôi và chỉ dẫn chúng tôi.

Tôi tâm đắc điều đó mãi đến bây giờ, và tôi vẫn cho rằng anh Thanh có một phong cách làm việc tiên tiến và ưu việt, nó mang tính khoa học sâu sắc và có rất phù hợp với yêu cầu hiện nay. Phát huy tinh thần làm chủ tập thể của từng cấp, phát huy tinh thần trách nhiệm của các cấp để nâng cao tính chủ động, sáng tạo, độc lập suy nghĩ của các cấp, khắc phục được lúng túng của cấp dưới và tính bao biện áp đặt của cấp trên. Chính nhiều văn kiện của Đảng hiện nay đang yêu cầu xây dựng một phong cách làm việc như vậy. Phong cách đó phù hợp với yêu cầu công nghiệp hóa. Anh Thanh sớm có phong cách ấy vì vậy anh Thanh rất tiên tiến vậy.

Bây giờ chúng ta có 40 năm lịch sử Quân đội và 30 năm chiến thắng Điện Biên Phủ lừng lẫy. Chúng ta cũng có bằng ấy năm để mà thấy được bao nhiêu điều tốt đẹp về những con người anh bộ đội, Hiện nay chúng ta có những ANH Bộ Đội, là những vị tướng mà tuổi quân chiếm một nửa hoặc hai phần ba cuộc đời. Cũng có những anh bộ đội mà tuổi đời mới bằng trên dưới một nửa tuổi của quân đội. Có những binh đoàn có thể có anh bộ đội, ông chỉ huy, anh bộ đội cháu, anh bộ đội Bộ chỉ huy anh bộ đội con.

Thế mà hồi ở B2, các cô cậu chiến sĩ giải phóng cứ kêu chúng tôi là mấy chú, chúng tôi cứ uốn nắn mãi, dờ cả các bài bản chính qui ra để uốn nắn, cũng không được. Rồi về sau, chính chúng tôi cũng kêu cả chiến sĩ là mấy đứa một cách ngon lành, vui vẻ. Cuộc đời hơn 30 năm trong quân đội của tôi đầy ắp kỷ niệm sâu sắc.

Tôi được tiếp xúc với nhiều bậc đàn anh đáng kính. Các anh đã để lại cho tôi biết bao nhiêu bài học của cuộc đời cách mạng. Nhưng dịp này tôi thích chọn kỷ niệm về anh Thanh mà ghi lại. Bởi vì tôi rất yêu anh. Bởi vì trong cương vị của anh, cái phẩm chất Anh bộ đội Cụ Hồ biểu hiện ra trong qui mô chiến lược, trong những mối quan hệ lớn hơn, nhưng nó vẫn thấm đượm những gì gần gũi, bình dị. Cái xuất sắc và cái đẹp của anh biểu hiện ra trong những cái bình dị, và một cách bình dị. Tôi cứ tưởng tượng nếu anh là một cán bộ trung đội, đại đội, hoặc cán bộ trung đoàn, sư đoàn, anh cũng sẽ sống và làm việc như vậy, anh sẽ giải quyết các nhiệm vụ công tác và chiến đấu của anh như vậy thôi, nghĩa là trung thực, quyết liệt, hồn hậu, nhân ái năng động sáng tạo và nhất là biện chứng.. Nhân cách và tâm hồn anh rất đẹp. Vì vậy. tôi phải dùng chữ ANH Bộ đội viết hoa để nói về anh, một anh bộ đội Cụ Hồ thật sự..

Tôi xin thấp nén hương tưởng nhớ anh, anh Nguyễn Chí Thanh ANH bộ Đội viết hoa của tôi!

ANH đại TướnG.

(Nói với hương hồn anh Lê Trọng Tấn)

Anh Tấn ơi,

Hôm nay anh được đưa đến chỗ an nghỉ cuối cùng. Tôi không thể không nghĩ đến anh, nghĩ về anh.

Tôi đã viết nhiều bài về Anh bộ đội, kể cả nói về anh Nguyễn Chí Thanh. Nhưng nay nghĩ tới anh, tôi lại muốn nói về một anh đại tướng. Tôi nói thế, không phải vì anh là Đại tướng. Trong chữ Anh Đại tướng của tôi có hai yếu tố, yếu tố Anh và yếu tố đại tướng - cả hai yếu tố đó thống nhất trong một con người - nhưng tôi muốn nói về Anh nhiều hơn về Đại tướng. Và dù cho có nói về một Đại tướng, vị Đại tướng, dù anh đã thọ ngoài 70 tuổi, thì anh vẫn là Anh Đại Tướng. Anh đã dành gần như toàn bộ cuộc đời trong Quân đội, và có mặt hầu hết ở các chiến trường trên đất nước Việt Nam và ở các nước ở bán đảo Đông Dương, anh đã góp phần xứng đáng vào các chiến công lớn của Quân đội nhân dân Việt Nam, và vì vậy anh đã là một Đại tướng., Nhưng trong anh, có một Anh, với ý nghĩa là một con người đáng yêu và tôi thực sự yêu quý cái Anh ấy trong anh. Và cái đó quý hơn nhiều thứ ở đời.

Tôi với anh rất nhiều duyên nợ, rất nhiều cùng - Tôi với anh cùng chỉ huy và xây dựng Trung đoàn Sông Lô, cùng xây dựng Đại đoàn rồi. Sư đoàn 312, Sư đoàn mang một tên rất đáng tự hào Chiến thắng - Tôi với anh cùng nhau đi chiến dịch biên giới, trung du, đường 18, Nghĩa Lộ, Hòa Bình, Tây Bắc, Thượng Lào, Điện Biên Phủ, đã trải qua những giờ phút hào hùng của thắng lợi và giờ phút đắng cay của thất bại. Rồi anh lại cùng tôi trong một tổ học tập ở Học viện Quân sự cao cấp ở Liên Xô, công nhau đi B, cùng nhau ở Bộ chỉ huy Miền và quân ủy Miền, cùng nhau đi chiến dịch Đồng Xoài, cùng nhau nhận huân chương Quân Công sau kháng chiến chống Pháp, sau kháng chiến chống Mỹ.. Những cái cùng nhau ấy để lại trong tôi bao kỷ niệm đẹp đẽ và sâu sắc cũng như những ấn tượng thú vị về con người anh.

Chúng ta đã cùng nhau chia sẻ nắm cơm với muối vừng trước trận Đông Khê và cùng nhau uống rượu chiến lợi phẩm sau trận biên giới.

Chúng ta đã nằm cùng một sàn, đắp cùng một chăn và gửi lưng vào lòng nhau, hô một hai để cùng trở mình trong những đêm giá lạnh dưới chân núi Ba Vì, cùng nhau ngồi một thuyền vượt Sông Đà ở Tây Bắc để đánh Bản Hoa và Ba Lay, cùng nhau ăn củ chuối và nộm chuối trong cuộc truy kích địch. ở Cao Phô, cùng nhau đánh Tú lờ khờ trong những đêm hành quân dài dằng dặc. Tôi lại cùng anh có những cuộc hành quân liền 36 tiếng đồng hồ, bắt vắt cho nhau trên địa bàn khu 6, cùng ăn thịt voi ở trước trận đánh Đồng Xoài. Chúng ta chưa bao giờ nói với nhau những lời to tát và hoa mỹ về tình yêu, tình bạn và tình đồng chí, nhưng chúng ta đã đi với nhau bằng ấy chặng đường trong sự tôn trọng, thương yêu và chăm lo nhau thật lòng. Chúng ta cũng chưa hề tỷ tê với nhau những nỗi niềm riêng tư, nhưng chúng ta đã bao lần trao đổi với nhau về từng nhiệm vụ, từng công tác, từng tình thế cách mạng và tình hình quân đội, trong trường hợp cán bộ và chiến sĩ có vấn đề trong đơn vị. Và hầu như chẳng bao giờ anh với tôi phải tranh luận, phải cãi nhau. Tôi thấy tôi không cố điều gì phải phàn nàn về anh, cũng như chắc anh cũng chưa bao giờ phải phàn nàn với ai về tôi. Tuy rằng tính nết ta khá khác nhau. Anh nóng nảy nhưng cũng còn ít nóng hơn anh Vương Thừa Vũ, anh khắt khe với anh là chỉ huy quân sự, còn tôi thì ôn hòa, thường hay chậm chạp. Anh thiết thực trong cuộc sống hàng ngày, ít nói, ít cười, tôi thì nhiều ham say văn chương nghệ thuật, hay cười hay nói. Anh biết tôi

vậy và tôi cũng biết anh vậy và hai đứa mình hoàn toàn trọng nhau, ủng hộ nhau trong cách sống. Tôi với anh cùng nhất trí tổ chức cuộc họp tâm sự khi mới thành lập Đại đoàn, cùng tích cực tự phê bình sau chiến dịch đường 18 và nhất là sau chiến dịch Lý Thường Kiệt, đánh Nghĩa Lộ không xong. Ta xác định được trách nhiệm của Đại đoàn, cùng với trách nhiệm các Trung đoàn, vì vậy ai nấy nhận phần trách nhiệm của mình và thực hiện được điều Thắng không tranh công, thua không đổ lỗi,

* *

ấn tượng của tôi về anh là ấn tượng về một con người nhân hậu và trung thực. Và tôi mơ ước biết bao để người ta có thể sống với nhau nhân hậu và trung thực. Tôi biết rõ tính nóng của anh và tính ghê gớm hơn của Vương Thừa Vũ. Nhưng đó là cái nóng nảy của người có trách nhiệm và đặc biệt là của người nhân hậu. Nóng giận vì công việc, vì kỷ luật, chứ không phải để làm oai, để biểu dương quyền lực. Tôi còn nhớ anh Vũ đánh một chiến sĩ vô kỷ luật lấy ngựa của anh ấy đi chơi. Nhưng đánh xong, anh lại lau bầu bảo cậu chiến sĩ như bố nói với con. Còn ngồi đấy hả! - Vào ăn cơm đi! Còn anh, trong chiến dịch biên giới, chúng ta rất thú vị vì lần đầu tiên được chỉ huy bằng điện thoại. Thế mà cái lúc khẩn trương vây đánh Charton, anh cầm máy nói, bị đứt liên lạc anh quát mắng anh em thông tin âm ý lên rồi anh giơ cao cái tổ hợp định đập nó vào một tảng đá trong hang, nhưng anh giơ tay thật cao, xong anh lại hạ từ từ và thả nhẹ cái tổ hợp lên một lùm cỏ. tôi vừa buồn cười vừa yêu, anh giận mà vẫn khôn, vì anh biết ta còn quá nghèo, đập một máy nói thì tai hại bao nhiêu. Anh Vương Thừa Vũ cũng có lần chụp ảnh cứ bị mắc phim, giận quá đem đập cái máy ảnh vào... chần bông. Anh với tôi tự nhiên phân công nhau, mà không cần văn bản, không lên nghị quyết, không cần thảo luận. Khi có nhiệm vụ chiến dịch, tự nhiên anh lo tổ chức trinh sát và chuẩn bị chiến trường, vạch kế hoạch hành quân, còn tôi lo chỉ đạo tổ chức hành quân, kiểm tra và bảo đảm hậu cần. Tôi thường nhớ mãi mỗi khi sau trận đánh, tôi tự động lên việc chấn chỉnh tổ chức, bổ sung vật chất, anh tự động lo tổng kết kinh nghiệm và chuẩn bị kế hoạch cho trận đánh sau. Không bao giờ chúng ta có ý kiến khác nhau về cách đánh. Nếu tôi không có ý kiến thì ý kiến của anh cũng là ý kiến của cả hai người và ngược lại.

Anh nhân hậu và trung thực, nên tâm trí anh có thể chứa đựng được tâm trí tôi, tâm trí anh luôn mở rộng để đón nhận tâm trí tôi. Cũng như tâm trí tôi cũng sẵn sàng hấp thụ được tâm trí anh. Rất khó nói được rằng tôi học được ở anh cái gì vì những ý nghĩ hay của anh tự nó biến thành của tôi tự bao giờ, không ai hay. Ta nghe nhau thì đầu óc ta thêm giàu có

Chúng ta khác nhau khá nhiều về tính cách nhưng trong mỗi chúng ta chỉ cháy bỏng một ngọn lửa: Lòng yêu nước, ý chí trung thành với cách mạng. Mục đích cuộc sống của anh và của tôi chỉ là một. Chúng ta đánh giặc mà không hề nghĩ rằng mình sẽ làm tướng, cho dù bây giờ anh là Đại tướng. Chúng ta làm tướng để đánh giặc, chứ không phải đánh giặc để làm tướng. Và đó là điều gắn bó anh với tôi, không có sức mạnh và trở ngại nào phá vỡ nổi sự gắn bó đó.

Chúng ta sống với nhau tự nhiên, hồn hậu không cần phải bàn luận và nói nhiều điều to lớn về đoàn

kết..

Nghĩ đến đây, tôi bỗng thấy mình ngớ ngẩn mà tự hỏi mình rằng Tại sao có những người không chấp nhận được nhau, không chấp nhận được những ý tưởng, thậm chí quan điểm khác nhau và cả những điều khác nhau trong cách sống. Người ta phải gào to lên: Đoàn kết! mà thật sự lại sống với nhau không đoàn kết. Phải chăng người ta có thể tự tin và có ý tưởng và phương pháp của mình, cho nó là đúng nhất, là duy nhất cần thiết cho mục đích của cách mạng mà không chấp nhận bất cứ ý kiến nào khác. Nếu họ thành thật nghĩ như vậy thì có thể cho rằng đó là cách nghĩ ngu ngốc nhất. Còn nếu không thì hẳn là phải có những động cơ cá nhân rất xấu xa, tồi tệ mà họ không dám nói ra, không dám thừa nhận.

Và khi người ta đã có những động cơ xấu xa, người ta không từ bỏ một thủ đoạn hiểm độc nào kể cả thủ đoạn lừa lọc, cạm bẫy nhau và vu cáo, xuyên tạc v.v... Đó là một nỗi đau cho mỗi chúng ta.

Chúng ta đã không như vậy - Và chúng ta có quyền tự hào về điều đó. Tôi nhớ lại và cảm thấy thật sự có hạnh phúc khi cùng sống, cùng công tác với anh. Điều đó có được là nhờ ở bản chất nhân hậu trung thực của anh. Qua anh, tôi nhìn rõ được tôi là tôi cần phải cảm ơn anh và vui lòng vì không đến nỗi phải xấu hổ với anh... Anh và tôi cùng các đồng chí trong Đảng ủy Sư đoàn tạo cho Sư đoàn được truyền thống đoàn kết. Chiến thắng và Đoàn kết. Anh và tôi cũng có những bạn chiến đấu tuyệt vời như Nam Long, Hoàng Cầm, Lê Thùy, anh và tôi cùng nhau thương tiếc Thiết Cường, Thăng Bình. v.v...

Chúng ta không cần nói với nhau về tình người. Nhưng chúng ta ăn ở với nhau như những con người trung thực.

* * *

Anh Tấn ơi,

Có lẽ anh không biết những điều này. Khi tôi còn làm chủ nhiệm báo Vệ Quốc Quân, một lần được dự nghe anh báo cáo sau chiến dịch Lê Lợi của anh ở Suối Rút. Tôi thêm cuộc sống chiến đấu, tôi thú vị mãi hình ảnh của anh, một người chỉ huy chiến trường báo cáo. Thế rồi tôi bộc lộ nguyện vọng muốn ra đơn vị chiến đấu. Về ngay trung đoàn 209 làm Chính ủy để đỡ cho anh một nhiệm vụ mà anh phải gánh vác kiêm từ trước. Ngay từ bữa đầu anh đã cho tổ chức đón tôi trong bữa họp thân mật có liên hoan văn nghệ: mọi người nhảy múa xòe Thái Sơn La, tôi còn nhớ có cả Lê Linh Hùng Tráng, Phi Hùng, rồi ngay sau đó, anh đưa tôi đi thăm các đơn vị xem một đơn vị diễn tập đánh đồn bằng nằm bò ra sát hàng rào lông nhím của đồn địch và chặt rào bằng dao rựa. Anh giới thiệu với tôi một cách hào hứng về trình độ chặt rào của anh em công binh. Quả thật lúc ấy tôi thấy hơi thất vọng với cái thô sơ quá đỗi của quân ta, nhưng tôi vẫn hào hứng cùng anh.

Mười năm sau ấy, khi học tập ở Liên Xô, có lúc làm bài tập, anh đóng vai Tham mưu trưởng Tập đoàn quân, tôi đóng vai Chủ nhiệm pháo binh, tôi còn nhớ lại cái cảnh chặt rào năm trước. Tôi nhớ mãi anh hay nói có phỏng?. Cái lần vượt sông Đà ở gần núi Chẹ, nơi mà Nguyễn Bàng hy sinh, nơi

mà Bạch Đằng Hội đón ta ở bên kia sông, lúc đó pháo sáng địch bắn liên hồi, anh thì cứ sốt ruột gặp thuyền nào cũng muốn kéo tôi sang ngay và luôn mồm có phỏng? Ta sang đi, có phỏng?. Còn tôi thì vẫn cứ thông thả chờ anh em xếp thuyền nào thì đi thuyền đó.

Lại có lần trong chiến dịch Tây Bắc, anh với tôi đến một bản Mèo trước khi đổ dốc xuống La Hào Peng và về cách đồng Mậm Mười, ta gặp đội trinh sát Sư đoàn tới anh em cho ta ăn một bữa ngô luộc. Anh hỏi tình hình địch mà vẫn cứ luôn mồm có phỏng?.. Anh với tôi hay trao đổi nhận xét anh em cán bộ trong đơn vị. Chưa bao giờ chúng ta phái bực bội về một ai, có những cậu chày bữa không chịu công tác, nói năng lung tung, khi gọi đi học chính huấn, còn lầy Kiều thách thức:

Cũng liều nhắm mắt đưa chân.

Thử xem chính ủy xoay vần ra sao?

Có cậu ruộng rẫy vợ một cách vô lý. Chúng ta chỉ cười, cùng thương anh em, cùng bàn cách vun đắp cho anh em. Tôi cũng không biết tôi bị ảnh hưởng của anh, hay anh bị ảnh hưởng của tôi. Chỉ nhớ rằng về những việc như vậy, ta không bao giờ cãi cọ nhau. Cũng có những thời gian xa nhau, tôi theo dõi tin anh khi thấy anh ở chiến trường này, lúc thấy anh ở chiến trường khác, anh luôn là một tướng chỉ huy nhiều khả năng được tin cậy ở nhiều mặt trận.

Năm ngoái (1985) chúng ta cùng về kỷ niệm 35 năm ngày thành lập Sư đoàn, ta gặp lại nhiều cán bộ cũ. Sư đoàn ta có đến nấy chục người cấp tướng đủ cả thiếu, trung, thượng, đại... Anh em Sư đoàn đã rất tự hào có anh là người Sư tướng thân yêu đầu tiên của anh em, nay có trách nhiệm lớn trong toàn quân đội.

Chúng ta ngậm ngùi thương tiếc bao đồng chí đã không còn. Nhưng chúng ta cũng nói vui: chúng ta còn sống nhiều, và lại còn sống dai nữa. Thế mà bây giờ anh lại không còn.

Tất nhiên anh đã hưởng thọ khá khá, nhưng anh mất đi đột ngột quá, và vào cái lúc rất không nên vắng mặt. Thế mà anh lại đi đến với Bác Hồ một cách bất ngờ quá! Cũng gần sắp đến ngày kỷ niệm Quân đội và kỷ niệm thành lập Sư đoàn rồi đấy Anh Tấn ơi! Anh đã sống rất đẹp. Cái đẹp ấy không phải chỉ ở những chiến công, ở quân hàm Đại tướng và ở những huân chương.. Anh sống đẹp vì anh đã có tinh thần trách nhiệm cao, anh tận tụy hoàn thành các nhiệm vụ, anh được nhiều người yêu mến, tin cậy. Anh không phải bực mình vì ai không phải ghét ai, mà anh chỉ có tôn trọng và thương yêu. Cái đẹp ấy của cuộc đời anh để lại là quý giá vô cùng. Tôi rất hạnh phúc được sống lại những kỷ niệm với anh. Và đó là một hạnh phúc, một niềm vui chân chính. Nó giúp ta vượt qua được nhiều nỗi quay quắt, ô trọc trong cuộc sống hôm nay. Những kỷ niệm đã qua bây giờ bỗng lại trở thành mơ ước cho cuộc đời.

Cuộc đời còn muốn anh sống thêm nữa, cũng như cuộc đời đã thương tiếc bao người đã ra đi.

Nhưng anh có thể hoàn toàn yên lòng mà nghỉ ngơi và báo cáo với Bác Hồ. Anh mất đi nhưng những gì anh làm được, những gì anh có được, là những giá trị cao đẹp của cuộc đời này. Không còn được gặp anh nữa, không còn có được những giờ phút tâm tình nữa, tôi muốn có vài dòng tâm tình này với anh và với nhiều người.

Chị BA, Cô BA, Bác BA, Bà BA

Đó là cách gọi chị Ba Nguyễn Thị Định, tùy theo vị trí và lứa tuổi trong gia đình hoặc ngoài xã hội. Chị Ba là con út trong gia đình. Tôi thấy các cháu gọi chị là Cô út, Dì út nhưng khi chị đi làm cách mạng thì chị lại nhận một thứ: đó là thứ ba..

Phong tục ở Nam Bộ là gọi nhau bằng thứ chứ không gọi tên. Vì vậy chỉ cần gọi Chị Ba, Cô Ba... là người ta biết ngay đó là Nguyễn Thị Định. Sau khi nước nhà thống nhất, người miền Bắc nói đến chị, mới nói đầy đủ Ba Định. Nhưng cũng rất nhiều người chỉ nói chị Ba, cô Ba, Bác Ba và các cháu nhỏ thì Bà Ba với một sự triu mến kính trọng. Ba đã thành một tên không phải chỉ là tên người cụ thể, mà là tên của một cuộc đời đấu tranh, tên một phẩm chất, một tấm lòng và một tâm hồn. Hôm nay với Chị, tôi cũng nhắc đến chữ Chị Ba với ý nghĩa như vậy.

Tôi được biết chị từ đầu năm 1965. Lúc ấy tôi vừa chân ướt chân ráo vào đến chiến trường, gặp anh Nguyễn Chí Thanh (Anh Thanh cùng nhóm với tôi, nhưng vào được trước mấy tháng cùng anh Lê Trọng Tấn). Anh Thanh với tính cách sôi nổi và hồn nhiên, trong những câu chuyện đầu tiên, nói về Đại hội phụ nữ mới họp. Anh nói đến Đại hội phụ nữ để yêu cầu tôi phải thu xếp dự Đại hội Thanh niên sắp họp. Trong những câu chuyện về Đại hội Phụ nữ, anh hết lời ca ngợi phụ nữ Miền Nam trong cuộc đấu tranh giải phóng, anh nhấn mạnh tới ba phẩm chất đặc biệt của Phụ nữ Miền Nam: anh hùng, trung hậu, đảm đang. Anh rất hào hứng nói về các đại biểu dự Đại hội và đặc biệt nói nhiều về Chị Ba và nữ du kích Tô Thị Huỳnh (sau được tuyên dương anh hùng). Lúc ấy, Chị Ba đã gắn chặt với phương thức đấu tranh Đồng Khởi, ba chân hai mui, Ba mui giáp công. Tất nhiên không phải một mình chị là tác giả của các khái niệm vừa kể, nhưng tự nhiên tên tuổi chị gắn chặt với nó, vì chị đã sống trong thực tiễn đấu tranh của mấy phương thức đó và vì chị thuyết minh về những phương thức đó một cách rất sinh động và hấp dẫn. Anh Thanh nói về Tô Thị Huỳnh một cách ngây thơ thú vị, tôi còn nhớ anh nói: Huỳnh 19 tuổi, đánh 101 trận hơn Napoléon vì Napoléon đánh có 11 trận, Huỳnh hiền khô và rất dễ thương. Anh bảo tôi nhất thiết phải dự Đại hội Thanh niên để được gặp chị và Tô Thị Huỳnh là những nhân vật anh hùng có thật của cuộc chiến tranh, mà chúng tôi chỉ mới nghe nói. Tôi nói anh Nguyễn Chí Thanh ngây thơ là vì khi tôi gặp Tô Thị Huỳnh thì thấy Huỳnh không hiền khô mà là một nữ thanh niên to lớn, trông hơi dữ tợn và so sánh Huỳnh với Napoléon là quả khập khiểng vì Napoléon đánh 11 trận là 11 chiến dịch tầm cỡ quốc gia. Còn Huỳnh đánh 101 trận là kể cả những trận bắn vài phát đạn quấy rối một đồn địch, rồi về ăn cháo gà. Khi Đại hội chiến sĩ thi đua, Huỳnh nghe thành tích của anh hùng Bì Năng Tắc ở khu 6 ăn lá bếp 6 tháng để đánh địch, Huỳnh bảo các chú đánh giặc chi mà cực quá trời. Chúng cháu đi đánh giặc, mẹ ở nhà nấu cháo gà chờ về ăn. Chú Tắc mới thật là anh hùng. Còn chị thì đúng như anh Thanh nói: khỏe mạnh, hoạt bát và nhanh nhẹn.

* * *

Thế là sau đó chị đã là Phó Tư lệnh Miền của Quân giải phóng, phụ trách phong trào du kích, với tất

cả những sắc thái phong phú và mới mẻ của nó mà chị là một tư lệnh địa phương giàu kinh nghiệm. Những năm tháng chị công tác ở Bộ Tư lệnh Miền có rất nhiều kỷ niệm. Tôi không muốn nói nhiều về nội dung công tác, tôi muốn nhớ nhiều đến những kỷ niệm. Chị ở Bộ Tư lệnh Miền, vừa là một vị tướng du kích, nhưng cũng có vai trò một người chị, một người mẹ ở cơ quan. Chị theo dõi phong trào với tính cách rõ rệt một người dân Bến Tre và một phụ nữ. Tôi còn nhớ rõ sự bộc lộ những xúc động rất sôi nổi của chị khi quê hương Bến Tre có một thành tích, một chiến công hoặc một khó khăn mới nảy sinh. Chị cũng sôi nổi như vậy khi trên khắp đất nước có một chiến công, một thành tích nào của một đơn vị hay một người du kích nữ, dù đó là đơn vị ở Quảng Nam Đà Nẵng, ở Long An hay ở Châu Đốc. Chị không thể quên nhắc cơ quan xét thành tích và đề nghị khen thưởng, và chị không ngớt bình luận về tài năng quân sự của các nữ du kích. Tôi còn nhớ chị bình luận rất nhiều về một tấm ảnh đội nữ pháo binh địa phương, trong đó có khẩu đội trưởng đang chỉ ngón tay làm động tác chỉ huy. Chị không ngớt khen ngợi bàn tay đó với ngón chỏ cong cong vì chị cho là tuyệt vời. Trong các hội nghị tổng kết chiến tranh du kích và các đại hội anh hùng và chiến sĩ thi đua. Chị đặc biệt ân cần đối với các nữ đại biểu. Chị hầu như thuộc lòng các bản thành tích và lý lịch của các nữ du kích. Chị chăm lo việc tặng cho các chiến sĩ đó những món quà thiết thực trong chiến đấu như súng ngắn, tiểu liên nhẹ, vải nguy trang, vải mưa. Chị còn quan tâm đến cả những trắc trở trên đường đời riêng tư của các thiếu nữ anh dũng mà sinh đẹp. Chị chú ý hơn tới những chiến trường gian khổ hoặc quyết liệt. Những lúc này tình cảm một người chỉ huy cao cấp gần đồng hóa với tình cảm một người chị cả trong gia đình. Chị yêu quê hương thật tha thiết (Bến Tre) nhưng chị không cục bộ. Chị tự hào và bình vực chị em phụ nữ một cách mạnh mẽ và quyết liệt nữa. Nhưng chị không biệt phái. Tôi có thể nhận xét một cách vô tư và chính xác như vậy. Bởi vì tôi luôn lo cho chị về những điểm đó. Nhưng nỗi lo của tôi đã tỏ ra vô căn cứ. Chị dành một tình cảm đặc biệt sâu sắc đối với cán bộ và chiến sĩ miền Bắc được bổ sung vào chiến trường. Chị đã thông cảm khá đầy đủ với cảnh các bà mẹ và các người vợ tiễn con và chồng đi chiến đấu. Chị rất thương xót những thanh niên còn trẻ đại rời nhà trường để đi vào Nam chiến đấu (trong đó có cả con trai tôi). Tôi đã thấy chị khóc khi nghe anh em ở B3 (Táy Nguyên) báo cáo về đời sống thiếu thốn và gian khổ của các cán bộ và chiến sĩ. Chị hay bàn luận với chúng tôi: tôi và anh Ba Long (Lê Trọng Tấn) về sự hy sinh của đồng bào miền Bắc với lòng khâm phục và tình thương yêu đặc biệt.

Chị mới về công tác ở Bộ tư lệnh Miền được mấy hôm, với tính tình cởi mở của chị, tôi đã được biết rõ cuộc đời cách mạng của chị. Tôi được biết mối tình đầu của Chị với anh Bích, nỗi đau của chị khi mất anh Bích, tôi lại được biết nỗi đau của chị khi cháu Minh được tập kết ra Bắc ăn học rồi bị bệnh mà bỏ mình. Tôi đã thấy chị trong dịp năm 1969 ra viếng mộ cháu Minh ở Văn Điển (mà chị vẫn gọi cháu là thằng On). Tôi thấm thía nỗi đau của người mẹ và càng quý trọng chị hơn. Chị đã gánh vác nỗi đau người dân mất nước, mất tự do bị ngục tù, hành hạ: nỗi đau của người vợ trẻ xa chồng và mất chồng, nỗi đau của người mẹ mất đứa con duy nhất. Chị đã dành tất cả tình thương cho mấy đứa cháu được gần chị. Chị cũng nhận được niềm an ủi lớn lao, nhưng cái đó vẫn không bù đắp

được nổi đau mệnh mông và sâu thẳm của chị.

Tôi rất xúc động khi được biết là mới gần đây, chị đã đích thân đưa bài cốt cháu On về nhà ở Thành phố Hồ Chí Minh. Và ngay sau đám tang chị các cháu Thung và Mẫn đã thu xếp để táng hài cốt cháu On chung với chị. Vậy là cháu On, cuối cùng đã được về trong lòng chị, được chị ôm ấp, che chở mãi mãi. Hai mẹ con chị đã được ở bên nhau vĩnh viễn. Phải chăng đó cũng là một ước mơ thầm kín của chị đã được chị và các cháu tự mình thực hiện. Xin mừng cho chị.

Cuộc đời của chị là một đời cách mạng cao cả toàn bộ sinh lực và tinh thần của chị dành cho cách mạng. Luôn luôn chị sống với công tác cách mạng nhưng cũng luôn luôn chị đã sống như một người chị, người mẹ. Chị là một Phó tư lệnh như những người phó tư lệnh khác với chức trách của mình, nhưng chị lại vừa như một nữ chủ nhân của một gia đình gồm cả các tướng lĩnh và các cô, các chú binh nhất binh nhì. Chị lo cho mọi người từ miếng ăn, manh áo, liều thuốc. Các cô cấp dưỡng y tá đã tít tít quanh chị nhận những lời khuyên nhủ, dạy bảo của một mẹ hiền. Cũng rất độc đáo là trong Bộ Tư lệnh hình thành một tục lệ do anh Nguyễn Chí Thanh đề xướng: hễ từ ở chiến trường có một báo cáo là tiêu diệt một tiểu đoàn, thì chị Ba phải chiêu đãi anh em một bữa bánh bao. Thế là những lúc đó, Phó tư lệnh lại có mặt ở bếp để chỉ đạo nhào bột, làm nhân và hấp bánh. Chị còn đầy tinh thần cách mạng trong việc học tập. Chúng tôi quý chị lo cho chị học và tổ chức việc học cho chị. Chị là một học viên rất chăm chỉ và nghiêm túc. Cùng một lúc chị học văn hóa với các môn Sử, Địa, Toán, Lý và học quân sự với các thứ lý thuyết về chiến lược, chiến dịch chiến thuật, lý thuyết tấn công và phòng ngự, những kinh nghiệm lịch sử về chiến tranh du kích ngoài ra chị còn phải tự hoàn chỉnh những kinh nghiệm riêng của chị.

Tinh thần học tập của chị chứng tỏ chị ý thức đầy đủ những gì còn thiếu trong trí thức và năng lực. Chị không cần tỏ ra khiêm tốn, vì thông thường ở nhiều người cái tỏ ra đó nó giả dối, mà chị là người trung thực, chị chứng tỏ ý thức của chị bằng việc làm. Cách sống tận tụy và trung thực của chị vẫn còn mãi sau này khi chị đã lớn tuổi. Những năm tháng chị hoạt động trong Hội đồng Nhà nước, chị đi nhiều nhất, kiểm tra nhiều nhất và nhiều kiến nghị nhất. Chị thường trao đổi với tôi nỗi băn khoăn lo lắng của chị về tình hình đất nước về đời sống và lợi ích của nhân dân. Chị đã trung thành tuyệt đối với những lý tưởng cách mạng cao đẹp của chị cũng như của tất cả chúng ta. Nay chị không còn nữa, nhưng chị đã sống đẹp, sống tốt. Tôi tâm niệm và suy ngẫm nhiều về cuộc sống của chị. Đó là một cuộc sống của một con người trung thành với lý tưởng đời mình, trung thực và tận tụy với trách nhiệm và công việc đầy lòng thương yêu mọi người.

Chị đã có nhiều danh hiệu cao quý: Một vị nữ tướng quân duy nhất của đất nước. Một chủ tịch của Hội Liên hiệp Phụ nữ. Một Phó chủ tịch của Hội đồng Nhà nước. Như tôi thấy nhân dân thương tiếc chị không phải ở những danh vị đó, mà họ chỉ thấy thương tiếc một Chị Ba, một Chị Ba có tấm lòng, sống với mọi người đầy tình cảm và đạo lý. Đối với một cuộc đời một con người, cái đó là quý giá nhất. Chị mất đi, đời thương tiếc chị vì những gì chị để lại cho đời. Chị có thể yên lòng an nghỉ chắc chắn sự vận động của quy luật cuộc sống sẽ thực hiện được những lý tưởng của chúng ta. Nhân

dân, người đời đã tỏ ra thật vô tư và hiểu đúng được những giá trị đích thực. Chị hãy yên lòng và vui về.

Tào Mạt

Tôi biết Tào Mạt từ những năm cuối của thập kỷ 50 và những năm đầu của thập kỷ 60, lúc ấy anh là một cán bộ sáng tác của Đoàn Văn Công Quân Khu Hữu nghị mà tôi là Chính ủy. Chính ủy vốn hay quan hệ mật thiết với văn công. Tôi biết anh như một thành viên của Đoàn Văn Công. Tôi gặp anh hoặc nghĩ đến anh không bao giờ bằng cái tên thật của anh: Nguyễn Đăng Thục, mà chỉ là Tào Mạt. Lúc ấy cũng có người hay hỏi tôi tại sao anh ấy lại tên là Tào Mạt. Tôi thường trả lời theo sự phán đoán thô thiển của tôi: Cậu ấy là viết kịch mà ở Trung Quốc có một ông viết kịch giỏi tên là Tào Ngưu. Có lẽ cậu ấy muốn mình cũng giỏi như Tào Ngưu, nên lấy tên là Tào Mạt cho vui.

Rồi tôi cũng không bao giờ hỏi Tào Mạt về chuyện tên tuổi, mà tôi chỉ nhận biết con người ấy là Tào Mạt. Sau, tôi đọc lại Đông Chu Liệt Quốc, mới thấy có nhân vật Tào Mạt là tể tướng tài năng và cương trực. Tôi hiểu ý Tào Mạt là không phải muốn làm tể tướng mà muốn là một người tài năng và cương trực, thực sự anh đã là như thế.

Vì vậy anh không chọn những tên tuổi nổi tiếng quen biết khác, mà lại lấy tên của ông Tào Mạt một nhân vật trong Đông Chu Liệt Quốc, mà không ít người có đọc qua, cũng không nhớ lắm!.

Từ năm 1974, thì tôi gặp anh nhiều hơn. Sau 15 -20 năm, tôi gặp lại một Tào Mạt khác hẳn: Anh trưởng thành hơn, chín chắn hơn, hiểu biết hơn và cũng bốc lửa hơn.. Tôi gặp lại anh đúng vào lúc anh đang sáng tác và đạo diễn biểu diễn ba vở chèo nổi tiếng của anh, có một tên chung là Bài ca giữ nước. Anh đang thành công và cũng đang gặp khó khăn trắc trở. Anh có một mục tiêu mà anh đem cả sinh mệnh và ý chí tâm huyết ra thực hiện: khôi phục và phát triển ca kịch dân tộc (Chứ không phải chỉ là chèo). Tôi được nghe anh nói nhiều về việc này. Anh có một nhận thức toàn diện về việc này, mà tôi hoàn toàn tán thành và khâm phục. Đó là: cần phải biết rõ thực chất ca kịch dân tộc, (tức là chèo và cả tuồng, cả cải lương) nó là cái gì, là thế nào, và thực chất, nguồn gốc của nó là cái gì, thế nào? Muốn phát triển nó, phải hiểu thực sự thấu đáo những điều đó và anh đã thực hiện những ý kiến của anh một cách tốt đẹp và có hiệu quả. Tôi nhớ mãi những lúc anh nói chuyện với tôi về việc anh học tập để có vốn mà sáng tác Bài ca giữ nước. Anh đã học những nguyên lý cơ bản về ngôn ngữ Việt Nam, học những nguyên lý cơ bản về âm nhạc và thanh nhạc quốc tế. Anh bảo: dân tộc mình có kịch hát, hát thì phải có lời, muốn làm lời hát đúng và hay thì phải học ngôn ngữ và âm nhạc. Vừa nói chuyện vừa anh vừa hát thí dụ cho tôi một cách say sưa. Khi anh gặp một nghệ nhân có nhiều điệu hát cổ, anh liền mang máy ghi âm đến xin học, một cách kiên trì và công phu, anh học đến khi anh hát được như nghệ nhân hát. Anh không như một số người vì quá yêu nghệ thuật dân tộc, mà gần như bài bác mọi thành quả của loài người ở các nước khác. Đến mùa của chèo anh cũng đi học những nguyên lý cơ bản của múa ba lê, để tìm hiểu thật sâu sắc các điệu múa của dân

tộc mình. Anh học người để hiểu mình sâu hơn. Anh thường nhấn mạnh với tôi là muốn đào tạo diễn viên kịch hát dân tộc, phải bắt đầu các môn cơ huấn (huấn luyện cơ bản) về ngôn ngữ, âm nhạc và vũ đạo, chứ nếu chỉ học truyền nghề thì chậm mà không vững chắc, không thật chính xác. Có bữa trong phòng tôi, anh dọn hết bàn ghế và anh cứ mặc cái áo đi mưa bộ đội lờ lờ xoè sột soạt, và đôi giày sành đá có đinh kêu cồm cộp, mà anh hát, anh múa để minh họa những ý kiến của anh. Anh đọc tất nhiều và rất thuộc nhiều văn cổ của Việt Nam. Anh nói chuyện cũng nói với giọng văn cổ. Và anh sáng tác lời hát cũng thấm nhuần cái âm điệu và cách hành văn và ngôn từ của văn cổ. Nên lời hát của anh chau chuốt, hợp âm điệu, người nghe dễ nghe và người hát dễ hát. Lời của anh, đều có nhiều ý vị triết học, đạo lý mà không bị loãng xoảng những danh từ chính trị hiện đại.

* * *

Tôi còn khâm phục anh ở tinh thần và ý chí tự học: Anh đọc toàn bộ Lê nin toàn tập đọc kỹ Hồ Chí Minh toàn tập, anh đọc nhiều tác phẩm của Lê Quý Đôn, Nguyễn Trãi, Nguyễn Bình Khiêm, của Nguyễn Khuyến, Tú Xương, Hồ Xuân Hương, đến Tản Đà... và anh thuộc lòng nhiều đoạn. Anh tự học chữ Nho và trở thành một người làm thơ chữ Nho nhiều và hay, một người viết chữ Nho rất bay bướm và rất đẹp. Tôi đã gặp nhiều nơi treo thơ chữ Nho của anh như những bức tranh nghệ thuật và kể cả phòng tôi cũng luôn có tranh của anh. Có Tết 1992, anh lóc cóc đến nhà tôi, đeo theo một túi bút nho, một nghiên mực, bắt tôi đưa cho anh mấy tờ giấy trắng lớn rồi anh dọn bàn nước, phủ phục xuống để viết thơ Tết tặng tôi, anh lại còn tặng luôn các cháu nhà tôi mỗi đứa một bài.

* * *

Tôi tâm đắc với anh rất nhiều ý kiến về nhận thức văn nghệ. Tôi còn nhớ nhiều câu nói của anh, nó ngạo ngược nhưng sâu sắc và thật, mà anh chỉ nói với tôi thôi và cả tinh thần chiến sĩ của anh, tôi lại tâm đắc cả với những khát vọng nghệ thuật của anh mà anh thấy là còn phải làm việc thật nhiều. Tôi yêu cái tinh thần lạc quan và bốc lửa của anh. Anh nằm bệnh viện mấy tháng, tôi chỉ thăm anh được ba lần, mà cuối cùng không được đưa tiễn anh. Lần nào vào, anh là người bệnh lại nói nhiều hơn tôi là người thăm. Tiếng nói của anh cứ sang sảng và dự kiến của anh hầu như vô tận. Trong lúc anh ốm, anh được in một tập sách mỏng những lời tâm huyết là hầu hết những ý kiến của anh tôi đã được nghe và tán thành về cơ bản. Anh phẩn khởi tặng tôi một cuốn khi anh trên giường bệnh. Anh Tào Mạt có thể còn có những hạn chế về tư duy, về thông tin, nhưng nói chung, tôi nhìn nhận anh là một Nghệ sĩ lớn xứng đáng danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân với thực chất của nó. Anh còn nhiều khát vọng, nhiều hoài bão nghệ thuật. Rất tiếc anh không còn để thực hiện những điều mà ngoài anh ra không ai làm nổi.

Nhưng Tào Mạt ơi! Anh có thể yên tâm an nghỉ. Vì chỉ cần anh để lại cho đời bộ ba chèo Bài ca giữ nước và Mấy lời tâm huyết cũng là anh đã để lại cho đời những giá trị cao quý mà rất ít người có được. Tôi mãi mãi nhớ anh và Đời cũng mãi mãi nhớ anh!

Chương 1 Tập 2

Ngót mười năm ở chiến trường, sau khi hiệp định Pa-ri được ký kết, các anh ở Trung ương Cục, Bộ Tư lệnh miền gọi ý tôi tranh thủ ra Bắc nghỉ ngơi một thời gian. Đầu năm 1974, sau khi hoàn thành một số nhiệm vụ cần thiết và bàn giao xong mọi công việc tôi lên đường trở ra Bắc.

Cuộc chia tay thật bịn rịn. Tôi lần lượt đến các cơ quan của Trung ương Cục, Quân ủy Miền, Bộ tư lệnh Miền và đặc biệt là các anh em trong cơ quan chính trị mà có thời gian tôi vừa là phó Chính ủy Miền vừa là Chủ nhiệm Chính trị, bắt tay từng người, lưu luyến. Khó mà nói hết được tình cảm hết sức cao đẹp và thiêng liêng của những người đồng chí ở nơi khói lửa chiến trường.

Lần này ra Bắc tôi không đi máy bay như hồi 1969 cùng anh Nguyễn Văn Linh dự lễ tang Bác Hồ, mà là đi dọc Trường Sơn theo con đường chiến lược mang tên Hồ Chí Minh. Khi được tin này tôi rất thích thú, bởi nó rất phù hợp với nguyện vọng của tôi bấy lâu nay. Cách đây mười năm, khi đi B, tôi đã đi một con đường đặc biệt: Hà Nội - Quảng Châu bằng máy bay; Quảng Châu-Xi-ha-núc-vin bằng tàu thủy; Sau đó lên Nông Pênh rồi trở về căn cứ Trung ương Cục ở sát biên giới Việt Nam-Campuchia. Lần này ra Bắc lại được đi theo đường Trường Sơn, con đường chiến lược huyền thoại, thì đối với tôi là một niềm vui lớn. Vốn từ lâu, tâm trí tôi đã luôn hướng về con đường mà hàng vạn hàng vạn đồng đội của tôi đã lần lượt băng qua để từ hậu phương lớn vào tiền tuyến lớn. Tôi muốn tận mắt nhìn thấy và chia sẻ nỗi gian nan, vất vả với họ. Và quả thật, là người Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh, nếu ai chưa từng đặt chân tới tuyến đường lịch sử này sẽ là một thiệt thòi lớn. Tất cả những cuốn sách đã viết ra, những bộ phim đã hoàn thành, những lời ca ngợi của phương Tây... chỉ mới nói lên được một phần rất nhỏ tầm vóc thời đại của con đường.

Có thể nói đường mòn Hồ Chí Minh là hình ảnh thu nhỏ của cuộc kháng chiến thần thánh của nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo tài tình của Đảng. Cùng với 3 lần đánh thắng quân Nguyên, mười năm Lam Sơn tụ nghĩa dân tới "Bình Ngô Đại Cáo". Quang Trung đại phá quân Thanh... cuộc chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta thực sự là một cột mốc chói lọi trong trang sử vàng bốn nghìn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc. Chính ở thời điểm này, vai trò của Đảng cộng sản Việt Nam và vai trò của Chủ tịch Hồ Chí Minh được khẳng định như là yếu tố quyết định nhất trong mỗi thắng lợi của nhân dân ta.

Sau mười năm lăn lộn ở chiến trường ác liệt, trên đường trở về hậu phương lớn, tâm hồn tôi vẫn trong trẻo một niềm tin, phơi phới một niềm tự hào chính đáng về dân tộc anh hùng, về Bác Hồ vĩ đại, về Đảng cộng sản Việt Nam quang vinh do chính Bác Hồ sáng lập, giáo dục và rèn luyện. Những khuôn mặt tôi gặp trên đường đi, từ những anh bộ đội trẻ măng đến các cô thanh niên xung phong đã hy sinh cả tuổi xuân để giữ vững con đường huyết mạch, đều để lại trong tôi những ấn tượng đẹp đẽ về thế hệ sinh ra và lớn lên sau Điện Biên Phủ. Chính họ cùng với thế hệ chống Pháp, đã làm nên kỳ

tích của thế kỷ 20: "Một dân tộc nhỏ mà đã anh dũng đánh thắng hai đế quốc to là Pháp và Mỹ".

Trong những năm ở chiến trường, nhìn những gương mặt gái, trai tuổi mới 18, đôi mươi ấy, nhiều lúc tôi không ngăn được nước mắt, đặc biệt là những lúc tôi đến động viên họ trước khi bước vào một trận đánh, bởi tôi biết chắc trong số họ có những người sẽ không trở về. Cũng có nghĩa là những người mẹ ở miền Bắc sẽ nhận được những tờ giấy báo tử báo tin con mình đã hy sinh. Nỗi đau này là không gì so sánh được.

Đó là sự hy sinh vô giá. Bởi vậy, từ lâu tôi luôn nghĩ rằng, khi nói đến thắng lợi vĩ đại của cuộc chống Mỹ cứu nước, bên cạnh nguyên nhân là sự lãnh đạo của Đảng, phải nói đến nguyên nhân quan trọng khác là sự đóng góp to lớn của nhân dân, của hàng triệu chiến sĩ trên các mặt trận. Nhớ đến một câu nói nổi tiếng của Lê Nin: "Suy cho cùng thắng lợi của một cuộc chiến tranh tùy thuộc vào tinh thần chiến đấu của người lính ở chiến trường". Tất nhiên, để có tinh thần chiến đấu đó, những người lính phải có một hậu phương tuyệt vời như hậu phương miền Bắc của chúng ta với sự hy sinh thầm lặng của hàng triệu, hàng triệu người vợ, người mẹ anh hùng, trung hậu, đảm đang suốt ngày đêm lo toan mọi việc để chồng con yên tâm đánh giặc. Quên mất điều này là có tội. Chẳng những thế, sẽ dẫn đến những cách nghĩ không đúng về mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân. (Nhân dân biết ơn Đảng và Đảng cũng biết ơn nhân dân, vì chính nhân dân là cội nguồn của mọi chiến thắng).

Trở lại miền Bắc, sau mười năm ở chiến trường, thông thường thì người ta chỉ muốn nghỉ ngơi, thăm thú. Sau một tuần về quê thăm mẹ ở quê hương Tiền Hải, tôi đã đi thăm một số tỉnh ở Việt Bắc, Nam Hà, một số địa phương ở Thái Bình, gặp gỡ hỏi chuyện một số cán bộ cơ sở để nắm rõ tình hình miền Bắc trong mười năm qua...

Và tôi đã nhận ra ngay một điều là tình hình miền Bắc qua đài qua các nghị quyết được phổ biến, ít giống như những điều tôi vừa mắt thấy, tai nghe, có điều còn khác rất xa. Và tôi đã sớm đi đến kết luận: ở miền Bắc đang có nhiều hiện tượng tiêu cực, không những trong xã hội, mà cả trong một số các tổ chức Đảng, trong bộ máy chính quyền.

Tôi giành thời gian nghiên cứu nghị quyết 22, xin được đọc một số báo cáo tình hình các mặt và tôi suy nghĩ, tìm hiểu để khẳng định thêm kết luận của mình. Tôi âm thầm suy nghĩ mà chưa vội nói với ai. Bởi trong thời điểm đó, người ta đang nói nhiều đến một tiền tuyến lớn anh hùng, một hậu phương lớn anh hùng, một miền Bắc xã hội chủ nghĩa ưu việt, với những năng suất cao trong công nghiệp, những cánh đồng 5 tấn trong nông nghiệp và với một hình ảnh được khái quát nổi tiếng: "Ra ngõ gặp anh hùng".

Chỉ khi nào gặp một người bạn cũ thật thân thiết cả những người ở cương vị cao, tôi bộc lộ tâm sự về suy nghĩ của mình, thì ngay lập tức được sự cộng hưởng: Ông mới về chỉ mới thấy thế thôi. Trong một số lĩnh vực còn nghiêm trọng hơn nhiều, nhưng phải có thì giờ suy nghĩ rồi mới dám nói. à ra thế! Thế là còn vấn đề lớn hơn, đáng quan tâm hơn: đó là vấn đề dân chủ, dân chủ trong Đảng và trong xã hội. Phải chăng đây là nguyên nhân của mọi nguyên nhân. Tôi nhớ hồi ở Việt Bắc, đọc tác

phẩm "Sửa đổi lỗi làm việc" của Bác, tôi đã từng kinh ngạc về một nhận định thiên tài:

Những ai nói chúng ta không dân chủ thì chúng ta khó chịu. Nhưng nếu chúng ta xét cho kỹ thì thật có như thế.

"Đối với cơ quan lãnh đạo, đối với những người lãnh đạo các đảng viên và các cán bộ dù có ý kiến cũng không dám nói, dù muôn phê bình cũng sợ, không dám phê bình. Thành thử cấp trên với cấp dưới cách biệt nhau. Quần chúng với Đảng xa rời nhau. Trên thì tưởng cái gì cũng tối đẹp. Dưới thì có gì không dám nói ra.

"Họ không nói, không phải vì họ không có ý kiến, nhưng vì họ nghĩ nói ra cấp trên cũng không nghe, không xét có khi lại bị trừ" là khác."

"Họ không dám nói ra thì họ cứ để trong lòng, rồi sinh ra uất ức, chán nản. Rồi sinh ra thói "không nói trước mặt, chỉ nói sau lưng". Trong Đảng im tiếng, ngoài Đảng nhiều mồm", sinh ra thói thậm thà thậm thụt" và những thói xấu khác..."^{8[1]}

Tác phẩm này Bác viết vào năm 1947, tính đến nay là ngót một nửa thế kỷ nhưng vẫn còn mang tính thời sự biết bao!

Thiên tài Hồ Chí Minh không những thể hiện ở những quyết sách lớn mang tầm chiến lược mà còn thể hiện ở những câu nói bình thường giản dị, mà sức sống của nó xuyên suốt cả chiều dài lịch sử. Ví như năm 1945, trong thư gửi các đồng chí tỉnh nhà (tỉnh Nghệ An) ngày 17-9, Bác đã khẳng định: Lực lượng toàn dân là vĩ đại hơn hết, không ai chiến thắng được lực lượng đó." Một tháng sau, cũng trong năm 1945, ngày 17 tháng 10, trong thư gửi ủy ban nhân dân các kỳ, tỉnh, huyện và làng, Bác lại căn dặn:

"Việc gì lợi cho dân ta phải hết sức làm, việc gì hại đến dân ta phải hết sức tránh. Chúng ta phải yêu dân kính dân thì dân mới yêu ta, kính ta..."

Hơn một nửa thế kỷ đã trôi qua, sau những chấn động của các sự kiện lịch sử trong thời gian gần đây, ta tươi thắm thía những lời cảnh cáo của Bác:

Lực lượng toàn dân là lực lượng vĩ đại hơn hết. không ai chiến thắng được lực lượng đó." "Chúng ta phải yêu dân, kính dân, thì dân mới yêu kính ta."

Suy ra, nếu không như thế thì ngược lại. Diễn biến tình hình Đông Âu, tình hình Liên xô vừa qua chứng minh rất rõ những dự báo của thiên tài Hồ Chí Minh.

Tôi phải trăn trở nhiều đêm với một câu hỏi: Có nên nói hay không nên nói thực trạng xã hội miền Bắc và những nhận định của mình với các đồng chí lãnh đạo cao cấp Liệu các anh có cho mình là "hâm" không? Hoặc xấu hơn, các anh có quy kết mình thẳng thắn thế này, thế nọ hay không?

Tôi tin là không, và nghĩ các anh sẽ hiểu mình. Đặc biệt là đối với anh Trường Chinh, người mà tôi có vinh dự được làm người giúp việc từ năm 1944, sau khi vượt ngục từ Sơn La về. Đạo đó, tôi giống

như là "Chánh văn phòng" của Tổng Bí Thư, được anh Trường Chinh yêu mến, giao nhiều việc quan trọng, và việc nào cũng hoàn thành tốt. Chính tôi được chứng kiến từ đầu sự ra đời của bản "Đề cương văn hóa" do anh Trường Chinh soạn thảo. Sau đó anh Trường Chinh đề cử tôi mang "Đề cương văn hóa" sang phổ biến cho anh Lê Quang Đạo, lúc bấy giờ là Bí thư thành ủy Hà Nội, phụ trách văn hóa cứu quốc.

Anh Đạo bố trí cho tôi gặp các văn nghệ sĩ trong nhóm để tôi trực tiếp phổ biến bản đề cương. (Cuộc họp diễn ra vào ngày mùng 2 Tết năm 1945, trong nhà anh Tô Hoài. Tôi còn nhớ đó là một căn buồng tối om, có một cái giường bằng gỗ, có một tấm ván kê làm bàn. Chúng tôi được mẹ Tô Hoài kiếm cho mấy cái bánh chưng, chấm nước mắm mà ăn vẫn rất ngon). Ở đây lần đầu tiên tôi đã gặp các nhà văn, nhà thơ mà khi còn ngồi ghế nhà trường tôi rất ngưỡng mộ: Tô Hoài, Nguyên Hồng, Nguyễn Huy Tưởng... Trong lúc truyền đạt tôi đã cố gắng làm rõ những ý tưởng lớn mà tôi đã tiếp thu được qua những suy nghĩ mà anh Trường Chinh trao đổi với tôi trong quá trình chuẩn bị bản đề cương, đặc biệt là 3 nguyên tắc: Dân tộc, khoa học, đại chúng... Có lẽ bắt đầu từ đây, từ bản đề cương văn hóa này và từ cuộc tiếp xúc đầu tiên với các nhà văn nhà thơ trong thời kỳ hoạt động bí mật, mà tôi có duyên nợ với văn hóa văn nghệ, duyên nợ cho đến suốt đời.

Tháng 2 năm 1990, có chân trong ban dự thảo cương lĩnh đại hội VII, tôi đã đề xuất một số vấn đề văn hóa Việt Nam, với tên là "Một phác thảo cương lĩnh văn hóa Việt Nam những năm 1990". Rất tiếc là lúc này anh Trường Chinh vừa mới đi xa. Không biết nếu còn sống anh sẽ đánh giá thế nào về bản phác thảo đề cương của tôi, người học trò, người em của anh hôm nay, đặc biệt là các điểm 8 và 9: Điểm 8: Phát triển nền văn hóa nghệ thuật Việt Nam xã hội chủ nghĩa dựa trên cơ sở quan niệm đúng đắn về bản chất và chức năng thực sự của nghệ thuật như một tiếng nói bồi đắp lương tri và đạo đức cho xã hội. Thực hiện đầy đủ chính sách tự do sáng tạo và tự do phê bình.

Điểm 9: Ra sức bảo tồn mọi di sản văn hóa của dân tộc bao gồm cả nền văn hóa của từng dân tộc ít người. Kết hợp kế thừa văn hóa cổ truyền với giao lưu văn hóa thế giới, làm cho văn hóa dân tộc ngày càng dày thêm, giàu thêm.

Đây chính là vấn đề mà nghị quyết Trung ương 9 khóa VII vừa rồi của Đảng nâng lên thành một trong số 6 quan điểm chủ yếu quán triệt trong toàn Đảng, toàn quân, toàn dân để tiến tới Đại hội VII... Rõ ràng thực tiễn cuộc sống đã đi vào Nghị Quyết không cưỡng lại được, chứ không như ta thường nói đưa Nghị quyết vào cuộc sống.

Với chính sách mở cửa, kéo theo sự du nhập ồ ạt các nền văn hóa ngoại lai, đặc biệt là văn hóa phương Tây nếu không giữ gìn và phát triển nền văn hóa dân tộc thì không tránh khỏi nguy cơ xuống cấp đạo đức về nhiều mặt. Ngay từ tháng 2 năm 1990, tôi đã khẩn thiết đưa vấn đề này vào cương lĩnh, vào các nghị quyết, nhưng không được coi trọng đúng mức. Kể ra như thế đã là chậm. Năm 1995 mới có nghị quyết 9 về 6 quan điểm chủ yếu thì càng chậm hơn, nhưng người ta nói: chậm còn hơn không. Cũng giống như sự kiện khoán hộ của Kim Ngọc. Tỉnh ủy Vĩnh Phúc do Kim Ngọc làm bí thư đã đề ra khoán hộ từ tháng 9 năm 1966, nhưng liền sau đó bị kiểm điểm, bị cấm đoán. Đảng

cầm, nhưng dân cứ làm, như một câu nói vui từng có thời lan truyền rộng rãi: đảng có sách, dân có cách", vì dân có thực tiễn cuộc sống của dân. Nhưng một Đảng luôn luôn tự cho mình là sáng suốt. Nghị quyết nào cũng là một nguồn ánh sáng rực rỡ" mà để dân phải làm chui một việc đúng thì thật là đau lòng.

Như ta biết, mãi hơn 20 năm sau, 1988, Đảng mới có Nghị quyết 10 cho phép nông dân thực hiện khoán hộ. Và những gì xảy ra sau đó thì chúng ta đã biết. Chỉ hai năm Việt Nam đã từ một nước thiếu ăn triền miên trở thành một nước xuất khẩu gạo đứng hàng thứ 3 thế giới. Nhưng khi nói đến sự kiện này người ta chỉ nói đến "sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng" đến Nghị quyết 10, mà quên mất công lao hàng đầu chính là nhân dân, là sự năng động nhạy bén của cơ sở, tiêu biểu là sự năng động của đồng chí Bí thư tỉnh ủy Kim Ngọc. Sự kiện này đã gây thắc mắc kéo dài trong nhân dân ở miền Bắc trước đây và lan rộng ra cả miền Nam sau ngày giải phóng. Thử bình tĩnh nhìn lại mà xem, nếu các năm 89, 90, 91 cứ tiếp tục cái cảnh hàng nghìn người đói khát, rách rưới từ các miền quê Thanh Hóa, Nghệ An kéo từng đoàn dài ra Hà Nội như các năm 1977 thì tình hình sẽ ra sao?

Vấn đề lương thực không chỉ căng thẳng ở miền Bắc mà cả ở miền Nam, vừa lúa của Đông Dương, từ thời Pháp đã xuất cảng gạo, chỉ sau giải phóng miền Nam ít lâu, dân Sài Gòn đã phải ăn bo bo và cũng ăn cơm độn mì như đồng bào miền Bắc. Nguyên nhân chủ yếu là chúng ta đã sớm áp đặt mô hình hợp tác xã vào nông thôn miền Nam, khiến người nông dân tài hoa của đồng bằng sông Cửu Long khó có thể phát huy được tính tích cực năng động vốn có của mình mà phải "noi gương nông dân miền Bắc đi làm theo kèng", "cấy chay, cày gãi, bừa chui cho xong việc để về sớm, mặc dù có nơi thu hoạch chỉ có 3 lạng thóc một đầu người. Và kết quả tất nhiên là đói, đói từ miền Bắc đói vào, đói lan tràn khắp nước. Thật là đau lòng khi ở một đất nước nông dân thì cần cù, sáng tạo, đất đai thì màu mỡ phì nhiêu mà phải liên tục nhập khẩu gạo. Có thể nói sự kiện khoán hộ là một trong những sự kiện điển hình nhất để lại dấu ấn khá đậm trong sự lãnh đạo của chúng ta. Chúng ta đừng quên mất lời dạy của Bác Hồ:

"Một Đảng mà giấu giếm khuyết điểm của mình là một Đảng hỏng. Một Đảng có gan thừa nhận khuyết điểm của mình, vạch rõ vì đâu mà có khuyết điểm đó, xét rõ hoàn cảnh sinh ra khuyết điểm đó, như thế mới là một Đảng tiến bộ, mạnh dạn, chắc chắn, chân chính..."^{9[2]} Tôi tìm đọc lại những trang này trong cuốn "Sửa đổi lỗi lầm việc". Đọc đi, đọc lại, càng đọc càng thấy Bác Hồ thật vĩ đại. Người như thấu hiểu mọi lẽ trên đời, hiểu hiện tại và đoán biết cả tương lai. Nếu như ta không biết những dòng này Bác viết từ năm 1947 cứ ngỡ là Bác đang nói với chúng ta hôm nay. Tôi cảm thấy những dòng chữ của Bác như những cặp mắt đang nhìn thẳng vào tôi và nghiêm khắc hỏi: "Anh vào Đảng từ hồi bí mật, đã trải qua hai cuộc kháng chiến, đứng trước cái chết, trước kẻ thù anh không sợ, liệu anh có dám nói ra những điều anh nhìn thấy không?

Những lời dạy của Bác Hồ như khuyến khích tôi, và tôi hạ quyết tâm sẽ viết những điều tôi đang suy

nghe lên Bộ Chính Trị bằng hình thức một lá thư để các anh tham khảo. Tôi sẽ viết một cách chân thật, thẳng thắn, với tất cả tinh thần trách nhiệm của một đảng viên cộng sản.

Tháng 3 năm 1974, tôi nhận quân hàm Trung tướng. Như vậy là từ ngày nhận quân hàm Thiếu tướng đến ngày nhận quân hàm Trung tướng, thời gian kéo dài 16 năm. Đối với tôi đó là một ngày vui đáng ghi nhớ. Bởi ra đi làm cách mạng, ngay từ đầu đã bị tù đày, tra tấn, tôi và những người cùng lứa với tôi, có ai nghĩ là mai sau sẽ trở thành tướng lĩnh hoặc ông này, ông nọ. Đánh đổ đế quốc phong kiến, giành độc lập hoàn toàn cho Tổ quốc, đưa đất nước đi lên chủ nghĩa cộng sản, công nhân làm chủ nhà máy, nông dân làm chủ ruộng đồng, mọi người đều bình đẳng, ấm no, hạnh phúc... Đó là lý tưởng cao đẹp từng theo tôi suốt chặng đường hành quân đánh giặc 30 năm qua. Bây giờ được nhận quân hàm Trung tướng, đối với tôi là một vinh dự lớn. Đây là điều tôi ít khi nghĩ đến.

Cùng nhận quân hàm đợt này với tôi có các đồng chí Lê Trọng Tấn, Đàm Quang Trung ở Bộ tư lệnh Đại đoàn 312 cũ, các đồng chí Trần Văn Trà, Lê Đức Anh... ở Bộ tư lệnh B2 và nhiều đồng chí khác cùng đợt phong quân hàm năm 1958. Có những đồng chí tiến bộ vượt bậc như đồng chí Lê Đức Anh, Đồng Sĩ Nguyên... Năm 1958 chỉ mới được phong Thượng tá, Đại tá, nay đều nhận quân hàm Trung tướng. Tôi chúc mừng tất cả. Điều này nói lên sự lớn mạnh vượt bậc của Quân đội ta.

Tôi đang suy nghĩ về bức thư gửi Bộ Chính trị thì được tin Văn phòng Trung ương cho biết, Ban bí thư bố trí cho tôi đi tham quan Cộng hòa dân chủ Đức một thời gian. Tôi nghĩ cũng là một dịp tốt để có tầm nhìn bao quát hơn, giúp cho những nội dung tôi trình bày có thêm những căn cứ khoa học. Rất may mắn là những điều tai nghe mắt thấy ở Cộng hòa dân chủ Đức càng thôi thúc tôi viết thư cho Bộ Chính trị. Những vấn đề nung nấu trong tôi từ ngày ra Bắc càng thêm chín mùi. Không viết được, chưa viết được, lòng dạ cứ không yên chút nào. Đêm nào nằm cũng suy nghĩ có đêm hầu như thức suốt, bất chợt nảy ra ý gì mới lại vội vàng trở dậy ghi chép, sợ sáng ra lại quên mất. Cứ như thế ròng rã hơn một tháng trời tôi mới viết xong bức thư 14 trang. Tôi không đề gửi Bộ Chính trị, sợ như thế nó to tát quá. Cân nhắc mãi tôi chỉ đề gửi các anh Lê Duẩn, Trường Chinh, Lê Đức Thọ, để vừa mang tính chất chung, gửi cho các anh ấy tức là gửi cho Bộ Chính trị rồi, nhưng cũng vừa mang tính chất cá nhân, thân tình bộc lộ những suy nghĩ của mình như lời tâm sự của một đứa em đối với các anh lớn...

Rất may là tôi còn giữ được bức thư cho đến ngày hôm nay. Do đó, để cho trung thực, khách quan, có tính lịch sử, tôi xin chép ra nguyên văn bức thư ấy. Mặc dầu hiện nay tình hình chung đã khác trước nhiều, Đảng ta đã qua 4 lần Đại hội, tới là Đại hội VIII. Những suy nghĩ của mình cách đây hơn 20 năm không tránh khỏi những ấu trĩ, ngây thơ nhưng tôi không sợ mọi người cười chê, bởi tôi tin ở tấm lòng chân thật của mình, mà chân thật chính là một trong những tiêu chuẩn của cái đẹp. Tôi không có tham vọng gì trong bức thư này. Có chăng là sự mong muốn cháy bỏng của một người lính từ chiến trường trở về, làm sao cho đất nước ngày càng phát triển, đời sống nhân dân ngày càng

được nâng cao, Đảng ta ngày càng trong sạch, chính quyền ta ngày càng vững mạnh...

Kính gửi: Anh Ba, anh Năm, anh Sáu¹⁰[3]

Vừa qua trong mấy tháng, tôi đã được đọc Nghị quyết 22, nghe báo cáo một số tình hình, đi thăm các tỉnh ở Miền Bắc Nam Hà, Thái Bình, được nghe chuyện cụ thể của một số cán bộ kể có ý muốn phản ánh các khía cạnh của tình hình. Tôi được Trung ương cho đi thăm nước Cộng hòa Dân chủ Đức, lúc về tôi qua Moscow vài ngày, Bắc Kinh vài ngày.

Qua tất cả cả các sự quan sát, thấy và nghe được tôi chưa chú ý đi sâu nghiên cứu có hệ thống được một vấn đề nào nhưng tổng hợp những điều đã thấy và nghe được, tôi có một số cảm giác, ấn tượng. Tôi không muốn chờ đợi mà tôi muốn báo cáo với các anh những cảm giác, ấn tượng là có tôi chút suy nghĩ sơ bộ với các anh. Tôi không có tham vọng đề đạt một ý kiến to tát nào. Vì tôi chắc Bộ Chính trị đã nắm tình hình và đã suy nghĩ rất nhiều đã được nghe nhiều ý kiến, đã có nhiều dự án. Tôi chỉ muốn để các anh thấy thêm một số khía cạnh, có tác dụng làm phong phú thêm cho sự suy nghĩ, nói cách khác là tôi cũng nêu lên những thắc mắc, những mong mỏi, những câu hỏi để các anh suy nghĩ giải đáp trong lúc các anh cũng đang giải đáp những vấn đề đã đặt ra.

I

ở miền Bắc đang có nhiều hiện tượng tiêu cực trong xã hội và cả trong các tổ chức Đảng, trong bộ máy chính quyền. Và những hiện tượng tiêu cực trong tổ chức Đảng và chính quyền tác động nhiều trong xã hội. Điều đó ai cũng thấy. Thế nhưng vấn đề là tại sao nó lại biến chuyển chậm chạp? Sự biến chuyển chậm chạp này đã tạo nên một tình trạng giảm sút lòng tin trong cán bộ, trong đảng viên, trong nhân dân và đáng lo ngại hơn cả trong thanh niên. Tôi đã gặp một số thanh niên, họ nói thực lòng Họ tin và họ phục vào lịch sử Đảng, lịch sử dân tộc. Nhưng đứng trước hiện tại và tương lai họ giảm sút lòng tin

Giảm lòng tin vào những mục tiêu cụ thể của các sự nghiệp, giảm lòng tin vào lý tưởng, vào đường lối.

Những hiện tượng tiêu cực của xã hội (và trong Đảng trong chính quyền) làm vẩn đục sự trong sáng và đẹp đẽ của những lý tưởng, đầu độc những lòng say mê hăng hái có tính chất lãng mạn cách mạng, tạo nên một triết lý "sống tiêu cực tạo nên "một thể lực xã hội bao vây và xô đẩy những tâm hồn trung thực.

Tình trạng trên có những nguyên nhân và khuyết điểm là sự kém cỏi trong sự lãnh đạo quản lý xã hội. Nhưng có phải nó còn đang phản ánh một cái mâu thuẫn gay gắt giữa những nhu cầu ngày càng cao do được kích thích bởi sự phát triển văn hóa và tình hình phát triển của thế giới với sự thiếu thốn của cơ sở Vật Chất của ta? Tức là mâu thuẫn giữa quan hệ sản xuất phát triển nhanh mà sức sản xuất không theo kịp. Có phải một mặt ta phải khắc phục tình trạng quản lý kém và đồng thời phải tìm cách nhanh chóng nâng cao cơ sở vật chất của ta lên không?

Về mặt quản lý có nhiều vấn đề nhưng hình như ta đang có những hiện tượng:

- Để ra nhiều tổ chức quá làm cho bộ máy ngày càng nặng nề chồng chéo mà lại vướng víu lẫn nhau?
- Đã nhiều tổ chức mà ít luật pháp. ít điều lệ quy định cụ thể rõ ràng, để bắt buộc chức trách, để buộc mọi người phải tự giác tôn trọng.
- Tổ chức thiếu ổn định, thay đổi luôn tình trạng đó biểu hiện ở một vài hiện tượng cụ thể.
- Kỷ luật lao động lỏng lẻo.
- Tùy tiện, để ra tình trạng mà ta gọi là "cửa quyền", bất cứ một nhân viên nhỏ nào cũng "sáng tác ra những quy tắc cụ thể của mình, gây rất nhiều chậm trễ rắc rối trong công việc.
- Mơ hồ, trống rỗng, không cụ thể, ví dụ về luật lệ giao thông: rất ít những biển có ký hiệu luật lệ cụ thể mà nhiều khẩu hiệu vớ vẩn:

"Cấm bóp còi inh ỏi".

"Cấm phóng nhanh vượt ẩu.

"An toàn là bạn, tai nạn là thù".

Thế nào là còi inh ỏi và không inh ỏi. Thế nào là phóng

nhANH? Trong khi đó có những ký hiệu cấm còi, cấm vượt, hạn chế tốc độ có tính chất quy ước quốc tế rồi?

Nhiều công việc chưa có nội dung, quy tắc cụ thể đã có nhiều tổ chức, nhiều hội đồng nên có thể nói hữu danh vô thực.

Nhiều phê phán, mà ít phạt nghiêm, thưởng phạt khen chê, không dứt khoát, không rõ ràng. Đãi ngộ vật chất người có công lẫn lộn với trao quyền chức cho những người không có năng lực.

Đội ngũ về hưu", về hưu về công tác lao động chức quyền xã hội lại vẫn là "vai vế trong Đảng thì có hợp lý hay không?

- Báo chí thường phản ánh không thực chất tình trạng thực tế nhất là của các sinh hoạt đoàn thể (và đáng chú ý hơn là Đoàn thanh niên và đội Thiếu niên tiền phong).

Theo tôi thấy cần phải xác định và tuân thủ nghiêm ngặt những nguyên tắc, ví dụ:

- Khi nào có nội dung nhiệm vụ cụ thể xác định được các quy tắc quyền hạn quan hệ, có điều lệ cụ thể về hoạt động cụ thể hãy nên tổ chức.
- Phải làm thế nào có một sự tập trung có hiệu lực trong từng bộ phận và trong cái toàn thể để tránh tình trạng:
 - Đường lối, nghị quyết hay nhưng tổ chức thực hiện (kế hoạch, chương trình) dở.
 - Chủ trương cấp trên giải quyết nhanh linh hoạt dễ dàng, nhưng chuyển xuống đến bộ máy là cứ dằng dai kéo dài, thậm chí không giải quyết được. Cần phân biệt "cố vấn, nghiên cứu với chỉ đạo thực hiện.

Trước mắt tôi nghĩ không biết có nên giải quyết gấp, chấn chỉnh mấy mặt bằng luật pháp có hiệu lực. Luật pháp về trật tự xã hội để củng cố trị an và củng cố quan hệ sản xuất.

- Trừng trị thật nặng những kẻ dựa vào chức quyền để làm giàu và những kẻ bất kể động cơ gì xâm

phạm đến tự do thân thể danh dự và tài sản của người khác một cách bất hợp pháp.

- Tạo những điều quy chế có tính chất phổ cập thường xuyên ở các nơi công cộng và có lực lượng quần chúng tham gia tích cực xây dựng.

Nghiêm ngặt ban hành và tổ chức thực hiện, chấn chỉnh các phương tiện để duy trì tốt luật giao thông.

Tôi thắc mắc trong lịch sử, có những lúc những tên độc tài có thể biến chuyển tình hình xã hội trong một thời gian ngắn.

- Napôlêon trong mấy tháng chuyển một đội quân ô hợp thành một đội quân thiện chiến.

- Hitler trong mấy năm chuẩn bị nước Đức đi vào một cuộc chiến tranh lớn.

- Pierre đệ nhất của Nga cũng biến chuyển nước Nga lạc hậu trong vòng một số năm.

Tất nhiên ta không bắt chước bọn phát xít độc tài. Nhưng ta phải suy nghĩ xem bí quyết của chúng ở chỗ nào, mà có thể nhanh chóng thay đổi tình hình một xã hội?

Thông thường là ở thưởng phạt thật nghiêm khắc, có nhiều vụ thưởng phạt điển hình được truyền tụng, có những biện pháp mạnh, vừa có tính cổ vũ vừa có tính cảnh cáo, tạo thành một sức mạnh "xã hội".

Ở Đức hậu quả của các chế độ Bismarck, Friederich, Hitler còn lại phần tích cực là tính kỷ luật rất cao trong nhân dân Đức. Đó là một sự thật khách quan ta phải thừa nhận.

Cho nên ta cần có những luật pháp, những bộ luật và những lực lượng có hiệu quả thi hành những điều luật đó.

Đó là các cơ quan thanh tra kiểm soát, đó là các lực lượng Công đoàn, Thanh niên, Thiếu niên và cả Phụ nữ.

Muốn cho thật có hiệu lực, phải là một thanh Đảng nghiêm túc và có thể "công khai". Hiện ta đang có cuộc học tập vận động có tính chất thanh Đảng đấy! Nhưng tôi cảm thấy chưa đủ liều lượng. Cần tập trung:

- Đưa ra khỏi Đảng: những người lười biếng, những người lợi dụng chức quyền ăn cắp làm giàu, móc ngoặc với gian phi. Những người đã hết khả năng lãnh đạo.

- Cần có danh hiệu "Cựu Đảng viên cho những ai không có khuyết điểm nhưng hết khả năng công tác và lãnh đạo, đã về hưu... để có đãi ngộ mà không cần giao chức quyền, không cần tham gia sinh hoạt lãnh đạo để giảm bớt chất lượng trong các tổ chức Đảng.

Nên thực hiện chế độ thẻ đảng viên. Cần có cuộc vận động tương tự trong Đoàn thanh niên và cũng nên có vận động phát huy đổi thẻ Đoàn viên với những nội dung có tác động tích cực thúc đẩy các yếu tố tích cực.

Tất nhiên có hàng loạt việc phải làm nhưng tôi "cảm thấy cần tập trung có trọng điểm, tập trung và biện pháp mạnh để thực hiện một sự kiên quyết nghiêm túc và có hiệu lực, có tác dụng cổ vũ nhân dân, củng cố lòng tin, nhằm biến chuyển nhanh chóng tình hình trong thời gian ngắn. Phải có những việc làm có tác động mạnh mẽ, sôi nổi về tinh thần và cổ vũ những yếu tố tích cực vừa ngăn chặn trấn

áp mạnh mẽ những yếu tố tiêu cực. Nhưng dù sao đó cũng là một mặt có tính chất ở "thượng tầng kiến trúc. Còn vấn đề có ý nghĩa cơ bản ở "hạ tầng cơ sở" là vấn đề xây dựng kinh tế, vấn đề tạo cơ sở vật chất.

Tôi xin có mấy ý kiến như sau:

II

Về vấn đề này tôi không dám có những ý kiến gì nhiều. Vì thật ra là rất dốt, lại xa các công việc xây dựng chủ nghĩa xã hội hàng mười năm nay. Nhưng cũng có những cảm giác và ấn tượng muôn trùng bày với các anh.

Đi tham quan nước Đức, chỉ đi chơi có tính chất du lịch, chủ yếu là quan sát và đọc vài tài liệu giới thiệu đơn giản. Nhưng qua hệ thống đường xá qua cơ sở các thị xã, thị trấn, thành phố họ đã có và đang xây dựng, qua các di tích lịch sử về văn hóa và cả về công nghiệp của họ thì tôi có ấn tượng tương đối rõ ràng về cái gọi là:

Xây dựng chủ nghĩa xã hội sau khi đánh đổ chính quyền của tư bản chủ nghĩa và xây dựng xã hội không qua giai đoạn tư bản chủ nghĩa.

Nó có hàng loạt vấn đề về quy luật đặt ra. Những quy luật cơ bản là những gì. Và những quy luật của công việc xây dựng xã hội chủ nghĩa là những gì.

Có lẽ khi Đảng ta đặt vấn đề "Bước đi ban đầu có lẽ đã phát biểu triển lên một quy luật rồi chăng?

Nếu chủ nghĩa tư bản có một thời kỳ tích lũy tư bản, hết sức tàn khốc mà cũng dài lâu mới có của cải vật chất để phát triển và mới có những cơ sở vật chất, những vấn đề tổ chức, về kỹ luật kỹ thuật cho tư bản chủ nghĩa phát triển và những cái đó lại là những vốn hết sức quan trọng tạo điều kiện cho việc xây dựng xã hội chủ nghĩa sau này, thì chủ nghĩa xã hội với những yêu cầu về phân phối của nó rõ đang đòi hỏi một cơ sở vật chất thế nào đây.

Có phải nội dung của bước đi ban đầu là tạo một cơ sở vật chất tối thiểu, để làm đà cho sự phát triển xã hội chủ nghĩa không? Và yêu cầu của cái cơ sở vật chất tối thiểu ấy là gì?

Ví dụ lấy con số về yêu cầu điện đầu người và thép đầu người thì con số: 1500 kW/giờ đầu người/năm và 100 kg gang thép đầu người là con số yêu cầu tối thiểu hợp lý chăng?

Chủ nghĩa tư bản tạo cơ sở vật chất bằng tích lũy tư bản tàn khốc. Vậy chủ nghĩa xã hội không qua tư bản chủ nghĩa phải tạo cơ sở vật chất bằng gì? Có lẽ cơ bản bằng tích lũy lao động tập thể.

Thế nhưng đặc điểm cơ bản và cũng là điều kiện tiên quyết cốt tử cho các nước thuộc địa tiến lên xã hội chủ nghĩa là có phe xã hội chủ nghĩa, có Liên Xô. Ngoài ra còn có thế giới thứ ba, có cách mạng khoa học kỹ thuật thế giới. Và riêng Việt Nam mình lại có hai miền, nhiệm vụ giải phóng dân tộc và dân chủ nhân dân chưa hoàn toàn xong. Tác động của chủ nghĩa thực dân mới về kinh tế miền Nam thế nào ta đánh giá chưa rõ (sẽ phát biểu phần sau). Vậy thì ta làm gì?

Yêu cầu gay gắt là trong một số năm ta phải làm những việc mà tư bản chủ nghĩa làm hàng mấy trăm năm. Ta làm thế nào và khai thác đặc điểm của thời đại ra sao? Tôi cũng thấy rõ Trung ương ta đang

đặt vấn đề như vậy:

- Dựa vào phe xã hội chủ nghĩa.
- Khai thác cách mạng khoa học kỹ thuật.
- Lợi dụng cả tham vọng của những nước tư bản tương đối tiến bộ hoặc cả những bọn tư bản đế quốc mà tạm thời chưa phải là kẻ thù trực tiếp.

Nhưng qua những tài liệu tôi được đọc và báo cáo tôi được nghe. Tôi có "Cảm giác ta chưa thật mạnh bạo tập trung và dứt khoát, linh hoạt.

1 Còn nhiều lúng túng trong việc xác định quy luật của kinh tế xã hội chủ nghĩa.

Ví dụ: Quy luật của Stalin phát biểu thì có phải đấy là quy luật, hay đấy là yêu cầu của chủ nghĩa xã hội.

Lại ví dụ về quy luật giá trị thì trên thực tế thị trường thế giới chủ nghĩa tư bản dùng giá trị sử dụng làm phương tiện để thu lợi nhuận, thì giá trị sử dụng hàng hóa của tư bản lại cứ phát triển tiến bộ, còn ta giá trị sử dụng là mục đích trực tiếp của sản xuất thì giá trị sử dụng hàng hóa lại không cao, riêng Việt Nam thì cứ theo "quy luật" thụt lùi trước tốt sau xấu? Đó là hiện tượng gì?

Riêng tôi còn thấy lúng túng nhiều trong việc nhận thức những cái gọi là quy luật này. Có điều rõ ràng là tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa chỉ có thể phát huy nhiều, phát huy đầy đủ khi nào ta có một nền công nghiệp khá. Hiện nay ta vừa phải tạo cơ sở vật chất cho nền công nghiệp đó vừa phải rèn luyện con người và tổ chức xã hội chủ nghĩa cho phù hợp với nền công nghiệp đó

Cơ sở vật chất của chủ nghĩa tư bản nó buộc con người phải sống cho phù hợp và nó cuốn tổ chức xã hội phải phù hợp với cơ sở vật chất phát triển của nó. Nhưng chủ nghĩa xã hội ta lại chuẩn bị cho con người và tổ chức xã hội để đẩy mạnh công nghiệp hóa và có lẽ đó cũng là nhiệm vụ của vô sản chuyên chính chẳng? Bây giờ yêu cầu cấp bách có nên đặt vấn đề ta cần phải có những chính sách hết sức táo bạo như kiểu Lênin định ra "Chính sách kinh tế mới, sau khi kết thúc nội chiến ở Nga với một nền kinh tế xơ xác tiêu điều không?

Tôi nói "như kiểu nghĩa là với một tinh thần mạnh dạn táo bạo và dứt khoát như vậy, chứ không phải theo nội dung của Lênin lúc đó, vì điều kiện lịch sử đã khác nhau hẳn. Ví dụ như thế này: Ta phát huy hết mức cái ưu thế về tài nguyên phong phú của ta, có những chính sách táo bạo mạnh dạn thu hút sự đầu tư của các nước anh em chủ yếu là các nước có kỹ thuật cao mà lại cần đến tài nguyên của ta. Thu hút mạnh dạn đầu tư của các nước tư bản chủ nghĩa chưa phải thù địch (như Thụy Điển, Pháp, Nhật). Có thể ta chịu thiệt đi một ít kể cả những thứ quý giá, kể cả một số mặt về lâu dài.

Nhưng ta tập trung giải quyết mấy yêu cầu cốt tử của ta để đạt cho bằng được trong một thời gian ngắn, coi như ta phải bán tài nguyên quý đi để đạt được những yêu cầu cơ bản trước mắt là những yêu cầu cơ bản nền tảng cho lâu dài. Chứ nếu cái gì ta cũng muốn giữ cả vừa cứ nhập nhằng thì e rằng có khi thiệt (chứ không đến nỗi mất) cả chì lẫn chài. Tôi có những suy nghĩ đại khái như thế này. Ta cần hết sức tập trung vào điện, thép, và dầu (Tôi chưa rõ ý nghĩa của cái "cơ khí là then chốt" lắm) bằng cách cho các nước đầu tư vào đứng ra làm, ta giữ vững chủ quyền về chính trị và kinh tế,

làm sao sau một thời gian họ có lãi đến mức nào đó thì cái đó trở lại hoàn toàn thuộc (ta) về ta. Ví dụ như dầu có thể trao hẳn cho Nhật Bản làm cái gì đó với những điều kiện nào đó và đồng thời đòi Nhật phải giải quyết giúp ta những mặt khác. Còn những cái khác làm như đổi. Ví dụ nước anh em nào cần đồng, than... thì mời anh em đem kỹ thuật phương tiện và nhân viên đến xây dựng cơ sở khai thác và khai thác đi nhưng đổi lại, anh em làm cho tôi các cơ sở khai thác và chế biến quặng sắt, đúc thép, các cơ sở nhiệt điện, thủy điện... với yêu cầu ta đạt được mục tiêu của ta, bạn có lãi có lợi (và tất nhiên về chỗ đó: đồng, apatit, titan... ta chịu thiệt). Sau một thời gian bạn đã có lãi rồi thì tất cả vẫn là của ta. Ta còn có thêm Crom, chì, kẽm thậm chí cả cái thứ "đất nặng quý giá tôi nghĩ ta vẫn có thể đổi. Làm như vậy tôi tưởng tượng quang cảnh là tự các bạn mang xe cộ phương tiện vật liệu xây dựng, xây dựng nên những cơ sở hiện đại trên đất nước ta, có thể thu hút cả công nhân ta, huấn luyện cho công nhân ta. Sau 10, 15, 20 năm thì những thứ đó là của ta và trước mắt thì cũng là làm thay đổi quang cảnh của đất nước ta ngay.

Ta tập trung trí lực, tài lực lo những cái khác. Không sợ bị xâm phạm chủ quyền, ta được tập trung vào những yêu cầu chủ yếu của ta. Ta dám hy sinh cả những thị xã, thành phố để giữ gìn độc lập, thì ta cũng có thể chịu thiệt đi một số tài nguyên để mau chóng xây dựng đất nước.

Lại một suy nghĩ nữa về ta khai thác lợi thiên nhiên của ta.

Ví dụ: ta mời nước nào giỏi về tổ chức du lịch (tôi thấy CHDC Đức cũng khá giỏi về cái này) ta trao cho tổ chức du lịch ở Vịnh Hạ Long, ở rừng Cúc Phương. Họ xây dựng tổ chức khách sạn và họ thu tiền ta chỉ lấy một tỉ lệ thuế đủ cho họ thu lãi và thu vốn của họ. Sau mấy chục năm ta cũng sẽ thu hồi cổ nhiên việc này phức tạp và cũng không biết có nước nào họ thích thế không? Ví dụ ta dùng hình thức kết nghĩa giữa các tỉnh của hai nước, ta đưa công nhân của ta sang họ. Ví dụ đưa sang với thời gian 10, 15, 20 năm với những điều kiện:

- Họ phải để thời gian huấn luyện 2, 3 năm.
- Số người đưa sang có tỉ lệ nam, nữ là người yêu (thương binh còn khỏe) người lớn tuổi...
- Có những quy chế đi lại trong thời gian làm việc.
- Quy chế đối với những gia đình lập trong thời gian đó (việc học tập của các cháu...)

Tôi không biết vấn đề nào có liên quan gì đến quốc thể không? Và đúng là giữa các nước xã hội chủ nghĩa chưa bao giờ có vấn đề như thế này. Nhưng nếu ta không câu nệ, có thể đưa sang trên dưới độ 1, 2 triệu người thì ta phát huy được lực lượng ta, ta tích lũy vốn, người, kỹ thuật cho ta sau này. Tạo công ăn việc làm được cho số người càng đông của ta.

Đây có thể là một ý nghĩ ngây thơ, nhưng riêng chủ quan với cách suy nghĩ của tôi, tôi cũng thấy thiết thực và có thể là một hình thức rất mới mẻ, rất mới mẻ của sự hợp tác giữa các nước xã hội chủ nghĩa chăng?

Tôi cứ tưởng tượng thế này. Hiện nay một số nước xã hội chủ nghĩa anh em khó có vẻ giúp ta như

Cuba được, mà Cuba cũng lại nghèo và nước nhỏ. Cách giúp là "hai bên cùng có lợi mà bên bạn đã có lợi thì bên ta là phải thiệt.

Nhưng nếu thu hút được đầu tư của bạn vào thì có thể tạo nên nhiều cái lợi khác cho ta. Ví dụ nếu cùng một lúc có hàng chục, vài chục công trường lớn của bạn triển khai thì riêng những việc bạn phải làm đường, đem vật liệu vào xây dựng cũng là tăng thêm của cải cho ta.

Nếu trong vòng 5, 7 năm ta đưa sức điện của ta lên 10 tỷ kW-giờ và sau 10, 15 năm ta cố có lấy 50, 60 tỷ kW-giờ thì mới được. Trước mắt phải xây dựng thật nhiều điện chạy than và dầu, trong khi đó ta làm các công trình thủy điện và chạy nguyên tử. Nếu không có cách tập trung rất lớn thì không có cách nào giải quyết.

Tôi không biết hiện nay mỗi năm mình phải nhập bao nhiêu sắt thép nhưng nếu trong vòng 3, 5 năm mình có sắt thép không phải nhập. Sau đó lại có thể phát triển thêm việc xây dựng và đẩy mạnh chế tạo máy thì ta mới có đà để thúc đẩy các việc khác, nếu nói cơ khí là then chốt mà không có sắt thép thì có vẻ gay go.

Việc xây dựng cơ bản hiện nay đang phát triển rộng khắp mà thiếu sắt thép cũng gay go. Ngoài ra có thể thu xếp để đổi thế nào đó thu hút được việc chế tạo phân bón và phát triển công nghiệp hóa. Tôi nghĩ rằng khi ta đã có điện và thép đến một mức nào đó là ta có thể phát triển toàn diện sang các ngành khác và lúc ấy có thể có đà để có thể phát triển nhanh chóng được.

Trên đây là nói về những vấn đề có liên quan đến những chính sách lớn có một tinh thần táo bạo và dứt khoát nhằm có cách để nhanh chóng đẩy mạnh mọi mặt khai thác và tạo ra những cơ sở vật chất cần thiết của thời kỳ bước đi ban đầu và tôi có thể quan niệm bước đi ban đầu có thể bao gồm một kế hoạch 5, 7 năm hoặc hai kế hoạch ngắn hơn.

Mặt khác cần có một chính sách cụ thể để sử dụng quy luật, quy luật giá trị, kết hợp với động viên tinh thần làm chủ của nhân dân để nâng cao chất lượng sản phẩm như:

- Chính sách khen thưởng rộng rãi và kỷ luật nghiêm ngặt đối với các hợp tác xã gia công.
- Chính sách thưởng phạt rộng rãi nghiêm minh với các xí nghiệp quốc doanh.
- Chính sách thu thập ý kiến người sử dụng (kiểu trưng cầu ý kiến) thường xuyên căn cứ vào đó mà xác định việc khen thưởng và kỷ luật.

Nói chung, trong bộ máy quản lý và điều khiển việc sản xuất cũng như trong bộ máy chính quyền của ta, việc thưởng và phạt có vẻ còn quá ít. Nên có những quy định về mặt này và có một thời gian thi hành rất kiên quyết dứt khoát. Dưới chính quyền vô sản chuyên chính phải quan niệm thưởng phạt là một biện pháp giáo dục quan trọng, sự thưởng phạt nghiêm tăng thêm tinh thần tự giác của nhân dân, cán bộ. Ở nước cộng hòa dân chủ Đức, mọi người đều chấp hành khá nghiêm túc các quy định về trật tự vệ sinh công cộng và giao thông, trong đó có một tâm lý rõ rệt là ngại công an phạt, đồng thời với ý thức là cần tôn trọng tự do người khác. Thưởng phạt rõ rệt và quyết liệt mới là cách giáo dục tinh thần trách nhiệm, có hiệu lực nhất, mới góp phần hết sức quan trọng loại dần hiện tượng trì trệ, tùy tiện, làm ăn lơ mơ, đủng đỉnh. Đó là biện pháp quan trọng nhất để nâng cao kỷ luật lao động

và từ đó nâng cao năng xuất lao động.

Có biện pháp thưởng phạt, mỗi khi thưởng và phạt có kèm vài câu nhắc nhở thì sẽ có hiệu lực hơn 100 lần việc cử họp suốt tuần, họp hết tài liệu nợ đến tài liệu kia. Tôi quan niệm giáo dục không phải chỉ là lên lớp học tập và có lẽ cũng không phải là chủ yếu là lên lớp và học tập.

Muốn tạo nên một tập quán xã hội, một tư tưởng xã hội thì phải tạo hành động quen thuộc thường xuyên hằng ngày, và muôn thế phải có quy tắc cụ thể và những quy tắc đó ai vi phạm nhất định phải trừng phạt.

Mọi người đi tàu hỏa hết sức "tự giác" đúng giờ đến ga khi tàu chạy (mà không cần ai giáo dục mục đích ý nghĩa cả) là vì không đến đúng giờ thì bị "sự trừng phạt đau đớn ngay: lỡ tàu.

Phải làm cho bộ máy xã hội chạy một cách quyết liệt, lạnh lùng như đoàn tàu hỏa chạy vậy, buộc mọi người phải đúng giờ ra ga..

Tôi cảm thấy đây cũng là sự mong muốn của đa số đảng viên, cán bộ, thanh niên và nhân dân tôi gặp. Họ cũng muốn tôi phản ánh nhiều tình hình cụ thể với Bộ chính trị với ý định để Bộ chính trị nắm tình hình nhiều hơn.

Tuy các anh đã thấy được những tình hình cơ bản, nhưng hiện nay mọi người trung thực đều nóng lòng mong đón một cái gì đổi mới, chuyển biến gì mạnh mẽ, loại trừ mau chóng được một số mặt tiêu cực trong xã hội, đưa sự nghiệp cách mạng tiến lên. Tôi cũng muốn qua những ý kiến trên đây mà phản ánh với các anh một cách như vậy.

Chín Vinh

Tôi không hiểu lá thư tâm huyết của tôi có đến các anh không và nếu đến được thì các anh có bỏ ít thì giờ ra để đọc và suy nghĩ điều gì không. Nhưng tôi đã chờ đợi và chờ đợi. May sao sau đó luồng gió đổi mới từ Liên xô tới.

Đảng ta, đứng đầu là Tổng bí thư Trường Chinh, đã nhanh chóng tiếp nhận một cách sáng tạo, với quyết tâm lớn "Đổi mới hay là chết", đã vực dậy một đất nước hầu như đang lao xuống dốc không phanh...

Thực ra những vấn đề của đổi mới đã được nhiều cán bộ, đảng viên, các nhà trí thức, khoa học trong nước phát biểu nơi này nơi nọ, bằng các hình thức khác nhau, nhưng dường như nhiều đồng chí vẫn còn e ngại. Đây là một căn bệnh cực kỳ nguy hiểm, là nguyên nhân của nhiều sai lầm được lặp đi lặp lại, và tiếc thay, vẫn còn tồn tại cho đến hôm nay...

Nhớ năm 1946, khi chính quyền non trẻ mới thành lập, tài ba như Bác mà vẫn kêu gọi tìm người tài đức trong thiên hạ để giúp nước. Báo Cứu quốc ngày 20-11-1964 đã đăng thông cáo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, với nhan đề: Tìm người tài đức.

Thông cáo viết:

"Nước nhà cần phải kiến thiết kiến thiết cần phải có nhân tài. Trong số 20 triệu đồng bào chắc không thiếu người có tài đức.

E vì chính phủ nghe không đến, thấy không khắp, đến nỗi những bậc tài đức không thể xuất thân. Khuyết điểm đó tôi xin thừa nhận. Nay muốn sửa đổi điều đó, và trọng dụng những kẻ hiền năng, các địa phương phải lập tức điều tra nơi nào có người tài đức, có thể làm được những việc ích nước lợi dân thì phải báo cáo ngay cho chính phủ Báo cáo phải nói rõ: Tên tuổi, nghề nghiệp, tài năng, nguyện vọng và chỗ ở của người đó.

Hạn trong một tháng, các cơ quan địa phương phải báo cho đầy đủ.

Chủ tịch Chính phủ Việt Nam

Hồ Chí Minh¹¹[4]

Bác Hồ thì như thế, còn chúng ta ngày nay thì sao? Hơn lúc nào hết, muốn cho công cuộc đổi mới hiện nay giành được thắng lợi, ta cần nhớ và thực hiện đúng những lời dạy quý báu của Bác Hồ:

"Có nhiều đồng chí có bệnh tự tôn, tự đại, khinh rẻ người ta, không muốn biết, muốn học những ưu điểm của người khác... Họ quên rằng, chỉ đoàn kết trong Đảng, cách mạng cũng không thành công được, còn phải đoàn kết nhân dân cả nước. Họ quên rằng, so với nhân dân thì số đảng viên chỉ là tối thiểu... Nếu không có nhân dân giúp sức thì Đảng không làm được việc gì hết.

"Vì vậy ta cần phải hợp tác với những người ngoài Đảng. Ta không được khinh rẻ họ, chê bai họ. Ta phải liên lạc mật thiết với dân chúng, xa rời dân chúng là cô độc, cô độc thì nhất định thất bại. "Cũng vì bệnh hẹp hòi mà không biết dùng nhân tài, việc gì cũng ôm lấy hết, ôm lấy dĩ nhiên là làm không nổi. "Cũng vì bệnh hẹp hòi mà không biết cách xử trí khôn khéo với các hạng đồng bào (như tôn giáo, quốc dân thiểu số anh em tri thức, các quan lại cũ...) "Từ nay, mỗi cán bộ, đảng viên phải kiên quyết chữa cái bệnh hẹp hòi đó để thực hiện chính sách đại đoàn kết. "Bệnh chủ quan, bệnh ích kỷ, bệnh hẹp hòi... mỗi chứng bệnh là một kẻ địch. Mỗi kẻ địch bên trong là một bạn đồng minh của kẻ địch bên ngoài. Địch bên ngoài không đáng sợ, địch bên trong đáng sợ hơn, vì nó phá hoại từ bên trong phá¹²[5]

Chương 2 Tập 2

Đại hội IV của Đảng diễn ra suôn sẻ, tưng bừng như là một Đại hội mừng công. Những tràng vỗ tay dài như những đợt sóng liên tục vang lên trong hội trường Ba Đình. Hơn 1 nghìn đại biểu từ khắp các địa phương, các chiến trường tụ hội về đây, tay bắt mặt mừng. Những cuộc gặp gỡ cảm động, những vòng tay ôm nhau thân thiết. Nét mặt ai nấy rạng ngời một niềm vui, phơi phới tự hào. Không vui sao được, không tự hào sao được, bởi đây chính là ngày hội của những người chiến thắng. Di chúc thiêng liêng của Bác Hồ: "Dân tộc ta sẽ có vinh dự là một dân tộc nhỏ mà đã anh dũng đánh thắng hai đế quốc to là Pháp và Mỹ" đã được thực hiện. Đây là chiến công chung cả toàn dân tộc

nhưng lực lượng tiền phong đi đầu, vừa dẫn đường chỉ lối, vừa xông pha trận mạc chính là những người cộng sản mà tiêu biểu là những đại biểu đang có mặt trong Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV hôm nay.

Đối với tôi, những ngày đại hội thực sự là những ngày vui Không khí tương bừng của đại hội, những cuộc gặp gỡ thân tình với bạn bè, đồng chí. Có người từ Điện Biên Phủ nay mới gặp lại tính ra đã hơn 20 năm, có người suốt 16 năm từ Đại hội Đảng lần thứ III. Đặc biệt là các đồng chí ở 321 : Lê Trọng Tấn, Đàm Quang Trung, Hoàng Cầm... Những tướng lĩnh từng xông pha trăm trận, gặp nhau đông đủ ở đây Đoàn đại biểu Quân đội trong Đại hội với tư thế hiên ngang, quân phục mùa đông thẳng nếp, trên ngực lấp lánh huân chương, tạo nên vẻ đẹp hào hùng cho Đại hội với đầy đủ ý nghĩa là một đại hội của những người chiến thắng.

Trước đại hội, tôi có viết một bài tùy bút với tựa đề: "Sự nghiệp vẻ vang của nhiều thế hệ" nói lên những suy nghĩ của mình trước chiến thắng vĩ đại của dân tộc. Nhân đang nói về Đại hội IV, tôi muốn trích vào đây một số đoạn Có thể nói đây là những suy nghĩ bước đầu của tôi về thời kỳ mới của dân tộc.

Mùa xuân 1975 đến và qua đi để lại trong lịch sử của Việt Nam và của thế giới một mốc son chói lọi: ở Việt Nam, một thắng lợi trọn vẹn của độc lập, tự do, ở thế giới, một thắng lợi của chính nghĩa và nhân phẩm. Ngày tháng cứ qua đi, nhưng ý nghĩa của thắng lợi mùa xuân 1975 cứ còn vang mãi, vang xa mãi... Những nhiệm vụ mới, tình hình mới, những vấn đề mới cứ đặt ta dồn dập tới tấp, nhưng ý nghĩa của thắng lợi vẫn cứ như ánh sáng lấp lánh, chói lòa ngày càng rực rỡ.

Lịch sử đã sang trang. Từ sau mùa xuân 1975, toàn bộ cuộc sống của mọi người dân Việt Nam đều gặp một sự đảo lộn sung sướng: bỏ lại sau một cuộc sống của tiền phương lớn, hậu phương lớn và bước vào một cuộc sống hòa bình vững chắc trong độc lập, tự do, cả nước sum họp một nhà, giang sơn liền một dải. Đất nước chuyển mình vào một thời kỳ lịch sử mới.

Thời gian cứ qua đi. Có những sự việc đã quên đi, nhưng có những sự việc còn nhắc mãi, càng nhắc, sự việc càng lớn lên mãi. Ta quên đi những hận thù, những đau sót, những khổ nhục. Ta nhắc mãi những chiến công, những đóng góp, những hy sinh và những yêu thương. Thời gian cứ đi, nhưng những cảm xúc, những tình cảm, những suy tư cứ lớn lên mãi, dài mãi ra và dày dặn mãi lên, phong phú mãi lên.

Những giọt nước mắt tức tưởi trước đây chỉ rơi dè dặt dưới bụi dứa nước, trong hầm bí mật, nay nó sẽ rơi trước lăng Bác và long lanh dưới ánh nắng của khoảng trời Ba Đình lồng lộng. Những niềm vui sướng trước đây thường tắc nghẹn ở từng nơi hoặc chỉ bùng nổ vội vàng, thì nay có thể tràn ngập khắp không gian đất nước, khắp cả Hà Nội, đồng thời ngập cả Sài Gòn, dạt dào sông Hồng, đồng thời rộn rã khắp Cửu Long...

Những sum họp trước đây ngắn ngủi, bất ngờ hoặc chỉ gián tiếp qua những tờ giấy mỏng, thì nay được hẹn trước, được thể hiện trong những vòng tay, những bông hoa, những kỷ vật, những buổi liên hoan và những cuộc kể lể tâm tình vô tận, nhắc đi nhắc lại nhiều lần về những dự kiến tương lai.

Bao nhiêu việc cấp bách đã đặt ra: nào công ăn việc làm cho hàng triệu người, nào những hậu quả đau đớn và bản thù của bọn xâm lược để lại trong mỗi gia đình, mỗi tâm hồn con người, nào cải tạo những nếp sống, những nếp suy nghĩ không phù hợp nữa, nào tổ chức lại mọi việc theo quy mô nhà nước, nào những nhu cầu cấp bách: sách học, cơm ăn, vải mặc, củi đốt, phân bón, giống má nguyên liệu cho những công trình cấp bách...

Nhưng lại còn phải nghĩ các bước đi cho 10 năm, 20 năm, cho 50 năm, cho 100 năm, bước đi của đất nước, của nền kinh tế, của những con người, những thế hệ. Muốn tính được bước đi đó, muốn giữ vững non sông đất nước, lại phải còn xem lại đất nước ta hơn 4000 năm qua ra sao, hơn 100 năm qua thế nào và nhất là hơn 30 năm qua ta đã làm những gì. Những điều đó tiếp tục trong tương lai ra sao? Hình thành trong đầu óc những lớp người hôm nay hai mươi tuổi, mười tuổi và cả những lớp người đến nay chưa ra đời nữa, ra sao? Tài nguyên đất nước có những gì? Trong thế giới hiện nay, đất nước ta đi lên ra sao? Kinh nghiệm nào hay, kinh nghiệm nào dở? Những thất bại và thành công? Phấn khởi, vui mừng, cảm động, náo nức và có những lo nghĩ, suy tư, những bức bối, những sốt ruột, vừa làm mở mang tâm trí, lại vừa quặn thắt nỗi lòng.

Nhưng dù sao một suy nghĩ bao trùm vẫn là một suy nghĩ cho riêng ta, riêng dân tộc ta, riêng giai cấp công nhân cách mạng, cho hiện tại, cho tương lai và cho chung cả nhân dân thế giới: Đó là suy nghĩ về "Sức mạnh Việt Nam", sức mạnh của cách mạng và sức mạnh của phản cách mạng, sức mạnh Việt Nam và sức mạnh đế quốc Mỹ trong thời đại này.

Có một điều cảm tưởng rõ rệt nhất và chung nhất là ta thấy được rõ hơn, cụ thể hơn, chi tiết hơn, sâu sắc hơn cái sức mạnh vật chất, tiền của đế quốc Mỹ, cái thâm độc, xảo quyệt của thực dân kiểu mới với các loại triết lý, học thuyết chống cộng phản động của nó. Nếu ta không phải là người đã trực tiếp tham gia cuộc chiến đấu và chiến thắng vĩ đại này, thì ắt là ta phải lóe mắt, ngợp đầu về những sức mạnh "không tưởng tượng được" của nền văn minh kỹ thuật của Hoa Kỳ, sẽ rùng mình kinh sợ trước những cái xảo quyệt, tàn bạo, và rồi tự hỏi "Làm thế nào để có thể sống sót, để có thể chống nổi những cái đó", chứ chưa kể đến đánh bại nó. Chính những bọn tay sai của Mỹ đã thật sự tin tưởng vào sức mạnh đó, chúng không giải thích nổi tại sao chúng lại thua và không giải thích nổi cái số phận "đuôi chó" của chúng. Rất nhiều người có lương tri sống trong những vùng địch chiếm và hoặc ở nơi này, nơi khác của thế giới đều chứng tỏ ra đồng tình với mục đích chiến đấu của chúng ta, cảm phục cuộc chiến đấu của ta, nhưng cũng đã từng "không tưởng tượng nổi" thắng lợi cuối cùng của ta. Thậm chí, có những người biết rõ Mỹ xâm lược và theo Mỹ là tay sai, là việt gian, nhưng cũng tự nhủ rằng: Mỹ nó mạnh thế, không thể không theo Mỹ và rồi tự an ủi bằng câu "gặp thời thế, thế thời phải thế với một tinh thần tiêu cực hoặc với một tiếng thở dài, xuôi tay cho "thế sự và "sức mạnh Hoa Kỳ".

Thế đấy! Thế mà ngày nay cả 50 triệu người của cả dân tộc ta đang vượt lên trên những hình bóng của thứ sức mạnh ghê gớm ấy, đang ca hát, đang khôi phục, đang xây dựng, nhân dân lao động đã vào cái gọi là dinh Độc lập, để tận mắt xem bọn tay sai sống trên nhung lụa như thế nào? Trẻ em

nhảy nhót trên những xác xe tăng gục đổ, la hét và đùa vui. Cả dân tộc ta vụt đứng lên y hệt như một người có phép thần và đã khuất phục được một loài quỷ khát máu và tàn bạo mà mọi người không ai không kinh sợ. Không những thế, ta còn đem cái thân xác thất bại của loài quỷ đó phơi bày cho cả thiên hạ xem. Và những người trung thực bỗng thấy thêm lòng can đảm, thêm niềm tin nụ cười hướng đến tương lai để gạt bỏ những sự hù dọa của bọn hung nô của thời đại.

Quả thật, kẻ địch của ta đã có một sức mạnh ghê gớm. Nhưng nhân dân Việt Nam, dân tộc Việt Nam lại có sức mạnh lớn lao hơn, kỳ diệu hơn và đã thắng chúng một cách vẻ vang trọn vẹn, dứt khoát rõ rệt. Chúng cũng không thể cãi bài bậy mà xí xóa thất bại của chúng được. Kể ra khó mà nói là kẻ địch yếu. Chúng có một loại sức mạnh của chúng. Nhưng Việt Nam lại có một loại sức mạnh của Việt Nam. Và, sức mạnh Việt Nam thắng sức mạnh của đế quốc Mỹ. Vậy sức mạnh Việt Nam phải cao siêu hơn, kỳ diệu hơn: đó là sức mạnh cách mạng, sức mạnh của thời đại, sức mạnh của chủ nghĩa Mác Lênin, sức mạnh của lòng yêu nước nồng nàn, của tinh thần đoàn kết sâu sắc. Sức mạnh đó biểu hiện tập trung vào sự lãnh đạo tài tình và niềm tin sâu sắc mạnh mẽ. Sức mạnh đó được tích lũy từ thế hệ này qua thế hệ khác.

Trong những ngày hội của non sông, trên khắp nẻo đường của đất nước, trong các phòng họp, trên các công trường, đồng ruộng... Chúng ta đã gặp bao nhiêu gương mặt khác nhau. Có những gương mặt của niềm hân hoan trọn vẹn: Thắng lợi, sum họp, chung thủy, có những gương mặt của niềm vui chung và nỗi đau riêng.

Ta hãy đi tìm những gương mặt của nhiều thế hệ. Đây là những gương mặt của các đồng chí của "thời dựng Đảng" những người học trò và đồng chí đầu tiên của Bác Hồ. Hiện nay, đó là những gương mặt của các đồng chí lãnh đạo tuổi đã suýt soát bảy mươi. Những cụ già khác vào tuổi đó đều đã trải qua dưới nhiều chế độ áp bức và khủng bố, ngày nay được nhìn thấy độc lập, tự do, trông thấy con cháu đều thật sự "đã nên người" có kiến thức, có việc làm, biết tự hào, thì các cụ vẫn tự nhủ lòng "bây giờ nhắm mắt cũng yên tâm, vui lòng, hả dạ". Nhưng còn các đồng chí lãnh đạo của chúng ta thì ba bốn chục năm tranh đấu đã qua lại chỉ chứa chất thêm trong đầu bao nhiêu dự tính ngày càng phong phú, càng tha thiết cho những năm sắp tới. Những dự tính đầy ứ và nóng bỏng, mà sức lực không còn như xưa, thời gian để thực hiện những dự tính thì còn quá ngắn. Phấn khởi và tự hào về thắng lợi càng dạt dào, tin tưởng vào tương lai càng vững chắc, thì những lo âu về vạch ra những dự tính, tìm những phương pháp và những con người đủ khả năng và tin cậy để thực hiện các dự tính đó lại càng nặng trĩu, càng gay gắt và càng sôi bỏng. Những gì các đồng chí đã cảm thụ và nhận thức được trong gông cùm, trong máu lửa vẫn cứ như những giọt thép chảy đốt cháy tâm can. Những người kế thừa cảm thụ nhận thức ra sao đây? những chân lý đơn giản: "Không có gì quý hơn độc lập, tự do!", xây dựng chủ nghĩa xã hội, phải có con người xã hội chủ nghĩa, đạo đức "Mình vì mọi người, mọi người vì mình", "đoàn kết là sức mạnh", lại cũng là những chân lý vĩ đại. Nói đơn giản vì ai cũng nói được. Nhưng nó vĩ đại bởi vì muốn thực sự nhận thức được nó và toàn tâm thực hiện nó, lại phải có phẩm chất, nghị lực phi thường.

Lịch sử bốn ngàn năm của dân tộc đã được 50 năm qua làm cho rạn vỡ như bây giờ. Nhưng không phải và không thể cứ sống như bây giờ: hằng năm, vẫn còn những ngày tháng giáp hạt thiếu ăn, nhà ở của nhân dân còn thiếu thốn, chật chội, còn có chỗ tối tăm, bữa ăn chưa đủ định lượng, chưa ngon, đa số trẻ em còn chưa có chỗ học đàng hoàng và chỗ chơi tử tế, trong cuộc sống người ta còn ganh tỵ, hách dịch, việc làm còn trì trệ, thậm chí còn có người ăn cắp, hối lộ, trốn việc, có người trù móc nhau, lừa lọc, tranh giành, bất mãn... nhìn rộng ra thì cả thế giới cũng đang tiến lên những con đường phong phú và phức tạp Xã hội chủ nghĩa trở thành một xu thế của lịch sử, đồng thời là ước mơ, khát vọng của loài người. Nhưng con đường đi lên xã hội chủ nghĩa lại không thể không trải qua những bước đi khác nhau: nhanh hay chậm, thành công hay thất bại, thậm chí cả việc vừa xã hội chủ nghĩa vừa lại là không phải xã hội chủ nghĩa, hoặc xã hội chủ nghĩa thật, cũng có xã hội chủ nghĩa giả. Kẻ thù của xã hội chủ nghĩa ra sức xuyên tạc, bịa đặt, vu khống, chê bai, khoét sâu khuyết, nhược điểm, lợi dụng mâu thuẫn "Đâm bị thóc, chọc bị gạo" luôn tìm sơ hở để phản kích ác liệt. Bác Hồ nói: "Các vua Hùng có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ nước". Ngày nay, non nước ta đã được giữ vững, ta lại phải nhớ câu Bác Hồ dặn lại trước lúc Bác đi xa: "Thắng giặc Mỹ, ta sẽ xây dựng hơn mười ngày nay!" và "Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và cần thiết".

Lớp trẻ ta, bây giờ bắt đầu phải bảo nhau: Bác Hồ và các Bác đi trước đã có công giữ nước, nay chúng ta phải cùng nhau dựng nước to đẹp hơn mười lần xưa để Bác được vui lòng. Bác Hồ vẫn yên nghỉ nơi quảng trường Ba Đình theo dõi các bước đi của con cháu.

Chúng ta phải cùng nhau, nghĩa là phải là một khối đoàn kết nhất trí góp sức mỗi người một phần, cái phần đó mỗi người ta cố gắng cho nó được nhiều, được to, dù rằng so với lịch sử từ trước đến nay cũng như so với không gian của Tổ quốc, chỉ là phần rất nhỏ bé. Nhưng, chúng ta phải cùng nhau? Trong sự quan hệ cùng nhau của nhiều thế hệ này, không khỏi không nảy sinh những mâu thuẫn. Những ưu tư và kinh nghiệm và những mong ước sâu xa của những lớp người đi trước, thì lớp đi sau cũng khó mà hiểu được cho hết ngay một lúc, còn những ước mơ táo bạo, những kiến thức mới mẻ, những sức lực dồi dào và những mong muốn phong phú của lớp người đi sau, thì lớp người đi trước cũng không thể nào hiểu hết được và cũng không thể nào hiểu được sâu sắc.

Nhưng đã là quan hệ cùng nhau thì chỉ có quyền cùng nhau bổ sung, cùng nhau bồi đắp cho nhau, chứ tuyệt nhiên không có sự chê bai và phủ nhận.

Ta thường nghe những dư luận:

- Đảng lãnh đạo chiến tranh giỏi, lãnh đạo kinh tế, văn hóa không giỏi.

Đảng lãnh đạo chính trị giỏi, chứ lãnh đạo khoa học kỹ thuật, chuyên môn không giỏi.

Phải trên một chân lý hiển nhiên là có Đảng lãnh đạo mới có nền kinh tế và văn hóa như ngày nay.

Có Đảng lãnh đạo nước ta mới có một trình độ khoa học và kỹ thuật như ngày nay. Và trên cơ sở chân lý đó, có những yêu cầu nâng cao sức lãnh đạo của Đảng về các mặt kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật thì tạm coi là một ý kiến tích cực. Nhưng, từ những ý kiến đó mà đi tới một sự chê bai,

châm chọc, thậm chí phủ nhận sự lãnh đạo của Đảng thì là những ý kiến phản động mà kẻ thù của ta mong muốn gọi lên.

"Những luận điệu cứ muốn gạt bỏ những người già (mà thực tế không thể gạt được) là một luận điệu sai lầm. Nhưng những luận điệu cứ cho là trẻ con, non nớt, chưa làm được việc thì cũng quá cũ kỹ và trì trệ. Trong cuộc sống luôn có lớp người trẻ, lớp người già, có lớp người đi sau, lớp người đi trước. Và điều đó cứ làm bản thân tôi luôn luôn suy nghĩ. Đó cũng vì tôi thuộc loại người vừa đi trước vừa đi sau, già thì chưa quá già, mà trẻ thì cũng không còn trẻ nữa. Đã từ lâu không có cái thú làm cha, mà cũng đã từ lâu đã có cái thú làm ông. Các anh lớn gặp tôi thì nói "mày còn trẻ lắm" nhưng các thanh niên gặp tôi đã từ lâu, không gọi là chú nữa mà kêu là thưa bác, cả chung quanh họ hàng tôi đã là một đội ngũ cháu gọi bằng ông không đếm xuể nữa. Các cháu nhỏ nhìn tôi bằng con mắt tò mò như muốn tìm những gì thần bí cổ xưa trong các câu chuyện xảy ra từ lúc chúng chưa ra đời. Nhiều chuyện chúng nó nghe mà không hiểu. Cũng có nhiều chuyện các cháu làm bây giờ tôi cũng cứ băn khoăn "Không hiểu tại sao nó làm thế?"

Lớp người lớn tuổi đi trước thì nhìn vào cơ đồ sự nghiệp của nước nhà gây dựng được đến ngày nay, thấy ở đó biết bao xương máu, bao đắng cay, bao tâm huyết của bao nhiêu lớp người... mà tâm tư suy nghĩ không biết rằng những người kế thừa có tiếp tục phát triển được sự nghiệp như ý Bác Hồ mong muốn, xứng đáng với những vinh dự, vẻ vang đã đạt được hay không?

Lớp người mới lớn lên, có hoài bão có chí khí nhìn vào những cục diện lớn thì hoặc thiếu tự tin ở kinh nghiệm tài năng của mình, hoặc quá tự tin vào kiến thức và sức bật mạnh mẽ của mình mà tâm tư lo ngại những "ông già" ngày càng chậm chạp, bảo thủ, không đưa được đất nước bay bổng trên những đôi cánh ước mơ vĩ đại.

Thường thường những người trẻ tuổi ít tự tin ở tài năng và kinh nghiệm quán xuyến toàn diện, nhưng lại nhiều tự tin vào lãnh vực cụ thể mà mình được học tập, nghiên cứu và hoạt động. Và trong mỗi lĩnh vực, những người trẻ tuổi đều có cảm giác bức bối chật hẹp chưa thỏa được lòng vùng vẫy: chật hẹp về đời sống, chật hẹp về điều kiện làm việc, chật hẹp về sự chỉ đạo cụ thể, vướng víu trong các mối quan hệ hiệp đồng... Vì vậy một tâm trạng chờ mong ao ước ở sự lãnh đạo chung, có được những bí quyết thần tình gì, hoặc có một cái gì mới mẻ hơn, gỡ được nhiều gút mắc vướng víu để tất cả được thoải mái vùng vẫy bay xa.

Không thể lấy những ngày tuổi trẻ của những năm cách đây 20 - 30 năm để hiểu được những ngày tuổi trẻ hiện nay, nhưng những người lớn tuổi lại có thể đo kinh nghiệm dày dặn của mình, hiểu được những tác động khác nhau đến tuổi trẻ, mà bản thân tuổi trẻ ngày nay khó nhận ra. Tuổi trẻ ngày nay đang lớn lên trong một hoàn cảnh lịch sử rất phong phú mà cũng rất phức tạp.

Tuổi trẻ nước ta sinh ra trong một nước mà nền sản xuất còn thấp, kinh tế còn nghèo, nhưng lại được tiếp thu những kiến thức khoa học rộng rãi, thật mới mẻ, được tiếp xúc hằng ngày với bao nhiêu lý thuyết khoa học thật và giả, bao nhiêu quan hệ rối rắm mới lạ. Đời sống vật chất và những điều kiện và đời sống tinh thần trước mắt không phù hợp chút nào với những kiến thức và những nhu

cầu ngày càng cao càng nhiều về cả vật chất lẫn tinh thần, và cả những quan hệ ngày càng nhiều nội dung tế nhị và phong phú. Vì vậy trong các loại tâm tư, có cả những tâm tư về đời sống, về điều kiện làm việc và về quan hệ xã hội. Nhưng tất cả các loại tâm tư thì lại đều nhân danh lý tưởng, nhân danh sự nghiệp, cho nên nhiều khi những tâm tư đó cũng mâu thuẫn đối chọi nhau, vướng mắc nhau, không thoát ra được.

Ngay cả trong những lớp người lớn tuổi nhưng tâm tư cũng đủ loại, đủ kiểu như vậy. Những yếu tố tiêu cực như nắm độc cứ len lỏi khắp nơi. Chỉ những chỗ nào, lúc nào ánh sáng của lý tưởng, của sự nghiệp chân chính chiếu rọi vào thì mới hạn chế được những nắm độc chủ nghĩa cá nhân ích kỷ, của những thói tự cao tự đại và bảo thủ lạc hậu - ánh sáng đó là mặt trời, mặt trời chân lý, mặt trời của lý tưởng, của sự nghiệp. Dù sao nó cũng cứ vằng vặc sáng soi khắp chỗ, dù sao cũng có đội ngũ những con người chân chính gương cao, mây mù che lấp nó chỉ là những đám mây tạm thời giao động, không bền vững, luôn luôn bị ánh sáng chói lọi xé tan ra và những làn gió đấu tranh quét sạch đi, mây mù tan ra rồi lại tụ lại, bị gió quét đi rồi lại bay quần. Nhưng nó cũng chỉ là những đám mây, và mặt trời vẫn cứ là mặt trời".

Trong Đại Hội IV hầu như ai cũng thấy rõ một nỗi buồn vắng Bác, nhất là những đồng chí có mặt từ đại hội III. Đạo đó Bác đã 70 tuổi, nhưng còn khỏe mạnh và nhanh nhẹn lắm. Bác ngồi ghế Chủ tịch đoàn, một bên là đồng chí Trường Chinh, một bên là đồng chí Lê Duẩn. Trong không khí tưng bừng của Đại hội IV hôm nay, tôi càng nhớ một đoạn trong diễn văn khai mạc Đại hội III của Bác:

"Đảng ta có thể tự hào là người kế tục những truyền thống vẻ vang của dân tộc ta, là người mở đường cho nhân dân ta tiến lên một tương lai rực rỡ". Và Bác nhấn mạnh:

"Tất cả những thắng lợi đó không phải là công lao riêng của Đảng ta. Đó là công lao chung của toàn thể đồng bào trong cả nước. Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, chứ không phải là sự nghiệp của cá nhân anh hùng nào."

Rất tiếc là người ta không hiểu hoặc cố tình không hiểu hết ý nghĩa những lời nói quan trọng có chủ ý giáo dục đó của Bác. Chính vì vậy, mà sau này có người nói không khí của đại hội 4 là không khí say sưa chứa đầy những chất men chiến thắng, ý nghĩ cho mình là những người "Khai quốc công thần" bộc lộ khá rõ ở một số người và tác hại của ý nghĩ ấy rất lớn ở vào những năm sau đó. Mặt khác, sự say sưa chiến thắng đã làm cho một số người nào đó vừa trải qua cuộc chiến tranh khốc liệt mang vào đại hội tinh thần tự mãn, duy ý chí và phải đúng mười năm sau, đến Đại hội VI mới bắt đầu khắc phục được. Bản thân tôi cũng chịu một phần trách nhiệm đó. Rất tiếc là không còn Bác cho đến hôm nay. Nếu còn thì trong Đại hội này, Bác lại sẽ nói: "Đây chỉ là thắng lợi bước đầu... như sau thắng lợi ở Điện Biên Phủ năm 1954. Sau này khi đi chúc của Bác được công bố toàn văn, chúng ta mới biết, Bác đã dặn dò rất kỹ những công việc phải làm sau chiến tranh:

"Ngay sau khi cuộc chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta đã hoàn toàn thắng lợi, công việc toàn Đảng, toàn quân toàn dân ta phải ra sức làm là mau chóng hàn gắn vết thương nghiêm trọng do đế quốc Mỹ gây ra trong cuộc chiến tranh xâm lược dã man."

Và Bác nhắc nhở dặn dò:

"Đó là một công việc cực kỳ to lớn, phức tạp và khó khăn. Chúng ta phải có kế hoạch sẵn sàng, rõ ràng, chu đáo để tránh khỏi bị động, thiếu sót và sai lầm." Thực là những lời Bác dạy sáng suốt biết bao, nếu không nói đó là một nhà tiên tri vĩ đại. Trong đi chúc Bác còn dặn một điều cực kỳ quan trọng:

"Theo ý tôi việc cần phải làm trước tiên là chỉnh đốn lại Đảng".

Tại Đại hội IV, tôi trúng cử ủy viên Trung ương. Lúc này tôi bước vào tuổi 53. Như người ta nói: "49 chưa qua, 53 đã tới" lẽ ra là năm hạn, nhưng tôi đã thấy có điều gì không xảy ra trong cuộc sống của mình. Cũng như cả cuộc đời tôi, từ năm 17 tuổi tham gia hoạt động cách mạng cho đến nay nói chung là suôn sẻ, thuận lợi. Có bị bắt vào tù, bị tra tấn dã man, nhưng đã dũng cảm vượt qua, chiến thắng trở về đội ngũ. Cuộc đời tôi hơn 35 năm qua là những năm tháng đẹp đẽ, thật sự đáng tự hào: 18 tuổi vào Đảng, 19 tuổi đã là tỉnh ủy viên dự khuyết Thái Bình, 23 tuổi là Chính ủy Mặt trận Hà Nội, 27 tuổi là Chính ủy Đại đoàn, 32 tuổi là Chính ủy quân khu, 35 tuổi được phong hàm Thiếu tướng. Như vậy là vào quân đội, tôi không qua binh nhất, binh nhì, không qua cấp úy, cấp tá mà khi Quân đội có chế độ quân hàm năm 1958, tôi được nhận ngay quân hàm tướng.

Sau Đại hội IV, tôi chính thức được chuyển ngành sang làm Thứ trưởng Bộ Văn hóa, phụ trách bí thư Ban cán sự đồng thời kiêm nhiệm chức phó Ban Tuyên huấn Trung ương phụ trách văn hóa văn nghệ. Đây chủ yếu là do nguyện vọng của tôi. Còn một số đồng chí quen thân thì thành thật khuyên tôi nên ở lại tiếp tục phục vụ trong Quân đội. Nhưng cái duyên nợ với văn hóa văn nghệ đã lôi kéo tôi vào con đường mà sau này tôi mới nhận ra lắm chông gai.

Những ngày đầu mới ra cơ quan dân sự tôi cảm thấy thật ngỡ ngàng. Đặc biệt là đi đến đâu cũng nghe nói đến những hiện tượng tiêu cực, nào là lên án nhau, nặng lời với nhau, rồi thì hiện tượng bè phái, ê kíp... nghe nó lạ tai lắm. Lúc đầu tôi không tin đó là sự thật, bởi làm sao cùng làm cách mạng, cùng đồng chí với nhau, lại có thể xảy ra những chuyện như thế. Nhưng đến khi chuẩn bị cho đại hội V thì những điều ấy đã bộc lộ một cách rõ ràng ngay trước mắt tôi mà thể hiện tập trung nhất là vấn đề nhân sự

Lúc bấy giờ vào cuối năm 1981, Ban văn hóa văn nghệ Trung ương vừa thành lập, tôi được bổ nhiệm làm trưởng ban, trong lúc vẫn là Bí thư ban cán sự kiêm Thứ trưởng bộ văn hóa.

Từ lâu rồi, có lẽ từ khi sinh ra chủ nghĩa xã hội, cứ mỗi lần đại hội Đảng cầm quyền là mỗi lần vấn đề nhân sự lại nổi lên hàng đầu. Đây là dịp để sắp xếp lại bộ máy trên tất cả các ngành, các cấp, các địa phương.

Riêng về lĩnh vực Văn hóa - Văn nghệ thì ngay từ đầu tôi đã được ban tổ chức Trung ương mời sang trao đổi về việc sắp xếp ở Bộ Văn hóa, ở Ban Văn hóa văn nghệ, ở các hội văn học nghệ thuật.

Ngoài ra, Ban văn hóa văn nghệ còn góp người cùng các Ban khác, dưới sự điều hành của Ban tổ chức Trung ương làm nhiệm vụ thẩm tra các vụ việc dính líu đến các Trung ương ủy viên hoặc những đồng chí dự kiến sẽ vào Trung ương khóa V.

Trước hội nghị Trung ương chính thức bàn về nhân sự, anh Nguyễn Đức Tâm có nói riêng với tôi là khối văn hóa văn nghệ, vấn đề nhân sự không có gì thay đổi. Tôi cũng tin là như thế. Vì tôi mới nhận nhiệm vụ Trưởng ban văn hóa văn nghệ chưa được một năm đang còn triển khai ổn định tổ chức, biên soạn chức danh. Nguyễn Đức Tâm là bạn cùng thời học sinh với tôi hồi nhỏ, rất biết tôi mê văn học từ ngày còn trên ghế nhà trường, bây giờ ở cương vị Phó ban Tổ chức Trung ương nói như thế nên tôi rất tin. Và lại, hồi đó, tôi vừa đi học một lớp nghiên cứu về văn hóa văn nghệ ở Liên xô về nên đang tập trung thời gian vào việc triển khai những điều thu hoạch được mà sau này nó là một trong những tiền đề của Nghị Quyết 05. Do đó, vấn đề nhân sự đối với tôi, đối với ban văn hóa văn nghệ, đối với Bộ văn hóa, tôi cứ nghĩ không có vấn đề gì.

Thế mà một hôm, đang ngồi làm việc thì tôi nhận được giấy mời họp của Tiểu ban nhân sự Đại hội 5. Địa điểm: 4 Nguyễn Cảnh Chân. Tôi tự hỏi: "Quái! Không biết còn vấn đề gì nữa?" Tôi có trao đổi với một số đồng chí xung quanh thì có đồng chí nói ngay: Sao anh đơn giản thế. Những việc làm vừa qua chỉ là những động tác thăm dò, còn bây giờ mới thực sự đi vào "giai đoạn quyết đấu, anh phải suy nghĩ thật kỹ, chuẩn bị sẵn sàng để đối phó với mọi tình huống.

Thế là tôi lần lượt điểm lại những sự việc đã diễn ra vừa qua. Nổi lên là hình ảnh một người có tên Chú, cán bộ của Ban tổ chức Trung ương, phụ trách khu vực Văn hóa văn nghệ, có chân trong bộ phận giúp việc Ban nhân sự đại hội.

Đúng là thời gian qua, đồng chí này có đến làm việc với tôi nhiều lần trong đó có việc phải hoàn thành một bản nhận xét về tôi để trình bày ban nhân sự Đại hội. Mà không chỉ riêng tôi, nhiệm vụ của đồng chí này còn phải làm bản nhận xét đối với từng đồng chí trong ban lãnh đạo Bộ Văn Hóa như Nguyễn Văn Hiếu, Hà Xuân Trường, Nông Quốc Chấn... và một số đồng chí thứ trưởng khác. Riêng về tôi, trong quá trình làm việc, quan hệ giữa tôi và đồng chí Chú đã đến chỗ thân tình, đôi khi đến mức rủ rỉ với nhau như là tâm sự. Tôi không chủ quan khi nói rằng, đồng chí Chú rất mến và quý tôi. Nhưng quá trình đi tìm hiểu dư luận về tôi thì lại có ý kiến không giống như sự hiểu biết của đồng chí ấy về tôi. Do đó tôi cảm thấy đồng chí Chú có nhiều băn khoăn khi phải làm bản nhận xét về tôi.

Biết vậy tôi nói với đồng chí Chú : Anh cứ khách quan mà làm theo chức trách của mình, dư luận xung quanh thế nào về tôi anh cứ phản ánh với cấp trên đúng như thế. Không hiểu đối với những người khác, đồng chí Chú làm thế nào còn riêng đối với tôi, đồng chí làm "Rất dân chủ. Trước hết đồng chí ấy đến trao đổi thẳng thắn những điểm mà đồng chí dự kiến sẽ nhận xét về tôi rồi nghe tôi trao đổi lại một số ý, sau đó đồng chí Chú mới thảo bản nhận xét chính thức và đem đến đọc cho tôi nghe, hỏi xem tôi có ý kiến gì không? Do đã có trao đổi trước nên tôi hoàn toàn nhất trí. Tôi thấy đồng chí Chú tỏ ra rất băn khoăn trong quá trình làm bản nhận xét này. Nguyên do là khi đi nắm tình hình, có hai luồng dư luận khác nhau, thậm chí là trái ngược nhau về tôi. Luồng thứ nhất là : Trần Độ lỏng lẻo về quan điểm trong lãnh đạo Văn hóa văn nghệ, cho nên không thể tiếp tục lãnh đạo văn hóa văn nghệ được. Luồng dư luận thứ hai thì lại đánh giá rất cao, về khả năng lãnh đạo văn hóa văn nghệ của Trần Độ: Nào là sắc bén, đúng đắn, được lòng nhiều anh em trong giới văn nghệ; Nào là chịu

khó học tập, nghiên cứu, tìm tòi nên thường đề xuất được nhiều ý kiến mới mẻ.

Cả hai luồng ý kiến đó dẫn đến hai kết luận khác nhau: Một là đồng chí Trần Độ không thể lãnh đạo được Văn hóa văn nghệ, hai là đồng chí Trần Độ lãnh đạo văn hóa văn nghệ tốt. Điều đáng chú ý là người làm báo cáo không dứt khoát đứng về nhận định nào cả, mà chỉ nêu hai nhận định như vậy một cách khách quan...

Sau khi hoàn thành bản nhận xét, một hôm đồng chí Chú đến thăm tôi. Anh ngồi trầm ngâm một lúc rồi tâm sự:

- Tình hình nhân sự của đại hội V sắp tới rất phức tạp. Có những chuyện lớn lắm.

Đồng chí Chú nói:

- Riêng cái việc của anh thì xin trình bày thật với anh như thế này. Rõ ràng hai luồng dư luận về anh nói lên hai quan điểm khác nhau về văn hóa văn nghệ. Do đó, việc Trung ương có tiếp tục dùng anh hay không nói lên sự thắng bại của hai quan điểm đó... Nếu Trung ương chấp thuận những ý kiến của anh, chấp thuận phong cách lãnh đạo của anh thì chứng tỏ khuynh hướng lãnh đạo văn nghệ sắp tới sẽ có những biến chuyển mới.

Phải chăng cái giấy mời lên Nguyễn Cảnh Chân lần này là để biết rõ Trung ương còn tin dùng tôi hay không. Thú thật là đêm trước ngày đến dự cuộc họp về nhân sự ở Ban tổ chức Trung ương, tôi có thao thức suy nghĩ nhiều. Tôi mới 58 tuổi, đã ở Trung ương hai khóa liền tổng cộng 21 năm. Tôi lại vừa đi học ở Liên xô về, vừa mới nhận chức Trưởng ban văn hóa văn nghệ Trung ương với bao nhiêu dự định sẽ triển khai thực hiện. Tôi đang muốn có điều kiện đóng góp nhiều hơn cho Đảng trong lĩnh vực văn hóa văn nghệ, cũng như trong chiến tranh tôi đã đóng góp hết sức mình cho thắng lợi của toàn dân, trên cương vị người lính. Tôi không có tham vọng gì lớn.

Tôi say mê văn hóa văn nghệ vì tự nhận mình có ít nhiều khả năng về mặt này. Tuy chẳng tài ba gì cho lắm nhưng dù sao cũng đã được mọi người, kể cả tổ chức thừa nhận. Do đó thực sự là tôi chưa muốn nghỉ. Mới 58 tuổi, còn sức khỏe, còn khả năng mà lại nghỉ hưu trong lúc cuộc chiến đấu của toàn dân tộc đang còn tiếp diễn thì vô lý quá

Tôi bước chân đến cổng 4 Nguyễn Cảnh Chân, đồng chí thường trực quen biết tôi chạy ra mời đơn đả:

- Các anh đến đủ cả rồi, mời anh vào?

Các anh nào nhỉ?

Tôi bước vào thì ồ, lạ chưa? Toàn là các khuôn mặt quen thuộc cả, đầy đủ toàn bộ các vị trong ban cán sự Bộ văn hóa mà tôi là Bí thư: Nguyễn Văn Hiếu, Hà Xuân Trường, Cù Huy Cận, Lê Thành Công, Nông Quốc Chấn, Mai Vi... Rõ ràng đây là một cuộc họp Ban cán sự mà tôi không hề biết...

Tôi im lặng bước vào phòng, không chào hỏi ai, không bắt tay ai, cố gắng giữ vẻ bình tĩnh, tìm một chỗ ngồi ở cạnh cửa sổ. Ở Bộ văn hóa, mỗi lần có những cuộc họp gồm những nhân vật này, bao giờ tôi cũng ngồi ghế chủ trì, và những người vây quanh tôi bao giờ cũng vui vẻ, niềm nở.

Còn bây giờ mọi người nhìn tôi bằng những cặp mắt khác. Thì ra thời thế đổi thay thì nhân tình thế

thái cũng đổi thay. Trong lúc tôi đang cố đoán xem ai đứng ra triệu tập cuộc họp này và mục đích cuộc họp là gì thì một cán bộ trong Ban tổ chức từ phòng bên bước ra vui vẻ nói:

- Xin các anh chờ cho ít phút nữa, anh Thọ đang có tý việc mắc bận.

Thì ra người chủ trì cuộc họp hôm nay là ủy viên Bộ Chính trị, Trưởng ban tổ chức - Lê Đức Thọ. Té ra người triệu tập một cuộc họp Ban cán sự của một Bộ mà Bí thư của Ban cán sự ấy không được biết.

Nói là chờ ít phút nhưng cũng phải đến nửa tiếng. Mỗi người cầm trong tay một chén nước để trước mặt nhưng hầu như không ai uống. Họ ngồi gần nhau, thỉnh thoảng rỉ tai nhau một chuyện gì đó, cặp mắt hướng về chiếc cửa thông sang buồng bên, nơi trưởng ban tổ chức xuất hiện. Hầu như ai cũng muốn mình là người đầu tiên được nhìn thấy Trưởng ban tổ chức Trung ương bước vào phòng.

Và cuối cùng thì Lê Đức Thọ bước vào phòng họp, dáng đi nhanh nhẹn, nụ cười mở rộng trên môi.

Phải nói là anh Thọ có nụ cười khá hiền hậu cộng với cách ăn mặc giản dị làm cho người ta ngay cái phút đầu tiên cảm thấy dễ gần gũi. Không ai nghĩ rằng, đằng sau nụ cười ấy, bên trong sự giản dị ấy là một con người quyền uy, nắm trong tay sinh mệnh chính trị của hàng triệu cán bộ đảng viên.

Khi anh Thọ bước vào, tất cả đều đứng dậy. Riêng tôi vẫn ngồi yên. Làm sao mà phải thế. Động tác này chỉ có thể dành cho Bác Hồ, hoặc chí ít là Tổng Bí thư. Hà Xuân Trường chạy đến bắt tay trước, rồi dẫn anh Thọ đi một vòng bắt tay từng người.

Khi đến gần tôi, tôi mới đứng dậy, anh Thọ bắt tay tôi và hỏi vui:

- Thế nào, người bạn tù Sơn La của tôi dạo này có khỏe không?

Tôi vui vẻ đáp lại:

- Khỏe lắm!

Đối với tôi, anh Thọ là một người có nhiều kỷ niệm tốt đẹp nhưng cũng có những tình cảm trái ngược nhau mà bản thân tôi chưa phân tích một cách rõ ràng được. Về cơ bản mà nói, tôi phục và quý mến anh Thọ. Cho đến nay, khi tôi viết những dòng này, tình cảm quý mến vẫn hầu như nguyên vẹn, mặc dầu ở phần dưới đây, tôi sẽ kể lại toàn bộ sự việc Trưởng ban tổ chức Trung ương Lê Đức Thọ không muốn tôi tiếp tục ở Trung ương khóa V như thế nào.

Thực ra ngay trước Đại hội V tôi đã nghe nói nhiều về quyền hành của Lê Đức Thọ, về sự bất bình của người này người khác khi bị Lê Đức Thọ đối xử thế này thế khác, nhưng tôi thì vẫn giữ nguyên những tình cảm quý mến anh, bởi tôi cho rằng những điều tiếng này nọ đối với anh Thọ là khó tránh khỏi khi anh ở cương vị một người phụ trách công tác tổ chức - một công tác cực kỳ phức tạp, liên quan đến sự tồn vong của một Đảng, động chạm đến quyền lợi sống còn đối với nhiều người. Nếu không có quan điểm toàn Cục, khách quan thì sẽ sinh ra oán trách khi sự phân công bổ nhiệm không vừa ý mình. Mà việc này thì làm sao tránh được.

Tôi biết anh Thọ vẫn thường quan tâm đến tôi. Gần đây khi nằm điều trị ở bệnh viện Chợ Rẫy, có cô cháu gái về thăm vợ anh Thọ là bác sĩ ở đó, kể cho tôi nghe câu chuyện chiếc áo anh Thọ mang từ Pa-ri về, một số người trong gia đình muốn xin anh cũng không cho. Anh bảo: Cái này để làm quà

cho thẳng Độ. Cô bác sĩ ấy nói: Cháu không hiểu do đâu mà Bác Thọ cương chú đến thế. Tôi kể cho cô bác sĩ ấy biết rằng tôi và anh Thọ quen nhau ở nhà tù Sơn La từ năm 1942, đã trải qua những ngày gian khổ sống chết có nhau: Đạo đó, tôi là một thanh niên hăng hái, mới 18 tuổi, trẻ đẹp có học thức. Anh Thọ là người kết nạp tôi vào Đảng...

Cũng như năm 1945, sau Cách Mạng tháng 8, anh Thọ gọi tôi lên bảo:

- Bây giờ có hai việc, cậu tự chọn lấy, một là làm Chủ tịch tỉnh Phúc Yên. Hai là về Hà Nội làm lính chiến đấu.

Và tôi đã chọn cuộc đời làm lính, rồi sau đó trở thành Chính ủy đầu tiên của Mặt trận Hà Nội. Tiếp đó làm lính suốt 30 năm trời.

Cuộc họp hôm nay, chính người kết nạp tôi vào Đảng cách đây 35 năm, chủ trì kiểm điểm tôi, một cách làm đã trở thành quen thuộc của cơ quan tổ chức, nhằm mục đích hợp lý hóa một vấn đề nhân sự.

Khi mọi người đã ngồi yên chỗ, anh Thọ tuyên bố lý do cuộc họp ngay, không rào đón gì cả:

- Hôm nay tôi mời các đồng chí trong Ban cán sự Bộ Văn hóa lên để tiến hành việc kiểm điểm đồng chí Trần Độ.

Trong lúc tôi đang bị bất ngờ trước lời tuyên bố của anh Thọ thì anh Thọ vẫn tiếp tục bằng cái giọng đều đều:

- Tôi biết các đồng chí trong ban cán sự cũng đã họp, đã kiểm điểm đồng chí Độ rồi, nhưng gần đây có nhiều dư luận về đồng chí Độ, trong đó có những vấn đề thuộc về quan điểm, phong cách nên tôi mời các đồng chí lên đây tôi sẽ trực tiếp chủ trì để cuộc kiểm điểm đạt kết quả.

Ông Lê Đức Thọ vừa dứt lời thì Hà Xuân Trường với quyển sổ đã cầm sẵn trên tay từ bao giờ:

- Tôi xin có ý kiến?

Thế là ông ta mở sổ ra, mắt thì nhìn vào sổ, tay thì vung lên nói luôn. Xem ra Hà Xuân Trường đã chuẩn bị rất kỹ và chờ đợi từ lâu cái giờ phút này.

Tôi nhớ hôm đó Hà Xuân Trường phát biểu khá dài, nhưng mạch lạc, từng điểm rõ ràng, có phân tích... Chứng tỏ bài phát biểu chuẩn bị khá công phu. Đặc biệt phần lên án khá nặng nề, nâng lên thành quan điểm hằn hoi, cùng với những dẫn chứng rất cụ thể. Ví dụ : khi lên án Trần Độ có quan điểm sai lầm nghiêm trọng, nhất là muốn tách văn nghệ khỏi chính trị. Ông ấy dẫn chứng những câu tôi viết trong bài nào, những lời tôi nói trong cuộc nói chuyện hay hội nghị nào. Thậm chí có những câu, những lời bản thân tôi không còn nhớ tôi đã viết ở đâu, đã nói ở chỗ nào. Vì tôi viết khá nhiều, đi nói chuyện cũng khá nhiều và đọc diễn văn cũng khá nhiều. Chỉ biết rằng nói chuyện ở đâu, đọc diễn văn ở đâu tôi cũng đều được hoan nghênh. Bây giờ Hà Xuân Trường đem trích ra từng câu, từng chữ ở nơi này, nơi khác trong một mạch văn có trước có sau có thuận có nghịch... để đi đến kết luận: Là người lãnh đạo văn nghệ mà không giữ vững lập trường quan điểm của Đảng như đồng chí Trần Độ thì sẽ dẫn đến những hậu quả nghiêm trọng.

Tôi nhớ Hà Xuân Trường còn cho những lời phát biểu của tôi về vấn đề tự do sáng tác trong văn

nghệ rất gần với quan điểm của Garôđi, người đang bị Đảng Cộng sản Pháp và các nước xã hội chủ nghĩa lên án.

Hà Xuân Trường vẫn tiếp tục phát biểu say sưa, hết quan điểm thứ nhất đến quan điểm thứ hai, thứ ba, quan điểm nào cũng đi đến kết luận là Trần Độ thường có những biểu hiện xa rời sự lãnh đạo của Đảng, thậm chí có đôi lúc chế giễu sự lãnh đạo của Đảng đối với văn hóa văn nghệ, như cho Ban Tuyên huấn của Đảng chỉ thích làm nhiệm vụ một người lính gác cần mẫn, chỉ nhằm nhăm gọt đầu cắt đuôi các tác phẩm văn nghệ, để cuối cùng còn hai chữ lập trường rồi hoan hỷ coi như hoàn thành nhiệm vụ...

Chưa hết, bản "tham luận" của Hà Xuân Trường còn phê phán Trần Độ về chuyện tóc tai, quần áo, nếp sống, thẩm mỹ. Chẳng là vừa qua tôi cũng thường hay phát biểu các vấn đề này và rõ ràng là tôi không tán thành việc phê phán quần loe, tóc dài là mất lập trường, là kém đạo đức. Tôi nói: Bác sĩ Tôn Thất Tùng có bộ tóc rất dài, nhưng ai dám bảo Tôn Thất Tùng là kém đạo đức. Mà ngược lại đó là một con người làm việc rất giỏi, được phong là anh hùng lao động. Nhưng có những tên tướng cướp hăn hoi tóc lại cắt rất ngắn, thậm chí có đưa để đầu trọc, thì lại là thằng có đạo đức hay sao... Vấn đề quần loe, tóc dài một thời đã sôi nổi trong cuộc sống đời thường của đất nước và tồn biết bao thời gian để xử lý nó. Người ta không những lên án nó trong các cuộc họp, trong Nghị quyết, mà còn tổ chức những đội thanh niên cò đồ chân đường cắt tóc, cắt quần khách qua đường... Cho đến hôm nay, nhìn lại, ta cảm thấy buồn và có pha chút thương hại cho một thời ấu trĩ. Đau lòng hơn khi ta nghĩ đến việc một số người nào đó tưởng mình có quyền lực trong tay, muốn cả một cộng đồng phải sống theo một khuôn mẫu theo ý riêng mình.

Bây giờ ai muốn mặc quần loe, loe mười lăm, hai mươi phân chứ loe ba mươi phân, bốn mươi phân cũng mặc, nếu anh muốn, và cho như thế là đẹp. Tóc cũng vậy, nếu anh muốn thì cứ để quá gáy, hoặc dài hơn cũng tùy anh. Điều quan trọng là anh có được xã hội công nhận hay không.

Người phát biểu thứ hai là anh Nguyễn Văn Hiếu. Từ ngày về Bộ văn hóa, tôi và anh Hiếu luôn có mối quan hệ thân tình và hiểu biết lẫn nhau. Anh Hiếu là Bộ trưởng, tôi là Thứ trưởng. Về chính quyền tôi là cấp dưới của anh nhưng là Bí thư Ban cán sự, nên tôi được anh Hiếu luôn tỏ ra tôn trọng. Tôi biết đây trước hết là sự tôn trọng đối với sự lãnh đạo của Đảng. Để đáp ứng lại, tôi cũng luôn luôn tôn trọng những ý kiến của Bộ trưởng, không bao giờ áp đặt, kể cả trong công tác cán bộ. Vì vậy mà khi thấy anh Hiếu giơ tay phát biểu trong một cuộc họp mà chủ đề là để kiểm điểm tôi, thực lòng tôi không thể đoán biết được anh Hiếu sẽ phát biểu như thế nào. Phải chăng đây là lúc có thể nói thẳng ra nhiều điều cần nói.

Khác với của anh Hà Xuân Trường, anh Hiếu nói từ tốn, điềm đạm, nhưng rất chân thành. Anh nói: "Ban cán sự chúng tôi cũng thường họp để kiểm điểm lẫn nhau. Nhưng cũng xin nói thật là những cuộc họp như thế chúng tôi chưa nói hết được những ý kiến của mình, tuy đôi lúc cũng muốn góp ý với anh Độ ý này ý khác, nhưng vì anh Độ là Bí thư, thường chủ trì các cuộc họp nên chúng tôi cũng ngại nói. Và lại thực ra anh Độ sống với chúng tôi, làm việc với chúng tôi rất tốt, rất chân thành và

biết tôn trọng lẫn nhau. Anh am hiểu sâu sắc nhiều vấn đề văn hóa và thường có những ý kiến sắc sảo, có những chủ trương sáng tạo, mạnh dạn, được nhiều người, nhất là lớp trẻ trong các giới văn học nghệ thuật hoan nghênh, ủng hộ. Cho nên có thể nói trong Ban cán sự, trong lãnh đạo Bộ không có vấn đề gì căng thẳng và nghiêm trọng cả." Giọng anh Hiếu toát lên một vẻ rất chân thành. Mắt anh nhìn bao quát cả phòng họp. Tôi ngồi nghe và cảm thấy càng quý mến anh nhiều hơn.

Tuy nhiên, do đây là một cuộc họp kiểm điểm có mục đích cụ thể, mà lại do người có uy quyền nhất trong Đảng chủ trì, nên anh cũng không thể không có một số ý kiến tỏ ra nghiêm khắc đối với người bị kiểm điểm. Tôi nghĩ như thế nên không hề ngạc nhiên hoặc phật lòng khi nghe anh nói: "Anh Độ có nhược điểm là hơi thiên về cảm tính, rộng rãi, độ lượng, đôi khi quá thoải mái làm cho công tác lãnh đạo có lúc chưa được nghiêm".

Sau anh Hiếu là anh Nông Quốc Chấn, thứ trưởng Bộ văn hóa. Tôi nhớ anh Chấn phát biểu có hai ý: "Thứ nhất là đối với anh Độ thì chúng tôi rất kính trọng vì quá trình tham gia cách mạng lâu, có nhiều cống hiến trước cách mạng cũng như trong Quân đội". Nhưng lại có ý kiến thứ hai là: "Chúng tôi chỉ phục thôi chứ chưa thật mến, vì phong cách của anh quá rộng rãi, khoan dung làm cho chúng tôi gặp khó khăn trong khi thực hiện nhiệm vụ của mình..."

Như vậy là cả anh Hiếu- Bộ trưởng, lẫn anh Chấn- Thứ trưởng không có phê phán về quan điểm, đường lối như Hà Xuân Trường.

Không khí đang hơi chùng lại thì đến lượt anh Cù Huy Cận, cũng là Thứ trưởng phát biểu ý kiến. Anh nói giọng khu bốn, sôi nổi, rất tự nhiên. Cũng như anh Hiếu và anh Chấn, anh Cận không có sổ tay chuẩn bị trước gì cả mà chỉ nói vo như trong một buổi gặp mặt nói chuyện bình thường. Anh nói:

"Anh Độ mới về lĩnh vực văn hóa văn nghệ nhưng nắm bắt vấn đề rất nhanh, rất sâu do anh rất chịu khó học tập, nghiên cứu đặc biệt là rất say mê. Tôi thấy là người lãnh đạo phải như thế, chứ không thể cứ chung chung lĩnh vực nào cũng phán được nhưng lĩnh vực nào cũng chỉ lướt qua dăm câu, ba điều. Tôi đã nhiều lần nghe anh Độ phát biểu và lần nào tôi cũng học thêm được một điều gì mới mẻ. Điều này làm cho tôi vừa ngạc nhiên, vừa thú vị, bởi lúc đầu được tin anh Độ sẽ sang lãnh đạo văn hóa văn nghệ tôi đã nghĩ bụng: Không hiểu rồi ông Trung tướng từng xông pha trăm trận này sẽ làm ăn ra sao trong cái lĩnh vực này. Cho đến bây giờ thì điều hồ nghi ấy không còn trong tôi nữa". Cuối cùng anh Cận kết luận: "Tôi không nói anh Độ là người lãnh đạo văn hóa, văn nghệ tốt, nhưng có thể khẳng định rằng, anh Độ đang trên đường trở thành người lãnh đạo văn hóa văn nghệ tốt".

Kể từ khi nhận được giấy triệu tập lên Nguyễn Cảnh Chân, mà không biết lên để làm gì, rồi khi biết có cuộc họp ban cán sự Bộ văn hóa mà chính mình là Bí thư cũng không biết và cuối cùng nghe đồng chí ủy viên Bộ Chính trị, Trưởng ban Tổ chức Trung ương tuyên bố mục đích cuộc họp là để kiểm điểm Trần Độ, tôi thấy một nỗi phiền muộn dâng đầy trong tâm hồn.

Sau 30 năm phục vụ trong Quân đội, tôi tự nguyện chuyển sang môi trường mới với hy vọng phục vụ Đảng được nhiều hơn trong một lĩnh vực mà tôi ưa thích. Hơn 4 năm qua, tôi đã đưa hết sức mình ra làm việc, tất nhiên không tránh khỏi vấp vấp, thiếu sót mặt này mặt khác, nhưng nói chung là tôi đã

toàn tâm toàn ý phục vụ hết mình.

Tôi còn nhớ trong phát biểu của mình, Cù Huy Cận còn nói đùa là: "Không biết có phải do tên anh là Độ hay không mà trong cuộc sống đời thường anh tỏ ra rất độ lượng, đầy lòng nhân ái, giải quyết việc gì cũng vừa có tình, có lý, mà chủ yếu là thuyết phục bằng tình cảm. Có lẽ vì thế mà một số người cho anh Độ là lỏng lẻo. Theo tôi thì đây là một đức tính cần có của một người lãnh đạo văn hóa văn nghệ. Thuyết phục con người bằng tình cảm chứ không phải bằng mệnh lệnh".

Lúc này tôi thấy cả Lê Đức Thọ và Hà Xuân Trường đều nhìn về phía Lê Thành Công. Và tôi thấy Lê Thành Công đứng dậy mở sổ ra phát biểu ngay: "Thời gian qua đồng chí Trần Độ có nhiều sai lầm thuộc về quan điểm..." Thế rồi Lê Thành Công nêu lên một loạt vấn đề mà ông cho là những sai lầm thuộc về quan điểm của tôi mà không thể nào nhớ hết.

Chỉ nhớ là ông ta nhắc lại vấn đề quần áo, tóc dài và quy cho tôi là tách rời thẩm mỹ với đạo đức.

Còn những câu nói rất nghiêm túc của tôi, thì ông ta không nêu ra, chẳng hạn tôi thường dẫn một câu nói rất hay của Gocki là: "Đạo đức học tương lai chính là mỹ học". Tức là loài người bao giờ cũng có xu hướng vươn tới cái đẹp, đến một lúc nào đó, cái đẹp được thể hiện chính trong đạo đức của con người, hoặc nói như Sôlôkhốp "Đôi khi một cô gái mặt rỗ mà vẫn có sức hấp dẫn bởi cái đẹp bên trong của tâm hồn và trí tuệ". Cũng như thế đừng nên nhìn một người quần áo, tóc dài là một người xấu. Nhưng tôi nhớ nhất trong bài phát biểu của Lê Thành Công quy kết tôi có hai quan điểm sai lầm, mà có lẽ cho đến suốt đời tôi không thể nào quên được:

Quan điểm sai lầm thứ nhất là quan điểm "Văn hóa xóa thông tin". Ông ta phân tích là từ khi Tổng cục Thông tin sát nhập vào Bộ văn hóa thì đồng chí Trần Độ để cho văn hóa lấn át thông tin, bớt cả quyền hạn, bớt cả điều kiện làm việc, làm cho Thông tin chỉ là cái bóng mờ của Văn hóa, làm cho anh em thông tin rất bất bình.

- Quan điểm sai lầm thứ hai Lê Thành Công quy kết là quan điểm tách rời thẩm mỹ với đạo đức, cho rằng thẩm mỹ không dính dáng gì đến đạo đức và lại xoay quanh vấn đề quần áo, tóc dài...

Lê Thành Công phát biểu xong thì hội nghị giải lao. Tôi đến gần Nguyễn Văn Hiếu, kéo anh ra một góc hỏi nhỏ: "Anh nhận được giấy mời như thế nào?" Thế là anh Hiếu rút trong túi ra cái giấy mời đúng như là giấy mời của tôi: Ngày ấy, giờ ấy, đến 4 Nguyễn Cảnh Chân họp với Ban nhân sự. Tôi lại hỏi: "Thế anh có biết là mời tất cả ban cán sự không?" Anh Hiếu lại đáp: "Không hề biết một tý gì, chỉ khi lên đây mới té ra là họp Ban cán sự. Sau đó anh Hiếu rủ tôi, nói rất khẽ: "Chắc chắn là Hà Xuân Trường và Lê Thành Công biết việc này, vì cách đây ba hôm, Hà Xuân Trường có nói riêng với tôi là sắp có cuộc họp kiểm điểm Trần Độ".

Thế là đã rõ như hai với hai là bốn. Không còn nghi ngờ gì nữa, đây là cuộc họp nhằm chuẩn bị nhân sự mới mà người phải thay là tôi.

Giờ giải lao kết thúc. Cuộc họp lại tiếp tục. Khi mọi người đã trở lại chỗ ngồi đông đủ, anh Thọ nói:

- Như vậy là các đồng chí trong ban cán sự đã phát biểu nhiều ý kiến, ưu điểm có, khuyết điểm có, bây giờ đề nghị anh Độ phát biểu ý kiến của mình, chủ yếu là xoay quanh những khuyết điểm thuộc

về quan điểm, lập trường...

Quả thực lúc này tôi ở trong trường hợp khó nói, nhìn chung thì toàn bộ những ý kiến phê phán tôi trong hội nghị đều chưa đủ thuyết phục. Chính vì vậy mà tôi không muốn tranh luận. Vì một cuộc họp đã có sẵn mục đích, đã có chuẩn bị, lại do một người có quyền lực nhất nhì đất nước chủ trì thì dù tranh luận cũng vô ích. Cho nên khi nghe Lê Đức Thọ hỏi, tôi chỉ phát biểu rằng những vấn đề các đồng chí nêu ra còn phải tiếp tục có thời gian trao đổi mới đi đến kết luận ai đúng, ai sai được.

Đặc biệt có một vấn đề rất đáng được bàn cãi cho ra môn, ra khoai, một vấn đề mà bấy lâu nay tôi suy nghĩ rất nhiều, có liên quan đến khuynh hướng lãnh đạo văn hóa văn nghệ sắp tới. Đó cũng là một ý kiến nữa Lê Thành Công phê phán tôi mà trên kia tôi chưa đề cập đến. Lê Thành Công nói: "Đồng chí Trần Độ thường bộc lộ một quan điểm hết sức sai lầm rằng tình hình đã hoàn toàn mới cho nên phải thay đổi cách lãnh đạo. Nếu nói hoàn toàn mới thì tức là đã phủ nhận tất cả những gì đã làm được từ trước tới nay. Cũng do quan điểm sai lầm này mà đồng chí Trần Độ thường không chấp nhận những cái đã có, muốn tìm tòi những cái mới hẳn mà anh ấy gọi là tư duy mới, phong cách mới trong lãnh đạo văn hóa văn nghệ."

Riêng vấn đề này thì ngày hôm ấy tôi đã nói thẳng giữa hội nghị, cũng tức là nói thẳng với đồng chí Lê Đức Thọ là : đúng, tôi đang có suy nghĩ như thế và đang trong quá trình tìm tòi, phát hiện để trình bày với Đảng một quan điểm mới về lãnh đạo văn nghệ, chứ không thể cứ giữ cái cung cách làm ăn như trước đây được. Nếu cứ giữ cái cung cách như hiện nay thì nhiều tài năng sẽ bị thui chột, văn nghệ sẽ chỉ là sự minh họa đơn điệu, buồn tẻ, sẽ không có những tác phẩm hay, xứng đáng với tầm vóc vĩ đại của cuộc kháng chiến thần thánh của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Nhưng đây là một vấn đề lớn tôi đang tập trung suy nghĩ, mà trong phạm vi cuộc họp hôm nay không cho phép tôi nói hết được. Chỉ có điều tôi có thể nói ngay ở đây rằng tôi hoàn toàn không thể chấp nhận những ý kiến của đồng chí Hà Xuân Trường và Lê Thành Công. Đó là những ý kiến vừa không có sức thuyết phục về lý luận vừa không lành mạnh, biểu hiện rõ ràng nhất là những dẫn chứng chấp vá, trích dẫn cắt xén, không đúng với bối cảnh thực tế. Tóm lại đây là những vấn đề còn phải tiếp tục tranh luận mới có thể phân rõ đúng sai. Do đó, tôi đề nghị cần có một cuộc tranh luận hãn hoi, mang tính khoa học, khách quan, chứ không thể nằm trong bối cảnh một cuộc kiểm điểm như hôm nay.

Còn những ý kiến của các đồng chí khác thì tôi xin tiếp thu để nghiên cứu, suy nghĩ. Với tư cách là người bị kiểm điểm, tôi xin chân thành cảm ơn các đồng chí. Riêng về vấn đề lỏng lẻo thì thực tình là cả về tình cảm và lý trí đối với anh chị em văn nghệ sĩ tôi có một sự quý mến đặc biệt, bởi lao động của họ là một loại lao động đặc biệt và tôi luôn cho rằng họ là vốn quý của dân tộc, riêng những người có tài năng còn là niềm tự hào của dân tộc. Ta thường nói, cách mạng tháng Tám của Việt Nam là một sự thần kỳ, cuộc chống Mỹ cứu nước của chúng ta là vĩ đại, dân tộc ta là một dân tộc anh hùng, nhưng ai là người nói lên những điều đó nếu không có "Vùng mỏ" của Võ Huy Tâm; "Xung kích" của Nguyễn Đình Thi; "Con trâu của Nguyễn Văn Bổng, "Đất nước đứng lên" của Nguyễn Ngọc; "Trước giờ nổ súng" của Lê Khâm, "Vượt Côn đảo" của Phùng Quán, "Dáng đứng Việt Nam" của Lê

Anh Xuân; "Mẹ đào hầm" của Bùi Minh Quốc... Chúng ta có thể có rất nhiều Bộ trưởng, Thứ trưởng thậm chí có thể có nhiều thủ tướng và phó thủ tướng, nhưng chúng ta chỉ có mỗi một Xuân Diệu, một Nguyễn Tuân, một Chế Lan Viên... Không ai có thể thay thế được. Đó là nói trong lãnh vực văn học, còn trong các lãnh vực khác cũng thế, chúng ta có những nhân vật nổi tiếng như Văn Cao, Trần Văn Cẩn, Nguyễn Sáng, Bùi Xuân Phái... Có một hiện tượng rất đáng để chúng ta quan tâm là một số chính khách nước ngoài, một số nhân vật tầm cỡ thế giới khi sang đến Việt Nam là đòi gặp cho bằng được Nguyễn Tuân, Nguyễn Khắc Viện, Xuân Diệu... Đó chính là họ muốn gặp nền văn hóa Việt Nam, gặp gương mặt Việt Nam trong chiến đấu và xây dựng.

Chính xuất phát từ những suy nghĩ đó mà đối với giới văn nghệ sĩ tôi thường có sự khoan dung rộng rãi, tôn trọng nghề nghiệp của họ, không khe khắt xét nét họ về tác phong, cách sống và sẵn sàng tạo điều kiện tốt nhất để họ phát huy hết tài năng của mình, phục vụ nhân dân, phục vụ đất nước, cũng tức là phục vụ Đảng. Nếu như vậy mà các anh cho tôi là lỏng lẻo thì tôi xin nhận khuyết điểm. Còn khuyết điểm đến mức nào thì thú thật đến bây giờ tôi cũng chưa đánh giá được.

Sau khi tôi phát biểu xong thì anh Thọ kết luận. Đại ý là trong lãnh vực lãnh đạo văn hóa văn nghệ có nhiều vấn đề mới đặt ra. Anh Độ chịu khó phát hiện, tìm tòi như vậy là tốt. Riêng vấn đề quan điểm này, quan điểm nọ thì không phải một cuộc họp hôm nay mà kết luận được, đúng như anh Độ nói là còn phải có quá trình tiếp tục trao đổi. Thế nhưng rõ ràng anh Độ cũng tự nhận là có lỏng lẻo lỏng lẻo trong lãnh đạo sẽ dẫn đến đến lỏng lẻo về tổ chức, về sinh hoạt.

Và cái kết luận thứ hai của anh Thọ mới thực sự là vấn đề quan điểm; quan điểm sai lầm của Trần Độ về lãnh đạo văn nghệ. Anh nói:

- Tôi tán thành ý kiến của đồng chí Lê Thành Công là anh Độ nói tình hình đã hoàn toàn mới là không nên. Lịch sử phát triển của sự vật bao giờ cũng có sự kế thừa, dù mới đến đâu cũng phải dựa trên cái cũ. Nếu nói tình hình mới và cắt đứt hoàn toàn cái cũ là không đúng.

Anh Thọ vừa phát biểu xong thì Hà Xuân Trường giơ tay phát biểu: "Vâng! Vấn đề quan điểm này nọ thì phải tiếp tục trao đổi nhưng tôi muốn lưu ý anh Độ đến mối quan hệ giữa văn nghệ và chính trị. Đây là vấn đề cốt lõi trong lãnh đạo văn hóa văn nghệ của Đảng ta. Vấn đề này đã được Đảng xác định từ lâu là chính trị phải lãnh đạo văn nghệ phải phục vụ chính trị không thể mập mờ trong vấn đề này được".

Tất nhiên là với thái độ như vậy tôi không thể kìm giữ được mình. Tôi đứng dậy nhìn thẳng anh Hà Xuân Trường nói:

- Này! Tôi nói cho anh biết là tôi không đồng ý cách quy kết của anh đối với tôi như vậy đâu. Nhưng tôi sẽ trở lại vấn đề này với anh trong một cuộc thảo luận khoa học chứ không phải trong một cuộc họp như thế này.

Đây cũng là câu kết thúc cuối cùng của cuộc họp. Anh Thọ không nói thêm gì, hội nghị cũng không ai phát biểu gì thêm.

Nhưng ai cũng cho rằng, sau cuộc họp ấy, vấn đề ai sẽ là Trưởng ban văn hóa văn nghệ đã rõ ràng.

Khoảng một tháng sau cuộc họp ấy, anh Thọ gọi tôi lên gặp riêng tại văn phòng Trung ương số 4 Nguyễn Cảnh Chân.

Trước đây khi chuẩn bị đi B, ngoài việc được ăn cơm với Bác Hồ, được các đồng chí trong thường trực Quân ủy, các đồng chí Thủ tướng Tổng cục Chính trị chiêu đãi chia tay, tôi cũng được anh Thọ mời cơm riêng trong không khí gia đình. Có thể nói anh Thọ thật sự quan tâm và thương yêu tôi. Anh hỏi thăm tình hình gia đình, vợ con, có gì cần đề đạt... Nhưng tôi nói với anh Thọ là tôi ra đi rất yên tâm và phấn khởi, mọi việc về chính sách đã được các anh bên Tổng cục lo cho chu đáo. Là người đã từng nhiều năm ở chiến trường miền Nam trong kháng chiến chống Pháp nên hôm ấy anh dành thời gian nói cho tôi khá nhiều kinh nghiệm trong sinh hoạt và chiến đấu... Hôm nay anh lại gọi tôi lên sau cuộc kiểm điểm và tôi biết rõ cuộc gặp này chắc không ngoài mục đích báo cho tôi biết là tôi sẽ không còn ở trong Trung ương nữa và tất nhiên cũng sẽ thôi giữ chức Trưởng ban văn hóa văn nghệ, theo cách thức mà cơ quan Tổ chức từ trên xuống dưới thường hay làm trước đại hội. Hôm ấy tôi lên vẫn thấy anh Thọ niềm nở, thân mật. Sau vài câu hỏi thường tình về gia đình, sức khỏe, anh vào câu chuyện chính một cách rất tự nhiên.

- Cậu như thế là lỏng lẻo quá. Anh em người ta nói như vậy mà tớ cũng nhận thấy như vậy. Do đó nên không thể tiếp tục lãnh đạo văn hóa văn nghệ được. Mà không là Trưởng ban văn hóa văn nghệ thì cũng không có cơ cấu vào Trung ương. Hôm nay tớ thông báo cho cậu biết Bộ Chính trị không dự kiến giới thiệu cậu.

Anh Thọ vừa nói vừa nhìn thẳng vào mặt tôi và hỏi:

- Ý cậu thế nào?

Tuy đã biết cái kết cục của cuộc kiểm điểm sẽ dẫn đến kết quả hôm nay, nhưng một lần nữa tôi bỗng cảm thấy hụt hẫng. Con người ta thường có tâm lý như thế. Tuy biết chắc một chuyện không may nào đó sẽ đến, nhưng vẫn hy vọng là có thể nó không đến. Trong trường hợp này hy vọng của tôi là có thể không còn giữ chức Trưởng ban văn hóa văn nghệ nhưng vẫn là ủy viên Trung ương và sẽ được chuyển sang phụ trách một lĩnh vực khác. Nhưng qua anh Thọ thì cùng một lúc tôi phải rút lui cả hai cương vị, có nghĩa là nghỉ hưu... Và đây quả là một điều tôi chưa từng nghĩ đến. Năm đó tôi chưa đến tuổi 60, sức khỏe đang hồi phục tốt, đang rất muốn làm việc, cống hiến, đặc biệt là trong lĩnh vực văn hóa văn nghệ.

Tôi nói với anh Thọ:

- Tính đến nay, tôi đã 21 năm ở Trung ương, cũng có thể nghỉ để cho lớp trẻ hơn thay thế. Tôi không phải là con người tham quyền cố vị. Đã 40 tuổi Đảng, 30 năm tuổi quân, hai cuộc kháng chiến tham gia trọn vẹn, nghỉ cũng được rồi. Nhưng như anh phát biểu hôm kiểm điểm tôi là hiện nay đang có nhiều vấn đề mới đặt ra đối với sự lãnh đạo văn hóa văn nghệ và tôi đang cố gắng tìm tòi phát hiện những vấn đề mới ấy về đề xuất của Đảng... Vì vậy, tôi xin thẳng thắn phát biểu với anh, người làm công tác tổ chức của Đảng, nguyện vọng của tôi là còn muốn làm việc. Tuy nhiên quyền quyết định là ở các anh, tôi sẵn sàng chấp nhận ý kiến của tổ chức.

Mặc dù nghe tôi phát biểu một cách chân thành tha thiết như vậy, nhưng nét mặt anh Thọ vẫn không có một chút thay đổi. Xem ra việc đã được phán quyết rồi...

Cũng như chỉ mới cách đây một tuần, Trưởng ban Tổ chức Lê Đức Thọ đã gặp Bí thư Trung ương Đảng, chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Song Hào. Kết quả là Song Hào thôi giữ chức Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị để ra làm Bộ trưởng Bộ thương binh xã hội, lý do là vì có một số "sai lầm về quan điểm".

Sau lần gặp đó, ở Hội nghị Trung ương về công tác nhân sự để trực tiếp chuẩn bị cho Đại hội V, trong danh sách dự kiến của Bộ Chính trị về Trung ương mới không có tên tôi mà có tên Hà Xuân Trường. Nhưng có một điều bất ngờ đã xảy ra: Các tổ vẫn đề nghị tôi vào danh sách, đặc biệt là các đồng chí ủy viên Trung ương khóa IV thì rất nhiều đồng chí nhất trí ủng hộ tôi. Họ nói thẳng: "Tại sao lại rút tên Trần Độ - Trần Độ đang có sức khỏe, có năng lực - Nếu nói tiêu chuẩn của một ủy viên Trung ương là lòng trung thành với sự nghiệp của Đảng, là trình độ hiểu biết, là năng lực hành động thì Trần Độ rất xứng đáng". Đứng trước tình hình nhiều tổ, bất chấp dự kiến của Ban nhân sự, nhưng được núp danh nghĩa là dự kiến của Bộ Chính trị, cán bộ của Ban Tổ chức Trung ương được chia nhau đi các tổ để giải thích vì sao Bộ Chính trị lần này không đề cử Trần Độ. Mặc dầu vậy, nhiều tổ vẫn giữ ý kiến đề cử Trần Độ vào danh sách.

Và thế là đích thân ủy viên Bộ Chính trị, Trưởng ban tổ chức Trung ương Đảng, phải đến từng tổ để giải thích trường hợp này. Vẫn là cái lý do Trần Độ lỏng lẻo, không lãnh đạo Văn hóa Văn nghệ được nên không thể có trong cơ cấu, nhưng đặc biệt lần này anh Thọ có nói thêm một chi tiết liên quan đến một câu phát biểu của Hoàng Ngọc Hiến mà chính bản thân tôi cũng không biết. Tôi còn nhớ rất rõ ý kiến của anh Thọ nói ở tổ tôi như sau: "Đúng, anh Độ là người có năng lực, tuổi còn ít, có sức khỏe, làm việc tốt, có nhiều cống hiến. Thế nhưng anh Độ đã bị kiểm điểm về lỏng lẻo trong lãnh đạo văn hóa văn nghệ, gần đây có người phát hiện ra một sai lầm còn lớn hơn: Cụ thể là ở một hội nghị, có một văn nghệ sĩ phát biểu công khai rằng thần tượng Đảng đã đổ rồi, thần tượng Bác Hồ đã đổ rồi, thế mà anh Độ có mặt ở đấy vẫn cứ cho qua không nói gì. Đến mức như vậy thì làm sao để anh Độ tiếp tục lãnh đạo văn hóa văn nghệ được".

Câu nói của anh Thọ có sức nặng đến mức như bà Định, xưa nay vẫn rất ủng hộ tôi, phải thốt lên "Chu cha? Thế thì hết biết", sau đó, bà Định còn láy đi, láy lại: Thật quá lắm, quá lắm..."

Riêng đối với tôi thì đây đúng là "Oan Thị Kính" vì Hoàng Ngọc Hiến phát biểu câu nói trên ở đâu, vào lúc nào tôi đâu có biết...

Mãi sau này tôi đi hỏi Hoàng Ngọc Hiến, hỏi lại chị Lê Minh và một vài người khác thì thực chất việc đâu có phải như thế... Mà ý của Hoàng Ngọc Hiến là ta không nên thần thánh hóa Bác Hồ, thần thánh hóa Đảng, bởi vì không làm như thế thì uy tín của Đảng vẫn còn đó, uy tín của Bác Hồ vẫn còn đó... Nếu cứ tìm cách thần thánh, linh thiêng hóa Đảng và Bác Hồ thì lợi bất cập hại.

Trong nội dung phát biểu này không hề có ý gì xúc phạm đến Đảng, xúc phạm đến Bác Hồ. Thế mà đồng chí ủy viên Bộ Chính trị, trưởng ban Tổ chức Trung ương lại dựa vào cái câu nói đó để phê

phán tôi và đưa tôi ra khỏi danh sách dự kiến vào Trung ương khóa V thì thực là một việc đau lòng. Đau lòng không phải là việc tôi sắp bị mất chức ủy viên Trung ương, mà đau lòng do cái cách làm việc của cơ quan tổ chức, quy kết, bất chấp sự thật, chỉ nhằm mục đích đạt cho bằng được ý của mình. Như vậy là trong Đảng ta còn có một quyền lực tối thượng nào đó, nhưng lại nhân danh Bộ Chính trị, nhân danh Đảng quyết định tất cả...

Trong lúc đa số Trung ương ủy viên đều yêu cầu đưa Trần Độ vào danh sách ủy viên Trung ương khóa V thì Trưởng ban Tổ chức Trung ương Lê Đức Thọ vẫn tìm mọi cách kiên quyết gạt ra.

Nhưng do ý kiến đa số Trần Độ vẫn có tên trong danh sách và Trần Độ vẫn trúng cử ủy viên Trung ương chính thức.

Nhưng, như trên tôi có nói, Lê Đức Thọ là một con người quyết đoán không bao giờ chịu thua hoàn toàn. Không đưa được tôi ra khỏi Trung ương vì đây là thuộc quyền của Đại hội, thì Lê Đức Thọ dùng quyền của cơ quan tổ chức.

Sau Đại Hội V, chỉ chưa đầy một tuần, bổ nhiệm ngay Hà Xuân Trường - ủy viên Trung ương dự khuyết vào chức vụ Trưởng Ban văn hóa - văn nghệ Trung ương. Và kể từ đó, tuy trúng cử ủy viên Trung ương chính thức, nhưng tôi "bị treo giò", nghĩa là không được trao nhiệm vụ gì cả. Đây cũng là một trường hợp hiếm có...

Sau này có dịp đi các địa phương, gặp lại những bạn bè thân thiết cũ từng tham gia Đại hội V, họ kể lại cho tôi nghe là hồi đó chính họ cũng được một nhóm người đi vận động không bỏ phiếu cho tôi. Vận động một cách khá trắng trợn. Kể xong họ cười mỉa và nói: "Nhưng chúng tôi có chính kiến của chúng tôi chứ. Cái gây chỉ huy mà không trung thực thì chỉ huy được một số người thôi, chứ không thể chỉ huy được tất cả".

ở Đại hội V còn có chuyện to hơn chuyện của tôi, có thể nói là chuyện "tày đình", so với chuyện của tôi thì đúng như trên tôi đã nói "chẳng là cái đinh gì". Đó là chuyện anh Giáp và anh Linh ra khỏi Bộ Chính trị... Như trên tôi đã nói, vụ việc của tôi ở đại hội V thì tôi đã rõ ràng, còn việc của anh Giáp thì vẫn cứ bị cái án lơ lửng treo giò, bởi kết luận của Bộ Chính trị cuối cùng vẫn là chưa kết luận được. Sau 30 năm chiến tranh, toàn dân tộc vẫn tiếp tục sống trong nghèo khổ, thiếu thốn. Tiềm lực thì lớn lao mà trí tuệ thì hạn hẹp. Những người lãnh đạo đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong chiến tranh tưởng rằng vấn đề có thể tiếp tục hoàn thành nhiệm vụ trong xây dựng hòa bình. Nhưng quy luật của cuộc sống là khắc nghiệt, nó có con đường đi của nó, loại ra ngoài mọi thứ duy ý chí.

Có người nói, nếu như Bác còn sống đến ngày giải phóng miền Nam thì tất nhiên là tốt đẹp rồi. Lòng nhân ái bao la của Bác, tầm mắt nhìn xa trông rộng của Bác (như ngay từ năm 1945, 1946 Bác đã chính thức mời Mỹ, Pháp đầu tư vào Việt Nam. Mời các cụ Bùi Bằng Đoàn, Huỳnh Thúc Kháng tham gia việc nước...) thì nhất định, sau giải phóng miền Nam sẽ không có những cảnh tượng đau lòng như ta đã thấy.

Sau này vào khoảng năm 1984, 1985 nhân dịp vào Sài Gòn công tác, anh Nguyễn Văn Linh lúc bấy giờ là ủy viên Trung ương Đảng, bí thư Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh có nhắn mời tôi đến chơi.

Từng làm việc với nhau suốt mười năm ở chiến trường, anh là Phó Bí thư Trung ương Cục, tôi là ủy viên, chúng tôi có nhiều kỷ niệm gắn bó thân thiết. Anh Linh hơn tôi gần chục tuổi, tham gia cách mạng trước tôi, nên bao giờ tôi cũng coi anh là người đi trước. Anh là một nhà lãnh đạo có uy tín lớn, luôn quan tâm đến mọi người, chín chắn trong tác phong công tác. Nhưng bao trùm lên tất cả là tấm lòng nhân ái, tình thương yêu đồng chí, đồng đội...

Trong buổi tối hôm ấy, khi nhắc đến Đại hội V, anh cười hỏi tôi:

- Làm sao mà lúc đầu không có tên anh trong danh sách vào Trung ương?

Tôi kể cho anh nghe toàn bộ sự việc xảy ra đặc biệt nói kỹ về quan điểm lãnh đạo văn nghệ không được anh Thọ chấp nhận nên đưa Hà Xuân Trường lên thay...

Anh Linh lắng nghe một cách chăm chú, ra chiều suy nghĩ, cuối cùng khi tiễn tôi ra về, anh mới thốt lên không ra vui cũng không ra buồn:

- Thì cả hai chúng ta đều bị phê phán là tự do. Anh thì tự do trong văn nghệ, còn tôi thì tự do trong kinh tế... Cả hai chúng tôi cùng cười.

Lúc này tôi và anh Linh đều là ủy viên Trung ương khóa V nhưng anh Linh vẫn được nhận trọng trách là Bí thư thành ủy thành phố Hồ Chí Minh, còn tôi thì vẫn chưa có một công việc nào rõ rệt.

Trước khi chia tay về nghỉ ở T78, tôi có nói với anh Linh:

- Hồi ở rừng, chúng ta sống đẹp biết bao nhiêu. Sống chết có nhau, yêu nhau như ruột thịt. Thế mà mới có hơn 5 năm sau hòa bình, có biết bao nhiêu là chuyện...

Anh Linh cười:

- Rồi mọi chuyện lại tốt đẹp thôi.

Ít lâu sau, anh được bổ sung vào Bộ Chính trị. Đại hội VI anh được bầu làm Tổng bí thư; tôi lại trúng cử ủy viên Trung ương chính thức và trở lại phụ trách Trường ban Văn hóa văn nghệ.

Hai khóa Trung ương trước tôi rất ít phát biểu. Nhưng trong khóa V, tôi phát biểu khá nhiều, hầu như phiên họp nào tôi cũng chuẩn bị một bản tham luận. Trong bài phát biểu nhan đề: "Một vài ý kiến về những vấn đề chung của công tác tư tưởng và tổ chức" tại phiên họp Trung ương khóa IV, khóa V tuy còn mang nặng tính giáo điều và tư duy cứng nhắc, nhưng cũng có một số ý kiến về dân chủ tập trung và tổ chức cán bộ, cho đến nay tôi thấy vẫn còn có giá trị, xin trích lại đây để nhớ về một đại hội V buồn vui lẫn lộn:

"Ta đang ở trong một quá trình cách mạng sôi nổi, cách mạng xã hội chủ nghĩa trên cả nước, mà nội dung của nó là một sự chuyển biến sâu sắc, toàn diện triệt để mọi mặt trong xã hội như Nghị quyết Đại hội Đảng IV và V đã chỉ rõ, đồng thời phải làm nhiều việc để bảo vệ Tổ quốc

Vì vậy, những vấn đề cấp bách về tư tưởng và tổ chức của ta hiện nay cũng là những vấn đề cơ bản, những vấn đề then chốt trong quá trình cách mạng đó, nó vừa cấp bách vừa lâu dài vì nó cần tác động trong tất cả các mặt và trong suốt thời gian lâu dài của quá trình cách mạng.

Ta cần đề phòng một tình hình là điều đó sẽ dẫn đến sự đơn giản trong công tác tư tưởng, bất cứ một biểu hiện nào cũng quy về hữu khuynh, mỗi chỗ người ta cố tìm ra một khía cạnh của hữu

khuynh. Như thế liệu có thể có hiệu quả trong tình hình cách mạng lúc này không? 1954 ở Điện Biên Phủ có cuộc vận động chống hữu khuynh, có hiệu quả lớn, nhưng lúc ấy mục tiêu nhiệm vụ rõ rệt, cụ thể, phạm vi có hạn. Nay không thể như vậy.

Đồng thời có sự hiểu phương hướng tăng cường, chuyên chính vô sản thì chỉ là tăng cường kiểm soát, tăng cường nghiêm trị và tăng cường xử phạt như vậy cũng không đúng với tinh thần của học thuyết Lê-nin về chuyên chính vô sản.

Trong quá trình cách mạng hiện nay, luôn luôn có những hiện tượng mới mẻ xuất hiện và phát triển và có những cái gì cũ lạc hậu bị đào thải, những cái gì mới xuất hiện thì gặp khó khăn, có khi còn phải xuất hiện chui, hoặc bị coi là bất hợp pháp bị lên án.

Thí dụ rõ rệt nhất là xí nghiệp đánh cá Côn Đảo và việc khoán trong nông nghiệp. Hiện nay ở một số địa phương và đơn vị cơ sở, có những đồng chí phụ trách đứng trước tình hình làm những việc mà có thể trở thành anh hùng hoặc vào tù.

Thứ hai là vấn đề dân chủ tập trung, tôi thấy không phải chỉ là ý thức mà là cơ chế. Cơ chế phải bảo đảm các cấp lãnh đạo Đảng và Nhà nước nắm chắc được bản chất tình hình xã hội (thông tin) về các mặt, đồng thời bảo đảm sự huy động các nguồn trí tuệ trong xã hội để giải quyết các vấn đề do xã hội đặt ra. Không nên quan niệm dân chủ chỉ là nghe ý kiến của người trực tiếp sản xuất (nông dân và công nhân) mà phải là vấn đề phát huy các nguồn trí tuệ, trong đó có một nguồn trí tuệ quan trọng là các cơ quan khoa học, cán bộ khoa học, cán bộ lãnh đạo và quản lý các cấp các ngành. Các cấp khoa học vốn là của Đảng, do Đảng tạo ra, cán bộ khoa học cũng thế, phải có cơ chế làm việc thu hút các cơ quan này châu tuần chung quanh các cơ quan lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng. Các cấp của Đảng phải coi các cơ quan khoa học có liên quan là trợ thủ của mình. Phải tăng cường việc xây dựng nhiều cơ quan thông tin phục vụ cho công tác nghiên cứu.

Không thể có một cấp nào hay một người nào hiện nay có thể biết hết mọi vấn đề, phải có sự phối hợp và liên kết các cơ quan khoa học.

Về mặt khác, phải thúc đẩy tốc độ việc xây dựng pháp luật thể chế các mặt cho kịp với yêu cầu quản lý và đổi mới quản lý, phải nâng cao trình độ "lập pháp" ở tất cả các cơ quan nhà nước.

Đó là những nội dung quan trọng trong toàn bộ nội dung của vấn đề dân chủ kỷ luật.

Nên quan niệm tăng cường chuyên chính vô sản không phải chỉ là tăng cường kiểm soát, tăng cường nghiêm trị, tăng cường xử phạt. Đó là mặt cần thiết, nhưng không phải chỉ có thế. Tăng cường chuyên chính vô sản còn phải là "nâng cao kiến thức, bản lĩnh và năng lực lãnh đạo của Đảng, nâng cao trình độ tổ chức, năng lực tổ chức và hiệu quả của tổ chức, bao gồm việc định ra các loại chính sách, các thể lệ quy chế quản lý có hiệu lực, bảo đảm phát huy mọi tiềm năng ở mọi lĩnh vực để tăng hiệu quả rõ rệt ở các mặt kinh tế, quốc phòng, văn hóa, xã hội, khoa học giáo dục, tạo nên thành quả mới, lực lượng mới cho cách mạng. Như vậy, cũng cần quan niệm đúng đắn "chống chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch", thực chất là phải đẩy mạnh ba cuộc cách mạng như ý kiến đồng chí Tổng Bí thư phát biểu. Nhiều đồng chí phát biểu đã nêu lên những dẫn chứng về vấn đề này:

Thứ ba là tổ chức và về cán bộ: Nhất thiết cần nghiêm khắc phê phán và xử trí nghiêm minh những cán bộ, đảng viên hư hỏng thoái hóa biến chất. Đồng thời cũng cần có thái độ như vậy với một loại cán bộ cơ hội bất tài, bảo thủ và vô vị, có khi không có một khuyết điểm nào nhưng chỉ có một khuyết điểm là chỉ biết nhắc lại chỉ thị nghị quyết như con vẹt và không hề làm được việc gì có ích cho xã hội, đã như thế lại còn chiếm chỗ quan trọng trong các cơ quan Đảng và Nhà nước, và có lúc là đầu mối cho mọi sự bất hòa xích mích của tổ chức.

Loại cán bộ đảng viên này tai hại cho sự nghiệp cách mạng không kém loại cán bộ đảng viên hư hỏng thoái hóa biến chất chút nào.

Mặt khác cần khẳng định mạnh mẽ một phương hướng tuyển chọn và bố trí cán bộ: Khuyến khích những người có kiến thức, trung thực, năng động, sáng tạo, dám chịu trách nhiệm, đạt tới những hiệu quả cụ thể trong phạm vi công tác phụ trách. Thực tế trong xã hội cũng đang xuất hiện các loại cán bộ có những phẩm chất như vậy. Có thể nói chắc chắn rằng trong xã hội ta về tất cả mọi mặt, không thiếu nhân tài, nhân tài kinh tế, nhân tài quản lý, nhân tài quân sự, nhân tài sáng tạo khoa học và văn học.

Cần có những chính sách khuyến khích nhân tài, chiêu hiền đãi sĩ, dám nghe những điều nói ngược tai mới lạ để cho sĩ tử xa gần nô nức đem tài năng ra thi thố, giúp ích cho dân, cho nước. Cần có những chính sách thi cử, tuyển cử, ứng cử để thực hiện được việc phát hiện nhân tài và sử dụng nhân tài.

Đối với loại cán bộ mới, có tài, nên có thái độ độ lượng với điểm gọi là khiêm tốn. Thật ra, ai là có tài và khiêm tốn thì thật là tốt và hoàn toàn. Nhưng thông thường những người có tài năng cũng kèm theo một cá tính là tự tin một cách mạnh mẽ. Do tự tin mạnh, nên có những biểu hiện thiếu khiêm tốn, nhưng lòng tự tin lại là một đức tính nên khuyến khích, vì đó cũng là một mặt của tinh thần dám chịu trách nhiệm, không nên chỉ vì đi tìm cán bộ bằng cách cơ quan tổ chức nắm lý lịch rồi đi thăm hỏi và dò tìm.

Cần mau chóng có một đội ngũ cán bộ có năng lực thích hợp với tình hình cách mạng mới, chính sách đó được khẳng định sẽ tác động mạnh mẽ vào tâm lý thanh niên và là một việc góp phần rất hiệu quả vào sự nghiệp xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa và một chính sách cán bộ đúng sẽ đập tan một tâm lý "chỉ cần biết sống" nghĩa là biết ngậm miệng, ăn tiền, biết tìm ghế, nịnh nọt để giữ ghế và chính sách đúng cũng tạo nên một tâm lý hăng hái trau dồi kiến thức, hăng hái sáng tạo, hăng hái cống hiến".

Đại hội V đối với tôi là một kỷ niệm không vui, nhưng rồi thời gian qua đi thì những sự việc nó cũng nhạt dần. Tôi cũng không mấy quan tâm đến nữa.

Bút Ký Xuân Kỷ Mão

1- vì Đâu Tôi VIẾT Bài BÚT Ký Này?

Vì nhiều lẽ.

Lẽ thứ nhất là: Thông thường mọi người, phần nhiều là người già, đầu xuân hay khai bút, làm thơ hoặc viết văn nói lên cảm nghĩ của mình về ngày xuân. Các nhà văn hay viết văn, các nhà thơ hay làm thơ, các cụ không phải là nhà thơ cũng làm thơ. Mấy năm nay, nhà văn Hoàng Tiến đều viết: "Cảm xúc mùa xuân" và đều gửi tặng tôi. Vì thế tôi là hội viên hội nhà văn, cũng muốn nghĩ ngoáy đôi dòng nói lên nhiều điều ứ tràn trong người.

Lẽ thứ hai là : Kể từ ngày tôi được nổi tiếng là "chống" "... " (Tuy không ai nói tên), và từ ngày bị được khai trừ thì càng nổi tiếng hơn và rõ tên tuổi hơn. Tôi nhận được rất nhiều thư từ của nhiều người gửi đến. Có người là bạn quen, có người chưa quen. Thư là một bài viết, một tiểu luận, một kiến nghị, một khiếu nại, một tố cáo, một bài thơ. Có bài có ghi tên để gửi tôi, có bài không, có bài qua đường bưu điện, có bài cứ thấy được vút vào nhà các con cháu tôi nhất được đưa cho tôi. Có bài có nội dung liên quan đến tôi, hoặc hoan nghênh tôi ở điểm này, điểm khác, hoặc ngỏ ý muốn bỏ xung cho tôi điểm nọ, điểm kia, hoặc ngỏ ý muốn thảo luận với tôi. Cũng có bài phê phán tôi. Tôi không có văn phòng để có người "Công văn đi đến" nên tôi không thống kê và ghi chép ngày giờ được Nhưng tôi nhớ đại khái là thời gian tôi nhận được nhiều nhất là từ tháng 11 năm 1998 đến nay. Tôi không ghi được số lượng bản viết, có bản vài trang, có bản trên dưới chục trang. Tổng cộng số lượng có đến mấy trăm trang giấy. Nội dung thì có thể thu xếp vào một số hồ sơ như:

- Hồ sơ quan trọng nhất là hồ sơ chống tham nhũng ở cấp cao, vụ thủy cung Hồ Tây.
- Hồ sơ vụ án Lê Hồng Hà, Hà Sĩ Phu, vụ Nguyễn Trung Thành, vụ Bùi Minh Quốc.
- Hồ sơ về các góp ý về lãnh đạo và xây dựng Đảng...

Tôi thấy trong các ý kiến đó, có nhiều ý kiến giống tôi, có nhiều ý kiến có thể bỏ xung cho tôi. Tôi mơ ước có điều kiện thuận lợi gặp nhau (Ví dụ có một hình thức Câu lạc bộ nhỏ nào đó, hoặc một cơ quan ngôn luận nào đó) thì có sự trao đổi, tôi chắc chắn là tuyệt vời, vui vẻ và rất bổ ích, củng cố thêm an ninh Quốc gia. Nhưng tôi chỉ dám mơ ước như hồi nhỏ mơ ước làm võ sĩ vậy thôi. Một lẽ khác nữa là gần đây tôi được nghe thuật lại có một vị lão thành trí thức phát biểu ở một hội nghị quan trọng, đặt vấn đề là Tình hình thế giới và trong nước bây giờ đã thay đổi lớn lắm rồi, không thể dùng cách nhìn cũ mà nhìn được nó. Xu hướng toàn cầu hóa các mặt ở thế giới đang là xu hướng quan

trọng chủ yếu. Ta cần đặt vấn đề nghiên cứu và xác định đường lối. Phải giải quyết vấn đề đường lối, chứ không thể chạy theo giải quyết những việc cụ thể nó có hàng vạn, hàng triệu. Tôi rất tâm đắc ý kiến này. Dòng suy nghĩ của tôi như được tiếp một sức mới, và tôi thấy có lẽ cũng có nhiều người khác nữa cũng thấy như tôi.

Một lẽ nữa là trong năm vừa qua tôi xem tivi, được xem nhiều phim của Trung Quốc (Lục Địa, Đài Loan, Hồng Kông) được đọc nhiều tiểu thuyết của Trung Quốc (nhất là tiểu thuyết lịch sử, tiểu thuyết xã hội, tạp văn). Tôi thấy nhiều giá trị và tài năng ở các văn nghệ sĩ Trung Quốc (cả tư bản và xã hội chủ nghĩa). Tôi cứ ám ức trong người rằng: Các văn nghệ sĩ Việt Nam, thanh thiếu niên Việt Nam tuyệt nhiên không thể kém hơn Trung Quốc. vậy tại sao các tài năng Việt Nam không xuất lộ được để có những giá trị cao, đẹp ra đời??? Cái tội làm thui chột tài năng trải qua nhiều thế hệ là tội nặng nhất trong các tội đối với nhân dân và tổ quốc. Tôi nhìn hình ảnh các cháu nhỏ tươi vui, thông minh, nhanh nhẹn trên tivi mà thấy thất ruột, thất gan với câu hỏi: Các cháu lớn lên có được hưởng hạnh phúc tự do và được tự do phát biểu không hay lại chỉ có thể trở thành những con rối? Công lao của Hồ Chí Minh và Đảng cộng sản lớn nhất là mang lại độc lập, tự do cho Việt Nam? Vậy tự do đâu? Mùa xuân ơi! Còn nhiều lẽ khác nữa, nhưng kể thế tạm đủ rồi.

II Cảm Xúc Mùa XUÂN BẮT ĐẦU Từ Đâu?

Hồi tôi 16 tuổi, mới học vỡ lòng làm người cộng sản. Bài học vỡ lòng đầu tiên của tôi là tổ chức và điều khiển một cuộc "Khai hội" (Ngày ấy chưa nói "Hội nghị và đại hội"). Công việc quan trọng nhất trong công tác vận động và giác ngộ quần chúng là Khai hội. Mà khai hội thì nghị sự bao giờ cũng có năm tiết mục cố định.

- Tình hình thế giới.
- Tình hình trong nước.

Và sau đó

- Linh tinh
- Phê bình
- Giải tán

Lúc ấy đi khai hội với quần chúng, bao giờ cũng phải được trang bị mục tình hình thế giới, hoặc do cấp trên cho, hoặc tự chuẩn bị lấy.

Có lần, sau cuộc khai hội ở làng tôi, một anh nông dân mời tôi về nhà uống nước chè xanh, ăn khoai luộc. Anh tỏ vẻ rất phấn khởi vì tiếp xúc với cách mạng mà biết nhìn ra được thế giới, thấy rõ thế giới quan hệ tới vận mệnh của mình và gia đình mình. Anh ấy khen tôi "Có cái tinh thần rất cao" và anh hỏi tôi học ở đâu? Và anh ấy yêu cầu tôi viết ra "Cái tinh thần" ấy cho anh học với. Tôi nhớ rất kỹ kỷ niệm này. Do đó bài này cũng phải bắt đầu từ tình hình thế giới. Tôi được gặp và nghe (Có được đọc một ít) nhiều người đọc sách và báo chí thế giới thuật lại, thì thấy những trí thức, học giả thế giới họ

bàn và nhận định về thế giới ngày nay hay quá, lạ quá, mới quá, rộng quá, cao quá. Càng nghe họ, mình càng thấy mình "éch ngòai đấỵ giống". Dù sao, tôi cũng thấy được trong thế kỷ qua (thế kỷ XX) có hai sự việc làm cho lịch sử loài người biến đợng lớn, tác đợng mạnh mẽ đến tiến trỡnh phát triển của loài người. Hai sự việc ấy có thể thể hiện ra thành mấỵ câu hỏi:

1 - Tại sao ta dự đợc là Tư bản giấỵ chết, mà nó không chết, nó lại cứ phát triển mạnh hơn. Cả thế giới bây giờ đều phụ thuộc vào bảy tám nước mạnh nhất về kinh tế, văn hóạ, xã hội và quân sự. Đờì sống của nhân dân các nước ấy ngày càng cao. Giai cấp công nhân bây giờ là công nhân "Cổ trắng" và có đờì sống cao hơn cả Nguyên thủ nước ta. Và những nước lớn ấy đều là nước Tư bản. Tại sao và thế nào?

2- Tại sao ta bảo "Nội dung của thời đạì hiện nay là quá đợc từ Tư bản chủ nghĩa lên Xã hội chủ nghĩa trên phạm vi toàn thế giới" mà ở cuối thế kỷ thì Chủ nghĩa xã hội lại biến mất ở tầm thế giới, đánh rựp một cái, trong vài năm từ thành trì Liên Xô, cho đến hàng chục nước khác nữa. Sự tan vỡ sao lại diễn ra nhanh gọn thế? Tại sao? Và thế nào?

Thế giới đã có những giải đắỵ khác nhau. Việť Nam cũng có những lời giải thích. Nhưng lời giải thích của Việť Nam có những điều quá mớng muộì, quá mơ hồ, quá hồ đồ Chỉ có việc vác những khái niệm cổ lỗ để úp lên những thực tiễn quá lớn lao, quá sôi đợng. Sự giải thích như vậy trở thành những chuyện tiếu lâm trước các tầng lớp thanh niên. Bản thân những tác giả của các lời giải thích cũng tự biết mình chẳng bậỵ được ai. Nhưng vì đã chớť là người làm cái nghề "Nói lấỵ được", thì cứ việc "Nói lấỵ được".

3- Còn một câu hỏi cực kỳ quan trọng nữa mà phải giải đắỵ được rõ thì mới có cơ sở trọng yếu mà vạch ra đường lối phát triển đấỵ nước. Đó là câu hỏi: Đặť điểm quan trọng nhất của xu thế phát triển thế giới là gì? Một điều hết sức hiển nhiên, ai cũng thấy là thế giới hiện nay không có hai phe nữa, mà đang hình thành những cực, những khu vực. Không có quan hệ hai phe địch, ta mà quan hệ phổ biến cần xây dựng là hợp tác, đũa tranh và phụ thuộc vào nhau. Nhiều lĩnh vực xuất hiện xu hướng toàn cầu hóạ ngày càng mạnh. Đó là toàn cầu hóạ về kinh tế, tài chính, về văn hóạ, về xã hội, về khoa học công nghệ, về môi trường. Các vấn đề trên, không có một vấn đề nào mà một nước tự khép kín, dù cho nước lớn đến bao nhiêu, có thể giải quyết cho mình được. Sự toàn cầu hóạ có thể lan sang lĩnh vực chính trị, và chưa ai ước đợc là nó sẽ diễn biến thế nào? (Hiện đã có vai trò Liên Hiệp Quốc và Nghị Việť Châu âu). Sự thật hiển nhiên đó đang phủ nhận một cách phủ phàng cái thứ tư duy mớng muộì, là tư duy hai phe. Cái lý luận máỵ mớց : "Địch khen thì là ta xấu, đờì chề là ta tốt" quá lạc hậu này vẫn còn ngự trị ở một số đầu óc. Những đầu óc này không chịu được ai chê mình, nhưng lại sợ người ta khen mình, vậy không biết họ muốn gì. Như đối với Việť Nam, có người chê là thiếu dân chủ. Theo logic trên, thì ta "Thiếu dân chủ là ta rất hay rất tốt rồi hay sao?

Trong chiến tranh, công tác tư tưởng làm sao phân biệt bạn, thù, ta là cực kỳ quan trọng, mà cũng khá dễ dàng. Còn ngày nay, ai là bạn, ai là thù? Bạn ở đầỵ thù ở đầỵ, cần làm cho rõ. Khẩu hiệu

"Việt Nam muốn làm bạn với tất cả mọi người" là một khẩu hiệu thực, hay chỉ là nói cho hay thôi, còn không cần làm bạn với ai cả?

III- CẢM XÚC XUÂN VỀ ĐẤT NƯỚC RA SAO?

Đất nước Việt Nam có 4000 năm lịch sử có những thành tích dựng nước và giữ nước, có những giá trị văn hóa tinh thần cao đẹp. Đó là những điểm rất đáng kính trọng, và thế giới đã từng ngưỡng mộ. Trong thế kỷ XX, dân tộc Việt Nam và Đảng cộng sản đã lập những công tích rực rỡ xứng đáng với cha ông. Mặt thành công, thắng lợi, ta đã nói khá nhiều, sự khen tặng của thiên hạ, của bản thân ta cũng đã khá nhiều. Nhưng hình như ta chưa quan tâm đúng mức tới các mặt trái của cuộc sống. Ví dụ thắng lợi vĩ đại của cách mạng và chiến tranh đã có một hậu quả hết sức nặng nề: Sự tàn phá, sự kiệt quệ tài nguyên, sự tổn thất và mất mát của hàng triệu gia đình, hàng triệu bà mẹ. Ngày nay, sau thắng lợi ta phải chịu một gánh nặng hết sức lớn về những vết thương và tổn thất chiến tranh, gánh nặng phải đền bù những sự hy sinh, phục hồi những tàn phá, tổn thất. Và đó là một điều kiện khó khăn rất lớn cho việc phát triển kinh tế xã hội, và sự hàn gắn đoàn kết dân tộc. Sự hạn chế về trình độ, về kinh nghiệm của lực lượng lãnh đạo trong phát triển kinh tế xã hội, không được coi trọng phân tích và nghiêm túc khắc phục. Cái kiểu tư duy : "Đã anh hùng trong chiến tranh và đã thắng được kẻ thù hùng mạnh, thì bất kể khó khăn phức tạp nào cũng dùng chủ nghĩa anh hùng đó khắc phục dễ dàng". Đó là một thứ men say nguy hiểm!

Hiện nay ta đang đứng trước một loạt nghịch lý của đời sống xã hội, và sự quản lý xã hội. Những nghịch lý này đang làm đau đầu bộ phận lãnh đạo và làm day dứt, trăn trở hàng chục triệu con tim. Một loạt vấn đề về lý luận cơ bản và tư tưởng chính trị đặt ra mà chưa có phương hướng lý giải. Ý định của lãnh đạo là phải xác định mấy nguyên tắc đã định từ trước, rồi thôi không thảo luận nữa, ai tuân theo thì được, không tuân theo thì bị trừng phạt. Tôi vô cùng lo sợ cho cái ý tưởng này. Và điều đáng lo sợ không phải là lo sợ cho lực lượng lãnh đạo, mà lo sợ cho triển vọng của nhân dân, đất nước. Như thế lãnh đạo không làm việc dẫn dắt đất nước đi lên, mà đưa đất nước đến bên bờ vực thẳm.

Tình hình đất nước phải là cảm xúc đầu xuân lớn nhất. Ta đang sống trong một loạt nghịch lý hay mâu thuẫn như sau:

a- Trước hết là nghịch lý càng chống tham nhũng bao nhiêu thì tham nhũng vẫn tồn tại và phát triển ngày càng nghiêm trọng.

Về mặt chống thì sự lên án đã hết mức nghiêm khắc: "Quốc nạn", "Nội xâm"... Về mặt tổ chức thì có các ban chống tham nhũng gồm những người quan trọng. Về mặt luật pháp thì đã có luật, pháp lệnh. Quốc hội thì kỳ họp nào cũng đầy dư luận phẫn nộ.

Thế mà nạn tham nhũng càng ngày càng lan rộng, lan ra khắp các ngành kể cả những ngành xã hội tốt đẹp của ta là giáo dục, y tế; Lan ra các địa phương, các góc ngách. Những vụ án tham nhũng

ngày càng lớn. Tiền mất vào tham nhũng gần ngang ngân sách quốc gia: hàng chục nghìn tỷ đồng, nạn tham nhũng còn leo lên ở cấp cao nhất ở đây có những vụ việc, nhân dân đòi giải trình mà chưa ai giải trình, hoặc chỉ giải trình nội bộ. Trong khi lại có những vụ kỷ luật rất ghê.

Chưa ai đụng được đến nguồn gốc nguyên nhân của tham nhũng. Không tìm đến nguồn gốc thì không chống được tôi mới được một tin ở một xã ở Nam Định có mấy nghìn dân mà từ năm 1990 đến 1998 tham nhũng đã vét của dân hai nghìn tấn thóc, một trăm cây vàng (kém 2 chỉ), 6,2 tỷ đồng bạc. Đây có phải là bóc lột không? Có nặng không? Và ai bóc lột ai ở đây? Có phải chống tham nhũng là chống bóc lột không?

b- Ta hô hào và kêu gào mãi tinh giản biên chế cho bớt công kênh, đỡ cho ngân sách, thì từ năm 1993 đến 1998 biên chế nhà nước lại tăng 11 %. Nhà nước biết là lương cán bộ nhân viên thiệt nhiều: hơn 30% nhưng ngân sách chỉ bù được 20%. Cần giảm biên chế, nhưng yêu cầu giảm người mà tổ chức cứ tăng lên. Thêm đầu mối, thêm đơn và lại thêm xây dựng và mua sắm. Một bài báo ở báo Nhân Dân 1991 nói về tình trạng tài sản cố định của khu vực hành chính sự nghiệp cho biết là số tài sản này chiếm 27% so với khu vực kinh doanh sản xuất, nhưng có những nhà cửa hư hỏng chưa sửa chữa được chiếm 700.000 mét vuông, 2,25% tổng diện tích nhà cửa. Thế mà học sinh trung học có được 2,4m² đầu học sinh, còn học sinh tiểu học thì chỉ có 0,15m² đầu học sinh. Mới đầu nghe nói Thủ tướng lại quyết định cho mỗi huyện đều được xây nhà tạm giam (có người cho là đó cũng là nhà tù) thì sẽ có ít nhất là thêm 500 nhà tù. Ngày xưa ta đã lên tiếng chửi đế quốc Pháp cai trị ta là "Nhà tù nhiều hơn trường học". Bây giờ ta lại làm cái việc mà ta đã chửi. Ta hô hào nhân dân tiết kiệm: "Tiết kiệm là nghĩa vụ của toàn dân". Tôi nghĩ dân nói chung có gì đâu mà tiết kiệm. Còn chỗ nhà nước có tiền thì cứ tiêu vô tội vạ mà tiền đó cũng là của dân đóng góp. Tại sao bộ máy đã công kênh lại cứ phình ra? Ngân sách đến bao giờ mới chịu đựng nổi sự tốn phí của bộ máy. Gốc gác vấn đề là ở chỗ cơ cấu bộ máy? Sao chưa bàn tới? Lại nữa, ta nêu khẩu hiệu cải cách hành chính thực hiện "Một cửa, một con dấu" mà bộ máy lại quá nhiều cửa, nhiều con dấu. Thế thì làm sao???

c- Càng ngày xã hội càng nhiều tệ nạn, ta càng chống tệ nạn càng phát triển, các tệ nạn phổ biến là: Buôn lậu, trộm cắp, ma túy, thất nghiệp, mại dâm, trẻ em lang thang ăn mày.

Mỗi tệ nạn lại có một quyết định chống, lại có tổ chức chống, và kinh phí chống. Đặc biệt có hai tệ nạn: thất nghiệp và mại dâm, trước đây ta cho nó là sản phẩm của chủ nghĩa tư bản. Ở ta không có chủ nghĩa tư bản mà hình như cái tệ nạn ấy phát triển không kém (có khi còn hơn) các nước tư bản chủ nghĩa. Nghịch lý này có là tại sao??

d- Tại sao xã hội ta nhiều sự khiếu kiện, tố cáo. Đó là chưa kể ý kiến đóng góp kiến nghị mà đại diện chính phủ nói là mỗi năm có hàng chục nghìn. Rất nhiều giai thoại và "bi thoại" về đơn từ khiếu tố. Số đơn được giải quyết quá ít, số đơn lâu không giải quyết bị "hóa bùn" quá nhiều.

Hiện tượng khiếu kiện, tố cáo ngày càng nhiều nói lên tình huống gì? Rõ ràng đó là "tình hình" "Lòng dân không yên". Các nhà tư tưởng "Nói láy được" sẽ giải thích "đó chỉ là hiện tượng, Hiện tượng ấy không phản ánh bản chất chế độ ta". Ô? Thế nó phản ánh bản chất gì? và "Bản chất tốt đẹp" của chế

độ ta nó biểu hiện ra hiện tượng gì. Tôi không muốn và không dám, cũng không thể nói hết cảm xúc đối với toàn diện tình hình đất nước. Tôi chỉ muốn nói đến một số điểm nổi bật, rõ ràng, hiển nhiên ai cũng thấy, cũng day dứt lo lắng và muốn lý giải.

Trước tình hình phức tạp như vậy, tình hình tư tưởng chính trị của xã hội không thể ổn định. Nó tất yếu phải có diễn biến và diễn biến phức tạp. Tôi cũng đã biết có nhiều cách nhận xét, đánh giá. Đại khái có cách nhận xét đánh giá theo công thức cổ điển:

Đại đa số yên tâm, phấn khởi, tin tưởng. Có một số ít ở nơi này nơi khác, lúc này lúc khác chao đảo, dao động, giảm lòng tin. Kẻ địch lợi dụng tuyên truyền chống ta. Công thức này mơ hồ nhưng rất cần thiết đối với một số người, không ai bác bỏ được và do đó nó rất không đúng và không dùng vào việc gì được.

Tôi nghĩ có lẽ có nhiều người có thể có nhiều ý kiến khác nhau nhận xét đánh giá. Tôi có được đọc một bản ý kiến của một vị lão thành tôi không quen biết. Vị ấy có cách đánh giá, tóm tắt như sau:

Tình hình tư tưởng chính trị trong Đảng viên có năm loại như sau:

- Loại nhiệt tình.
- Loại ngoan đạo - Chỉ biết yên tâm theo cấp trên.
- Loại giảm lòng tin.
- Loại cơ hội.
- Loại đi ngược.

Ông cho rằng loại nhiệt tình là người tuyệt đối tin tưởng vào lý tưởng và học thuyết. Nhưng những người này quá trốn một tý thì rơi vào loại đi ngược. Loại đi ngược quá đi một chút thì trở thành thù địch, cả năm loại đều có sự xen kẽ và chuyển hóa, chứ không thể phân biệt rạch ròi. Ông ước lượng:

- Loại nhiệt tình có được khoảng 10 - 15%.
- Loại ngoan đạo có đến 50%.
- Loại giảm lòng tin có 10% - 15%.
- Loại cơ hội có đến hơn 20%.
- Loại đi ngược có rất ít.

Tôi thấy cách đánh giá này có một hệ quy chiếu cũ và cứng nhắc, và cũng không giúp ta rút ra được vấn đề gì! Tôi thì tôi thấy tiêu chí để đánh giá nhận thức, tư tưởng chính trị hiện nay phải là tình hình nhận thức và suy nghĩ có sự đối chiếu với tình hình thực tiễn xã hội ta và thực tiễn diễn biến của thế giới. Những thực tiễn đó cần đối chiếu với những nguyên lý và dự đoán mà ta đã học tập và thấm nhuần.

Sự đối chiếu này sẽ làm bật ra những sự khấp khểnh nghiêm trọng. Nó đặt vấn đề ta phải nhận thức thực tiễn như thế nào. Tôi quan sát và theo dõi thì tôi thấy, có 3 loại nhận thức:

a) Có người đã thấy rất rõ là những nguyên lý và dự đoán cũ đã sai lạc hoàn toàn với tình hình thực tiễn trước mắt. Những màu sắc lý tưởng đẹp đẽ trước kia đã bị phai lạt hết và bị thay thế bằng những hiện thực rất chua chát và mỉa mai. Cách nhận thức này đi đến tâm trạng phẫn nộ và xuất hiện yêu

cầu phải lý giải chính xác tình hình, dựa vào kho tàng trí thức của loài người cả ở Tây và ở Đông, cả kim và cổ để tìm hướng đi tương đối chính xác và thiết thực không thể bám vào những giáo điều cứng nhắc và cũ kỹ.

b) Loại thứ hai là có những người nhận thấy những mặt, những bộ phận, những khía cạnh thực tiễn mâu thuẫn với các giáo điều. Nhưng lại cho rằng đó là do những thực tiễn mới diễn biến và phát triển không đúng như những nguyên lý đã có, nên nảy sinh tiêu cực. Những nguyên lý cũ vẫn đúng.

Phương hướng khắc phục hiện nay là phải kiên trì trở lại các nguyên lý đã có.

c) Có những người chỉ có một hệ quy chiếu duy nhất và cố định là những nguyên lý giáo điều đã hình thành từ ít nhất 50 năm trở về trước. Họ tuyệt đối và thành thật tin vào hệ quy chiếu đó, và do vậy chỉ có khả năng khuôn khổ tất cả thực tiễn hiện nay vào những nguyên tắc, quan điểm đã có. Có thực tiễn nào khác với nguyên tắc và quan điểm cũ là do lỗi của thực tiễn. Họ muốn bắt thực tiễn phải được sửa chữa cho phù hợp với nguyên tắc và quan điểm đã có. Những người này có điểm giống với những người ở điểm b nên chiếm một số đông tuyệt đối. Còn thái độ của các người nói trên cũng có chỗ khác nhau. Trong các người loại a và b thì có người nhận thấy những sai lệch giữa nguyên lý và thực tiễn, thì thẳng thắn và phẫn nộ nói lên những điều đó. Có những người thì âm ứ trong lòng, nhưng không nói ra, giữ im lặng, để chôn chặt trong lòng tâm sự của mình.

Có người không dám nói ra, không muốn nói ra, vì phải giữ vững các điều kiện tồn tại và tăng tiến của mình. Cũng có người thì không thém nói ra, vì cho rằng nói ra không có ai nghe, nói ra vô ích và có hại cho mình. Thế nhưng những người này cứ ôm lấy mỗi day dứt trong lòng, cứ có những câu hỏi "tại sao", làm thế nào? và không lời giải đáp. Thế là có một sự im lặng đáng sợ. Sự im lặng này cứ tiếp tục tiếp nhận các sự giảng giải giáo điều và dốt nát. Những người này cũng khó xếp vào loại "ngoan đạo" hay "cơ hội". Có người ngoan đạo chẳng, thì cũng ngoan đạo giả vờ, mà ngoan đạo giả vờ thì cũng ít nhiều cơ hội rồi. Tôi không thể ước lượng được tỷ lệ các loại nhận thức. Nhưng qua sự quan sát và tiếp xúc của tôi, tôi đoán chắc rằng thực sự có những loại nhận thức khác nhau như vậy. Tình trạng tư tưởng chính trị như vậy, không được giải quyết đúng đắn, thì hậu quả của nó rất khó lường trước được thế nào?

Cho nên vấn đề quan trọng, then chốt và thiết yếu là vấn đề đối chiếu thực tiễn với lý thuyết. Sự đối chiếu này không thể thực hiện tùy tiện và không thể giao cho bất cứ một người hoặc nhóm người nào nhất là những người mà trong thực tiễn tỏ ra bị hạn chế và thậm chí ngu dốt. Làm việc này, chỉ có thực hiện một sinh hoạt dân chủ đúng đắn và trung thực. Bất cứ một sự không trung thực nào đều không tìm được ra chân lý và chắc chắn sẽ bị trừng phạt.

III- CẢM XÚC XUÂN HƯỚNG VÀO MÙA XUÂN NÀO?

Ta đang ở năm 1999, Kỷ Mão, là năm cuối cùng của thế kỷ XX. Ta chờ đợi năm 2000. Năm 2000 là năm giao thừa giữa hai thế kỷ. Thông thường, ta đều mong muốn và chúc từng nhau năm sau tốt

đẹp hơn năm trước, gấp năm gấp mười lần. Năm 2000 là năm con Rồng. Theo biểu tượng thì từ con Mèo mà trở thành con Rồng, sự lớn mạnh đó phải gấp 100, gấp 1000 lần. Ta không nên ảo tưởng như vậy, mà ta thử nhìn qua lại một cách bình tĩnh và thực tế xem Việt Nam ta trong năm con Mèo như thế nào?

Tôi được biết và được tiếp xúc với nhiều ý tưởng nhận định đánh giá thực trạng nước ta, thực trạng bộ máy lãnh đạo và quản lý của ta. Tôi chưa tổng hợp được, tôi muốn ghi lại một số ý tưởng đáng chú ý để tiếp tục suy nghĩ và trông chờ có sự thảo luận tổng hợp cho cẩn thận. Đây là những ý tưởng của sự khái quát tóm tắt, chứ không phải sự nhận định mô tả. Về bộ máy lãnh đạo và quản lý xã hội thì có nhận định rằng: Bộ máy của ta có 3 đặc điểm: 1 cồng kềnh, 2 quan liêu quá, 3 bắt lực quá. Tôi quan sát thấy đúng như vậy. Chả thế mà nó tốn kém quá, nó chiếm nhiều tài sản của nhà nước quá (nhà cửa, trụ sở, phòng họp, nhà khách, thiết bị giải trí, xe cộ sang trọng, đồ dùng hàng "xịn").

Có người đã quan sát thấy quan chức nước ta sống sang hơn các nhà tư bản các nước lớn. Chả thế mà nó không đủ sức nắm được thực trạng tình hình, không phân tích và dự đoán được tình hình một cách chính xác, nó cứ phải thay đổi ý kiến luôn luôn. Nó cứ tồn tại, trong khi nhân dân gặp những khó khăn của mình, phải kêu oan khiếu tố, nó không giải quyết hoặc không giải quyết được. Thì ra Nó (bộ máy) chỉ vì nó thôi, nó ít tác dụng vì dân, do dân.

Đó là thực trạng đáng buồn. Trong bộ máy, nạn tham nhũng rất phổ biến. Mà tham nhũng thì có thể có 3 cấp: Cấp thấp là những người lương không đủ sống, phải xoay sở, kiếm chác ít nhiều để sống và để nuôi gia đình. Cấp vừa, là đã đủ sống rồi, nhưng muốn xoay sở để đời sống được cải thiện hơn, sung túc hơn một chút.

Cả hai cấp này đều có thể nguyên lượng và thông cảm, chỉ cần khiển trách cảnh cáo và phải có phương cách cải thiện đời sống toàn diện, chứ không phải chống tham nhũng mà giải quyết được.

Cấp cao là những người có đời sống đủ cao rồi, nhưng còn muốn cao hơn, còn muốn chu cấp cho họ hàng, muốn dành cho con cháu của cải dồi dào. Bản thân thì có nhà rồi muốn nhà sang hơn, có xe rồi muốn có xe nữa "xịn" hơn. Đồ dùng cũng cần nhiều và sang hơn, tiếp khách cũng cần tiếp khách sang trọng, hào hiệp hơn, làm ăn thì nhu cầu lợi nhuận ngày càng lớn hơn, tài sản tích trữ ngày càng nhiều hơn.

Trọng điểm chống tham nhũng là ở cấp cao này, nhưng lại rất khó chống vì những người này bản thân đã là cấp cao, ít nhất cũng là thân tín của cấp cao. Cho nên không tính đến nguồn gốc thì dứt khoát là không chống tham nhũng được, đành phải nhìn bọn tham nhũng phá đất nước đến tan tành và rồi cùng nhau... chết hết! Muốn chống được tham nhũng phải cải cách bộ máy từ cơ cấu, vận hành và chất lượng, nhân sự.

Lại nói về tính chất của xã hội Việt Nam hiện nay:

- Có phải là nước xã hội chủ nghĩa không? Hiển nhiên là chưa phải, chỉ là một nước lạc hậu, nghèo đói, đang bắt đầu phát triển thôi.

- Có phải là nước đi theo con đường tư bản không? Cũng không phải. Lực lượng lãnh đạo hiện nay

đang cương quyết định hướng cho nó tránh con đường Tư bản chủ nghĩa. Nhưng trong xã hội hiện nay rõ ràng là đang có những yếu tố xã hội chủ nghĩa. Quả thật nước ta có những thành tích về giáo dục, y tế mà thế giới không nể. Những thành tích đó đã xếp nước ta kinh tế thì nghèo nàn vào loại nhất nhì, nhưng về mặt xã hội thì lại vào loại trung bình. Chúng ta lại có rất nhiều chủ trương các vấn đề xã hội như đến ơn đáp nghĩa, xóa đói giảm nghèo, từ thiện, lá lành đùm lá rách. Nhà tình nghĩa, quỹ tình nghĩa, quỹ cứu đói, quỹ cứu nạn...

Đó là những yếu tố xã hội chủ nghĩa rất đáng trân trọng. Ta chủ trương kinh tế nhiều thành phần kinh tế thị trường, học tập và sử dụng nhiều phương pháp tư bản chủ nghĩa, làm cho kinh tế trong một số năm phát triển khá nhanh. Đặc biệt ta có một thành tích kỳ diệu là từ chỗ thiếu gạo ăn trở thành nước xuất khẩu gạo thứ nhì thế giới. Điều đó thực chất là do nông dân được làm ăn tự do hơn, họ được tự làm chủ trong làm ăn hơn. Quyền đó của nông dân được lãnh đạo chấp nhận. Cho nên ở đây cần thấy là lãnh đạo thấy được quyền làm ăn của dân mà công nhận quyền đó thì sẽ có thành tích lớn ngay. Bác Hồ xưa kia đã nói đến mấy chữ "Tự do làm ăn". Bảo đảm quyền ấy cho dân thì lĩnh vực nào cũng sẽ có những thành tích phi thường cả, đặc biệt trong khoa học và văn học nghệ thuật. Chữ lãnh đạo có tài thánh cũng không làm ra được một tấn gạo hay một bài hát, thậm chí có tài thánh cũng không định hướng hướng dẫn cho từng ngành, cho các ngành được. Cái quyền tự do làm ăn ấy là kiểu tư bản hay kiểu xã hội chủ nghĩa. Tôi thấy nó là cả hai và nó cũng không phải là cả hai. Nó là đạo lý thông thường của người đời mà thôi

Gần đây tôi tình cờ bắt gặp một ý tưởng và một khái niệm thú vị: Đó là khái niệm "Tư bản quyền lực" và có người nói "Tư bản quan chức" (Capitalisme momeklatura).

Thì ra ngoài tư bản là tiền của ra, có cái quyền lực cũng trở thành tư bản (vốn) được. Là quan chức thì có quyền lực, mà quyền lực lại là cái vốn để làm ăn. Nước ta hiện nay chưa xã hội chủ nghĩa được, nhưng có những yếu tố tốt đẹp của xã hội chủ nghĩa, không phải tư bản, rõ ràng là có cái thứ tư bản quyền lực và tư bản quan chức và đó là thứ tư bản quan liêu, tư bản hoang dã, dã man. Đó cũng là một sự thật. Có lẽ nhiều người sợ cái sự thật này. Nhưng tôi không có lý do gì để sợ nó cả. Nhìn nhận tình hình đất nước hiện nay nhất thiết phải tìm kiếm phân tích các sự thật này?

IV MÙA XUÂN ĐI VỀ Đâu?

Tôi đã được biết nhiều người sốt ruột với những lời kêu ca và lên án các hiện tượng tiêu cực, cho rằng "Biết rồi, khổ lắm nói mãi!" vấn đề là phải làm thế nào? Có giải pháp nào để ra khỏi tình trạng này. Đúng, đây là vấn đề hết sức bức xúc. Các cơ quan lãnh đạo cũng đã nhiều lần cảnh báo rằng tình hình sẽ càng ngày càng khó khăn hơn, nhiều thử thách nghiêm trọng hơn, gay gắt hơn. Tình hình đất nước đứng trước thử thách gay gắt thật. Mỗi người đều có một số ý kiến về giải pháp. Nhưng xét ra các ý kiến giải pháp (kể cả ý kiến giải pháp của lãnh đạo) đều khó thực hiện và khó có hiệu quả, vì nó chưa xuất phát từ những phân tích khoa học mới mẻ, sâu sắc và chính xác. Nó còn xuất phát từ sự nôn nóng, bức xúc, sốt ruột và nó còn mang nhiều nét tư duy cũ. Cho nên nó chưa hứa hẹn một triển vọng nào và nó chưa đưa lại cho mọi người một hào hứng nào. Tôi không thể

không có điều kiện để đề xuất một ý kiến giải pháp nào. Tôi chỉ ghi lại hai ý kiến cảm xúc xuân như sau:

1- Giải pháp sắp đưa ra, phải là giải pháp chiến lược, nó phải là vấn đề đường lối khái quát bao trùm, nó sẽ làm phương hướng cho sự giải quyết các vấn đề cụ thể như phát triển kinh tế, quan hệ đối ngoại, cải cách bộ máy chống tham nhũng...

Đường lối mới ấy phải là đường lối xây dựng và phát triển đất nước, lấy đất nước, dân tộc tổ quốc là đối tượng cao nhất, mục tiêu cao nhất, nó phải thoát ra khỏi những loay hoay về định tính: xã hội chủ nghĩa hay Tư bản chủ nghĩa, tả hay hữu, đỏ hay trắng, phản động hay cách mạng. Đường lối ấy là một đường lối đưa đất nước vượt qua thử thách, thoát khỏi khó khăn để đi lên. Đường lối đó phải đưa được đất nước đi lên phù hợp với đặc điểm phát triển của thế giới, hòa nhập với những bước đi của khu vực và thế giới, phát huy được những yếu tố tốt đẹp xã hội chủ nghĩa đã có ở trong nước và những phương pháp, những công nghệ và kinh nghiệm của thế giới Tư bản chủ nghĩa, của các nước dân chủ xã hội, khắc phục kiểu tư duy biệt phái: "không phải là ta thì là địch". Phải thực sự tôn trọng và thực hiện khẩu hiệu rất hay đã có là "Việt Nam muốn làm bạn với tất cả mọi người?" Mục tiêu chiến lược và tư duy chiến lược đó là cao nhất, nó cao hơn và bao hàm cả những nguyên tắc đã có như là : kiên trì lý tưởng xã hội chủ nghĩa; kiên trì chủ nghĩa Mác-Lênin; vai trò của Đảng cộng sản..., chứ không ra ngoài và không ngược lại. Đảng cộng sản cần phải thu hút trí tuệ toàn dân để bồi bổ cho trí tuệ của Đảng và làm cho Đảng xứng đáng vai trò tác giả, tiên phong và tham mưu cho toàn dân tộc. Tôi cho đó là phương hướng tốt nhất. Mục tiêu chiến lược và tư duy chiến lược phải đi đôi với vấn đề chiến lược nhân sự, chiến lược nhân tài. Chiến lược phải bảo đảm sự tuyển chọn được người có thực tài ở những vị trí thích hợp. Hiện nay ở rất nhiều vị trí có những người không xứng đáng, trái ngành nghề, không được đào tạo chuẩn bị, thậm chí có nhiều chỗ người kém lại lãnh đạo chỉ huy người giỏi. Đó là vì công tác tổ chức nhân sự chỉ tập trung vào cơ quan tổ chức của Đảng, lại quá phụ thuộc vào tiêu chuẩn chính trị và yêu cầu chính trị Chiến lược nhân sự mới nên phát huy truyền thống của dân tộc : thực hiện phổ biến chế độ khảo thí, sát hạch, thi tuyển, nghe ý dân, dành cho dân quyền giám sát, quyền có ý kiến, có thông tin nhân sự quyền nhận xét và tham gia chọn lọc. Nhân sự không nên là vấn đề bí mật của một nhóm người.

2- Sau khi đã xác định mục tiêu chiến lược và tư duy chiến lược rồi, thì nó sẽ là căn cứ, là chỗ dựa vững chắc để chỉ đạo tư tưởng cho các chính sách cụ thể: Về kinh tế về đối ngoại, về văn hóa, về an ninh quốc phòng, về các vấn đề xã hội và những chính sách cụ thể về hòa hợp, đoàn kết dân tộc, một cách nhất quán cả nói và làm. Được như thế, sẽ mau chóng khôi phục lòng tin và tinh thần đoàn kết toàn dân, tạo nên hào hứng mới và sức mạnh mới.

Trong tình hình có rất nhiều mặt mâu thuẫn, có rất nhiều mối quan hệ phức tạp, ta phải dự đoán mỗi chính sách, mỗi giải pháp đều sẽ có mặt được, mặt không được (hoặc là mặt thiệt, mặt mất) mặt phải trả giá. Có khi mặt được lớn hơn, mặt mất nhỏ hơn. Nhưng cũng có khi mặt được nhỏ hơn, nhưng lại không có không được, thì vẫn phải chấp nhận. Cần có những dự đoán như vậy để cân nhắc mỗi chính sách, có đạt được mặt được lớn tối đa và mặt mất, thiệt nhỏ đến mức thấp nhất. Phải dự đoán mỗi chính sách của ta được cái gì đó, thì cũng có phải trả giá một cái gì đó. Ta cần cân nhắc tính toán để sự trả giá là nhỏ ở mức ta chịu đựng được, xứng đáng với cái ta được. Cái được và cái phải trả giá phải có được sự đồng thuận của nhân dân và của đối tác. Tuyệt đối không nên ảo tưởng là mỗi chính sách ta đưa ra là chỉ có được và hoàn toàn được, không muốn trả giá chút nào. Ví dụ tự do ngôn luận có nhiều cái được, nhưng cũng phải trả giá là có nhiều khó chịu. Tự do bầu cử cũng có nhiều cái được và cũng phải có cái phải trả giá là ta không thể tự tung tự tác 100%.../.

Nguồn: <http://thuvien.vnaz.vn/view/hoi-ky-tran-do/tran-do/chuong-10>